NĂM THỨ BẢY • #78 • OCTOBER 1995

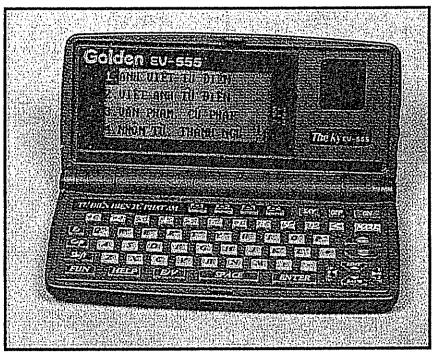
THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944



SỐ ĐẶC BIỆT

Nhà Văn VÕ PHIẾN



Bộ mới nhất - Hoàn hảo nhất

Từ Điển Phát Âm Điện Tử

THẾ KỶ EV-555

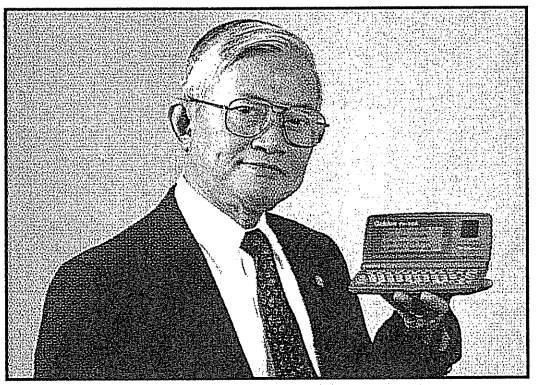
Sẽ giúp bạn mở tung cánh cửa bước vào thế giới mới. Học tiếng Anh dễ dàng, giải quyết mọi khó khăn trong đời sống và giao dịch với người ngoại quốc.

Trên 40 đặc tính và công dụng tuyệt hảo:

Tạm ghi ra đây:

1. *Phát âm giọng Mỹ của Viện Kỹ Thuật Ngữ Học Đại Học Berkeley (USA).*
2. *Anh - Việt, Việt - Anh 85,000 từ (lớn nhất hiện nay), có đối chiếu.*
3. *Đàm thoại thông dụng: Hàng ngàn câu về đời sống, du lịch, thương mại.*
4. *Văn phạm và cú pháp có giải thích và dẫn chứng.*
5. *Đầy đủ nhóm từ, thành ngữ để tra cứu cấp tốc.*
6. *Có Vạn Dụng Tự Điển để dùng riêng trong việc ăn, mặc, ở, đi đứng.*
7. *Làm tự điển riêng với chữ mới hay chữ chuyên môn.*
8. *Chữ đồng nghĩa và phản nghĩa hiện ngay trên môn ảnh.*
9. *Có đủ sổ ghi điện thoại, sổ hẹn, sổ ghi nhớ, có chuông báo, lớn 128K.*
10. *Có các trò chơi nhanh trí để tập luyện trí nhớ và phản ứng.*
11. *Đồng hồ quốc tế Toàn Năng cho giờ địa phương và giờ quốc tế.*
12. *Bộ phận máy tính rất lớn, làm tới 12 hàng số.*
13. *Lịch Vạn Niên có âm dương đối chiếu hiện ngay lên màn ảnh.*
14. *Luyện thi Nhập Tịch Mỹ: Tài liệu song ngữ đầy đủ nhất.*
15. *Cần giữ hồ sơ bí mật có thể đặt mã số riêng.*
16. *Phần phát âm có thể mở lớn nhỏ và nhanh chậm.*
17. *Tự động tắt nếu bị bỏ quên.*
18. *Có màn ảnh và lời chào mừng của chủ nhân khi mở máy.*
19. *Tính hối xuất quốc tế nhanh chóng.*
20. *Dùng pin hay điện nhà đều được (với Adapter).*

Giữ nguyên hệ thống phát âm của Viện Kỹ Thuật Ngữ Học Berkeley USA.



GS. Lê Chính Long: "Tôi muốn giới thiệu tới bạn máy từ điển này."

- **Sức máy mạnh, chuyển chữ nhanh, không phải chờ đợi**
- **Bộ nhớ lớn, lưu trữ hàng ngàn chữ mới và tài liệu riêng**
- **Vạn Dụng Từ Điển có trên 35 lãnh vực sinh hoạt**
- **Luyện Thi Nhập Tịch có phát âm hai phần hỏi đáp**
- **Trục máy tân kỳ, màn ảnh đứng vững nhiều góc**
- **Máy gọn, nhẹ, tiện dụng nhất hiện nay.**

GIÁ CHÍNH THỨC: $329 GIÁ ĐẶT MUA: $279

Tổng đại lý tại Hoa Kỳ & Canada:

GOLDEN MATE INC.

2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732

Các đại lý và khách hàng xin liên lạc cô Mỹ Chi:

1-800-248-3948 hoặc (818) 279-9898

(818) 307-1188 * Fax: (818) 279-9899

Chi nhánh các nơi

MONTEREY PARK:	443-C Garvey Ave.	**(818) 307-1188**
ROWLAND HTS:	18414 Colima Rod.	**(818) 965-2538**
MONTEREY PARK:	127 N. Garfield Ave.	**(818) 571-6598**
CHINATOWN (LA):	727 N. Broadway # 128	**(213) 625-8609**
LITTLE SAIGON:	9200 Bolsa Ave. #226	**(714) 897-9808**

Cuốn video vĩ đại chưa từng có trong và ngoài nước VN,
quy tụ hơn 6000 khán giả tìm về một khúc quanh lịch sử 1975 - 1995

PARIS BY NIGHT 32

20 năm nhìn lại

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN - MAI PHƯƠNG

VĨ ĐẠI *vì lần đầu tiên, một show ca nhạc VN được thực hiện tại SHRINE Auditorium nơi phát giải OSCARS hằng năm của Điện Ảnh Hoa Kỳ mà toàn thế giới chú tâm theo dõi.*

VĨ ĐẠI *bởi ý nghĩa trọng đại của những biến cố lịch sử 1975-1995 đã tạo nên hoàn cảnh giờ nầy di dân V.N. có mặt tại Mỹ, Úc, Pháp, Đức, Hòa Lan, Thủy Sĩ, v - v..*

VĨ ĐẠI *do sự góp mặt của hầu hết ca nhạc sĩ danh tiếng VN của 2 thế hệ 1975 - 1995.*



Mỗi gia đình VN nên giữ một bộ video tài liệu lịch sử nầy như những hình ảnh lưu niệm của đời mình và xem như một phần gia phả của con cháu di dân VN hải ngoại nhớ về xuất xứ.

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC
Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
9295 BolsaAve. - Westminster, CA 92683 - USA
P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu: 44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30

Úc: 323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

Giá 28$ + 2$ cước phí
video dài hơn 3 giờ chi phí thật tốn kém

MỘT NỬA ĐÀN ÔNG LÀ ĐÀN BÀ

Tiểu thuyết của Trương Hiển Lượng, Phan Thịnh dịch

Trương Hiển Lượng là một tiểu thuyết gia hàng đầu hiện nay của Trung Quốc. Ông bị tù năm 21 tuổi chỉ vì một bài thơ và suốt hai mươi năm bị chuyển từ trại cải tạo này đến nông trường khổ sai khác. Kinh nghiệm lao tù của ông trở thành chất liệu mang nhiều tính tự truyện của ***Một Nửa Đàn Ông Là Đàn Bà***, tác phẩm đã đưa Trương Hiển Lượng thành nhà văn có tầm mức quốc tế. Với kinh nghiệm lao tù, những suy tư của người trí thức trong cái hỗn loạn phi nhân của "cách mạng văn hóa", Trương Hiển Lượng dùng tài năng của mình biến thành một tuyệt phẩm đa diện gồm đủ: tình yêu, tình dục, triết lý nhân sinh, triết lý chính trị, cái thi vị của thiên nhiên, cái bi hùng của đời sống... Một **"Bác sĩ Zhivago Trung Quốc"**, và đối với bạn đọc Việt Nam (nhất là những người đã từng sống dưới chế độ cộng sản), đọc Trương Hiển Lượng thú hơn đọc Boris Pasternak vì gần gũi hơn, Đông Phương hơn.

Sách dày 368 trang. Giá 16 MK. Ngoài nước Mỹ thêm 3 MK.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone (714) 527-5761

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY SUITE A ■ GARDEN GROVE CA 92640 ■ TEL. 714-638-9510 FAX 714-638-1944

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN ■ SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full Name:* _____ Đ.T./ *Phone:* _____

Địa chỉ / *Address:* _____

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like* ***The Ky 21*** *delivered to me:*

☐ 06 số / *Issues* ☐ 12 số / *Issues* ☐ 24 số / *Issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* _____

Kèm theo đây là chi phiếu / lệnh phiếu mang số tiền / *Enclosed is check/money order of:* $ _____

Gửi Bulk Rate:	☐ 6 tháng / *6 months:* $22.00	☐ 1 năm / *1 year:* $40.00	☐ 2 năm / *2 years* $ 75.00
Gửi First Class:		☐ 1 năm / *1 year:* $52.00	☐ 2 năm / *2 years* $ 96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (chỉ nhận Air Mail)	*CANADA*	☐ 1 năm / *1 year:* $59.00	☐ 2 năm / *2 years* $113.00
	ÂU CHÂU / *EUROPE*	☐ 1 năm / *1 year:* $76.00	☑ 2 năm / *2 years* $140.00
	Á & ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	☐ 1 năm / *1 year:* $86.00	☐ 2 năm / *2 years* $160.00

TỔ HỢP LUẬT SƯ VIỆT-MỸ
TIM GRAY & ANDRE LAM



Liên lạc:

DIAMOND BICH NGOC

10221 Slater Avenue, Suite 211 - Fountain Valley, CA 92708

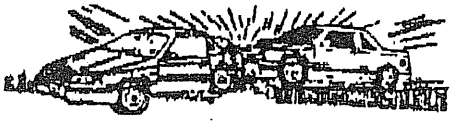
(714) 965-9715 (trong giờ làm việc)

1-(800) 695-7144 (ngoài giờ làm việc)

(714) 663-4314 (Beeper)

CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN XE CỘ

LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI



14.99%

THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%

Ngoài ra văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ: Di trú (Immigration); Khánh tận tài sản (Bankruptcy); Ly dị cấp dưỡng (Family Law); Luật thương mại (Business Litigation); Hình luật, Trộm cắp và Tội Đại hình; Tai nạn nghề nghiệp.

ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE !

GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP phổ thông do Tổ Hợp Luật Sư Việt-Mỹ Tim Gray và André Lâm phụ trách, và Diamond Bích Ngọc thực hiện hàng tuần mỗi chiều Thứ Ba trên đài VNCR, làn sóng 106.3FM từ 2:15 PM đến 3:15 PM

và

GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP ba tuần một lần chiều thứ Bảy trên đài Văn Nghệ Truyền Thanh, làn sóng 96.7FM từ 2:00 PM đến 3:00 PM.

Trân trọng thông báo.

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: **(714)537-2468**

● Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
● Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ___. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa **Hoa Kỳ** và **Canada:**
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không).
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

TRUNG TÂM XUẤT BẢN, NHÀ SÁCH, VÀ PHÁT HÀNH

MINH VĂN

2808 GRAHAM ROAD, FALLS CHURCH, VA 22042

Điện thoại: (703) 698-8490 / 698-8491 Fax: (703) 204-9239

Đọc sách, uống trà, nghe nhạc, xem tranh, và ngắm tượng. Đến với Minh Văn quí vị sẽ có đủ năm thú tiêu khiển thanh nhã này.

Sách của Minh Văn:

Tập truyện của Trần Long Hồ:

Ngày Quanh Quẩn ($10.00), *Niềm Vui Ung Thư* ($10.00), *Kẻ Đào Mồ* ($11.00)

Truyện dài trong bộ trường thiên **Dung Thân** của Trần Long Hồ:

Cõi Sa Mù (quyển một, $18.00), *Cửa Địa Ngục* (quyển hai, $22.00),

Bóng Thiên Đường (tập một, quyển ba, $15.00)

Ký sự của Hồ Trường An: *Chân Trời Lam Ngọc* ($11.00)

Tập truyện của Ngô Nguyên Dũng: *Âm Bản* ($11.00)

Minh Văn có hàng ngàn mặt sách, trà và bình trà (Giang Tây, Đài Loan), băng nhạc: video, CD, cassettes, và nhiều tranh đẹp, tượng quí, được sắp xếp ngăn nắp như trong thư viện, vừa đẹp mắt vừa dễ tìm. Xin quí vị liên lạc Minh Văn để có tập sách quảng cáo đầy đủ và có thể mua hàng qua đường bưu điện. Chi / lệnh phiếu xin đề MINH VĂN

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
¤ ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- ***TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG***
- ***LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI***
- ***NHA KHOA THẨM MỸ***
- ***NHA KHOA NHI ĐỒNG***

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẨY: 10AM - 7PM ◻ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

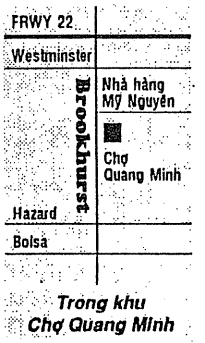
Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất



■ *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
■ *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

tìm đọc tạp chí

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ
PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

☑ phát hành liên tục từ 1985 đến nay
☑ *nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ*
☑ đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới

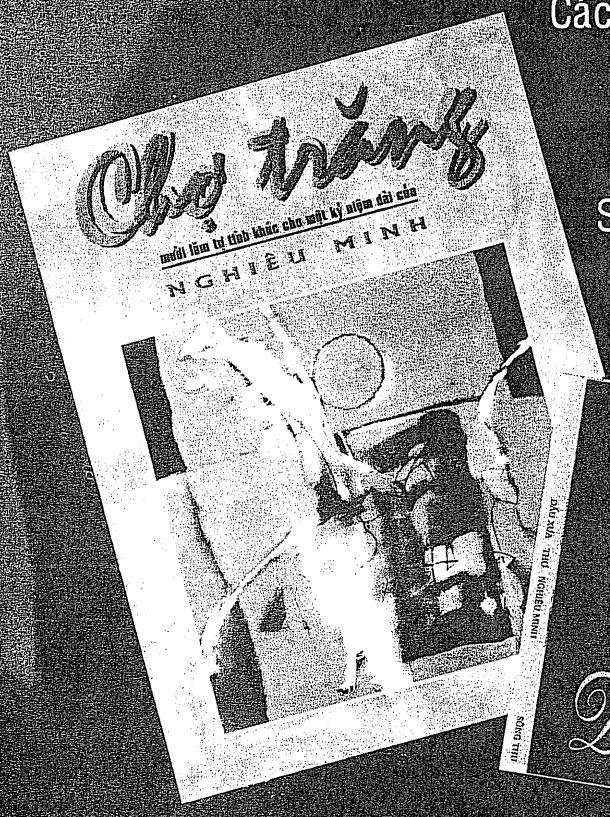
Giá mỗi số US$4.00. Dài hạn 1 năm US$42.00 (Hoa Kỳ). Từ tháng 3 cho đến hết tháng 6, 1995, mua dài hạn được ba nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn tặng sách và bán sách với giá hạ (bớt 30%).

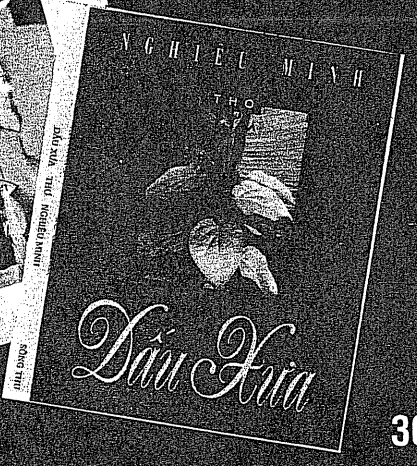
ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC
VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE
CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

Các bạn yêu thơ, yêu nhạc Đón đọc

DẤU XƯA
Thơ NGHIÊU MINH
Sông Thu xuất bản - Giá $10.00

CHỢ TRĂNG
15 tình khúc của NGHIÊU MINH
giá $10.00





Liên lạc
NGHIÊU MINH

8001
Bradley Blvd.
Bethesda
MD 20817

Tel:
301-983-8001

Tranh bìa: Chân dung Võ Phiến, Bé Ký vẽ
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Phạm Tăng, Vũ Thái Hòa, Chóe, Nguyễn Nhật Tân, Bé Ký, Lê Tài Điển (?), Long Ân
Hí họa: Fus
Ảnh: Bùi Duy Thuyết, Lê Tam Ca, Mi Sơn

MỤC LỤC

Số 78 . Tháng Mười 1995

CHÍNH TRỊ, LỊCH SỬ

15. Vấn đề song tịch *(Lâm Lễ Trinh)*
18. Chia tay ý thức hệ *(Hà Sĩ Phu)*
22. Cuộc chiến quốc cộng tại miền Bắc 1945-46 *(Lê Mạnh Hùng)*
67. Hồ sơ quốc tế Cộng Sản tại Moscow *(Sophie Quinn Judge)*
88. Mác Xít cũng là một căn bệnh nữa *(Vương Hữu Bột)*

ĐẶC BIỆT VỀ VÕ PHIẾN

27. Võ Phiến: Một cây thông lúc nào cũng xanh tươi *(Phan Lạc Tiếp)*
32. Võ Phiến ông anh, Võ Phiến người thầy *(Nguyễn Xuân Hoàng)*
44. Khắc trong tâm người *(Lê Tất Điều)*
48. Chân dung Võ Phiến *(Trần Long Hồ)*
51. Thơ Võ Phiến
69. Những ngày ở Alhambra *(Hà Thúc Sinh)*
76. Về một người bạn *(Trúc Chi)*
78. Võ Phiến, nhà phê bình văn học *(Nguyễn Ngọc Tuấn)*

ÂM NHẠC, KHOA HỌC

34. Đi tìm tinh thần *(Võ Doãn Nhẫn)*
90. Đêm Ngàn Khơi 1995 *(Tâm Hòa)*

VĂN HỌC

54. *Cà kê* chữ nghĩa, *dê ngỗng* chuyện liên quan *(Thang Ma)*
58. Đám cưới cậu Ấm *(Ông Tiến Hưng)*
64. Bối cảnh sinh hoạt văn học cộng sản từ năm 1975 *(Lê Đại Lãng)*
72. Truyện: Quan phu *(Miêng)*

THƠ

46. Nắng xanh xuân hồng *(Vũ Thành)*. 61. Hạt thóc, Phấn thông vàng *(Trần Mộng Tú)*. 65. Những quầy rượu *(Nicolás Guillén, Nguyễn Ngọc Bích dịch)*. 68. Nắng Mai *(Nguyễn Tư)* 85. Lila *(Hạo Nhiên)*

MỤC THƯỜNG LỆ

8. Thư tòa soạn
9. Bạn đọc viết
10. Tòa soạn và bạn đọc
11. Thư trị sự
38. Sổ tay
86. Thư trên lưới
92. Vòng Chân Trời Văn Học Nghệ Thuật
96. Sách báo trong tháng
99. Bolsanet
100. Thư Bolsanet

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng. Cty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc:
theky21@ix.netcom.com

Nhóm chủ trương: Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoằng, Trần Đại Lộc,

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và phải để rõ xuất xứ. Tiền nhuận bút tùy thỏa thuận giữa tòa báo và người viết

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Mme Le Tat Luyen*
45 83 19 12
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

VÕ PHIẾN NGƯỜI YÊU CUỘC ĐỜI

Số *Thế Kỷ 21* này dành nhiều bài cho chung một chủ đề, về nhà văn Võ Phiến. Các bài của nhiều nhà văn viết về ông, với tính cách một bạn văn chương, một nhà phê bình, một người đọc, hay chỉ nói về ông như một người bạn không cùng lứa tuổi dù trải cùng qua cuộc sống thăng trầm như nhau.

Số đặc biệt này ấn hành nhân dịp một nhóm văn hữu và độc giả của Võ Phiến tổ chức một *Đêm Võ Phiến* tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, tại đất nước mà nhà văn tị nạn từ tháng Năm năm 1975 đến nay. *Đêm Võ Phiến* được tổ chức hai tháng sau *Đêm Mai Thảo* ở Quận Cam, nước Mỹ. Một tạp chí tiếng Việt ở Hoa Kỳ đã từng ấn hành các số đặc biệt về Mai Thảo, và về Văn Cao — trước khi nhạc sĩ Văn Cao tạ thế — đó là tạp chí *Hợp Lưu*. Tạp chí *Văn Học* đã từng in số đặc biệt về Phạm Duy, tạp chí *Văn* về Vũ Hoàng Chương.

Một đêm tưởng niệm các nhà văn đã chết trong tù hay chết vì từng bị tù đầy cũng đã được Hội Văn Bút Hải Ngoại tổ chức, cùng với một tác phẩm tập thể với các bài viết về Nguyễn Hoạt, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Mạnh Côn, v.v... Thái Thanh cũng được vinh danh trong một sinh hoạt văn nghệ ở Long Beach, California gần đây. Một đêm Văn Cao cũng sắp được tổ chức ở Quận Cam để nghe lại các dòng nhạc bất hủ của nhà nhạc sĩ tài hoa này. Một đêm Phạm Duy cũng sẽ được tổ chức tại Tiểu Sài Gòn ngày 5 tháng Mười sắp tới.

Dân tộc Việt Nam vốn kính trọng các nhà văn và nghệ sĩ. *Đêm Võ Phiến* cũng như số đặc biệt này về Võ Phiến của *Thế Kỷ 21* nằm trong truyền thống đó. Năm 1975, trước khi súng đạn tới sát Sài gòn, một *Đêm Vũ Hoàng Chương* đã được tổ chức ở Quán Khánh Ly, trên đường Tự Do, con đường nay đã mất tên, cũng như nhà thơ được vinh danh sau đó đã bị bắt bỏ tù cho đến khi gần chết.

Võ Phiến có một chỗ đứng đặc biệt trong văn học Việt Nam thế kỷ 20 này. Văn nghiệp của ông bắt đầu cùng thời với cuộc kháng chiến toàn quốc, và ông nổi danh dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, với lối văn sâu sắc, cảm quan bén nhậy về người, về cảnh, và lối phân tích tâm lý tỉ mỉ. Truyện ngắn của ông sẽ tiếp tục là một tiêu chuẩn thách đố các nhà viết truyện ngắn của nước ta phải vượt qua trong nhiều năm nữa. Tùy bút của ông nối tiếp truyền thống tùy bút của Nguyễn Tuân, Vũ Khắc Khoan, để tự vượt lên bằng các sắc thái độc đáo, gần gũi dân tộc hơn nên đôn hậu hơn, yêu đời và yêu người một cách hóm hỉnh, nhân hậu hơn.

Văn chương Võ Phiến thấm thía và lan tỏa một mối tình đối với cuộc đời. Ông là tình nhân của sự sống. Đọc ông chúng ta sẽ lây bệnh truyền nhiễm đó, chúng ta sẽ yêu đời sống, yêu thân thể, yêu trái tim, yêu con sâu cái kiến, yêu con chim, cọng lá, yêu quê hương, làng xóm, yêu cái tốt và khoan thứ với cái xấu của đời sống. Và như những nhà văn lớn khác của nhân loại, Võ Phiến cũng giúp chúng ta tự khám phá chính mình, yêu thương, tha thứ chính mình với tấm lòng bao dung và nụ cười riễu cợt.

Chúng tôi mời quý vị độc giả chia sẻ với các tác giả viết về Võ Phiến trong số này. Bên cạnh những vấn đề chính trị, kinh tế, lịch sử, thì văn học vẫn luôn luôn là một món ăn tinh thần mà tạp chí *Thế Kỷ 21* mong đem tới cho mọi gia đình Việt Nam.

Từ số báo trước hẳn quý vị đã thấy các trang Anh Ngữ trong *Thế Kỷ 21* không còn tách ra như một tờ báo riêng nữa. Đó là cách xếp đặt mới, để *Thế Kỷ 21* là tờ báo chủ yếu bằng tiếng Việt nhưng có đăng các bài tiếng Anh để cho các tác giả, nhất là giới trẻ ở các xứ dùng tiếng Anh, có dịp trao đổi với độc giả quen thuộc với ngôn ngữ quốc tế đó hơn.

Trong tháng qua *Thế Kỷ 21* trên lưới cũng nhận được rất nhiều hồi âm và đóng góp mới của "bạn đọc lưới." Trái với mối lo sợ của Cô Rơm trong một số báo trước, Lưới đã giúp cho các độc giả của *Thế Kỷ 21* có nơi trao đổi thuận tiện hơn và góp nhiều ý kiến với nhau hơn. Một số các ý kiến đó được đăng trên tờ báo in để những độc giả ở ngoài lưới có thể tham dự. Nhưng Lưới là một *medium* không thể thiếu của thế kỷ sắp tới, chúng ta không thể bỏ qua được.

Và sau hết, để tiện việc liên lạc, kể từ nay xin quý độc giả và văn hữu dùng địa chỉ của tòa báo là số 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640, và chỉ địa chỉ này *mà thôi*. Tòa báo đã đóng hộp thư số 2054-H39 ở Westminster.

Điện thoại và fax như cũ:
(714) 638-9510;
fax (714) 638-1944.
E-mail có thể dùng một trong hai địa chỉ:
75504.3510ycompuserve.com;
hoặc theky21@ix.netcom.com.
Đọc báo trên lưới *World Wide Web* dùng địa chỉ
http://www.vietmedia.com/theky21.■

THẾ KỶ 21

"LỐI XƯA XE NGỰA..."

biên khảo
của
Nguyễn Thị Chân Quỳnh



AN TIÊM

TRUYỆN
QUÁN ÂM
THỊ KÍNH

THIỀU CHỬU
chú giải

AN TIÊM



BẠN ĐỌC VIẾT

Thầm thương

Vâng, trong cụm từ "thầm thương" chỉ có "thầm" là trạng từ bổ nghĩa cho động từ "thương"; "thầm thương" là cụm động từ, không phải trạng từ.

Chân thành cám ơn những lời khen tặng và góp ý của chú Võ Doãn Nhẫn.

Nguyễn Thị Băng Linh *(Victoria, Australia)*

Phản ứng nhanh

Thành thật cảm ơn quý vị đã phản ứng rất nhanh là gửi liền báo tháng Bảy (#75) cho tôi sau khi nhận được thư thông báo là báo bị thất lạc. Sự thật thì người phát thư đã thảy số báo đó vào thùng thư nhà hàng xóm và ông bà này vì bận rộn sinh hoạt hằng ngày nên quên chuyển tiếp cho tôi. Vậy thư nầy là để "thay lời" những người có lỗi, xin quý vị phụ trách gởi báo và Quản lý của *Thế Kỷ 21* vui lòng bỏ lỗi cho! Và có lời ca ngợi tinh thần trách nhiệm rất cao của quý vị đối với độc giả.

Theo đây, tôi xin gửi tiền báo và bưu phí để hoàn lại phí tổn vừa qua và nếu có quý vị nào còn bực mình vì những vụ lẩm cẩm như thế này thì cứ "đấm" một cái vào không trung cho quên...

Thân chúc quý vị nhiều an lành và may mắn.

Trương Tấn Thực *(Fresno, CA)*

Không thấy báo tới đúng kỳ là ông viết thư thông báo ngay cho chúng tôi, điều đó chứng tỏ ông thiết tha với tờ báo và có lòng trông đợi nó. Bổn phận của tòa soạn là phải "phản ứng nhanh" để ông có báo đọc. Thỉnh thoảng bưu điện có gây một ít phiền hà như trường hợp của ông, hoặc làm mất, hoặc báo đến mà bị rách nát không đọc được..., nếu biết chúng tôi đều gửi báo bù, mặc dù như vậy cũng gây "tổn thất" cho Tòa soạn vốn không được mạnh mẽ lắm về tài chánh. Vì vậy chúng tôi rất cám ơn ông về việc ông gửi tiền bồi hoàn cho việc gửi báo thêm vừa rồi, một hành động vừa rành mạch vừa giàu tính chất tình cảm và hiểu biết. Nhờ thế chẳng cần đấm cú nào vào không trung chúng tôi cũng cảm thấy vui vẻ và khích lệ.

Tiếc, Ân Hận và Hối Hận

Một độc giả viết về Tòa soạn *Thế Kỷ 21* phàn nàn là ông mua một số báo TK 21 vì ở ngoài bìa có đề tên một tác giả ông thích. Mang về nhà, khi đọc thì trong ruột lại không có bài của tác giả đó! Ông độc giả so sánh chuyện đó giống như chuyện tiệm bán bánh quảng cáo là bánh có nhân, khi mua về ăn không thấy nhân đâu. Lời phàn nàn và sự so sánh rất đúng.

Tòa soạn TK 21 vội trả lời là họ thấy được lỗi lầm trên, và đền bù bằng cách đăng ngay bài viết của tác-giả-mà-ông-độc-giả-ái-mộ ngay số báo tiếp theo. Cuối bức thư tạ lỗi, Tòa soạn viết: "...chúng tôi rất *ân hận* về sự sơ suất trên..."

Viết là *ân hận* thì chắc không xoa dịu được sự bực mình của ông độc giả. Vì chữ *ân hận hàm nghĩa một sự cố ý* bên trong! Đúng ra, Tòa soạn phải viết là "...chúng tôi rất *tiếc*..."

Trong ngành Luân Lý hoặc Đạo Đức Học, *tiếc*, *ân hận* và *hối hận* là ba phạm trù riêng, đưa đến một phản tỉnh đạo đức khác nhau trong mỗi trường hợp.

Tiếc là một phản tỉnh đạo đức khi chủ thể làm một *hành vi vô tình* gây mất mát, khó chịu cho một khách thể.

Ân hận là một phản tỉnh đạo đức khi hành vi của chủ thể có một cố ý vô luân hay đi ngược lại lương tâm.

Hối hận là thái độ về một hành vi — một khi đã làm — lương tâm của chủ thể không thể nào tha thứ cho chính mình.

Thí dụ: Hai người bạn A và B cùng ở trong tù. Mỗi ngày chỉ được một miếng bánh mì. Trong một bữa ăn, tù nhân A vô tình đụng tù nhân B, làm anh ta rớt miếng bánh xuống bùn, không ăn được và anh B đói. Trong trường hợp này, tù nhân A nghĩ đó là một điều đáng *tiếc*. Cũng trong trường hợp trên, tù nhân A — vì đói quá — ăn cắp miếng bánh của tù nhân B. Ăn xong anh ta thấy *ân hận* vì đã có ý *lừa* B để lấy bánh. Nhưng trong một trường hợp khác, vì quá đói, tù nhân A giết chết tù nhân B để lấy miếng bánh. Ăn xong, và sau khi B đã chết, tù nhân A cảm thấy *hối hận*.

Sự khác biệt giữa ba phạm trù luân lý là: *Tiếc* là một phản tỉnh mà chủ thể có một sự chọn lựa đối với khách thể (tù nhân A có thể bồi thường miếng bánh hay là không, tùy ý anh ta). *Ân hận* là một bắt buộc chủ thể phải làm nếu có cơ hội (tù nhân A tự nhủ một ngày nào đó anh sẽ trả ơn và thú thật chuyện mình ăn cắp bánh của tù nhân B). Còn trong trường hợp *hối hận*, chủ thể không có một chọn lựa nào khác hơn là bị lương tâm cắn rứt (tù nhân A sẽ bị ám ảnh bởi cái chết của B). Nói một cách khác hơn, trong sự *ân hận*, chủ thể đạo đức còn thời gian để đền bù; trong *hối hận*, chủ thể đạo đức không còn thời

gian hay cách nào để đền bù (khách thể đã chết...).

William Shakespeare, trong vở bi kịch *Macbeth*, cho chúng ta thấy thế nào là *hối hận* khi ông tả nội tâm của bà Macbeth đang bị ám ảnh về tội giết người: "*Here's the smell of the blood still/ All the perfumes of Arabia cannot cleanse this little hand.*" (Mùi tanh của máu vẫn còn đây/ Dù có tất cả dầu thơm của xứ Ả Rập, cũng không rửa sạch được bàn tay nhỏ nầy; Macbeth, Act V, scene I).

Sẵn đang nói chuyện chữ nghĩa, xin bàn lan man qua hai chữ khác:

Xỉu và Bất Tỉnh

"Lý Trạch, người Giang Nam, đêm khuya trên đường về gặp ma hồ ly tinh hiện ra chận dường nhát. Lý Trạch sợ quá té xuống *bất tỉnh*. Khi tỉnh lại..."

Đọc qua đoạn văn trên chúng ta không thấy gì bất bình thường. Tuy nhiên, nếu *nói một cách "chữ và nghĩa"*, một độc giả khó tính có thể hỏi: anh chàng Lý Trạch sợ quá té xuống đụng đầu vào lề đường bị đau đến bất tỉnh, hay là anh ta sợ quá xỉu và té xuống đất bất tỉnh (bất tỉnh vì xỉu chứ không phải vì đụng đầu)?

Xỉu và *bất tỉnh* được chúng ta dùng lẫn lộn trong đời sống hàng ngày. Nhưng hai tiếng đó rất khác nhau trong phạm vi tâm-sinh-lý học. *Xỉu* đến từ một nguyên nhân hoàn toàn tâm lý (như người con gái nghe tin người yêu tử trận, bị xúc động và xỉu); trong khi *bất tỉnh* đến từ một giao động sinh lý (một người vô ý đi đụng đầu vào cột nhà mạnh đến độ bất tỉnh).

Bất tỉnh hay *xỉu* đều đưa chủ thể đến một tình trạng hôn mê (không nhận biết những gì đang xảy ra). Nhưng *xỉu* là một hiện tượng tâm lý có lợi cho chủ thể, nếu không nói để bảo vệ cho chủ thể.

Theo Jean-Paul Sartre trong *Existential Psychoanalysis*, xỉu xảy ra khi tâm lý (tâm thần) của chủ thể không thể nào hòa hợp hay chấp nhận được một thực tế đang xảy ra: Khi người con gái nghe người yêu bị tử trận, nàng xỉu vì không thể nào chấp nhận hay muốn chấp nhận thực tế đó. Một người, trong đêm thanh vắng, thấy ma (hay một hiện tượng chưa từng thấy bao giờ), sợ quá và xỉu. Trong hai trường hợp nầy, theo Sartre, vì tâm thức (conciousness) quá sợ, quá giao động nên phải giả chết (xỉu) để thoát khỏi cái thực tế mà tâm thức chưa chấp nhận được. Nói khác hơn, xỉu là khi conciousness *tạm thời* phủ nhận một thực tế để bảo vệ chủ thể của tâm thức đó.

Tuy *xỉu* và *bất tỉnh* có thể được sử dụng thay nhau trong văn viết hay nói, nhưng có trường hợp chữ *xỉu* phải được xài đúng chỗ: Các cô gái miền Nam thường nói "mắc cỡ muốn chết; mắc cỡ thiếu điều muốn xỉu..." Trong câu văn nầy, chúng ta không thể thay chữ *xỉu* bằng chữ *bất tỉnh* được!

Nguyễn Kỳ Phong *(Washington D.C.)*

Ối giời nữa!

Không phải là tôi không biết rằng tuổi đã nhiều rồi mà còn bù lu bù loa kiểu "Ối giời ôi! Giời cao đất dày ôi" thì thật là khó coi, nhất là *sự cố* (xin hiểu là việc bất chợt xảy ra) tôi sắp nêu dưới đây không đòi hỏi một giải pháp *bức xúc* (xin hiểu là thúc bách, cấp thiết) nào cả (già rồi mà còn làm dáng, ăn nói theo *mốt*!) Có điều tôi như người coi đá banh thấy ông Bùi Vĩnh Phúc ngó bộ chưn cẳng cụp lạc nên cổ võ ổng, quy y ổng mà ăn nói một cách "biểu cảm", không nói"trời" lại nói "giời". Thật ra trong thâm tâm, tôi chỉ muốn nói "Chèng đéc ơi! Nữa!" (Xin đừng ai hỏi tôi lấy mấy từ này ở đâu. Tôi tra nhiều tự điển mà chẳng thấy. Cứ khảo đả tôi thét rồi tôi đành ngụy biện cho mà xem).

Các bà các cô miền Nam khi hạ xuống tiếng "Nữa" thì thật là rúng động. Nhưng tiếng "nữa" của tôi chỉ để thanh minh thanh nga với độc giả *Thế Kỷ 21* rằng trong bài Thụy Khuê phỏng vấn tôi đăng trên TK 21 số 77, trang 96, cột 2, dòng 22, tôi lại bị *lèn* một lần nữa, không phải ở giữa đồng mà trước mắt bá quan văn võ: Câu nói của tôi bị mất đi 24 chữ cả thảy. So với băng ghi âm — cũng như bài ghi chép lại để gửi tòa báo — thì câu ấy phải đọc như sau: "Tôi muốn nhân dịp này đưa ra một đề nghị là các trung tâm của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại **ở cả ba châu Âu, Mỹ, Úc nên cố mời nhà văn Doãn Quốc Sỹ làm chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại** trong nhiệm kỳ sắp tới."

Nếu có bạn đọc nào nghi tôi nay đã lẩn thẩn mà "tiếu ngạo giang hồ" (ông Thang Ma cứ việc kiểm tra, cam đoan ngôn ngữ một trăm phần trăm của nhiều bà ở hải ngoại) thì tôi cũng đành hàm oan thôi. Tôi có đọc mấy dòng "thông cảm" của bà Nguyễn Thị Nguyễn ở Connecticut đăng trên TK 21 số tháng trước. Dịp này bà Nguyễn đã nhận định rằng việc sắp xếp bài vở của TK 21 còn khó hơn việc điều khiển chương trình của đài CNN. Thú thật, tôi hơi khớp! Nên tự an ủi rằng: "Lỗi tại cái máy vi điện toán chưa đủ tân kỳ, chưa đủ thông minh để khỏi bắt người đánh máy đừng nhảy từ dòng trên, bỏ sót 24 chữ, để bắt ngay vào dòng dưới và khỏi bắt luôn người có trách nhiệm đọc lại phải sửa cho đúng."

Trần Thanh Hiệp *(Paris)*

Bỏ sót cả một dòng của một bài viết là một lỗi rất nặng của Tòa soạn. Nhất là câu ấy là một đề nghị quan trọng, mấu chốt của bài. Thành thật xin lỗi tác giả và xin quý độc giả chịu khó đọc và sửa lại chỗ thiếu theo như tác giả đã chỉ ra trên

đây, trong bài "Tương lai Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại" (Thế Kỷ 21 số 77, tháng Chín 1995). Xin cám ơn quý vị.

Ông Cựu, ông Kim, ông Tân...

Cerritos, mồng 6 tháng Chín 1995

Tôi có một số thắc mắc sau khi đọc bài phỏng vấn ông Cựu Chủ Tịch Văn Bút VNHN Trần Thanh Hiệp do chị Thụy Khuê thực hiện tại Paris.

Thứ nhất theo ông Trần Thanh Hiệp thì "nếu ta chưa thấy được một nền văn học nghệ thuật hoàn toàn tự do (tại Việt Nam) thì đó chỉ vì số người muốn diễn tả sự tự do của mình còn quá thưa thớt mà thôi." (Thế Kỷ 21, số 77, trang 96) Ngay trước đó chính ông Hiệp đã công nhận có "những kìm kẹp bằng luật pháp, bằng thực tế" (trang 96, sđd). Thế thì những nhà văn còn ở lại chắc hẳn đã không cùng tâm trạng như ông Hiệp (một người đang hưởng tự do ở ngoại quốc) để mà "tự do" nói hay viết lên những điều họ nghĩ rồi "tra chân vào cùm."

Thứ hai, khi đề nghị nhà văn Doãn Quốc Sỹ lên làm Tân Chủ Tịch của Văn Bút VNHN, ông Hiệp đã dùng những câu như "...với quy mô đích thực Việt Nam, với chính thống Việt Nam..." và "danh chính ngôn thuận" (trang 96, sđd) v.v... Thế nhỡ Đại Hội Văn Bút VNHN kỳ V sắp tới đây bầu một nhà văn khác thì ông Tân (Chủ Tịch) này không "chính thống Việt Nam" và nhất là không danh chính ngôn thuận à? Ám chỉ những điều đại để như thế và tuyên bố rằng chỉ có nhà văn Doãn Quốc Sỹ mới "có thể mang lại cho VBVNHN luồng sinh khí mới..." (trang 96, sđd) không những là một sự xúc phạm riêng đối với một nhà văn từng nổi tiếng chừng mực, khoan nhường, khiêm cung mà còn coi thường nỗ lực chung của toàn thể hội viên VBVNHN.

Tính cho đến nay, ông Trần Thanh Hiệp là ông Cựu lâu đời nhất của Văn Bút (sáu năm) thì lẽ ra nên có những đề nghị cụ thể và thiết thực để phát triển Văn Bút, hơn là chỉ nói suông "đã đến lúc phải tạo ra một nếp sinh hoạt Văn Bút mới..." (trang 96, sđd) Tạo ra bằng cách nào? Có kế hoạch gì hữu hiệu để kêu gọi được sự đóng góp tích cực của người đi trước và kẻ đi sau? Trong 10 năm trước đây, qua ba ông Cựu, Văn Bút VNHN vẫn chỉ có bảy Trung Tâm, đủ nói lên những khó khăn mà VBVNHN phải đối diện. Thế mà chỉ trong vòng một năm rưỡi, ông (đương) Kim Chủ Tịch Viên Linh đã "mở thêm được bốn Trung Tâm mới và thúc đẩy Trung Tâm Úc sống lại" (Nói Chuyện Với Viên Linh, Đinh Quang Anh Thái thực hiện, Thế Kỷ 21, số 77, trang 97, 98), đó là kết quả tốt mà ông Cựu Hiệp lẽ ra phải nhắc đến. (...) Tôi lại càng không đồng ý khi ông Cựu Hiệp kể rằng chính ông "đã đưa Văn Bút VNHN từ một trung tâm yếu ớt chỉ kêu gọi cứu trợ lên hàng một trung tâm bình thường như bất cứ một trung tâm thành viên nào khác của Văn Bút Quốc Tế." (trang 95, sđd) Thế nào là "bình thường"? Tôi không tin Văn Bút Quốc Tế lại "con yêu con ghét", lại đối xử với các trung tâm một cách khác nhau, một cách không "bình thường" chỉ vì căn cứ trên sự giàu có của mỗi trung tâm.

Trở lại Văn Bút NVHN, điều hiển nhiên là không có ông Chủ tịch nào có thể thành công "rực rỡ" nếu không có sự tiếp tay của các Hội viên. Điều quan trọng cần nhắc tới nữa là nếu các người cầm bút Việt Nam ở hải ngoại nhận thấy trọng trách mà Văn Bút VNHN đang đảm nhận là đại diện cuối cùng và chính thức cho người Việt tự do (ở cả trong lẫn ngoài nước) trên một diễn đàn quốc tế (VBQT) thì nên TÌNH NGUYỆN tham dự để bảo vệ tiếng nói ấy.

Nguyễn Tà Cúc *(Cerritos, California)*

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại hiện có bao nhiêu trung tâm?

Paris, ngày 11 tháng Chín 1995

Kính gởi Ông Chủ Nhiệm Tạp Chí *Thế Kỷ 21,*

Là độc giả trung thành của *Thế Kỷ 21* và là hội viên của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, chúng tôi đã đọc rất kỹ bài của anh Đinh Quang Anh Thái nói chuyện với ông Viên Linh, chủ tịch VBVNHN đăng trên số tháng Chín, trang 97, 98. Chúng tôi rất hoan nghênh sáng kiến đăng lại bài nầy trên báo vì nhờ đó mà VBVNHN có cơ hội tiếp xúc với độc giả của Quý Báo ở xa, không bắt được đài VNCR. Chúng tôi xin có mấy lời trình bày như sau về một chi tiết trong bài phỏng vấn, kính mong quý báo vui lòng cho đăng tải.

"Để trả lời câu hỏi đầu tiên, ông Chủ tịch VBVNHN tuyên bố: *Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại hiện nay có 12 Trung tâm hoạt động trên khắp thế giới* (trả lời câu 1), và sau đó, trong câu cuối: *...nghĩa là Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại bây giờ có 12 Trung tâm.*

"Về điểm này, chúng tôi xin được phép đóng góp như sau: Theo sự hiểu biết của chúng tôi, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, cho tới nay, (chỉ) có tám Trung tâm. Chắc chắn rằng ai trong chúng tôi cũng rất hân hoan và ân cần chào đón các Trung tâm mới được thành lập, tuy nhiên bốn Trung tâm tân lập nầy còn phải được Đại Hội Đồng VBVNHN thừa nhận theo sự trù liệu của Điều Lệ. Đó chỉ là vấn đề *thủ tục*, nhưng trong vai trò lãnh đạo của một Hội, thiển nghĩ, phải phản ảnh đúng Điều Lệ của Hội.

"*Thủ tục thừa nhận* nầy được Văn Bút Quốc Tế áp dụng chung cho tất cả các trung tâm quốc gia, mà chính ông Chủ tịch VBVNHN cũng đã

đề cập tới ngay trong bài nầy khi trả lời câu hỏi tiếp theo sau đó.

"Điều Lệ của VBVNHN ghi rõ rằng các Trung tâm phải được Đại Hội Đồng thừa nhận (Điều 13, đoạn 5), Chủ Tịch Ban Chấp Hành "thừa nhận sơ khởi" mà thôi.

"Muốn được thừa nhận, trung tâm tân lập, ngoài những điều kiện về số hội viên, phải có sinh hoạt, bầu Ban Chấp Hành chính thức, v.v., còn phải được sự giới thiệu của hai Trung tâm (đã được thừa nhận chính thức) kề cận về địa lý; điểm sau này là một điều kiện mới được chấp thuận trong Đại Hội Đồng kỳ IV, nhóm họp cách đây hai năm tại San Jose.

"Nếu được Ban Chấp Hành ghi vào chương trình nghị sự thì Đại Hội Đồng đại biểu các Trung tâm trong kỳ họp cuối tháng 11 sắp tới đây sẽ quyết định về vấn đề thừa nhận nầy theo đúng thủ tục và sự trù liệu của Điều Lệ.

Xin trân trọng cảm ơn ông Chủ Nhiệm và kính chúc Quý Báo trường thọ.

Từ Nguyên, *trong Ban Chấp Hành Trung tâm Âu Châu VBVNHN, chủ tọa Đại Hội Đồng Kỳ IV San Jose, 26, 27 tháng 11, 1993.*



TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn đã nhận được bài vở của các tác giả sau: Hồng Lê, Fuss, Nguyễn Ngọc Bích, Xuân Sương, Nguyễn Xuân Quang, Trần Quán Niệm, Nguyễn Tâm Pháp, Đỗ Thị Kênh G, Ngô Nhựt Tân, Hạo Nhiên, Phạm Kim Khôi, Hiếu Đệ, Trần Trúc Quang, Lưu Văn Vịnh, Huỳnh Long Giang, Trần Trúc Duyên, Lâm Lễ Trinh, Cao Xuân Tứ, Trần Thị Thục Vũ, Nguyễn Trân, Nguyễn Văn Cường, Trần Yên Hòa, Trần Công Sung, Phan Thị Đỗ Quyên, Trúc Chi, Phạm Long, Phạm Xuân Tích, Thái Tuấn.

Xin chân thành cám ơn quý vị.

Phần Nhắn Tin:

Trần Quán Niệm *(Philadelphia)*: Bạn đúng là người đã nhìn thấy tận gan ruột nỗi khó khăn của Tòa soạn mà "lo trước nỗi lo của chúng tôi." Anh em trong Tòa soạn xin gửi bạn câu Kiều: *Cười rằng tri kỷ trước sau mấy người!* Sẽ đăng một trong hai bài bạn gửi, bài về vụ án Susan Smith.

Nguyên Ngữ *(Oakland, CA)*: Sẽ đăng "Em chở mùa hè...". Bạn thấy không, cuối cùng thì *duyên* cũng tới với nhau, nhưng đó cũng là nhờ sự tin cậy và kiên nhẫn của bạn. Chúng tôi xin cám ơn bạn và mong rằng "duyên đã may" thì cứ sẽ ngày càng khắng khít.

Nguyễn Trân *(Sun Valley, CA)*: *Thế Kỷ 21* đã quyết định ngưng loạt bài về cuốn sách của McNamara, vì thế rất tiếc không đăng các ý kiến của ông về vấn đề này. Đã chuyển thư ông tới ông TCN, để ông N liên lạc với ông. Thân kính.

Phạm Xuân Tích *(Paris, France)*: Đã chuyển "Mạn đàm với..." sang NV. Mong tiếp tục được sự cộng tác của ông. Thân.

Nguyễn Tâm Pháp *(Montreal, Canada)*: Chắc anh đã nhận được thư giải thích riêng của người tặng báo và đã hết thắc mắc. Chúng tôi đã nhận được "M.Q.", rất tiếc không đăng được. Chờ các bài khác của anh. Chúc anh sức khỏe và ổn định.

Miêng *(Paris, France)*: Dĩ nhiên không phải lúc nào người ta cũng có được điều đắc ý nhất, nhưng những cái đắc ý hạng nhì, hạng ba nhiều khi cũng là cái có giá trị đối với người khác. Sẽ lần lượt đăng Q.P và B.M. LDD hôm sang Paris có ý tìm gặp nhưng ông Hiệp nói ông bà đi hè rồi. Chúc vui.

Ngô Nhựt Tân *(Ontario, Canada)*: Sẽ đăng R.B. trong một số sau. Mong tiếp tục được sự cộng tác của ông. Cám ơn ông đã cho Toà soạn biết "đôi điều về tác giả". Chúng tôi đã gửi đến ông số báo tháng Chín, mong ông đã nhận được và thích nó. Hy vọng sẽ còn nhiều liên hệ trong tương lai.

Linh Do *(Houston, TX)*: Thành thật xin lỗi bạn vì "bức thư gửi lộn địa chỉ" trong số báo trước. Rất vui khi đọc các nhận xét của bạn về tờ báo. Và cũng rất vui được tiếp tục tháng tháng gửi báo *Thế Kỷ 21* đến bạn.

Ngô Thế Bảo *(Pennsauken, NJ)*: Chúng tôi đã nhận được thư ông thông báo nhận được báo thiếu. Xin cám ơn sự chu đáo của ông. Mong mọi liên hệ Tòa soạn và bạn đọc gắn bó và tốt đẹp mãi.

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG phụ trách.

Một món quà ý nghĩa.

Toà soạn xin cám ơn quý độc giả dài hạn đã có nhã ý đặt mua báo TK 21 gởi tặng thân nhân,

bằng hữu như một món quà trong các dịp lễ, trong các ngày vui...Chúng tôi ước mong, từ những độc giả mới nầy, tờ báo lại có thêm nhiều người đọc mới nữa. Hy vọng THẾ KỶ 21 vẫn tiếp tục là món quà bổ ích và ý nghĩa của quý bạn đọc gởi đến bạn bè, người thân trong các dịp kỷ niệm.

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Phạm Công Hiến (Lakewood CA), Băng Châu Nguyễn (Lowell MA), Trần Huỳnh Minh (Tustin CA), Nguyễn Lê Tiến (Cupertino CA), Tôn Thất Liêm (Winter Haven FL), Nguyễn Văn Hiền (S.B.Goleta CA), Nguyễn Minh Châu (Mantes Laville FRANCE), Minh Tâm Dương (Westminster CA), Võ Đăng Sâm (Westminster CA), Đoan Kim Nguyễn (Overland Park KS), Trần Văn Kha (E. Collins CA), Đỗ Linh (Houston TX), Lê Đình Các (Garden Grove CA), Nguyễn Quý Bổng (Ottawa CANADA), Đặng Thị Huệ (Alexandra VA), Bùi Đức Lạc (San Jose CA), Tạ Ánh Tuyết (Miami FL), Trần Phiên (Austin TX), Trần Thị Trâm (Pacifica CA), Lê Duy San (San Jose CA), Nguyễn Minh Tùng (Fountain Valley CA), Phan Ngọc Diệp (Houston TX), Trương Duy Tâm (NORWAY), Lê Anh Bằng (JAPAN), Hà Thị Phương (Seattle WA), Nguyễn Tấn Sỹ (Salt Lake City UT), Ngọc Lan Huỳnh (Santa Ana CA), Kim Châu Lê (Denver CO), Chinh Viễn Trần (Dallas TX), Bình Dương (El Monte CA), Thọ Trương (El Monte CA), Quế Lan Huỳnh (Burbank CA), Võ Trung Kiên (San Diego CA), Dũng Quang Lâm (San Jose CA), Quý Huỳnh (Santa Clara CA), Đỗ Mạnh (Milwaukee WI), Tuyền Lâm Trần (Boston MA), Tốt Văn Lương (Lincoln NE), Bạch Văn Minh (Que CANADA), Cao Tiêu (Orange CA), Kiệt Tấn (FRANCE), Nguyễn Hoài Vân (FRANCE), Thái N. Strom (Stockton CA), Tô Cao Hoan (San Jose CA), Trần Quán Niệm (Marlton NJ), Võ Doãn Nhẫn (Santee CA),

Lê Văn Bình *(Sunnyvale CA):* Cám ơn ông đã gởi cước phí cho số báo 75. Kính.

Ngô Nhật Tân *(Ontario CANADA):* Đã chuyển bài và thơ qua ban biên tập. Như lời yêu cầu, toà soạn đã gởi đến ông số báo Tháng Chín (77). Kính.

Nguyễn Quý Bổng *(Ottawa CANADA):* Đã nhận được lệnh phiếu đặt mua một năm báo từ số 77 (Tháng Chín, 95). Toà soạn xin cám ơn về lời chúc của ông dành cho TK 21. Kính.

Trần Chấn Giang *(Temple City CA):* Ban phát hành đã gởi gấp về địa chỉ mới hai số báo 76 và 77. Kính.

Tạ Ánh Tuyết *(Miami FL):* Đã nhận được chi phiếu gia hạn thêm một năm báo. Nhà xuất bản Thế Kỷ đã phát hành quyển "Thơ Tình" của PVH và DĐH, giá bán $10.00 US. Thân mến.

Tạ Minh Ngọc *(Houston TX):* Đã gởi báo đến Ô.B Đỗ Mạnh. Cám ơn bạn đã giới thiệu thêm độc giả mới. Thân.

Trả tiền báo bằng tiền địa phương

Để tiện cho quý độc giả ở bên ngoài nước Mỹ, khỏi cần mua lệnh phiếu hoặc chi phiếu USD tốn thêm lệ phí (và tòa báo cũng khỏi mất lệ phí mỗi chi phiếu USD 20.00!), TK 21 đã được sự giúp đỡ của các thân hữu ở một số nước, đứng ra làm đại diện phát hành. Quý độc giả chỉ cần gửi tiền vào trương mục, hoặc ký chi phiếu cá nhân, bằng tiền địa phương, gửi cho người đại diện đó. Báo vẫn được chúng tôi gửi thẳng từ Mỹ bằng máy bay tới quý độc giả.

Pháp:
- Mme Lê Tất Luyện
15 Place Souham
75013 Paris
ĐT: 45 83 19 12
- Phạm Thị Thu Hương
14 Villa des Acacias
202 rue d'Epinay
95360 Montmagny
ĐT: 39 84 00 84

Đức:
Nguyễn Phi Hùng
Melanchthonstr. 32
44143 Dortmund
ĐT: 02371-439238

Trả thẳng vào trương mục:
Nguyen Phi Hung
Stadtsparkasse Dortmund
Bankleitzahl 440 501 99
Konto-Nr. 622016893.

Úc:
Binh Anson
ĐT: (61-9) 448-0637

Canada:
Hoàng Chiều Nhân
3895 Beriot
Brossard Quebec JZ 2W
ĐT: (514) 445-0529

Bắc Cali:
Bùi Duy Thuyết
ĐT: (408) 225-8429.■

Vài suy tư hậu bang giao

VẤN ĐỀ SONG TỊCH

Hãy đề phòng chiếc dây thòng lọng của Hà Nội!

LÂM LỄ TRINH

Trong bài *"Les Việt kiều: Une situation à normaliser"*, (đọc Tập san L'Appel de la Nation, Paris, số 38, tháng Tư 1995), GS Vũ Quốc Thúc hữu lý khi nhấn mạnh vào *tính cách miệt thị và kỳ thị* của danh từ Việt kiều. Miệt thị vì chữ mới này ám chỉ rằng người Việt di tản không được xem và đối xử như một công dân Việt hay luôn cả như một ngoại kiều. Kỳ thị — và điểm này nguy hại hơn — vì từ ngữ "Việt kiều," được phổ biến trong quần chúng, đã đào sâu vào cuối thập niên 80 một hố chia rẻ sâu rộng giữa người Việt hải ngoại và đồng bào trong nước. Trong con mắt của giới thứ hai, "Việt kiều" là thành phần đã lợi dụng tiền của, mối liên hệ với ngoại bang hay giản dị hơn, nhờ may mắn thoát ra được xứ ngoài để phè phỡn hưởng thụ và trốn tránh đời sống cơ cực hằng ngày ở VN hay nói cách khác, họ đã khước từ nghĩa vụ thiêng liêng đoàn kết quốc gia.

Kinh nghiệm thực tế cho thấy trước đây, một số đông Việt kiều về xứ thăm gia đình đã bị chính quyền và đồng bào địa phương đối xử bất công và dè dặt, lắm khi với sự hiềm khích và ganh tị. Trong những năm tháng về sau, CS nhận thấy tình trạng này cũng không có lợi cho chính quyền nên họ đã đổi phần nào và áp dụng trong các văn kiện danh từ mới "Người Việt sống ở nước ngoài," một từ ngữ vô thưởng vô phạt. Sự kiện vừa nói không có nghĩa chính phủ Hà Nội "đổi mới" quan điểm đối với khối người tị nạn về mặt pháp lý và chính trị như sẽ trình trong đoạn sau của bài này. Việt kiều vẫn là loại công dân hạng hai, sous citoyens; một giai cấp "công dân không biết từ đâu đến, citoyens de nulle part."

Việt kiều tại Mỹ chia ra làm bốn thành phần:

1) *Công dân Hoa Kỳ nhập tịch* sau khi hội đủ điều kiện pháp lý, ở tại đây năm năm sau khi có thẻ xanh và đã tuyên thệ. Quốc tịch được cấp cho họ chiếu theo jus soli tức là quyền phát xuất từ sự cư trú.

2) *Công dân thổ sinh hay native born citizens,* tức là con cái của thành phần 1, sanh tại Hoa Kỳ, chiếu theo jus sanguinis, tạm dịch là quyền huyết thống, được miễn làm thủ tục nhập tịch và quốc tịch được đương nhiên thủ đắc.

3) *Ngoại kiều thường trú hay permanent residents,* thí dụ trường hợp đồng bào ODP có thân nhân bảo lãnh, được cấp thẻ thường trú tức thẻ xanh và thẻ an sinh xã hội để tìm việc làm nhưng không có trợ cấp xã hội trừ khi trên 65 tuổi và bệnh hoạn. Thành phần này gồm có những người hoặc đã có điều kiện nhập tịch nhưng chưa làm thủ tục hoặc chưa hội đủ điều kiện.

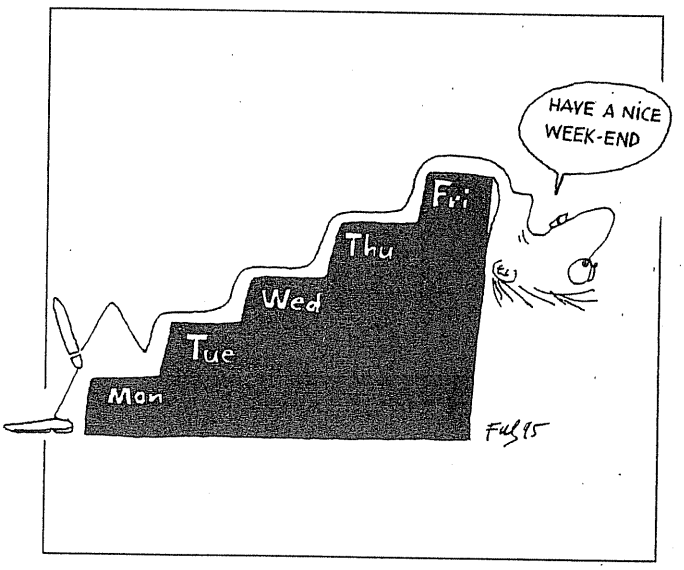
4) *Ngoại kiều tạm dung hay parolees,* trường hợp đồng bào HO không người bảo lãnh, chưa có thẻ xanh vì chưa đủ thời gian cư trú tại Hoa Kỳ, chỉ được Sở Di Trú Ngoại Kiều cấp giấy chứng chỉ I-94, mention refugee. Lãnh trợ cấp tám tháng của chính phủ và có medicare nhưng nếu là HO - ODP có người bảo lãnh thì không có trợ cấp. Được cấp thẻ an sinh xã hội và có quyền làm đơn xin thẻ xanh một năm sau, với hiệu lực hồi tố kể từ ngày nhận I-94. Trong thời gian chưa hưởng quy chế thường trú, nếu phạm pháp hay bất cứ vì lý do gì, có thể bị chính quyền Hoa Kỳ tống xuất về nơi sinh quán mà không áp dụng một thủ tục tư pháp nào (khác với thành phần 3). Khi xuất ngoại, thành phần 1 và 2 mang thông hành Hoa Kỳ và được bảo vệ như công dân Mỹ còn thành phần 3 và 4 thì được cấp giấy re-entry permit tức giấy phép tái nhập xứ Hoa Kỳ nếu trở về đúng hạn.

Sau ngày 11-7-95, một số đông Việt kiều hân hoan nghĩ rằng việc lập bang giao Mỹ - Việt sẽ khai thông mọi khó khăn khi họ trở về VN du lịch, thăm gia đình hay kinh doanh. Thực tế không giản dị như vậy. Nhiều vấn đề phức tạp được đặt ra về pháp lý lẫn thực tế:

1) *Giá trị của quốc tịch Mỹ đối với Việt Nam* - Luật Quốc Tịch ngày 28-8-1988 của CS xác định muốn thành công dân ngoại quốc phải được Chủ tịch nhà nước chính thức chấp nhận từ bỏ Việt tịch trước. Nói cách khác, đến nay chính quyền Hà Nội vẫn chưa chấp nhận song tịch hay dual nationality và chủ trương "một khi đã sanh ra là người VN hay có cha mẹ VN thì là người có quốc tịch Việt mãi mãi." Điều kiện tiên quyết buộc làm đơn xin bỏ Việt tịch quả là... "tếu và...

tréo cẳng ngỗng'' vì chắc chắn không một người Việt tị nạn nào nghĩ đến hay muốn tuân hành. Quan điểm của CSVN bắt nguồn từ một tâm trạng ngờ vực căn bản và lo ngại cố hữu đối với khối Việt kiều mà chúng biết đa số ''không đội trời chung'' với Xã Hội Chủ Nghĩa. Hà Nội sử dụng vấn đề song tịch như chiếc dây thòng lọng để kiểm soát và siết cổ phần tử bất phục và âm mưu phá rối.

2) *Xuất nhập Việt Nam sau 11-7-95* - Việt kiều nào lăm le về VN để làm ăn hay sinh sống nên đọc kỹ Nghị định số 59/TTg ngày 4-2-94 của Thủ tướng chính phủ và các điều khoản khắt khe về tuổi tác, trình độ học vấn, nghề nghiệp, số vốn và tư cách đầu tư v.v... Du khách Việt cũng phải thận trọng kiểm lại trước tại các Tòa Lãnh Sự CS sắp mở tại Hoa Kỳ thủ tục xin chiếu khán nhập nội và cư trú vì sau ngày 11-7-95, Hà Nội siết chặt thêm hệ thống kiểm tra lý lịch, thời gian lưu trú, tiêu chuẩn bảo lãnh trong xứ, biện pháp trục xuất... Tưởng cũng nên nhắc lại Nghị định số 37 HĐBT ngày 5-2-90 nơi điều 2, tuyên bố công nhân ngoại quốc Việt được đối xử ngang hàng với công dân Việt trong lúc làm việc tại VN; nhưng sự bình đẳng này không có trên thực tế.



3) *Trường hợp người Mỹ gốc Việt bị giam giữ tại Việt Nam* - Hoa Kỳ và VN đã đồng ký vào Công Ước Vienna ngày 24-4-1963 về Quan Hệ Lãnh Sự trong đó một điều khoản nêu rõ trách vụ của các nước tham gia thông báo cấp thời — *without delay* — Tòa Lãnh Sự liên hệ khi bắt giữ một kiều dân trực thuộc Tòa này. Theo tập san *Far Eastern Economic Review,* số ra ngày 5-5-1994, trong bài *"Identity crisis: US - Hanoi talks stall on foreign nationality issue,"* (Cuộc khủng hoảng lý lịch: Đàm phán Mỹ - Việt gạt bỏ vấn đề quốc tịch xứ ngoài) của ký giả Irene Wu, Hà Nội đã ngang nhiên bất chấp điều khoản trên đây khi bác khước đề nghị của phía Hoa Kỳ cho nhân viên lãnh sự tiếp xúc trong vòng 72 giờ đồng hồ với công dân Hoa Kỳ gốc Việt bị chính quyền CS giam giữ. Hoa Thịnh Đốn cho rằng quyền liên lạc này không có nghĩa Mỹ muốn xen vào các vụ án VN, mục tiêu chỉ là để bảo đảm người công dân Mỹ, khi rơi vào lưới pháp luật của CS, được đối xử bình đẳng với các phạm nhân khác. Sự thực chính trị tuy nhiên là che chở công dân Mỹ lâm nạn chống lại các xử đoán tùy hứng và bất thường của hệ thống tư pháp Mác xít. Một trường hợp điển hình: Sau nhiều lần từ chối, ngày 19-6-1995 CS đã cho phép một đại diện của Hoa Kỳ thăm viếng Lý Tống tại nhà tù Nam Hà, 55 cây số về phía Nam Hà Nội.

Trả lời ký giả Martin C. Evans của nhật báo *The O.C Register* ngày 14-7-95, Đại sứ CS Lê Văn Bàng chỉ nói mập mờ: *"Chúng tôi đã thỏa hiệp với Hoa Kỳ rằng bất cứ ai cầm một thông hành Mỹ sẽ được đối xử như một công dân Mỹ, We have a argreement with the US already that anyone who holds a US passport will be treated like an American citizen."* Báo *L.A Times* số ra ngày 6-8-95 loan tin nhiều người Mỹ gốc Việt bị nhà cầm quyền CS bắt giam. Sau đó giới chức Hoa Kỳ cho biết con số này lên đến 12 trong đó có năm người ở miền Nam California, phần đông bị cáo giác mưu toan lật đổ chính quyền. Thật sự, số người bị cầm tù còn đông hơn vì có nhiều trường hợp không khai báo. Được phỏng vấn, phát ngôn viên Nyda Budig của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ tuyên bố: *"Vấn đề bang giao có thể giúp cho chúng tôi nêu các trường hợp đó với chính quyền CSVN. Tuy nhiên khi một người bị bắt giữ tại một nước vì bất cứ cáo giác nào, họ cũng vẫn phải qua luật pháp của nước đó."*

Bắc Kinh có ký với Hoa Thịnh Đốn một thỏa ước song phương quy định thể thức thông báo và tiếp xúc của nhân viên lãnh sự với những người sử dụng thông hành Mỹ. CSVN sẽ noi gương của đàn anh Trung Hoa chăng?

Câu trả lời ghi trên của Lê Văn Bằng với báo *The Register* tránh đề cập rõ ràng đến trường hợp của công dân Mỹ gốc Việt. Chắc chắn CS sẽ hành động khác hơn nếu liên hệ với một người Mỹ da trắng hay da mầu miễn không phải là Việt Nam. Trong những ngày sắp đến vấn đề song tịch là vũ khí để diệt phần tử đối lập len lỏi về nước hoạt động. CS sẽ núp sau khẩu hiệu ''chống diễn biến hòa bình'' để triệt hạ phong trào đấu tranh dân chủ.

Bởi vậy cần đòi hỏi khẩn cấp bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ công bố toàn văn các bản thỏa ước đã hay sắp ký với Hà Nội để bảo vệ công dân Mỹ, đặc biệt gốc Việt, khi họ hồi hương. Đó là một

quyền tuyệt đối của chúng ta, gồm luôn cả quyền — với tư cách cử tri Hoa Kỳ — kêu nài Quốc Hội Mỹ nghiên cứu để bổ túc những điểm thiếu sót trong Thỏa Ước. Ai lãnh trách nhiệm làm việc này? Ban quản trị các cộng đồng, các hội đoàn, cơ quan thiện nguyện, tổ chức luật gia, giới truyền thông v.v...

4) Một vấn đề khác không kém quan trọng: *Mối liên hệ, dù muốn hay không, với các Tòa Lãnh Sự CS.* Thật vậy, trong tương lai rất gần, Hoa Thịnh Đốn sẽ cho phép Hà Nội, trên căn bản hỗ tương, mở một số lãnh sự quán tại những vùng đông Việt kiều. Trước hết, từ nay người Việt ở Mỹ muốn về Việt Nam bất luận vì lý do gì đều phải đi ngang các văn phòng đại diện của CS để làm thủ tục giấy tờ. Mặt khác, Tòa Lãnh Sự của chính quyền Hà Nội sẽ ra thông báo yêu cầu công dân có Việt tịch sống tại Hoa Kỳ đến ký danh trong thời gian luật định để tiện bề kiểm soát. Lúc đó một vấn đề pháp lý được đặt ra: Thái độ của người Việt tị nạn chống Cộng trước lệnh này. Họ sẽ từ chối và phản đối. CS sẽ tìm đủ mọi cách để làm khó dễ. Một trong những biện pháp là trục xuất về VN. Dĩ nhiên, chính phủ Hoa Kỳ có trách vụ bảo vệ về pháp luật những người được chính thức cho phép tị nạn. Trên thực tế, Việt kiều chưa nhập tịch Mỹ và cương quyết không nhìn chế độ Hà Nội là thành phần "vô tổ quốc." Họ không có lợi tiếp tục sống tại Hoa Kỳ mà không chọn lựa dứt khoát một quốc tịch vì tình trạng của họ rất bấp bênh. Đây là một điểm cần được sáng tỏ trong thỏa ước Mỹ - Việt. Cộng đồng chúng ta cần nghiên cứu vấn đề gai góc này để hành động thích ứng. Không nên để nước đến chân mới nhảy!

5) Đấu tranh đòi CSVN bình đẳng hóa người Việt ở trong và ngoài nước. Đến nay, khối người Việt hải ngoại chính thức bị chính phủ Hà Nội miệt thị và kỳ thị. Mỗi khi họ có việc phải trở về VN, nhà chức trách CS đối xử theo tiêu chuẩn bất công. Mọi hành động của họ bị lưới công an quận phường theo dõi chặt chẽ từ lúc rời phi cơ. Họ có thể bị truy tố bất cứ lúc nào — trong tư cách công dân Việt mặc dù có quốc tịch Mỹ (hay quốc tịch nào khác) — theo điều khoản của Bộ Hình Sự dưới tội danh mập mờ "hoạt động chống xã hội chủ nghĩa nhằm lật đổ chính quyền nhân dân" (sic). Về mặt tài chính, Việt kiều xem như ngoại kiều, phải trả các dịch vụ nhận được từ chi phí khách sạn, đến thực phẩm, thuế vụ v.v... bằng đôla tươi, theo giá biểu chặt đầu lột da.

Gần đây, Bộ Ngoại Giao và Thương Mại Gia Nã Đại có ra thông cáo lưu ý công dân Canada gốc Việt rằng chính quyền Hà Nội không công nhận song tịch hay nói cách khác, CSVN coi Việt kiều mang quốc tịch Gia Nã Đại như người Việt khi trở về VN, dù họ có sổ thông hành của nước ngoài. Chính phủ Ottawa tuyên bố không bảo đảm can thiệp hữu hiệu trong phạm vi lãnh sự cho những cá nhân gặp rắc rối với nhà chức trách CS địa phương.

Như vậy Hà Nội hiện áp dụng quan điểm của họ về vấn đề song tịch cho người Việt hải ngoại, bất luận ở đâu, đã chọn quốc tịch mới mà không có xin phép trước Nhà nước. Các quốc gia ở Âu Châu và đa số ở Á Châu không đặt điều kiện kỳ quái này. Bởi thế Việt kiều di tản sau 1975 — không riêng gì cư ngụ tại Hoa Kỳ — nên tìm hiểu rành rẽ các thỏa ước về lãnh sự ký kết giữa chính quyền của xứ nơi mình đang sinh sống với CS Hà Nội để đề phòng khó khăn.

Người Việt hải ngoại không đòi ân huệ, đặc quyền, biệt lệ, biệt đãi. Người Việt ở nước ngoài chỉ muốn được hoàn toàn xử sự bình đẳng với đồng bào trong nước, bất chấp nguồn gốc, tín ngưỡng và quan điểm chính trị. Chỉ trên căn bản đó, họ mới chấp nhận tham gia tái thiết xứ sở. Bằng không, nói đến phát triển bền vững VN là điều hoang tưởng! Cộng sản cần khẩn cấp sửa sai chính sách. Không thể mập mờ đánh lận con đen. Không nên ù lì rào trước, chận sau vì tức nước sẽ vỡ bờ. Đây chỉ là bước đầu, một bước thực tế để tỏ thiện chí để tiến tới hòa giải thật sự: Bình đẳng hóa luật lệ, bình thường hóa cách đối xử, thoáng khí hóa xã hội.■

• Kỷ niệm 20 năm xa nước, : 1975-1995

• 30 năm thành lập nhà xuất bản An Tiêm: 1965-1995

và nhân Mùa Lễ Hội Vu-Lan,

một tác phẩm nên đọc :

NGUYỄN DU

VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SANH

chú thích, hiệu đính

Hoàng Xuân Hãn

AN TIÊM

CHIA TAY Ý THỨC HỆ

Triều đại phong kiến cuối cùng và chiếc bình phong!

HÀ SĨ PHU

LTS: Xin giới thiệu quí vị độc giả bài viết mới nhất của Hà Sĩ Phu (VN), tiếp loạt bài "Đôi điều suy nghĩ của một công dân," đã đăng tải trước đây. Tòa soạn đặt các tiểu đề để quý vị dễ theo dõi.

Lòng yêu nước và khát vọng tự do hạnh phúc đã đưa nước ta vào quỹ đạo Cộng Sản với sự trả giá khá đắt. Nhưng trí tuệ nhân loại, cùng với thực tiễn xã hội hôm nay lại chứng minh rằng con đường đã giúp ta đổi xương máu lấy Độc lập ấy không có khả năng đưa ta tới đích cuối cùng vì đó chỉ là một ngõ cụt, những người bạn đi trước trên con đường ấy đều đã quay trở lại. Điều này không ai mong muốn, song đã là sự thật. Do bản chất nhạy bén, nên thực tình thì chúng ta đã quay về với con đường chung của thế giới rồi, cái ngõ cụt kia đang lùi lại dần phía sau như một *kỷ niệm không thể nào quên* của thời ấu trĩ.

Đáng lẽ phải bộc lộ thẳng thắn với nhau về sự thật ấy, để có thể quên đi phần quá khứ thù hận, tha thứ cho nhau mọi lỗi lầm đã qua, tập hợp lại mọi "vốn liếng" của dân tộc, cùng nhau hợp sức làm lại sự nghiệp của đất nước trong sự bao dung, hỗ trợ của bạn bè năm châu. Chỉ có sự chân thành như thế mới gây được khí thế hồ hởi và lòng tin cậy lẫn nhau, chỉ có sức mạnh tinh thần ấy mới chắp cánh cho những sức mạnh vật chất để đưa dân tộc đi tới một tương lai sáng lạn, một tương lai đã hiện ra trong tầm mắt. Song hy vọng ấy chỉ lóe sáng trong khoảnh khắc, rồi cả dân tộc đã sa vào cách đổi mới hiện nay.

Tại sao một sự lựa chọn tưởng có thể đơn giản mà cuối cùng lại không đơn giản?

Vì chủ nghĩa Cộng Sản đi qua loài người đã để lại những quốc gia Cộng Sản ba hậu quả:

- Một nền sản xuất và kinh tế trì trệ, phi qui luật. - Một bộ máy chuyên chế khổng lồ.
- Một hệ tư tưởng và văn hóa lạc hậu, giả tạo, phục vụ cho nền sản xuất và bộ máy kể trên.

Những ưu nhược điểm

Trong ba yếu tố ấy, thì yếu tố thứ hai mới là yếu tố có vai trò quyết định khả năng chuyển hóa đất nước trong hòa bình.

Bộ máy này có mặt ưu và mặt nhược rất đặc trưng.

Ưu ở chỗ: bộ máy ấy trưởng thành từ phong trào giải phóng dân tộc dày dạn kinh nghiệm, có khả năng quy tụ và vận động quần chúng đông đảo, nhất là nhân dân lao động, đây là năng lực quí báu mà một lực lượng cầm quyền không dễ gì có được, không phải ngẫu nhiên mà có được. Ưu điểm này nếu được phát huy sẽ thành nhân tố rất thuận lợi cho sự đổi mới đất nước một cách trong sáng và ổn định, bỏ *định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa* ảo tưởng để chọn mục tiêu thiết thực *"dân giầu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh."* Người tiền phong trong việc cứu nước sẽ lại có khả năng tiền phong trong công cuộc đổi mới.

Nhược ở chỗ: đây là pháo đài của ý thức hệ chuyên chính vô sản, một kiểu Đức trị phong kiến *chuyên chế nhiều đặc quyền đặc lợi,* nặng tính duy lợi và duy tín hơn là duy lý, nặng đầu óc phân biệt, *kỳ thị với trí thức dân chủ.* Nhược điểm này bấy lâu vẫn thường xuyên tha hóa đội ngũ phong kiến kia, và khi gặp cơ hội nó có thể biến bộ máy ấy thành trở ngại khổng lồ, rất khó khắc phục đối với công cuộc đổi mới.

Những năm 1986-88 là thời gian tranh chấp giữa hai khả năng ấy.

Không may cho dân tộc ta

Nhưng không may cho dân tộc chúng ta, tình hình diễn biến phức tạp ở một số nước trong khối Liên Xô cũ và Đông Âu, ở Trung Quốc cuối những năm 80 đã tác động bất lợi đến Việt Nam.

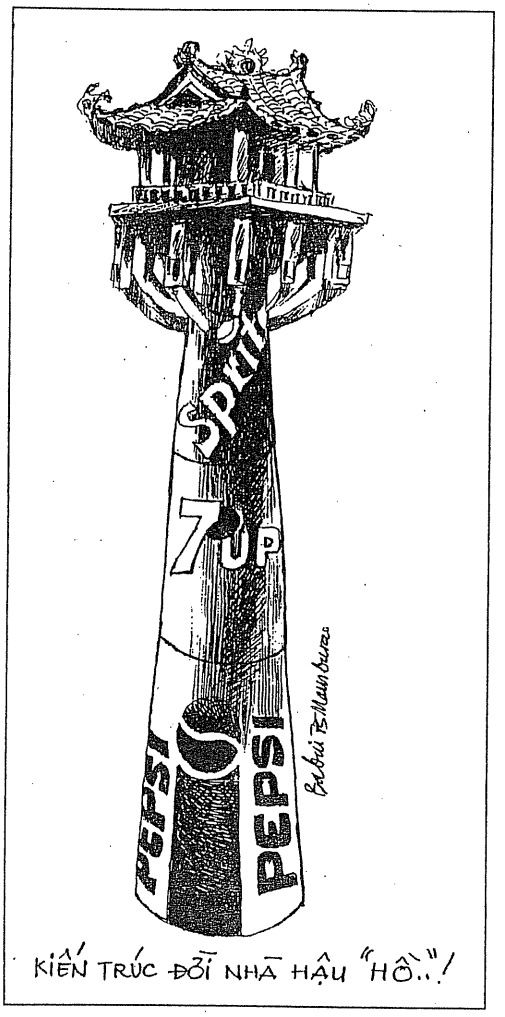
Tình hình ấy đã kích động bản năng tự vệ của tầng lớp lãnh đạo, làm cho cán cân nghiêng về mặt tiêu cực và cướp mất của dân tộc chúng ta cái cơ hội nghìn năm có một, để đổi mới đất nước trong tinh thần cởi mở, trong sáng và hòa hợp, hòa giải. Để hôm nay lại phải khó nhọc từng bước kiếm lại tinh thần trong sáng ấy. Những người Cộng Sản còn nặng lòng với dân tộc đã dần dần nhận ra rằng muốn liên tục sống có lương tâm không thể không phân biệt mình với thế lực không trong sáng kia.

một chủ nghĩa giai cấp cực đoan có thể thăng hoa, hóa thân trở về thành một Đảng có chất *Dân tộc Dân chủ, thế là Đảng ấy lại trở về với qui luật ích kỷ muôn thuở: hòa nhập với thế giới song lại không muốn mất đặc quyền đặc lợi, nên bộ máy ấy đã chủ động thay đổi yếu tố thứ nhất (tức nền kinh tế), đồng thời cố duy trì yếu tố thứ ba* (tức nguyên tắc chính trị tư tưởng của chủ nghĩa), dùng cả hai yếu tố ấy phục vụ cho mình. Từ đấy hình thành phương án *"Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa."* Và chỉ cần thế thôi là tự nhiên phải áp dụng một chính sách hai mặt, tự nhiên không thể cởi mở thẳng thắn với nhau, nói gì cũng cứ ngọng ngịu! Thay vì chân thành, cởi mở và tin cậy lẫn nhau, lại tiếp tục nói dối, lại phải tiếp tục đối phó với nhau! Tham nhũng như rươi nhưng cứ chạy quanh trong một trận đồ bùng nhùng hai mặt, và phát triển thành một quốc gia bất trị.

Tham vọng ấy không có gì lạ và bài bản ấy cũng chỉ là cái lôgic thông thường của cuộc đấu sinh tồn tầm thường. Đáng lẽ cái cơ hội thăng hoa kia đã có thể kéo dân trí, "đẳng trí" lên một bậc (Đảng với tinh thần dân tộc, dân chủ!) để làm nền cho sự cất cánh; thì nay ngược lại, dân tộc đang phải làm cái việc gây dựng lại dân trí, "đẳng trí" từng chút một, để tựa vào đó mà vực tình hình lên.

Khai dân trí, chấn dân khí

Nhưng nay không còn con đường nào khác. Bởi *chỉ những vận hội bắt nguồn từ sự phát triển của dân trí mới là vận hội thực của dân tộc.* Kẻ cơ hội một mặt cố tình *"câu giờ," trì hoãn việc đổi mới khi họ chưa thu xếp xong mưu kế, một mặt lại muốn tranh thủ tạo ra những "vận hội"* càng nhanh càng tốt, trong khi dân trí chưa kịp phát triển để cản trở cách *"đổi mới"* rất nhanh của họ. Trạng thái giao thời này là thời điểm lý tưởng để tranh thủ "làm ăn" kiếm lợi nên được rất nhiều người (cả bên trong lẫn bên ngoài) ưa thích cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Khi những người tử tế tỉnh ngộ ra thì "ván đã đóng thuyền"!



Dân tộc một lần nữa lại đứng trước nhu cầu: Khai DÂN TRÍ, chấn DÂN KHÍ, hậu DÂN SINH (hậu là bồi đắp) như khẩu hiệu mà nhà ái quốc Phan Chu Trinh hô hào thuở trước. Vẫn phải giải lại bài toán ngày xưa, nhưng với những thông số mới hôm nay.

Lời hô hào về *"một cuộc kháng chiến mới"* (theo cách nói của người cộng sản lão thành Nguyễn Khắc Viện) cũng là một lời *"khai Dân trí, chấn Dân khí"* đầy tính văn hóa vậy.

Đây là cuộc *đấu tranh nội bộ* của dân tộc, không phải là chuyện *"địch, ta."* Không ai có thể làm thay. Quyền phán xử cuối cùng thuộc về nội bộ dân tộc.

Đây là cuộc diễn tiến hòa bình đầy *tính văn hóa.* Không có sự được thua "một mất một còn." Cái mới phải thắng, nhưng tất cả những giá trị chân chính cũ phải được bảo tồn, tất cả những dự định chân chính đã có vẫn được tiếp tục. Lỗi lầm cũ còn được tha thứ thì công lao cứ sao lại cần phải phủ định? Không một xáo động bạo hành nào được phép xảy ra. Xã hội vẫn hòa bình mà đi lên, tất nhiên cần điều chỉnh rất nhiều nhưng không cần có bước lùi nào cả.

Im lặng nuôi dưỡng áp bức

Song sự đấu tranh có tính chất ôn hòa và văn hóa ấy không thể đồng nghĩa với "sự ổn định" giả tạo một chiều hiện nay. Thái độ lảng tránh trách nhiệm công dân, thái độ ngậm miệng ăn tiền sao có thể coi là có văn hóa được? (Không đấu tranh "tới nơi" thì chẳng có gì có thể nhúc nhích!). *"Im lặng nuôi dưỡng sự áp bức,* câu nói ấy của nhà văn hóa, cựu Tổng thống Pháp F. Mitterrand thật đáng cho ta suy nghĩ. Tôi nghĩ nếu ai hù họa chúng ta rằng đấu tranh cho dân chủ tất yếu dẫn đến bạo loạn, qui những cuộc chém giết dã man trên thế giới là do tinh thần dân chủ đa nguyên thì chẳng những không hiểu biết gì mà còn là tiếp tay cho những luận điệu phản động, không muốn cho dân ta mở mày mở

mặt, chỉ muốn duy trì một nhân dân ngoan ngoãn để dễ bề sử dụng. Nếu thích tìm *"địch"* thì hãy tìm *"địch" ở đấy!*

Cái cũ chuyên chế, chật hẹp nên buộc phải phủ định những cái khác với mình để tồn tại. Chỉ cái mới, cái đa nguyên pháp trị, phi ý thức hệ, mới có khả năng bao dung. Nếu qui luật tiến hóa là *"ít thì ổn, nhiều sẽ loạn"* thì nhân loại làm gì có nền văn minh hôm nay? Chỉ có đấu tranh hòa bình để đạt tới sự phát triển lành mạnh mới là sự ổn định thực, ổn định "biện chứng." Dùng bạo lực của chuyên chính để giữ ổn định thì sự ổn định ấy chẳng những không lành mạnh còn là ổn định giả, mâu thuẫn không được khơi động, cứ tích lũy để sinh bạo loạn.

Đây là cuộc đấu tranh công khai. Chẳng những rất không khai mà còn lấy CÔNG KHAI làm nguyên tắc, làm "luật chơi." Trước hết phải đấu tranh cho tính CÔNG KHAI, lên án mọi sự "dấm dúi." Bóng tối chỉ có lợi cho cái ác. Khi Đảng đã tự nhận lấy trách nhiệm là người lãnh đạo cả xã hội và ghi vào hiến pháp thì mọi việc của Đảng đều ảnh hưởng đến xã hội, sao còn là việc nội bộ của Đảng được? Không thực hiện được tính CÔNG KHAI thì mọi phương án đổi mới để dân chủ hóa và pháp trị hóa xã hội chỉ là chuyện để nói cho vui.

Một mặt phải đấu tranh trong khuôn khổ luật pháp, bảo vệ phần luật tiến bộ. Một mặt phải đấu tranh để cải thiện chính luật pháp. Có vậy luật pháp mới không mâu thuẫn với phát triển, nhất là khi một nền luật pháp còn ở giai đoạn đang hình thành.

Khát vọng văn hóa

Từ ngày có công cuộc đổi mới, về kinh tế chúng ta đã có nhiều bước tiến rất đáng kể, cũng không ít những thành quả rất đáng vui mừng.

Nhưng tất cả những điều tôi đã trình bày chắc cũng có thể nói lên phần nào tính chất rất phức tạp của tình hình, không đơn giản như cái vẻ bên ngoài của nó.

Nếu không vì một khát vọng có tính văn hóa cao thì những người dân Việt quả thực đã có thể cho phép mình tạm nghỉ ngơi đôi chút để lo cho mình, mà chẳng cần mệt óc nghĩ điều nọ điều kia làm gì, để làm phiền lòng những cấp lãnh đạo!

Một khát vọng mang tính văn hóa! Ấy là khát vọng muốn nhân vận hội này mà đưa dân tộc ta bứt lên, bứt lên không phải chỉ để nâng cao một chỉ số GDP, không phải chỉ để cải thiện đời sống, không phải chỉ để hòa nhập được vào thế giới, không phải chỉ nhằm được *"hóa rồng"* mà để dân tộc ấy tự cải tạo, rũ bỏ những khuyết tật để nâng mình lên một *tầm vóc văn minh thật sự* (chứ không phải cái tầm vóc hào nhoáng mà ta vẫn tự phong), lên một tầm vóc mà tiềm năng của dân tộc cho phép vì sự nhọc nhằn của dân tộc đang được đền bù!

Cách đi của nước ta hiện nay mâu thuẫn với khát vọng nhân văn ấy nên không được tạo nền đảng văn hóa vững chắc cho sự phát triển kinh tế lành mạnh, xây dựng một nền dân chủ pháp trị, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước như ta mong muốn.

Khi ta nắm toàn bộ quyền lực trong tay, ta có thể cứ làm dân chủ giả mà chẳng ai làm gì được, chẳng ai cãi nổi miệng ta, mà khối người còn phụ họa và ca ngợi. Nhưng trời đất công bằng ở chỗ: nếu không thành tâm thì không thu phục được lòng người, nhất là những người tiên tiến, nên không thể có sức mạnh cội nguồn, và trước sau gì dân tộc cũng bắt ta quay trở lại, trả cái món nợ mà dân tộc đã "tạm ứng" cho ta hoặc ta đã khôn ngoan chiếm đoạt. Ta có thoát được đời mình thì con cháu mình lại phải trả nợ cho mình, làm sao quịt được nợ dân tộc? Khốn nỗi, chung qui người bị tổn thất vẫn là dân tộc, nên mới phải cùng nhau ngăn chặn để sự trừng phạt ấy đừng phải xảy ra.

Trái lại, nếu có một đường lối đổi mới quang minh chính đại, xuất phát từ nhân quan văn hóa và cách giải quyết có tính văn hóa, lấy CÔNG KHAI làm nguyên tắc ai có ý kiến xuôi ngược gì đều được nói cho mọi người cùng nghe, vận mệnh dân tộc để cho toàn dân thực sự định đoạt, thì chẳng có sự xáo trộn tàn bạo nào có thể xảy ra, tất cả những thành tựu đã có đều được bảo toàn, tất cả những dự định chính đáng đều được tiếp tục, và một niềm hạnh phúc vô giá sẽ được chia cho tất cả mọi người là cái không khí thanh bình, sung sướng được nhìn vào mắt nhau chứa chan tin cậy, hưởng thụ mọi tiện nghi trong sự kiêu hãnh làm người. Điều ấy mười bộ máy tuyên truyền khổng lồ của ta hiện nay công với trăm tỷ đôla viện trợ cũng không làm được!

Một nền chính trị có văn hóa, một mặt có thể căn cứ vào trình độ quần chúng quảng đại để hoạch định những chính sách trước mắt thích ứng với số đông, nhưng mặt khác không được lấy tình trạng văn hóa thấp ấy làm giới hạn hoặc lợi dụng nó, trái lại phải tìm cách thỏa mãn những nhu cầu có tính VĂN HÓA và NHÂN QUYỀN của cái *thiểu số* đã ở tầm DÂN TRÍ cao hơn. Chính sự *trân trọng thiểu số* ấy sẽ đảm bảo sự công bằng cho số đông và nâng dần dân tộc lên, mà không cần đem người này làm tiêu chuẩn tức khắc để gò người kia. Nếu cuộc đấu tranh giành cơm áo lấy chủ lực ở số đông lớp dưới thì cuộc đấu tranh vì văn hóa lấy chủ lực ở những thiểu số ở tầng văn hóa trên cũng là thuận lẽ tự nhiên.

Bằng cách ấy, những nhu cầu để cao sẽ được thực hiện dần dần, có sự dung hòa giữa khả năng và hiện thực, giữa quyền lợi và nghĩa vụ, dung hòa giữa những khối người có trình độ và nhu

cầu chênh lệch nhau trong xã hội. Một tinh thần *"đa nguyên"* rộng rãi như vậy may ra có thể mở lối thoát cho tất cả mọi người.

Mác xít là một bình phong

Trong đấu tranh nội bộ, nhiều khi ta có khả năng sửa lỗi, nhưng khi có cái bình phong bên cạnh thì cái lỗi cứ nấp vào đấy. Trong trường hợp này, giúp nhau sửa đổi không gì bằng cất hộ nhau cái bình phong ấy đi!

Càng suy nghĩ về nội dung cũng như về hiện tình của ý thức hệ Mác xít, tôi càng thấy rõ đây là một Ý THỨC HỆ PHONG KIẾN TRÁ HÌNH, của triều đại phong kiến cuối cùng đang kìm hãm sự tiến bộ xã hội và được dùng làm BÌNH PHONG cho những yếu tố tiêu cực ẩn nấp. Ít ai có ý nghĩ muốn phá cái *bình phong* ấy đi, trái lại ứng xử theo kiểu: "Cứ để nó đấy, anh nấp tôi cũng nấp, chúng ta hiểu nhau cả mà! Sống thời nào ta theo thời ấy, gặp thời Mác - Lê thì ta làm luận văn tiến sĩ Mác - Lê mà sống, cãi nó làm gì? Đấy là bí quyết của môn phái "hiệp khí đạo" đấy"...

Hình như "cứ để nó đấy" cũng chẳng chết ai thật, nhưng sao tôi cảm thấy một cái gì khốn nạn quá, chịu không nổi, nên cứ phải nói ra!... Sao lại không chết ai? Khối kẻ đã chết theo nghĩa đen, khối kẻ đang sống dở chết dở vì cái *bình phong* ấy, và cả một dân tộc đang chết theo nghĩa CHẾT chân chính của *CON NGƯỜI, chứ sao không chết?...*

Ở những nước khác, thì chắc một cái *bình phong* không bao giờ lại đáng quan tâm đến thế! Nhưng Việt Nam thì khác *bình phong là tất cả, vì Việt Nam là THỦ ĐÔ của Ngụy biện!*

Ngụy biện trước hết là cái *bình phong* để mình không phải đối diện với lương tâm và trí tuệ của mình! Thế mà mình thảnh thơi, muốn làm gì thì làm, nói gì thì nói, tha hồ truồi như trạch như lươn, thời nào cũng sống được. *"Đổi mới, đổi cũ"* thế nào mình vẫn kiếm lãi.

Đó là thủ thuật để không bao giờ phải trực diện đương đầu với cái Ác, cũng không bao giờ phải trực diện đối phó với cái thiện!

Đấy là Võ Việt Nam, cũng là Xiếc Việt Nam! (Xin các võ sĩ và các nghệ sĩ xiếc thứ lỗi cho tôi được mượn từ ngữ cao quí của các bạn). *"Quy luật"* ư, *"tư tưởng"* ư, *"chính thống"* ư, *"chuẩn"* gì đã đến nước này cũng phải du kích hóa! Ấy là cái *"bất biến"* Việt Nam để ứng xử với *"vạn biến"* trên đời!

Người ta sống bằng ngụy biện, lập nghiệp bằng ngụy biện, giết nhau cũng bằng ngụy biện!... Vượt vạn trùng vây, bách chiến bách thắng mà trong tay chỉ một chiếc *bình phong* biến hóa.

Người ta thường nghĩ một cách đơn giản rằng thời buổi kinh tế này thì mất công đấu tranh tư tưởng làm gì, bởi không biết cái *bình phong* ấy, với tất cả những thiết chế và hệ lụy của nó, hằng ngày ngốn của nhân dân bao nhiêu tiền! Ít người hiểu được rằng để có một ngày "ổn định" theo phương pháp hiện nay, ngân quỹ phải chi bao nhiêu tiền để kê cho bằng những chỗ khập khiễng, bao nhiêu vai gầy của người dân phải ghé vào để cho tòa lâu đài bị sụt móng kia có thể gượng *đứng* thẳng bình thường mà tiếp đón khách thập phương! Nhưng những tổn phí ấy không thấm vào đâu so với sự trả giá cho những băng hoại về văn hóa đang diễn ra hằng ngày, sau tấm bình phong đó.

Muốn biết cái *bình phong* quan trọng nhường nào thì cứ thử giật bỏ nó đi mà xem, người ta sẽ lăn xả vào ôm ghì lấy nó để bảo vệ hơn cả bảo về người thân. *Và nếu giật bỏ được thì cả cõi Việt Nam này bừng sáng! Vì chỉ từ đó mọi việc mới có thể bắt đầu một cách trong sáng, mọi sự vật mới mang ý nghĩa thật của nó!*

Hãy tha cho Mác

Học thuyết Mác - Lê tuy không dùng được vào việc xây dựng xã hội văn minh ngày nay, và tuy đã gây cho đất nước ta những tổn thất không phải không đau đớn, nhưng cũng đã có công giúp chúng ta huy động sức mạnh dân tộc làm cuộc khởi nghĩa Tháng Tám và cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, thay đổi vị trí nước ta trên bản đồ thế giới, đã từng cùng với nhân dân ta có những ngày tốt đẹp, và về một mặt nào đấy cũng góp phần cho con người Việt Nam trưởng thành.

Hãy có cách hành xử trượng phu để chủ nghĩa ấy được từ biệt nhân dân ta một cách công khai, chia tay trong tình nghĩa. Chủ nghĩa ấy đã phải vào bằng con đường bí mật, nay đất nước ta đã có độc lập, nên tiểu chủ nghĩa ấy ra đi bằng cửa trước. Hãy để cho chủ nghĩa ấy được ra đi thanh thản! Nếu ở giai đoạn cuối cùng này, vì tham chút lợi riêng mà bắt chủ nghĩa ấy phải đóng nốt vai trò của *bình phong*, che đậy những điều khuất tất để gây thêm ác cảm cho những thế hệ Việt Nam sau này, thì chẳng hóa ra chúng ta định lấy oán trả ân cho Mác sao? Việt Nam ta sành chơi *bình phong*, học thuyết nào đến đây cũng không thoát được, nhưng thôi, với Mác, nên tha cho Mác!

Tôi đã liều lĩnh vượt qua cái trở ngại quá lớn là trình độ thô thiển của mình mà giải bày chút nhận thức nông cạn, cũng chỉ cốt để được thu nhận sự chỉ bảo của bạn đọc kính mến.

"ĐỔI MỚI" là gì? Nếu không phải là một DÂN TỘC thức tỉnh, tự vượt qua mình mà đi lên!■

Đà Lạt, ngày 19 tháng Tám 1995

CUỘC CHIẾN QUỐC CỘNG TẠI MIỀN BẮC 1945-1946

LÊ MẠNH HÙNG

(tiếp theo)

5. Việc Giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương: Tình hình trở nên đặc biệt căng thẳng vào tháng Mười Một, 1945. Ngày 2 tháng Mười Một, tờ *Việt Nam* ra một bài chỉ trích gay gắt thỏa hiệp giữa Việt Minh và nhóm Đồng Minh Hội ly khai của Vũ Kim Thanh. Đặc biệt, Quốc gia chống đối quyết liệt âm mưu của Hồ Chí Minh tổ chức tổng tuyển cử vào ngày 23 tháng Mười Hai. Đối với những người quốc gia, họ thấy đây là âm mưu của Hồ để loại phe quốc gia ra khỏi chính phủ với sự đồng ý của dân chúng vì họ không có đủ thời gian để vận động và tách quần chúng ra khỏi ảnh hưởng của Việt Minh. Vấn đề là cần phải thuyết phục quân đội Trung Quốc ra mặt chống lại Việt Minh. Có vẻ như chính sách của Trung Quốc lúc này đã nghiêng về phía các đảng quốc gia. Ngày 7 tháng Mười Một, quân đội Trung Quốc cho Quốc Dân Đảng mượn một đài phát thanh, từ đó phát đi những bài chỉ trích thất bại của Trần văn Giàu tại Nam Bộ, chính sách độc tài đảng trị của Việt Minh, thất bại của Việt Minh trên trường quốc tế và tình trạng vô chính phủ đang diễn ra trên toàn quốc. Ngày 8 tháng Mười Một, Nguyễn Hải Thần đưa ra một tối hậu thư cho Hồ Chí Minh đòi hỏi Hồ phải từ chức, giải tán chính phủ, từ bỏ chế độ độc tài của đảng Cộng Sản và thành lập một chính phủ mới. Theo một nguồn tin tình báo Pháp, Nguyễn Hải Thần đã được sự đồng ý của Lư Hán trước khi tên tướng này rời Hà Nội về Côn Minh.

Tối hậu thư này của Nguyễn Hải Thần đã đưa chính quyền Hồ chí Minh vào trong một tình trạng khó xử. Mặc dầu đã hết sức mua chuộc Lư Hán và Tiêu Văn, nhưng Hồ không thể gạt bỏ một sự thay đổi trong chính sách của Trung Quốc. Ngoài ra, việc ráo riết ngăn chặn sự phổ biến các báo *Việt Nam* và *Chính Nghĩa* cùng việc đe dọa và bắt giữ những người đọc các báo này cho thấy việc tuyên truyền của Quốc gia đã bắt đầu có kết quả trong dân chúng. Điều này đã giải thích việc ngày 8 tháng Mười Một Việt Minh tìm cách lục soát tòa soạn của báo *Việt Nam*.

Trước tình thế đó, ngày 11 tháng Mười Một, Hồ chí Minh đã phải lấy một quyết định đặc biệt quan trọng là giải tán đảng Cộng Sản Đông Dương, ba ngày sau tối hậu thư của Nguyễn Hải Thần và sau nhiều phiên họp mật của trung ương đảng Cộng Sản trong những ngày từ 9 đến 11 (20). Tình hình chắc phải nghiêm trọng nên Hồ mới phải làm như vậy vì ngày hôm sau, 12 tháng Mười Một trung ương đảng Cộng sản đã họp mật và đưa ra hai chỉ thị mật như sau:

1. Nếu quân Tầu dùng võ lực đàn áp, chúng ta sẽ tổ chức tổng đình công và nếu cần sẽ phá hủy các nhà máy điện và nước, tổ chức khủng bố, gây rối loạn trật tự xã hội.

và

2. Nếu quân Tầu và bọn phản động Nguyễn Hải Thần, Nghiêm Kế Tổ tính cướp chính quyền của chúng ta, chúng ta sẽ áp dụng chính sách vườn không nhà trống (21).

Hoàng Văn Hoan khi viết hồi ký của mình trong những năm 80 đã đưa ra những lời giải thích như sau:

"Để làm yên lòng Lư Hán và Tiêu Văn, ngày 11 tháng Mười Một bác Hồ đã công khai tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản Đông Dương... tuy nhiên đảng vẫn tiếp tục hiện diện bí mật để lãnh đạo cuộc đấu tranh của quần chúng. *Việc giải tán đảng Cộng Sản đã làm cho tình hình bớt căng thẳng hơn...*" (22).

Hoàng Văn Hoan không giải thích tình hình căng thẳng như thế nào. Tuy nhiên Hoan có nhắc đến Lư Hán và Tiêu Văn. Rõ ràng là có vẻ như mặc dầu cảm tình của hai viên tướng Tầu này với Hồ, nhưng Hồ sợ là chúng không có thể chống đối lại với tối hậu thư của Nguyễn Hải Thần. Đặc biệt là Tiêu Văn rất có ác cảm với Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế Tổ. Chính Tiêu cũng đã nhiều lần làm áp lực với Nguyễn Hải Thần để hợp tác với Hồ chí Minh. Vậy thì điều gì đã làm cho Hồ và Trường Chinh sợ Tiêu Văn trở cờ? Tài liệu không có đủ ở đây để có thể quyết đoán được một cách chính xác. Các nguồn tin tình báo Pháp cho biết *"vào cuối tháng Mười, Trùng Khánh đã tỏ ra rất quan tâm đến việc một số tên Cộng Sản Trung Quốc xâm nhập vào miền Bắc Đông Dương trong đó có cả một số tên lãnh đạo"* . Ngoài ra còn không hiểu lúc đó Nguyễn Tường Tam đang ở Trùng Khánh có làm được gì

để thuyết phục chính quyền Tưởng Giới Thạch hay không? Còn một yếu tố nữa là tại Mỹ, chính quyền Truman cũng đã bắt đầu e ngại về những sự bành trướng của Cộng Sản Quốc Tế. Dù sao chăng nữa Hồ cũng đã thật sự sợ là Tưởng có ra lệnh cho làm đảo chính tại Việt Nam và dưới áp lực của Tiêu Văn, hai bên Quốc Cộng đã bắt đầu thương thuyết vào ngày 17 tháng Mười Một đưa đến một thỏa hiệp vào ngày 23 tháng Mười Một. Một bản thông cáo chung giữa các phe được công bố vào ngày 24 và 25 tháng Mười Một đưa ra ý nguyện thành lập một chính phủ đoàn kết quốc gia, thực hiện một chương trình chính trị thống nhất, tổ chức bầu cử và thành lập một quân đội quốc gia hợp nhất. Thỏa hiệp này do Hồ Chí Minh, Nguyễn Hải Thần và Vũ Hồng Khanh đồng ký.

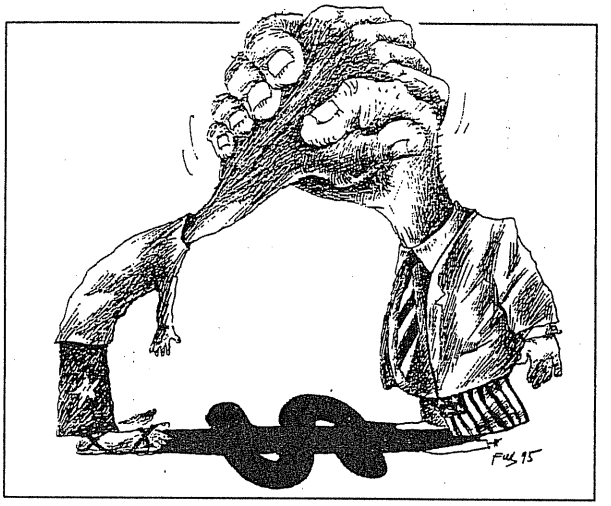
Tuy nhiên, mặc dầu thỏa hiệp, nhưng Hồ cũng vẫn không chịu chấp nhận những đòi hỏi cụ thể của phe Quốc gia, đó là loại trừ Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp và Trường Chinh ra khỏi chính phủ, hủy bỏ tổng tuyển cử, giải tán các ủy ban nhân dân các tỉnh thị vốn là phương tiện mà Việt Minh dùng để nắm giữ chính quyền. Vào cuối tháng Mười Một các báo chí Quốc gia bắt đầu tấn công trở lại. Ngày 2 tháng Mười Hai, Việt Minh phản ứng bằng cách tổ chức một cuộc biểu tình lớn tại Bắc Ninh, tự nhận là đại diện độc nhất của một nước Việt Nam độc lập.

6. Lá Bài Pháp và những Cuộc Thương Thuyết Bí Mật Pháp Việt Minh: Trước áp lực của các đảng phái quốc gia, chính phủ Hồ Chí Minh bắt đầu nghĩ đến lợi dụng Pháp để giúp mình nắm giữ chính quyền. Chính sau những ngày sôi động của tháng Mười và Mười Một, một tuần sau khi thỏa hiệp giữa hai bên Quốc Cộng được ký kết, Hồ chí Minh, Võ Nguyên Giáp và Hoàng Minh Giám đã bí mật đi gặp Jean Sainteny, Léon Pignon và Louis Caput để bàn thảo về việc Pháp trở lại Việt Nam. Như Philippe Devillers đã nhận định *"Hồ không muốn cắt đứt liên lạc với nước Pháp chút nào vì ông ta còn chờ đợi sự trợ giúp của Pháp"* (23). Đối với Pignon và Sainteny, chỉ có Hồ và Việt Minh mới là những người đối thoại đứng đắn. Sainteny đã loại bỏ ra ngoài ngay những người quốc gia cho là họ quá chống Pháp và bài ngoại để có thể chấp nhận được một thỏa hiệp với Pháp. Trong một phúc trình gởi cho D'Argenlieu, cao ủy Pháp tại Sài gòn, Léon Pignon đã giải thích như sau:

"Chúng ta có muốn sự sụp đổ của Việt Minh dưới áp lực của Tầu và việc phân mảnh các đảng phái chính trị hay không? Theo tôi, vấn đề này không có một câu trả lời bảo đảm. Không nghi ngờ gì cả, Việt Minh có những nhân vật nổi bật nhất và vô tư nhất, và vì vậy ta có thể coi như là nguy hiểm nhất, nhưng cũng vì vậy mà họ ít mâu thuẫn nhất và may ra ta có thể hy vọng họ sẽ giữ được những cam kết của họ." (24)

Thi hành chính sách ủng hộ Việt Minh, Pháp đã đưa ra một đề nghị gặp gỡ mật với Hồ. Theo Philippe Devillers, *"Chính phủ lâm thời Việt Nam đã vội vã nhận lời, nhưng cuộc gặp gỡ này đã không xảy ra được vì bị Trung Quốc bác"* vào ngày 21 tháng Mười Hai.

Hồ Chí Minh sở dĩ chưa có thể ra mặt điều đình với Pháp là còn vì áp lực của các đảng phái quốc gia. Ngày 9 tháng Mười Hai Tưởng Giới Thạch đã lên tiếng tại Trùng Khánh cho biết sẽ rút quân ra khỏi miền Bắc Việt Nam trong nay mai. E ngại là trước khi rút, Tưởng có thể ra lệnh cho quân Tầu làm một cuộc đảo chánh tại miền Bắc để lập nên một chính phủ có tính chất quốc gia hơn, Hồ một mặt tìm cách chứng minh với phía Trung Quốc là mình không còn là Cộng sản



và thân Trung Quốc, một mặt khác đe dọa là nếu Trung Quốc làm một hành động như vậy sẽ tạo ra không những một cuộc nội chiến và xáo trộn xã hội mà còn kéo quân đội Trung Quốc vào một cuộc chiến và có ảnh hưởng trầm trọng đến cộng đồng người Hoa tại Việt Nam nữa. Điều này đã khiến các tướng Tàu tạo áp lực buộc các đảng phái Quốc gia thương thuyết với chính phủ Hồ chí Minh. Dưới sự chủ trì của Tiêu Văn, các phe Quốc Cộng lại một lần nữa điều đình với nhau việc thành lập một chính phủ liên hiệp. Ngày 18 tháng Mười Hai, chính phủ Hồ chí Minh nhượng bộ ra thông cáo dời ngày tổng tuyển cử lại đến ngày 6 tháng Một, 1946. Ngày 23 tháng Mười Hai, hai bên ký một thỏa hiệp 14 điểm và 4 phụ đính. Trong những phụ bản này có điều khoản dành 70 ghế trong Quốc Hội cho Quốc gia (50 cho QDĐ và 20 cho ĐMH). Quốc Dân Đảng được hai ghế trong chính phủ, Bộ Kinh tế và Bộ Y tế. Nguyễn Hải Thần được mời giữ chức vụ phó chủ tịch. Tuy nhiên sang ngày

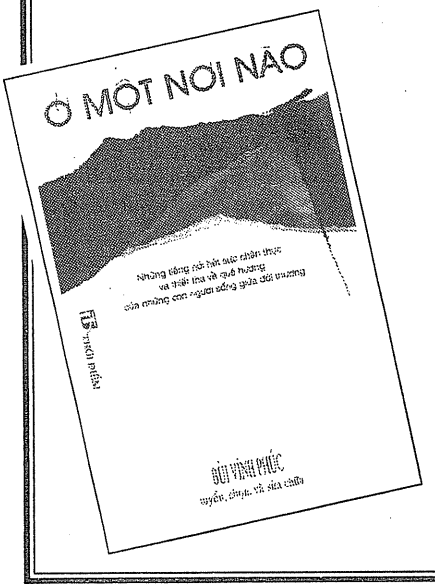
25, Hồ đã phải nhượng bộ thêm nữa và chấp nhận là trong chính phủ Liên Hiệp thành lập sau khi bầu cử, Việt Minh chỉ được giữ bốn bộ và các bộ Quốc Phòng và Nội Vụ phải do những người độc lập không đảng phái nắm giữ.

7. Chính Phủ Liên Hiệp: Tháng Một đến tháng Ba 1946 Ngày 1 tháng Một 1946, một chính phủ Liên hiệp Quốc Dân lâm thời được thành lập với Hồ chí Minh làm chủ tịch, Nguyễn Hải Thần làm phó. Tuy nhiên nếu xét qua thành phần của chính phủ ta thấy không có thay đổi bao nhiêu so với chính phủ Hồ chí Minh lúc trước. Thật sự chỉ có thay đổi trong hai bộ. Bộ Kinh Tế chuyển từ tay Nguyễn Mạnh Hà sang Nguyễn Tường Long (VNQDĐ) và bộ Y Tế, từ Bác sỹ Hoàng Tích Tri sang Bác sỹ Trương Đình Tri (ĐMH). Nói một cách khác, Việt Minh đã vẫn giữ được quyền kiểm soát chính phủ mà không phải nhượng bộ bao nhiêu cho các đảng phái quốc gia. Đó quả là một điều đáng ngạc nhiên và cho thấy chính sách mua chuộc của Hồ đối với các tướng lãnh Trung Quốc đã có những kết quả.

Tuy nhiên phe đối lập cũng không chịu ngồi yên. Họ hiểu rằng nay cần phải thúc đẩy Quốc Hội họp sớm để có thể thi hành thỏa hiệp ngày 23 tháng Mười Hai rút số bộ do Việt Minh nắm xuống chỉ còn lại bốn. Và Việt Minh thì, trái với lúc trước, rõ ràng là không muốn triệu tập Quốc Hội sớm làm gì. Khóa họp đầu tiên của Quốc hội cuối cùng được định là vào ngày 3 tháng Ba, 1946. Giận dữ, Việt Nam Quốc Dân Đảng lại tung ra một chiến dịch đòi Hồ Chí Minh phải từ bỏ ghế bộ trưởng ngoại giao, cách chức Võ Nguyên Giáp ra khỏi bộ Nội Vụ và Trần Huy Liệu ra khỏi bộ Tuyên Truyền. Ngày 20 tháng Một, 1946, Nguyễn Tường Tam và Nghiêm Kế Tổ trở về Việt Nam để tham gia vào việc đấu tranh chống Việt Minh. Đồng thời các cuộc chạm súng đã lại tái diễn tại các tỉnh giữa hai phe. Quân đội của Võ Nguyên Giáp được lệnh từ từ chiếm lại những khu vực then chốt dọc theo đường xe lửa Hải Phòng Vân Nam, Phú Thọ, rơi vào tay Quốc gia lúc đầu tháng Mười Hai, bị các lực lượng của Giáp lấy lại vào cuối tháng. Tình hình trở nên căng thẳng đến nỗi, quân Pháp tại Sài Gòn cho là có triển vọng một cuộc chiến lớn có thể nổ bùng ra tại ngoài Bắc (25).

Trong khi đó, tại Trung Quốc, Tưởng vẫn tiếp tục e ngại về sự hiện diện của một chính quyền Cộng Sản tại mặt Nam đúng vào lúc đang tập trung mọi lực lượng để tiêu diệt Cộng Sản tại Mãn Châu. Lúc này các cuộc thương thuyết gay gắt đang diễn ra tại Trùng Khánh về việc để quân Pháp lên thay thế quân Tàu trong việc giải giới quân Nhật tại Bắc Bộ. Tháng Một, 1946, phía Tưởng đề nghị với Pháp thành lập một chính phủ quốc gia có khuynh hướng Quốc Dân Đảng tại Việt Nam và buộc chính phủ này cộng tác với Pháp. Sau đó, Pháp, Trung Quốc và chính phủ mới sẽ hợp tác để tiêu diệt Việt Minh và cùng cộng tác để phát triển kinh tế vùng này. Léon Pigon đã báo cáo đề nghị này cho D'Argenlieu. Nhưng tham lam và e ngại những ý đồ của Tàu, D'Argenlieu đã bác bỏ coi như không thể chấp nhận được (inacceptable) (26).

Áp lực của Trùng Khánh cũng có hiệu lực đối với các tướng lãnh Trung Quốc tại Việt Nam. Ngày 19 tháng Hai, 1946, vẫn dưới sự chủ trì của Tiêu Văn, hai phe lại điều đình tiếp và một thỏa hiệp mới đạt được vào ngày 24 tháng Hai, 1946. Một chính phủ liên hiệp mới được thành lập. Hồ vẫn giữ chức vụ chủ tịch. Nguyễn Hải Thần làm phó chủ tịch và Nguyễn Tường Tam làm bộ trưởng ngoại giao. Hai bộ then chốt, Quốc phòng và Nội vụ được trao cho những người được gọi là



• Những bài văn đẹp, chân thật và thiết tha, được ấp ủ, yêu thương và gìn giữ trong trái tim của những người Việt Nam xa xứ—thuộc rất nhiều lứa tuổi, gốc miền, kinh nghiệm sống, và thành phần xã hội.

• Những bài văn nguyên chất, phản ánh bao kỷ niệm sóng sánh, đẹp tươi và đau khổ, về một quê hương thiết tha trong quá khứ, cũng như trình bày trung thực về cuộc sống của những con người tỵ nạn Việt Nam trên xứ người.

• Một chiếc cầu vồng lung linh nhiều màu sắc của hạnh phúc lẫn khổ đau, hiện tại và quá khứ, nước mắt chan tiếng cười của những con người Việt Nam sống giữa đời thường.

• Một tài liệu nhân văn độc đáo, mang tính văn chương—về đời sống và tâm tình của người Việt ngoài nước—hiện đang được dùng để giảng dạy tại đại học Mỹ.

• BÙI VĨNH PHÚC tuyển chọn, sửa chữa, và giới thiệu.

• 530 trang, giá $20.00

• Nhà xuất bản THỜI ĐIỂM • P.O. Box 2847 Garden Grove, CA 92642 - USA • Điện thoại: (714) 530-6301 • Fax: (714) 530-1793

trung lập. Võ Nguyên Giáp và Trần Huy Liệu bị gạt ra ngoài chính phủ. Tuy nhiên để tiếp tục nắm lấy quân đội và công an, Việt Minh thành lập một Ủy Ban Kháng Chiến toàn quốc do Võ Nguyên Giáp làm chủ tịch và một Ủy Ban Cố Vấn Quốc Gia do Bảo Đại (Vĩnh Thụy) cầm đầu. Vũ Hồng Khanh được cử vào làm phó chủ tịch Ủy Ban Kháng Chiến.

8. Thỏa Hiệp 6 tháng Ba, 1946: Quân đi Pháp trở lại miền Bắc: Với việc ký kết hiệp ước Trung Pháp ngày 28 tháng Hai, 1946 cho phép quân đội Pháp thay thế quân đội Tàu ra bắc giải giới quân Nhật, phe đối lập Việt Quốc bắt đầu rơi trở lại vào thế yếu. Điều này đã thể hiện ngay trong việc thương thuyết giữa Pháp và Việt Nam trong việc cho phép quân Pháp trở lại miền Bắc. Mặc dầu Nguyễn Tường Tam làm bộ trưởng ngoại giao nhưng cả Quốc Dân Đảng lẫn Đồng Minh Hội đều không tham gia vào các cuộc thương thuyết dẫn đến hiệp định 6/3 này. Mọi chuyện đều được thương thuyết giữa Hồ Chí Minh và Sainteny mà thôi. Nhưng tại sao Vũ Hồng Khanh lại ký vào hiệp định này, một hiệp định đã dẫn tới sự sụp đổ của phe Quốc gia về sau này? Và tại sao lại Vũ Hồng Khanh, một người không có chân trong chính phủ mà không phải là Nguyễn Tường Tam lúc đó là bộ trưởng ngoại giao?

Hoàng Văn Đào, một đảng viên Quốc Dân Đảng, trong cuốn sách của ông nói là Vũ Hồng Khanh có thể không hiểu rõ ý nghĩa của thỏa hiệp ngày 6/3 này. Nhưng điều đó đánh giá quá thấp Vũ Hồng Khanh. Là lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng, ông Khanh đã có những nguồn tin tình báo riêng của mình cũng như các đường dây liên lạc với phía Trung Quốc và Mỹ. Ông phải hiểu là với quyết định của Trùng Khánh cho phép Pháp trở lại miền Bắc, điều đó có nghĩa là Tưởng phủi tay đối với Việt Nam để tập trung vào cuộc chiến chống cộng ở Mãn Châu, dựa vào Pháp để bảo đảm an ninh ở phía Nam.

Không có tài liệu nào còn lại của Việt Nam Quốc Dân Đảng hay Đại Việt cho biết lập trường thật sự của những đảng này về hiệp định 6/3 này. Nhưng qua những bài báo đăng tải trên các báo chí Quốc gia lúc đó, có thể đoán được là những lãnh tụ đảng này đã nhất quyết chống lại một thỏa hiệp với Pháp.

Căn cứ theo Hoàng Văn Đào, trong những ngày đầu tháng Ba, một đoàn tầu 35 chiếc chở 21,000 quân Pháp dưới quyền chỉ huy của tướng Leclerc tiến vào bến Hải Phòng. Sáng ngày mùng 6, những tiếng súng đầu tiên đã bắt đầu nổ. Đối với Hồ Chí Minh và những tướng lãnh Trung Quốc, cần phải gấp rút ký một thỏa hiệp để ngăn chặn chiến tranh với Pháp. Thỏa hiệp đã được thỏa thuận, nhưng Sainteny nhất định đòi phải có một chữ ký của một lãnh tụ quốc gia không phải Việt Minh trong đó. Trong phiên họp khẩn cấp sáng mùng 6, Hồ không kiếm ra đâu được Nguyễn Tường Tam, bộ trưởng Ngoại giao. Ông Tam, không hiểu có phải đã được biết trước hay không, nhưng đã biến mất không để lại dấu vết. Hồ vội vã sai người mời Vũ Hồng Khanh tới yêu cầu ký. Nhưng ông Khanh từ chối nói là không phải là thành viên của chính phủ, không có tư cách để ký. Sau đó, Hồ chí Minh yêu cầu một trong những vị bộ trưởng đứng ra ký, nhưng không ai chịu. Cuối cùng, Hồ quyết định phiên họp sẽ bỏ phiếu kín bầu ra một người để ký vì nếu không thì sẽ là chiến tranh với Pháp. Và theo Hoàng Văn Đào, Vũ Hồng Khanh đã bị chỉ định (27).

Sự thật không biết có diễn ra như Hoàng Văn Đào mô tả hay không, nhưng chắc chắn là ngày hôm đó Hồ không kiếm ra được một lãnh tụ Quốc gia nào khác ngoài Vũ Hồng Khanh, và để thuyết phục cho Vũ Hồng Khanh ký, chắc hẳn phải có bàn tay của Trung Quốc. Một sỹ quan Pháp kể lại buổi lễ ký kết hiệp định như sau:

Các quan sát viên ngoại quốc, Trevor Wilson (Anh) và Farris (Mỹ), phía đại diện Pháp, Pignon, Salan... vỗ tay hoan hô trong khi đó Vũ Hồng Khanh cứ lạnh như tiền. Bị Tiêu Văn ép buộc, ông ta vừa phải nhân danh đảng của ông ký vào một bản thỏa hiệp mà cho đến lúc này ông ta vẫn còn chống. Láu cá hơn, ông già Nguyễn Hải Thần đã chuồn đi từ trước...

Đây là bước đầu của sự sụp đổ của các đảng phái quốc gia. Ngày 8 tháng Ba, trung ương đảng Cộng sản họp đưa ra một chính sách hợp tác với Pháp lấy tên là "hòa để tiến" cốt để tránh không bị rơi vào một cuộc chiến cùng lúc với nhiều kẻ thù và tập trung các lực lượng chống lại các đảng phái quốc gia trước (29). Trong khi đó để tránh bị cô lập trước việc Việt Minh liên minh với Pháp, phía Quốc gia nay phải ra sức nỗ lực tìm kiếm một sự ủng hộ khác bên ngoài.

Ngày 12 tháng Ba Nguyễn Tường Tam trở lại Hà Nội tuyên bố là Trung Quốc và Hoa Kỳ cần phải đứng ra bảo đảm hòa bình tại Đông Nam Á. Ông nói thêm là Việt Nam muốn đặc biệt dựa vào Mỹ để buộc người Pháp phải giữ hòa bình tại Đông Dương. Ngày hôm sau, ông yêu cầu Hồ chí Minh gửi Bảo Đại cầm đầu một phái đoàn sang Trung Quốc để điều đình với Tưởng Giới Thạch. Ngày 18 tháng Ba, Bảo Đại rời Hà Nội đi Trùng Khánh cùng với Nghiêm Kế Tổ và hai đại diện của Hồ Chí Minh. Không hiểu trong những ngày vắng mặt đó, Nguyễn Tường Tam có những tiếp xúc mật gì với tình báo Mỹ tại Việt Nam hay Trung Quốc không. Không có những tài liệu cả về phía Mỹ cũng như phía Quốc Dân Đảng, ta không thể quyết đoán được. Nhưng chắc hẳn những tiếp xúc đó cuối cùng cũng không đem lại kết quả gì vì trước đó, tổng thống

Mỹ Truman đã cam kết với tướng de Gaulle của Pháp là Mỹ tôn trọng chủ quyền của Pháp ở Đông Dương. Tháng Tư 1946, Pháp và Việt Minh ký hiệp định quân sự cho phép Pháp đóng quân tái chiếm lại miền Bắc. Liên minh ma quỷ giữa Pháp và Việt Minh nhằm tiêu diệt các đảng phái quốc gia bắt đầu thành hình.

(Còn tiếp)

Cáo lỗi:

Vì có sự trục trặc khi chuyển đĩa của tác giả sang hệ thống của Tòa soạn, đoạn đầu bài này đăng trong TK 21 số 77 đã bị một số thiếu sót: Một số chữ in **đậm** và *nghiêng* cùng với tất cả các chú thích đã không hiện ra. Thành thật xin lỗi tác giả và độc giả. Sau đây chúng tôi xin in lại các chú thích thuộc về đoạn trước (từ số 1 đến số 19) trước khi in các chú thích của số này (từ 20 đến 29).

Chú thích:

Của Thế Kỷ số 77: Xin đọc bài "Cuộc Chiến Quốc Cộng...", từ trang 29, số 77.

(1) Trang 29, cột phải, dòng 6 từ dưới lên, sau chữ *Cao Bằng*: Điện tín của Decoux sang bộ thuộc địa - ANSOM, Agence FOM 451.
(2) Trang 30, cột trái, dòng 10 từ trên xuống, sau chữ *Hà Nội*: Gautier, G. *9 Mars 1945 Hanoi au soleil de sang, la fin de l'Indochine Francaise, Paris, SPL 1978.*
(3) Trang và cột như trên, dòng 19 từ trên xuống, sau chữ *Quốc Dân Đảng*: P. Brocheux "L'occasion Ravorable" trong *L'Indochine Francais 1940-45 P.Isoart,ed.t 163. (4) Trang và cột như trên, dòng 13 từ dưới lên, sau chữ Matsushita*: Trần Trọng Kim, *Một Cơn Gió Bụi.*
(5) Trang và cột như trên, dòng 11, sau chữ *Yokohama*: Được coi là một trong những đối thủ sừng sỏ của tình báo Mỹ, A Patti *Why Vietnam.*
(6) Trang 31, cột phải, dòng 13 từ trên xuống, sau chữ *không kịp*: Theo ký giả Nguyễn Tú, lúc đó là một đảng viên Đại Việt, cho biết ngày 15/8/1945 Đại Việt cũng đã dự tính tổ chức một cuộc đảo chính cướp chính quyền, nhưng vào phút chót lại hủy bỏ.
(7) Trang và cột như trên, cuối dòng chót: Thông cáo - Bộ Tuyên Truyền - *Dân Thanh* số 16 t.1 22/9/1945, Nghị Định Bộ Nội Vụ 11/9/1945 Hoàng Minh Giám ký. Thông Cáo - Bộ Tuyên Truyền, *Dân Thanh* số 49, 1/11/1945, t.1.
(8) Trang 32, cột trái, dòng 12 từ trên xuống, sau chữ *Quốc Xã*: Sắc Lệnh do Bộ Trưởng Nội Vụ Võ Nguyên Giáp ký ngày 5/9/1945 - *Việt Nam Dân Quốc Công Báo* số 1, t.6 ngày 19/9/1945.
(9) Trang và cột như trên, dòng 14 từ trên xuống, sau chữ *chế độ*: "Những người nguy hiểm cho nền Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam dễ bị đưa đi an trí - Sắc Lệnh" *Dân Thanh số 15, t.1 21/9/1945.*
(10) Trang và cột như trên, dòng 18 từ trên xuống, sau chữ *Cộng Hòa*: Sắc Lệnh Hồ Chí Minh ký ngày 13/9/1945 đăng trên *Việt Nam Dân Quốc Công Báo* số 1 t.11, 29/9/1945.
(11) Trang và cột như trên, dòng 8 từ dưới lên, sau chữ *cầm quyền*: "Nguyễn Thế Nghiệp và Nguyễn Ngọc Sơn, hai tên phản quốc Sơn và Nghiệp đã bị bắt trong trường hợp nào" *Cứu Quốc* số 42, 18/9/1945. "Ba tên phản quốc nữa bị bắt" *Cứu Quốc số 41, 12/9/1945.*
(12) Trang 33, cột trái, dòng 17 từ trên xuống, sau chữ *trước đó*: Theo Hoàng Văn Hoan, *Giọt Nước Trong Biển Cả* t.265.
(13) Trang và cột như trên, dòng 22 từ dưới lên, sau chữ *Hội*: Theo Nghiêm Kế Tổ dẫn trong King C. Chen *Viet Nam and China 1938-1945*, Princeton, Princeton University Press 1969 t.77.
(14) Trang và cột như trên, dòng 7 từ dưới lên, sau chữ *về nước*: Archimedes L.A Patti *Why Vietnam?* Berkeley, University of California Press 1980 t.234-36.
(15) Trang 34, cột trái, dòng 26 từ trê xuống, sau chữ *Việt Minh*: Hoàng Văn Đào *Việt Nam Quốc Dân Đảng* t.283-84.
(16) Trang và cột như trên, dòng 8 từ dưới lên, sau chữ *Thần*: Nói chuyện với giáo sư Hoàng Xuân Hãn, Paris 10/1994.
(17) Trang như trên, cột phải, dòng 27 từ trên xuống, sau chữ *Việt Minh*: Dân Quốc "Đoàn Kết Giữa Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội và Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội" số 44, 16/10/1945.
(18) Trang và cột như trên, dòng 33 từ trên xuống, sau chữ *đó*: Báo cáo của Nguyễn Hải Thần được dẫn trong King C.Chen *op.cit* t.122, ghi chú 7.
(19) Trang và cột như trên, cuối dòng chót: CAOM-GF Báo cáo của Chủ tịch Ủy Ban Hành Chính khu Hòa Bình gửi ông chủ tịch Ủy Ban Hành Chính Bắc Bộ 3/4/1946.

Sau đây là các chú thích thuộc bài này:

(20) King C.Chen *op.cit t.128.*
(21) King C. Chen *op.cit t.28-29.*
(22) Hoàng Văn Hoan *Giọt Nước Trong Biển Cả* t.266-7.
(23) Philippe Devilers "Le choix de la Voie négociée" trong *Leclerc et L'Indochine 1945-47. Quand se noua le destin d'un empire.* Paris, Albin Michel 1992 t.159.
(24) Phúc trình của Pignon 9/12/1945 được dẫn trong Devilers "Le Choix..." t.159.
(25) "Actions du Front Viet Minh contre les partis opposants" trong hồ sơ *"Lutre contre le gouvernement Vietminh et les partis opposants"*, phúc trình của Léon Pignon cho Cao ủy Pháp tại Đông Dương số 4562/cp/ap Sài Gòn 17/12/1946 CAOM/CP 157.
(26) Phúc trình của Pignon op.cit 17/12/1945.
(27) Hoàng Văn Đào *op.cit*
(28) Jean Julien Fonde *Traitez à tout prix* Paris, R.Laffont, 1971 t.118.
(29) Trần Huy Liệu et al *Cuộc Kháng Chiến Thần Thánh Của Nhân Dân Việt Nam* Hà Nội, nhà xuất bản Sự Thật 1960 t.54.

Một viên ngọc quý cuả văn học miền nam Việt Nam và hải ngoại

VÕ PHIẾN: MỘT CÂY THÔNG LÚC NÀO CŨNG XANH TƯƠI

*** Tại sao cộng sản Việt Nam cho tới nay vẫn đánh giá Võ Phiến rất "nặng"? * Lý do nào khiến cho Võ Phiến viết "Tổng Quan Hai Chục Năm Văn Học Miền Nam" để "tiếng nói cuả cả miền nam thể hiện qua hơn hai chục năm văn học phải được lưu giữ..."**

PHAN LẠC TIẾP

Tôi xa đất Bắc đã bốn mươi năm. Nhớ quê hương khôn tả. Càng lâu, càng xa nỗi nhớ càng thêm mạnh mẽ. Do đó, khi có thể về lại quê nhà được, tôi đã về ngay. Giữa sự lo âu vì sự bất an, còn đó những rung động vì những điều nhớ lại. Nhớ vô cùng, nhớ từ cái chẳng đáng nhớ nhớ đi. Trước khi đi mấy hôm, tôi có gọi cho nhà văn Võ Phiến. Ông ngỡ ngàng thấy tôi về Việt Nam thăm quê cũ. Ông nói rất thong thả, như vừa nói vừa nghĩ, sợ có điều chi vội vã chăng. Ông bảo : "Ờ anh về... về thật à..." Dừng lại khá lâu, ông mới lại nói tiếp : "Ờ, anh chị còn trẻ, anh chị... Tôi, chà! Chắc tôi không có cơ hội về thăm lại quê nhà quá..." Câu chuyện đưa đẩy nói về một vài điều khác, bỗng chốc ông lại trở lại chuện quê nhà : "Tụi nhỏ mới qua được đây. Trước khi đi chúng nó có về lại quê nhà tôi Bình Định, thăm lại làng xóm cũ. Chà, thay đổi hết chơn. Cái nền nhà cũ nay có một gia đình nào đó cất một túp lều tranh. Chả nhận ra được anh à..."



Võ Phiến qua nét vẽ Nguyễn Nhật Tân

Nỗi nhớ thăm quê cũ của nhà văn Võ Phiến đã lưu lại một góc kín trong lòng tôi. Tôi nhớ từng tiếng nói, từng đoạn ngập ngừng nơi ông. Trong cái không nói còn "nói" lên bao điều xốn xang nhớ tiếc. Vì thế, cũng thật tình cờ, ở Hà Nội, tôi có tiếp xúc được với một vài người bạn, những người am tường sinh hoạt văn học nghệ thuật trong mấy thập niên qua. Tôi hỏi : "Liệu chừng ông Võ Phiến về thăm quê nhà lúc này được chưa?" Người ấy cười, thật từ tốn, cúi đầu mới nói : " Chưa. Chưa được đâu." Không đợi tôi hỏi thêm, người đó nói tiếp : "Ở đây người ta đánh giá Võ Phiến rất "nặng". Họ coi ông ta như một trong vài ba tay lãnh đạo văn học miền Nam trước đây và cả lúc này ở nước ngoài."

Tôi lặng đi rất lâu, vì không ngờ một người viết văn như ông Võ Phiến lại được "nhìn" kỹ như thế, và "nhìn" lâu như thế. Định hỏi thêm, nhưng thôi, thế cũng là quá đủ. Suốt mấy tuần lễ lưu lại Việt Nam tôi cứ bị mấy lời nhận định trên theo đuổi. Tôi từ lâu vẫn đọc Võ Phiến. Hầu như đọc hết các tác phẩm cuả ông từ trong nước cũng như tại hải ngoại. Điều trước hết là tôi "gặp" được ở ông một tâm hồn rất đỗi yêu quý quê nhà, nơi ông được dinh ra và lớn lên. Tôi theo vết chân của chị Lê từ miền quê miền Trung loạn lạc, chị lấy chồng, bỏ chồng, vào miền Nam... Tôi thấy ông Tú Từ Lâm, một người của thế hệ xưa cũ, ông là đại diện của cửa Khổng, sân Trình, coi lời Khổng Tử như khuôn vàng thước ngọc. Ông Tú rồi cũng lưu lạc vào Sài Gòn rồi gặp lại chị Lê... Câu chuyện cuả hai người xa quê gặp lại nhau, rồi là câu chuyện của đàn ông và đàn bà... Các câu chuyện như thế, tưởng như rời rạc, nhưng thực ra, theo tôi, là những câu chuyện thực, các nhân vật thực ở xung quanh tác giả Võ Phiến. Ông đã liên tục kể lại suốt mấy chục năm như thế, gắn liền với vận mệnh nổi trôi của đất nước.

Ông "phả" vào đó, qua những dòng chữ, nỗi xót xa của chính ông về số phận của quê nhà. Nay các người ấy, là những ai, như chúng ta đã tan tác, tan tác tại quê nhà, tan tác tại khắp nơi trên mặt địa cầu. Họ, như Võ Phiến, đã bồi hồi xúc động mỗi khi nhớ lại những ngày tháng cũ. Ông Võ Phiến, qua ngòi bút, đâu có dừng lại đơn sơ như thế, ông thấy cái sai trái, cái tàn bạo, bất nhân của những người làm nên nỗi bất hạnh chia lìa. Ông còn thấy cả và thấy trước cái dụng ý thâm sâu và độc ác của những người chủ trương cuộc chiến. Ý tình ấy bao phủ qua bao nhiêu tác phẩm của ông. Nhưng cụ thể nhất, rõ nhất lại là một bài viết ngắn, lấy tên là "Bắt Trẻ Đồng Xanh". Bài viết đâu như được phổ biến vào năm 1968, nói về các cán bộ Việt Cộng trước đó nhiều năm đã tìm mọi cách bắt đi các trẻ nhỏ tại miền quê Nam việt, đưa ra Bắc. Các trẻ ấy, được tôi luyện, được hướng dẫn để trở thành các cán bộ trở về xâm nhập miền Nam tham gia cuộc chiến. Thâm ý ấy đã được ông Võ Phiến viết nên thành sách và được thi sĩ Hà Thượng Nhân dịch ra Pháp ngữ phổ biến rộng rãi tại Hội Đàm Paris, gây sự chấn động tận gốc rễ về sự có mặt cuả Cộng sản Bắc Việt tại miền Nam. Ông Võ Phiến bằng tất cả tấm lòng xót xa, nhân hậu, nhưng đã làm cho Hà Nội căm tức. Ông quả là "quá xá" tinh tế. Họ sợ cái tinh tế ấy của ông. Mà sợ là phải chứ.

Sau hai tuần lưu lại Hà Nội và về thăm quê cũ tại Sơn Tây, tôi đã trở lại Sài Gòn để nhìn lại nơi mà tôi đã có hơn hai mươi năm sinh sống. Tôi không đi bằng máy bay, tôi đã đi bằng xe hỏa, để có dịp nhìn tận mắt quê hương mình dọc theo con đường số 1 từ Hà Nội vào Sài Gòn. Rồi Hà Nội với bao nỗi xót xa. Anh tôi, em tôi, các cháu tôi đưa tiễn. Tôi cầm tay từng người mà lòng lại phải tự trấn an "đừng khóc nhé". Xe hỏa chuyển bánh, đây là con đường Thống Nhất, con đường chạy qua làng Hà Nội, nơi trận đánh khởi đầu của quân Nam do vua Quang Trung tiến ra, đại phá quân Thanh năm 1789. Con đường mà có lúc tôi đã vẽ ra trong đầu là con đường mình sẽ trở về theo ngả đó. Xe cứ chạy, quê hương hiện ra tiêu điều, xót xa... Các địa danh lần lượt trôi qua, đây là Thanh hoá, quê của vua Lê. Vinh, nơi nhận hưng quả bom đầu tiên của Không lực Việt Nam Cộng Hòa, tưởng đã là mở đầu cho cuộc Bắc tiến. Hà Tĩnh, Đồng Hới, hết địa danh của phía trên vĩ tuyến 17. Bế Hải rồi Đông Hà, những trận đánh tàn bạo giữa quân hai bên... Huế, với nỗi tàn khốc của mùa Xuân Mậu Thân. Qua đèo Hải Vân, vào Đà Nẵng. Từ đỉnh đồi nhìn xuống Vịnh Hàn, mặt nước phẳng lặng như gương. Hòn Tiên Sa nhô ra, nơi trước là căn cứ lớn của Hải Quân, đóng bên Quân đoàn I. Nơi mà ngày 30-3-1975, một tháng trước Sài gòn, đã rơi vào tay Cộng sản... Xe cứ chạy, lòng tôi cứ thắt lại từng đợt bồi hồi. Qua Qui Nhơn là đất đai của Bình Định, quê cũ của Quang Trung đại đế, cũng là nơi mà nhà văn Võ Phiến đã được sinh ra, đã lớn lên và đã có bao nhiêu kỷ niệm tại nơi này. Ông đã theo bao cảnh trí, con người của quê ông vào tác phẩm.

Lúc ấy là vào buổi chiều, trời chưa tắt nắng, những rừng dừa bát ngát chạy qua, chạy qua. Tôi lấy máy ảnh chụp, chỉ ghi được một vài mái nhà nhỏ, leo lét mấy ngọn đèn buồn bã. Không biết nơi nào đích xác là quê hương của ông Võ Phiến. Nhưng chắc chắn là cảnh trí này, con đường này ông Võ Phiến đã từng đi qua, và đã dùng làm bối cảnh cho bao nhiêu là truyện. Và đặc biệt, với con người yêu quê hương tha thiết ấy, sau khi đã tung hoành mải miết bằng văn xuôi, Võ Phiến đã làm thơ. Thơ Võ Phiến không cho in, chỉ gửi biếu một số bạn bè. Đọc thơ ông, ta thấy được những xúc động bồi hồi từ văn xuôi, như được tóm gọn vào thơ. Độ bốn chục bài thơ, viết từ năm 1943 ở quê nhà Bình Định, cho đến bài cuối, bài Hôm Qua, viết năm 1994, tất nhiên là viết tại Hoa Kỳ.

Năm 1975, khi rời bỏ miền Nam, trong nỗi bàng hoàng ấy ông đã viết:

Ra đi vừa chẵn năm mươi
Năm mươi năm nữa nào nơi ta về
Ngàn năm mây trắng lê thê.

Câu sáu chữ bỏ lửng như thế. như một sự bất toàn, bất toàn cho cuộc sống, cho nỗi khắc khoải nhớ về quê cũ. Võ Phiến chưa về, chưa về được. Nhưng bây giờ, tôi đang đi qua những rừng dừa, quê hương Bình Định của ông. Đêm đã xuống. Đồng xanh đã tím. Dừa từng đám. Làng mạc nào xa xa. Nơi nào *"Cách đây chừng một kiếp người"*, người con trai tên Đoàn Thế Nhơn tức Võ Phiến đã nói về mảnh *Vườn xưa* với người bạn đời bằng những lời thật mềm, thật lạ và thật khéo:

...Một ngôi nhà
Hôm bắt đầu cuộc sống chúng ta
Em nhớ chứ! Cái đêm dài kỳ lạ.
Gió định đến, chợt ngập ngừng, rút lui êm ả?
Suốt một đêm cây lá nén hơi.
Tàu chuối non toan trở mình, nghĩ lại, bèn thôi
Trời gần sáng mới có mưa rón rén
Những sợi nhỏ li ti vừa rơi vừa thẹn.

Mảnh vườn xưa của ông nơi nào, tôi không biết. Qua bao dâu bể, giờ cảnh vật đã khác xưa. võ Phiến biết thế, nhưng không biết nó đã thay đổi như thế nào:

Trên mảnh vườn xưa, giờ tan tác mây bay.
Giờ nơi đó là gò hoang, là ruộng lúc
Là hang cáo? Nghách chuồn? lê thê cỏ úa?
Giờ thâu đêm vò võ thâu canh
Trăng thẫn thờ giương con mắt lạnh tìm kiếm một mình

từ cái *hôm bắt đầu cuộc sống" đến nay, trải dài bao nhiêu mùa xuân nồng nàn, ân nghĩa, Võ Phiến nhớ lại, với tất cả bồi hồi*

Có ai ngửa cổ cười sung sướng
Cổ trắng ngần, ôi.. muốn chết luôn
Có ai hất tóc qua vai ấy
Mà dây xao xuyến cả tâm hồn...

Mê mệt nhường ấy, đắm say nhường ấy được nói lên ở cái tuổi "cổ lai hy", phải kể là đẹp lắm, một cuộc tình đẹp quá, chứa chan ân nghĩa. Cuộc sống ấy đã tạo ra bao nhiêu tác phẩm quý báu cho nền văn học Việt Nam của Võ Phiến, điều ấy bao nhiêu người đã biết, đã nói, đã viết. Bên cạnh các tác phẩm trên. ông bà Võ Phiến đã sinh ra, nuôi nấng một đàn con, bốn người, tất cả đều thành đạt. Cả bốn người ngoài cô gái sức khỏe không được tốt lắm, nên không hoàn tất chương trình đại học, còn ba người anh, hai là bác sĩ y khoa, người tốt nghiệp năm 25, người thì 24 tuổi ở Việt nam trước năm 1975. Thêm một cô con dâu cũng là bác sĩ y khoa. Cậu trai thứ ba, qua học bổng của Colombo, tốt nghiệp Tiến sĩ cơ khí tại đại học Caltech, ở Cali, năm 26 tuổi. Trước sự thành công to lớn này, tôi có hỏi ông Võ Phiến: "Anh là công chức, lương ba cọc ba đồng, chắc chị phải làm gì thêm mới nuôi nổi..." Ông Võ Phiến cười vui: " Nhà nghèo, bà xã tôi hồi ở Việt Nam chỉ lo việc nội trợ. Các cháu học trung học ở Qui Nhơn, tôi đổi vào Saigon, nhờ anh Doãn Quốc Sỹ chuyển trường hộ. Thì cứ cơm rau, no bụng cố mà học, chứ còn cách nào tiến thân nữa..." Hai người con trai đầu của nhà văn Võ Phiến kẹt lại ở Việt Nam gần 20 năm, mới qua được Mỹ, đang lo học lại. Trước hoàn cảnh này, nhà văn VÕ Phiến cũng nói: "Nhà nghèo quen rồi, có cực khổ vài năm thì cũng như lúc nhỏ là cùng..."

Càng biết ông Võ Phiến, càng thấy được cái bình dị, gương mẫu nơi ông. Một người chồng rất mực yêu vợ. Một người cha rất mực thành công trong việc nuôi dậy con cái. Và một nhà văn rất mực tinh tế, nhân hậu và làm việc hầu như không bao giờ mệt mỏi. Tôi phải kêu lên: *"Ở đàng anh, quá xá"*.

Chỉ với nhường ấy, đã là một người thật hiếm, thật quý. Nhưng ông không ngừng lại ở đó. Trong hơn 20 năm của Miền Nam tự do, ngoài nhiệm vụ là một công chức cần mẫn của Bộ Thông Tin, ông còn là một trong những người được mời làm Giám khảo Giải Văn Học Nghệ Thuật, một thứ giải văn chương cao quý nhất do Tổng thống trao tặng. Nhờ việc tuyển chọn này, mỗi năm sinh hoạt văn học Miền Nam lại có những tác giả mới được nhắc đến, lại có thêm những tác phẩm giá trị được vinh danh. Ông đảm nhiệm công tác này nhiều năm, mặc nhiên được công nhận như một đàn anh vừa có tài năng về văn học, vừa có tư cách về việc tuyển chọn. Điều này, ông Vo Phiến đã rất khiêm tốn nói rằng:

****

Một cách tổng quát, người ta nhắc đến Võ Phiến là nhắc đến tiểu thuyết. Vì ông viết loại này nhiều nhất, và tất nhiên rất đạt. Mấy chục

VỰC SÂU KHÔNG ĐÁY

IM LẶNG HỐ THẲM TRÊN NHỮNG CHẶN ĐƯỜNG ĐỜI

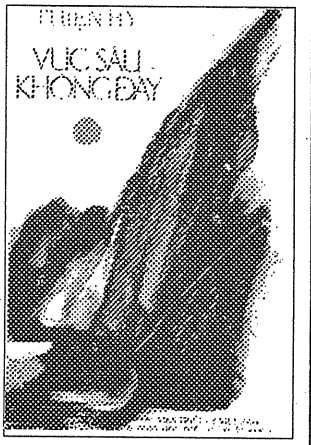
của

THIỆN HỶ

* Đọc VỰC SÂU KHÔNG ĐÁY để thấy rõ cái phi lý, bi đát của chiến tranh Việt Nam 1946-1975

* Tác giả VỰC SÂU KHÔNG ĐÁY và Phạm Công Thiện chưa hề gặp và quen biết nhau, "nhưng hai người đã nhìn nhận ra nhau trong một thế giới bí mật nào đó của Uyên Mặc ở giữa lòng sụp đổ tâm linh của nhân loại" (Viện Triết Lý VN và Triết Học Thế Giới)

* VỰC SÂU KHÔNG ĐÁY và IM LẶNG HỐ THẲM là chỗ gặp nhau của những con người ưu tư, mang ước vọng lý giải những bất hạnh lớn lao của Việt Nam bằng và trên bình diện tư tưởng. (Phạm Xuân Đài)



VIỆN TRIẾT LÝ VIỆT NAM VÀ TRIẾT HỌC THẾ GIỚI
Xuất bản

Giá 15 USD

tác phẩm dã được xuất bản. Nhiều người đã viết, đã nói về cái hay, cái tinh tế của tiểu thuyết Võ Phiến. Nhun5g với riêng tôi, nét đặc biệt nhất, Võ Phiến nhất là tùy bút. Tùy bút là một loại văn phóng túng, không cần viết dài, nhưng không phải là dễ viết. Vậy mà Võ Phiến đã viết tùy bút rất nhiều. Vào thế giới tùy bút của Võ Phiến, với tôi, là lạc vào một vùng trời của những điều tưởng là đơn giản, tầm thường, lại hóa ra thật kỳ thú. Qua tùy bút, Võ Phiến đưa ta lang thang từ vùng này qua vùng khác. Ta vừa ở trên vùng núi Cao nguyên thích thú với các tên gọi của nhiều thổ dân về tiếng nói, về địa danh. Ông đã đưa ta về một vùng *"đồng không mông quạnh... Những đám khói ở chân trời trong nắng trưa, sao mà xúc động cảm hoài... những đám khói ấy lại ùa lên trong giấc mơ. Và giấc mơ, không gian mênh mông lại càng vắng lặng, khói toả càng chậm, càng bát ngát..."*

Thật chẳng có gì, thật đơn sơ, nếu không nói là nghèo nàn, sơ xác, nhưng sao ta thấy như khói cày đầy mắt, và thương quá quê hương đất nước mình.

Ở một chỗ khác, Võ Phiến, với giọng văn như cười cợt, nhưng lại rất chi tiết, cho ta biết, các cụ sống ở cuối thế kỷ trước đã ăn mặc ra sao. *"Người nghèo khổ chỉ có manh áo cánh và thường thì đóng cái khố... Người sung túc mới có vài cái áo nâu đen và vài cái quần hoặc nhuộm nâu, hoặc để trắng.* "Ông trích dẫn của Sử gia Lệ Thần, Trần Trọng Kim, và đã nêu lên như thế, thì ở một chỗ khác, ông lại nói về vẻ đẹp của cái áo dài của phụ nữ Việt Nam *"Nhìn vào một người nữ mặc áo dài, sau khi bị khích động ở phần trên, mắt dần dò nhìn xuống,thì phần dưới lại chỉ thấy... gió."*

Thật thế, cái duyên dáng của tà áo dài là người mặc nó đi lại, tà áo lúc khép, lúc mở,lúc cuống quýt, lúc lả lơi bay để phần thân yêu kín đáo như mời, như gữi, như vui, như thẹn...

Võ Phiến, nói đến cái mặc, mà không quên cái ăn, cái uống. Điều nào dưới bút pháp của ông cũng trở nên duyên dáng mời gọi lạ lùng. Ông nói đến cái gia vị của các món ăn, nên ăn ở Võ Phiến bắt đầu từ *Ăn... Mời.* Ông *Theo Chân Một Món Ăn từ Bắc vào Nam, ra Huế. Ông không quên cái bánh tráng nhỏ, dân Bình Định của ông ăn thay cơm. Cái bánh tráng ấy, còn được nói là một thứ lương khô do đoàn quân bách chiến của Quang Trung, Nguyễn Huệ. Cứ mỗi món ăn ông tả, đọc xong tôi phải gập sách lại để cười một mình và thấy cái dí dỏm, rất ngon và bút pháp cũng thật là ngon. Nhưng hãy dừng lại một chút, về vùng quê Võ Phiến, để cùng ông thưởng thức một thứ chè (trà) rất lạ:*

"Anh Ba Càng Cua mỗi sáng nhất định phải điểm tâm một bát thật đậm mới ra đồng cầy bừa được, mà hễ uống rồi là khỏi cần ăn; ông Tư và ông Tam Khoang vẫn cầm cự nhau suốt ba mươi năm nay. Ông này mỗi lần hai bát thì Ông kia cũng vẫn giữ đủ hai bát mỗi lần... thôn kia có ông lão hai bát gặp được hai chàng trai hai bát rưỡi, lấy làm khoái, gả ngay con gái cưng cho..."

Gớm thứ trà gì mà quyến rũ thế, lạ thế. Phải mở Tuỳ Bút của Võ Phiến ra mà đọc lại bài "Hạt Bọt Trà", mấy thấy được cái sảng khoái của người dân Bình định uống trà, *"uống một hơi bảy chén, đến nỗi gió dậy dưới nách ào ào..."*

Khiếp thật! Uống trà đến lúc *"gió dậy dưới nách ào ào"*, tôi chưa thấy ở đâu như thế. Quê tôi có thói uống nước *chè tươi,* cũng uống cả bát lớn. Uống xong mồ hôi vã ra thì có, chứ chưa thấy gió lên như thế bao giờ.

Còn biết bao nhiêu điều nữa mà ông Võ Phiến đã liên lỉ viết lại qua thể Tùy Bút. Nhiều lắm. Lúc ở quê nhà, tôi có nhiều lúc lênh đênh trên biển, thời gian thừa như vô hạn, sau phiên hải hành, chưa ngủ được, lật tờ Bách Khoa ra, theo chân Võ Phiến, thật là thích. Mình không có cơ hội đi lân la nơi này, nơi khác, chỉ đọc võ Phiến, Tùy Bút mà như thấy được tất cả, thật tỉ mỉ, thật hữu ích. Bây giờ xa nước quá xa, những cái tưởng như chẳng đáng nhớ ấy, đọc lại Tùy Bút của ông còn thích thú hơn nhiều. Từ cái thói quen ghi nhận, ông đã để lại cho ta một kho tàng. Ông quả là một người yêu người và yêu quê hương lắm lắm.

Vậy mà đã hết đâu. Từ năm 1975 đến nay, chúng ta lạc loài ra xứ lạ, nhiều người không thích ứng được với hoàn cảnh mới đã trở nên hỗn loạn. Hỗn loạn tâm thần, hỗn loạn gia cảnh. Sống được bình thường, giữ được gia đình êm ấm, đã là quý lắm. ông Võ Phiến, người sử dụng cây bút tinh tế như thế, mà lạ thay, ông không làm báo, ông lại làm một công chức cho sở Thuế, một việc chẳng liên hệ gì đến văn chương. Bà Võ Phiến, vốn là một bà nội trợ, nay lại làm cho văn phòng một luật sư Mỹ, mà làm việc cẩn thận đều hoà gần 20 năm qua. Sống được như thế, giỏi chứ. Ông Võ Phiến, các giờ còn lại sau giờ của sở, của sinh nhai, ông vẫn viết, viết đều : *Thư Gửi Bạn, Lại Thư Gửi Bạn.* Ông viết về các cảnh huống xa lạ, bỡ ngỡ của người mình, hay của chính ông trên đất nước người. Cái đó quý lắm. Con cháu mình sau này, và ngay cả mình bây giờ nữa, đọc lại đã thú lắm.

Viết lách như thế, dù thế nào cũng là tùy thuộc vào cái nhìn của tác giả, có thể như thế là đúng, là sai, mặc "ấy tôi thấy thế thì viết thế". Nhưng đùng một cái ông Võ Phiến cho nhà Văn Nghệ in cuốn Tổng Quan 20 năm Văn Học Miền nam. Cái này phải nói là khiếp. Thời giờ đâu, tài liệu nào cho ông làm việc ấy. Vậy mà nó đã thành. Cuốn sách ấy đã được ông Võ Phiến dịch ra anh ngữ, nhờ đó mà cuốn sách ấy đã được hầu hết các thư viện lớn tại mỹ, úc, Pháp mua và lưu

trữ, nghiên cứu. Đặc biệt các đại học úc đã dùng cuốn sách này làm tài liệu giảng huấn về Văn Học Miền Nam.

Nhân buổi gặp gỡ cuối năm (29-1-1994) tại nhà một văn hữu tại Los Angeles, tôi có hỏi, ông nói : "Nói gì thì nói, cái gì mất đi được chứ tiếng nói của cả miền Nam thể hiện qua hơn 20 năm văn học phải s7ược lưu giữ lại chứ. Lúc này "bọn họ" cả vú lấp miệng em, nhưng tài liệu mình đưa ra cụ thể như thế, ai chối cãi được. Không phải vài chục năm sau, mà hàng thế kỷ sau, dân tộc, các vị thức giả sẽ căn cứ vào đó mà truy nguyên thêm ra chứ..." Anh làm việc lúc nào, tôi hỏi thế, ông tiếp : "Tôi có biết uống rượu đâu, lại già rồi, đi lại cũng ngại, nên chỉ còn có cái thú đọc sách, nhờ đó đọc được nhiều.

Ôi, một công tác to lớn như thế, cụ thể như thế, ông lặng lẽ làm việc một mình, thật kiêm trì, nghiêm chỉnh, đầy đủ, khiên tốn và cũng rất can đảm. Can đảm, vì ông đã không ngần ngại đưa ra những nhận định rất đanh thép đối với một số tác giả, tác phẩm. Những người ấy là những người đã sinh hoạt với ông, cùng thời với ông, và ngay cả lúc này, không thiếu những người ấy còn đang sinh hoạt quanh ông.

Sau khi tác phẩm to lớn ấy được phát hành, được đón nhận, ông Võ Phiến liên tiếp phải vào nhà thương giải phẫu tim. Qua mấy l34n nguy nan như thế, nhà văn Võ Phiên bỗng có những nhận định rất yếm thế về cuộc sống:

Ta nằm trong đất cười ra
Tan hoang nhân thế những ta cùng người
Ta nằm trong đất ta cười

Những câu thơ yếm thế ấy, ở một phương diện nào khác, lại là một cách yêu đời quá đỗi. Yêu đời và thương đời, lo cho đời quá. Không chỉ riêng cho cái xã hội nhỏ bé của dân Việt chúng ta, có lúc ông đã lo cho cả loài người, ông lo những khó khăn cho nhân loại ở thế kỷ 21 tới đây và một ngàn năm sau đó:

Chính phen này, chính thiên niên kỷ tới đây
Sẽ quyết định sự mất còn của loài người và quả phút
Ôi quả đất cứ mỗi ngày mỗi chật
Mỗi xác xơ, bẩn thỉu bơ phờ
Và ông lo sợ:
Nghìn năm nữa, người bao trăm tỉ?
Muông vật không còn, năm châu bốn bể
Quờ tay ra người chạm phải người

Ông lo như thế có quá lắm không? Có lẽ ông đã lo xa quá thật. Nhưng đó chỉ là một thoáng lo âu. Suốt cả mấy chục bài thơ làm vào lúc như không cần viết thêm gì nữa, chúng ta đã gặp nhiều bài, nhiều đoạn thật hay, thật tha thiết, ấy là tình nghĩa rất mặn nồng của hai ông bà còn rất quấn quít bên nhau:

tôi nằm thừa thãi giữa đời
Nghĩ em thừa thãi đứng ngồi nơi nao?

Thưa anh Võ Phiến. Anh hãy thảnh thơi an hưởng tuổi già. Sự hiện diện của anh là cả tấm gương trong sáng. Được nhìn anh đi lại, được nắm bàn tay ấp áp của anh, với tôi, và tôi chắc chắn nhiều bằng hữu và độc giả bốn phương, đều rất lấy làm vui sướng. Anh như một cây thông mọc trên đỉnh núi, lúc nào cành lá cũng rất xanh tươi, lao xao tiếng gió và tỏa bpóng mát rộng lớn cả một vùng. Tôi xin dừng bài viết ở đây với cả một tấm lòng kính trọng.■

24 tháng Mười 1995

TỐ NHƯ THI

thơ chữ hán
NGUYỄN DU
-
Quách-Tấn dịch

AN TIÊM

ĐOẢN VĂN
XA NƯỚC

tác phẩm cuối cùng
của
Vũ Khắc Khoan

AN TIÊM

VÕ PHIẾN, ÔNG ANH, VÕ PHIẾN, NGƯỜI THẦY

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Nhiều người đã nói về Võ Phiến, nhiều tác giả đã viết về Võ Phiến. Ông là một trong số rất ít nhà văn đương thời trong văn chương Việt Nam được các nhà lý luận, phê bình văn học viết về và nhắc đến nhiều nhất.



Chỉ cách đây mấy hôm, trước khi viết những dòng chữ này về Võ Phiến, tôi được Nguyễn Mộng Giác cho đọc hai bài viết của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc từ Úc Đại Lợi gửi qua. Cả hai bài đều viết về Võ Phiến, và đều khá dài. Một bài viết về Tùy Bút Võ Phiến và một bài viết về Tạp Luận Võ Phiến. Ngoài ra Khánh Trường cho biết trong tạp chí Hợp Lưu số tới cũng có một bài của Nguyễn Hưng Quốc viết về Võ Phiến dài trên 60 trang. Đó là chưa kể tạp chí Thế Kỷ 21 kỳ này dành một số đặc biệt về Võ Phiến.

Thực tình, tôi cảm thấy lúng túng khi viết về anh. Tôi muốn viết về một Võ Phiến khác, một Võ Phiến có dính líu chút ít với tôi, một Võ Phiến mà tôi được biết.

Tôi muốn nói, đối với tôi, Võ Phiến vừa là một *ông anh,* vừa là một *người thầy.*

Võ Phiến, ông anh

Tôi gọi Võ Phiến là *ông anh,* bởi vì đối với tôi, ông như người anh cả với rất nhiều ý nghĩa của nó.

Tập truyện ngắn đầu tay của tôi mang tên "Mù Sương" do nhà Thời Mới xuất bản năm 1966(?). Ông giám đốc Thời Mới là nhà văn Võ Phiến. Trước khi nhận in tập truyện của tôi, ông không hề biết tôi là ai. Tất nhiên phần tôi thì tôi đã biết tên tuổi ông từ lâu rồi. Thời gian đó, tôi chỉ là một người mới cầm bút, viết lách lăng nhăng đôi ba cái truyện ngắn. Và những truyện của tôi thực tình mà nói cũng "tầm tầm vậy thôi", không "nổ", và cũng chẳng phải là một "khám phá" gì trong văn chương thời đó. Những truyện ngắn của tôi cũng không nằm trong đường lối, bút pháp, hay quan điểm sáng tác của Võ Phiến.

Tập truyện đầu tay của tôi được ông để mắt tới làm cho tôi thêm can đảm, nghĩ rằng mình có thể viết được. Và nhờ ông, tôi đã tiếp tục cầm bút. Nhờ ông, tôi đã viết được những trang sách khác.

Mặc dù sau "Mù Sương", tôi không giao cho nhà Thời Mới một cuốn nào nữa. Bởi vì, khi nhận làm Tổng thư ký cho tạp chí Văn, sau Trần Phong Giao, tất cả sách của tôi phần lớn thuộc về nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng. Ông Nguyễn Đình Vượng là chủ nhiệm tạp chí Văn, và cũng là người tôi mang ơn rất nhiều.

Thế nhưng tôi vẫn nhớ, không có Võ Phiến chắc tôi còn lâu mới có "Ý Nghĩ Trên Cỏ", mới có "Kẻ Tà Đạo", ..trước kia, và "Người Đi Trên Mây", "Sa Mạc", "Căn Nhà Ngói Đỏ", "Bụi Và Rác"...sau này.

Tôi gọi Võ Phiến là *ông anh,* không phải chỉ vì ông là người đầu tiên đưa cho tôi bàn tay cuả ông, và bảo tôi hãy cầm bút, mà còn là vì Võ Phiến và chị Viễn Phố nữa bao giờ cũng dành cho gia đình chúng tôi một tình cảm đặc biệt, tình cảm cuả ông anh bà chị lo lắng cho đời sống của một người em - một đời sống không dính líu chi đến chuyện văn chương chữ nghĩa.

Võ Phiến, người thầy

Tôi gọi Võ Phiến là *người thầy,* bởi vì Võ Phiến không chỉ viết văn, ông còn giới thiệu đến người đọc những hiểu biết mới nhất của nền văn học thế giới. Ông cung cấp cho những ai không có đủ thì giờ theo dõi các trào lưu văn học toàn

cầu một cái nhìn gọn và rõ, có nhận định và dẫn giải.

Như một ông thầy không có bục giảng; Võ Phiến mang đến cho người đọc và người viết những suy nghĩ cập nhật hoá, những điều mà người cầm bút đôi khi phải ngưng lại giữa những dòng chữ của mình.

Có thể nói bên một *Võ Phiến-Nhà văn* chúng ta có một *Võ Phiến-Nhà biên khảo.*

Võ Phiến là một nhà văn trầm tư. Ông lặng lẽ đến với văn chương và ông ở lại với chữ nghĩa. Trong đời sống văn học nghệ thuật không thiếu chi người đến như một cơn bão, mang theo sự cầu kỳ, lập dị,...để rồi sau đó bị chìm đi trong màu đen của đống mực nhà in.

Võ Phiến viết nhẩn nha, chậm rãi như một nhà triết học trầm tư về những suy nghĩ của mình. Nếu những bài biên khảo, quan điểm của ông "nóng" thì ngược lại những tùy bút, tạp luận của ông lại "lạnh." Ông có cái nhìn về thời sự sắc bén như một nhà chính trị, bên cạnh kiến thức văn chương uyên bác như một bậc thầy.

Cái làm nên văn chương Võ Phiến chính là chữ nghĩa Võ Phiến. Ông giống như một người đạo mạo nhưng ưa nghịch ngợm, thỉnh thoảng nheo mắt cười khi trêu chọc được một nhân vật của ông.

Những chữ tầm thường nhất mà chúng ta vẫn sử dụng hàng ngày một khi vào trang sách của Võ Phiến bỗng trở nên mới mẻ và ý nghĩa. Võ Phiến đã có mặt trong đời sống văn chương Việt Nam. Võ Phiến đã và sẽ có mặt trong trái tim của người yêu chữ nghĩa Việt Nam.

Lời cám ơn tốt đẹp nhất mà tôi dành cho Võ Phiến đó là suốt trên những trang sách mà tôi đã viết, trên những dòng chữ mà tôi đang viết, trên những nỗ lực mà tôi sẽ viết, có một điều tôi sẽ rất quan tâm ấy là làm thế nào để viết *khác* với Võ Phiến.

Tôi nghĩ có lẽ đó cũng là ý muốn của anh■

BÁO NÓI !!!

Đài phát thanh VNCR (phát thanh hàng ngày trên làn sóng 106.3 FM, tại vùng Los Angeles và Orange County, California) có nhiều chương trình hấp dẫn, giá trị, ghi lại trong các băng cassette 30 phút, 60 phút và 90 phút.

Đài VNCR có nhã ý tặng quý độc giả dài hạn của *Thế Kỷ 21* các băng này (quý vị chỉ phải trả tiền vật liệu, dịch vụ sang băng, đóng gói và cước phí, từ 3 tới 8 Mỹ kim một cuốn, tùy thời lượng). Quý vị không phải là độc giả dài hạn và các đài phát thanh xin liên lạc với VNCR để biết thêm chi tiết.

Sau đây là danh sách những băng đã có, để quý vị chọn (tên để trong ngoặc là tên người thực hiện hoặc diễn đọc):

I. Phỏng vấn:

PV1. Các chiến sĩ Biệt Hải (*Đinh Quang Anh Thái*)

PV2. Bang giao Mỹ - Việt, với Trần Thái Văn và Phan Văn Hải (*ĐQAT*)

PV3. Bang giao Mỹ - Việt, với Ngô Nhân Dụng và Nguyễn Mạnh Hùng (*ĐQAT*)

PV4. Bà Đoàn Viết Hoạt (*ĐQAT*)

PV5. Hát cộng đồng, với Nguyễn Đức Quang (*ĐQAT*)

II. Đọc truyện:

DT1. Cuống Rún, của Hoàng Khởi Phong (*Hồng Đào*)

DT2. Bỗng dưng người đàn bà cuối đời, của Hà Kỳ Lam (*Hồng Đào, Quang Minh*)

DT3. Bên Kia Sông (*Hồng Đào, Hoàng Trọng Thụy*)

DT4. Evelyn, của Nguyễn Tiến Đức (*Hồng Đào, Hoàng Trọng Thụy*)

III. Chúng ta đi mang theo quê hương:

QH1. Mì Quảng, của Phạm Xuân Đài (*Ngô Mạnh Thu*)

QH2. Bún riêu, của Tâm Hoa (*Hồng Nga và Y Sa*)

QH3. Lễ Giỗ trong gia đình (*Ngô Mạnh Thu*)

QH4. Văn Ấp làng tôi (*Ngô Mạnh Thu*)

IV. Những mảnh đời tị nạn:

TN1. Nhà văn Đặng Trần Huân (*ĐQAT*)

TN2. Nhà báo Đặng Hoàng Hà (*ĐQAT*)

TN3. Nghệ sĩ Thanh Hùng (*ĐQAT*)

TN4. Nhà văn Mai Thảo (*Lê Đình Điểu*)

V. Kịch truyền thanh:

K1. Cơn mưa phùn (*Hồng Đào, Quang Minh, Hoàng Trọng Thụy*)

K2. Ước gì em có một người mẹ (*Hồng Đào, Quang Minh, Hồng Nga, Ngô Mạnh Thu*)

VI. Hội thoại:

HT1. Nhập quốc tịch Mỹ (*Dương Công*)

DL1. Mùa hè và du lịch: Hawaii (*Simone Nga, ĐQAT*)

LP1. Luật khai phá sản, với LS Đoàn Văn Tiên (*Diamond Bích Ngọc và Andre Lâm*)

LP2. Vấn đề sách nhiễu tình dục, với LS Trần Đình Định (*Diamond Bích Ngọc và Andre Lâm*)

PHIẾU ĐẶT BĂNG

Họ và tên:. . . . . ..

Địa chỉ: . . . .

Điện thoại:. . . . .

Yêu cầu TK 21 gửi cho tôi những băng sau đây: ....

Tôi xin gửi kèm chi/lệnh phiếu mang số tiền:...(*)

(*) Để tiện điều hành và giúp quý độc giả đỡ mất thì giờ, xin quý vị gửi mỗi lần $50.00 — TK 21 sẽ mở "trương mục mua băng" cho quý vị, và sẽ thông báo khi nào sắp hết tiền trong "trương mục."

ĐI TÌM TINH THẦN

VÕ DOÃN NHẪN

Tạp chí *Time* số ra ngày 17 tháng Bảy 1995 có đăng một bài khảo luận, bìa tạp chí lấy tựa đề "Đi tìm tinh thần" (In Search of the Mind). Bên trong lại có tựa đề "Những nắm bắt tinh thần" (Glimpses of the Mind). Qua những nghiên cứu và thành tựu của khoa thần kinh học, bài viết cố gắng trả lời câu hỏi: Ý thức là gì? Ký ức là gì? Cảm xúc là gì? — mang nhiều đặc trưng triết học, ít ra là tâm lý học.

Nhận thấy bài khảo luận cống hiến một số kiến thức khoa học thực nghiệm hữu ích, nhất là đối với những người thích tìm hiểu và đặt những vấn đề triết học về tinh thần (hay ý thức), chúng tôi xin cố gắng trình bày tóm lược những thành tựu mới của khoa thần kinh học từ đó, các nhà khoa học trả lời những câu hỏi về cảm xúc, ký ức, ngôn ngữ và sau cùng tinh thần là gì. Chúng tôi cũng sẽ đưa ra một số nhận định về giá trị của bài báo đối với một vấn đề triết học rất cơ bản: vấn đề bản chất của tinh thần.

I. Tóm lược những ý chính của bài báo

A. Ký ức không gì khác hơn một số hàng nghìn tế bào não hoạt động theo một cách riêng. Platon tin rằng tinh thần phải được định chỗ trong đầu (bởi đầu có hình dạng ít nhiều giống một hình cầu, một ý niệm (idée) kỷ hà học cao nhất. Aristote bảo tinh thần ở trong tim vì hơi nóng, hơi ấm bao hàm sinh lực; mà máu thì nóng và tim bơm đẩy máu. Thời trung cổ có rất nhiều người tin rằng tinh thần phát sinh từ óc não nhưng lại không có ý niệm rõ tinh thần đã phát sinh từ não như thế nào. Đến thế kỷ 17, Descartes cho rằng tinh thần có thể tồn tại trong óc não nhưng tinh thần là một thực thể vô chất, hoàn toàn biệt lập với những mô vật chất được tìm thấy trong đầu. Cho đến vài năm gần đây việc làm sáng tỏ tương quan giữa tinh thần với óc não đã ở thực tế của quan sát và thí nghiệm. Tác giả bài báo cho rằng *cuối cùng khoa học cũng đã bắt kịp triết học.* Dùng điện cực ấn sâu vào chất xám của những con vật thử nghiệm, các nhà khảo sát đã quan sát thị quan (vision) di chuyển từ võng mô nơi mắt đến bên trong não bộ, và những kỹ thuật hữu hiệu như MRI (Magnetic Resonnance Imaging) hoặc PET (Position Emission Tomography) đã cho phép nhà khoa học quan sát một tư tưởng, một cảm xúc, một hoài niệm... Patricia Churchland, giáo sư tại đại học UCSD nói: "Điều thật đáng chú ý là những câu hỏi có tính cách triết lý được những người Hy Lạp nêu lên (trước đây), đã vào lãnh vực Khoa học."

Descartes được tác giả bài báo đánh giá là có lý trong chừng mực nào đó khi nhà triết học thế kỷ 17 nói tinh thần không phải là một sự vật vật chất và không có một định vị riêng biệt nào trong não. Khoa thần kinh học chứng minh việc hủy hoại bất cứ bộ phận nào của não cũng có thể ảnh hưởng trầm trọng đến tinh thần, nhưng không hủy diệt tinh thần. Tuy nhiên, cũng theo tác giả bài báo, Descartes đã sai lầm nghiêm trọng khi khẳng định tinh thần và thân xác hoàn toàn độc lập.

Trong quyển "Sai lầm của Descartes", Antonio Damasio, nhà thần kinh học tại đại học IOWA, nói rằng tinh thần được thân xác — đặc biệt là não — tạo nên. Ông bảo ý thức có thể không gì khác hơn là một phó sản phù du của những quy trình hoàn toàn có tính chất vật lý, giống như cái cầu vồng là kết quả của một tác động hỗ tương của ánh sáng và những giọt nước mưa; những tình cảm và cảm xúc ta từng trải qua là những đợt rút xuống và dâng cao những hóa chất trong cơ thể. Cũng vậy ký ức liên hệ với ngôn ngữ — một hình thức ta thông dịch những ý niệm (trừu tượng) thành hình thức ký hiệu (cụ thể).

Tất cả những lập luận này đặt trên cơ sở trên những nghiên cứu sau đây:

1) *Thiết lập dữ kiện.*- Theo tác giả bài báo, ta thường phân biệt nhận thức (learning) và ký ức (memory) như hai chức năng tách biệt. Trong thực tế thì không phải, vì cả hai chức năng đều là những quy trình, theo đó ta tiếp nhận (nhận thức, tri giác) và lưu giữ (ký ức) những dữ kiện theo một cách sao cho chúng có thể lấy ra, gọi ra sau đó. Trong thực tế hầu hết mọi hoài niệm đều được hình thành bởi nhều hình ảnh khác nhau của những tiếp nối thần kinh, như ảnh tượng (hay hình ảnh) âm thanh, ảnh tượng màu sắc, ảnh tượng mùi vị. Sự kết hợp các loại ảnh tượng này cho ta một nhận thức trọn vẹn về một đối tượng. Sự kéo dài những ảnh tượng đó qua thời gian cho ta chuyển từ tri giác qua ký ức. Sự kiện nhiều ảnh tượng được lưu giữ chồng chất lên nhau giải thích tại sao một kích thích nhỏ cũng có thể lôi kéo một đợt hồi ức dồn dập. Như

PROUST khi ăn một tấm bánh nhỏ đã sống lại một quãng đời thơ ấu (có thể nói như Thanh Tịnh đã nao nức những kỷ niệm của buổi tựu trường khi thấy lá rụng mây bay?). Và sau đây là những định vị não có liên quan mật thiết với ký ức:

— Những sự kiện, biến cố cụ thể trực thuộc một bộ phận của não là tuyến cá ngựa (hippocampus).

— Những hoài niệm về sự sợ hãi trực thuộc tuyến hạnh (amygdala).

— Những hoài niệm là tập quán thân xác trực thuộc hạch trung tâm (basal ganglia).

— Những hoài niệm có điều kiện (chó của Pavlov chảy nước miếng) và một số phản xạ trực thuộc tiểu não (cerebellum).

Khi một bộ phận hay một miền nào của não bị hư hỏng sẽ có hậu quả lên một loại hoài niệm nhất định. Ví dụ bệnh nhân (được đặt tên là) HM bị mất một phần tuyến cá ngựa sau một cuộc giải phẫu, có thể nhớ mọi điều xảy ra trước khi giải phẫu, nhưng hoàn toàn không thể tạo hoài niệm mới.

2) *Sức mạnh của những xúc động*.- Những chấn thương có tính cách vật lý có thể làm biến dạng ký ức, hủy hoại toàn bộ hay một phần những cơ cấu hình thành ký ức. Tuy nhiên những cú "sốc" khác — ví dụ những cảm xúc mạnh — cũng có thể đem lại cùng hậu quả như những chấn thương vật lý. Trong khi hoài niệm có tính cách trí tuệ về những cảm xúc phải đi qua tuyến cá ngựa, thì một loại hoài niệm khác có thể làm sống lại, một cách tự phát với một sự rõ rệt khác thường, bởi một hoạt động bất bình thường của tuyến hạnh. Damasio còn nói cảm xúc là yếu tố cơ bản để nhận thức và quyết định. "Ta không thể quyết định kết hôn với ai, để dành tiền cách nào, sống ở đâu, trên cơ bản thuần lý".

3) *Những "cửa sổ" hướng ra ngoại giới*.- Một trẻ sơ sinh mắc bệnh đục thủy tinh thể ở mắt, nếu cứ để mãi không chữa trị trong vòng sáu tháng, sẽ thành mù vĩnh viễn. Còn một người 60 tuổi mắc bệnh ấy, có thể được chữa trị bằng một cuộc giải phẫu. Qui luật của thị quan — cũng như hầu hết các giác quan khác — là: "Hãy sử dụng nó ngay nếu không thì mất". Một ví dụ khác là hiện tượng cánh tay ma. Khi một cánh tay (hoặc chân) bị cắt mất, nạn nhân hầu như "cảm thấy" những cảm giác như đau đớn, ngứa ngáy, thường rất mạnh ở phần tay (chân) đã mất. Điều này được giải thích là óc não đã có sẵn những "bản đồ" về thân xác, một cảm giác toàn vẹn về vị trí của từng bộ phận đối với các bộ phận khác. Vì vậy ta có thể nhắm mắt lại, đưa tay lên sờ vào chóp mũi của ta. (Rượu làm ta mất tri giác về "bản đồ" đó). Khi cánh tay (hoặc chân) đã mất, chỗ của nó trong "bản đồ" vẫn còn, và những tế bào thần kinh trước đây chịu trách nhiệm về việc tạo thành cảm giác, có thể hoạt động một cách ngẫu nhiên, tình cờ.

4) *Ngôn từ*. - Nhiều bệnh nhân bị chấn thương não gặp nhiều vấn đề trong ngôn từ. Có người gặp khó khăn trong việc sử dụng và hiểu những *danh từ*. Có người thì với *động từ*. Một số bệnh nhân khác lại có thể nói bình thường nhưng lại không hiểu ý nghĩa những tiếng, những từ họ nghe. Một nhà giải phẫu thần kinh ở đại học Washington nói: "Có những tế bào thần kinh hoạt động khi bạn nghe một từ, lại không hoạt động để bạn (muốn) phát biểu từ đó."

5) *Tạo dựng bản ngã*.- Ý thức có thể là một ảo giác phù du. Antonio Damasio nói: "Ý thức là một ý niệm về bản ngã, là cái cứ từng lúc ta tái dựng trên nền tảng của hình ảnh về thân xác ta, của tiểu sử tự thuật của ta và một ý nghĩa về tương lai ta." Nhưng, Damasio nói tiếp, không có một chỗ nào trong não dành cho cái gọi là bản ngã ấy, chỉ vì... bản ngã ấy không có. Một vài nhà khoa học cho rằng ý thức là một "phó sản" (by-product) của những hoạt động cùng lúc và ở tần số cao của những tế bào não ở những bộ phận khác nhau ở não bộ, cũng như những âm điệu phát xuất từ những nhạc cụ riêng biệt tạo nên bản đại hòa tấu phong phú và phức tạp. "Ánh sáng không gì khác hơn là những bức xạ điện từ. Màu sắc không có ngoài óc não, âm thanh cũng thế. Có một tiếng động không, nếu có một cây đổ xuống trong rừng và không có một động vật nào nghe nó? Âm thanh chỉ là những tương quan giữa những rung động ngoại giới và não. Không có não, không có âm thanh". (Llínas). Llínas viết tiếp: "Chúng tôi có thể nói rằng vật có ý thức hay là vật thức tỉnh không có gì khác hơn là một tình trạng như mơ." Nó là một tình trạng, tương ứng mật thiết với ngoại giới. Nhưng nó không có thực tại khách quan, như cái cầu vồng ta có thể nhìn thấy nhưng không bao giờ sờ mó hoặc đo lường nó được.

Tất cả những khám phá và nhận định trên đây được nêu lên nhằm biện minh cho một chủ điểm: Những hoạt động của "tinh thần" nói chung và "tinh thần" nói riêng đều do óc não tạo ra.

II. Nhận định

Những khám phá mới của thần kinh học càng cho ta thấy rõ hơn sự quan trọng của thân xác, đặc biệt là của não đối với những hoạt động của "tinh thần" như tri giác, ký ức, ngôn ngữ, từ đó tránh được lối giải thích "tinh thần" có tính cách duy tâm như triết học Descartes, coi tinh thần như một thực thể hoàn toàn độc lập đối với thân xác. Tuy vậy những khám phá mới ấy vẫn không thể đẩy quan niệm chủ sinh lý đi xa hơn trong việc giải thích tinh thần, không cho phép ta kết luận tinh thần chỉ là một phó sản (by-product)

của não.

Tác giả bài báo nhận định: "Cuối cùng khoa học cũng bắt kịp triết học." Điều này có nghĩa nhà triết học đã đi trước nhà khoa học một thời gian. Trước nhà khoa học thực nghiệm, triết gia đã cố gắng giải thích tương quan giữa thân xác và tinh thần; sau đó — hai mươi năm, năm mươi năm, một trăm năm — nhà khoa học với khả năng chuyên môn và lĩnh vực riêng của mình, cũng đã "bắt kịp" triết gia, bằng những khám phá và phát minh mới nhất, ở đây là phạm vi của thần kinh học. Thực ra thì khoa học không "bắt kịp" triết học vì nhiều lẽ: khoa học chỉ cung cấp dữ kiện giúp triết gia cố gắng giải thích khách quan chính xác sự vật, con người; hơn nữa khoa học không theo đuổi cùng một mục tiêu của triết học. Triết gia suy tư trên thành quả của khoa học và nếu một lúc nào đó, khoa học "bắt kịp" triết học thì nhà khoa học mặc nhiên trở thành triết gia.

Dù thế nào mặc lòng, nhận định "cuối cùng khoa học cũng đã bắt kịp triết học" cũng nói lên một sự thực: những giải thích của bài báo không chứa đựng điều gì mới lạ so với những giải thích trước đây của triết học.

1) Trước đây nhiều nhà tâm lý học chủ trương thuyết sinh lý như W.James (Mỹ), T.Ribot (Pháp) cũng đã giải thích tinh thần, ý thức theo quan điểm chủ sinh lý rồi. Với Ribot việc ghi giữ các hoài niệm vào não chẳng khác gì việc ghi giữ các âm thanh của bản nhạc vào những đĩa hát, ngày nay, những cuộn băng từ. Ta cũng biết rằng với Ribot, ý thức (hay tinh thần) chỉ là phụ tượng, tức hiện tượng phụ trong khi sinh hoạt của thân xác, của não là chính yếu. Quan niệm ấy của Ribot và của Antonio Damasio nhà thần kinh học ngày nay của đại học Iowa có gì khác nhau?

Trong tác phẩm "Vật chất và ký ức" (Matière at Mémoire) cách đây hàng nửa thế kỷ, Bergson đã gián tiếp bác bỏ quan điểm chủ sinh lý của Ribot — và như vậy phủ nhận luôn cả quan điểm của Damasio. Ông đã cho ta thấy một tương quan mới giữa não (vật chất) và hoạt động tinh thần (ký ức). Bergson không cực đoan phủ nhận vai trò và tầm quan trọng của não đối với ý thức như Descartes đã làm. Ông bảo giữa cái đinh (óc não) và cái áo (tinh thần) mắc ở đinh có một sự tương quan tất yếu đến nỗi nhổ đinh thì áo rớt; nhưng không thể vì vậy mà nói cái áo chỉ là cái đinh. Cũng thế, não bình thường là điều kiện thiết yếu để có được một sinh hoạt tâm lý bình thường, nhưng não không phải là nơi chốn ghi nhận cảm giác, sau đó thành hoài niệm. Não chỉ giúp ta tri giác (nhận thức) hoặc nhớ lại một cách tự ý mà không phải là nơi cất giữ tri giác, hoài niệm. Như vậy ta hiểu tại sao những chấn thương ở não do giải phẫu hoặc do tai nạn đã không làm mất một tri giác, một hoài niệm. Bằng chứng là các bệnh nhân ấy vẫn thỉnh thoảng nhớ lại, sống lại các hoài niệm cũ một cách tự phát. Những khám phá mới của các nhà thần kinh học chỉ làm lập trường của Bergson thêm

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

VÕ PHIẾN TOÀN TẬP

1. Tùy Bút I (tái bản)	**15MK**
2. Tùy Bút II	**(hết)**
3. Truyện Ngắn I	**(hết)**
4. Truyện Ngắn II	**14MK**
5. Tiểu Luận	**14MK**
6. Tạp Luận	**(hết)**
7. Tiểu Thuyết I	**15MK**
8. Tiểu Thuyết II	**15MK**
9. Tạp Bút	**16MK**

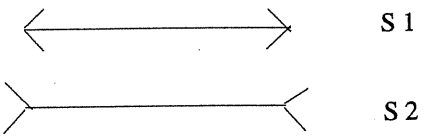
VĂN HỌC MIỀN NAM

10. Văn Học Miền Nam, Tổng Quan (tái bản)	**14MK**
○ **Thơ Miền Nam I**	**6MK**
○ **Thơ Miền Nam II**	**11MK**
○ **Truyện Miền Nam I**	**6MK**
○ **Truyện Miền Nam II**	**10MK**
○ **Truyện Miền Nam III**	**10MK**
○ **Ký, Bút, Kịch I**	**10MK**
○ **Ký, Bút, Kịch II**	**10MK**
● **Truyện Thật Ngắn (tái bản, thêm truyện mới)**	**8MK**
● **Đối Thoại**	**8MK**
● **Viết**	**10MK**

Thư mục sách do Văn Nghệ xuất bản và phát hành có hơn 400 tên, xin liên lạc để nhận.

vững.

2) Hiện tượng "cánh tay ma" được nêu lên trên bài báo cũng không phải là sự kiện mới lạ. Trước, người ta cũng đã đề cập tới hiện tượng



này. Descartes đã kể lại trường hợp một thiếu nữ than phiền đau nhức ở bàn tay cô khi mà cả cánh tay cô đã bị cắt mất từ trước. Gần đây hơn, Merleau-Ponty cũng đã đề cập đến cánh tay ma (bras phantôme) trong tác phẩm nổi tiếng "Hiện tượng học về tri giác" (Phénoménologie de la Perception). Có lẽ ông còn đi sâu hơn các nhà thần kinh học ngày nay trong việc mô tả, giải thích cánh tay ma này. Theo Merleau-Ponty cánh tay ma là một ám ảnh đối với nạn nhân, tuy rằng cánh tay đã mất nhưng nạn nhân không chấp nhận, hay nói cho đúng, không muốn chấp nhận tình trạng mất mát đó. Cánh tay vẫn như còn đó, hiện hữu với toàn thân xác, hiện hữu như một thành viên trong một tổ chức toàn thể là thân xác. Sự vật chung quanh luôn luôn mời gọi, nhắc nhở cánh tay (đã mất) cầm lấy hoặc di chuyển chúng như ngày nào trước đó và điều này không phải chỉ được giải thích thuần sinh lý như các nhà thần kinh học đã làm. Thiết nghĩ phải đẩy sự giải thích đi xa hơn: con người "sống là sống trong cuộc đời" như các nhà hiện tượng học từng nói. Hiện hữu không chỉ suy tư suông. Biết không phải chỉ biết lý thuyết mà phải hành động cụ thể. Biết lái xe là biết điều khiển xe chạy trong thành phố, ngoài xa lộ chứ không phải chỉ có giấy chứng nhận đậu lý thuyết, thuộc và hiểu các dấu hiệu trên đường. Nói cách khác, ta phải tham dự vào cuộc đời bằng thân xác ta. Vì vậy một khi cánh tay mất đi, cuộc đời vẫn không ngừng mời mọc, kêu gọi ta hành động đến nỗi ta có ảo giác cánh tay vẫn còn.

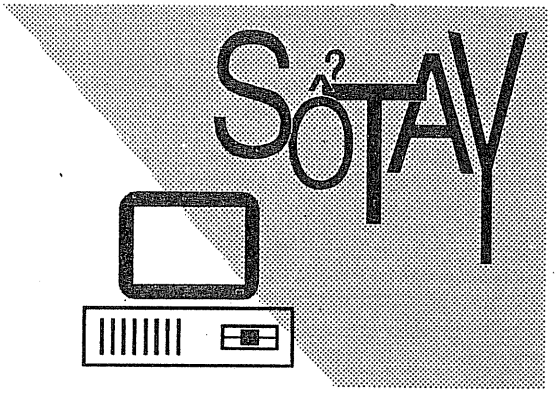
3) Các nhà thần kinh học ngày nay giải thích tại sao một kích thích nhỏ cũng có thể lôi kéo một đợt hồi ức dồn dập: họ bảo nhiều ấn tượng được lưu giữ chồng chất lên nhau trong não. Giải thích như vậy có lẽ không sai nhưng vị tất đã đầy đủ. Các nhà tâm hình thuyết (Gestalttheorie) như Wertheimer, Koffka dựa vào thuyết tâm hình để giải thích — khá hợp lý — sự kiện trên. Khi ta tri giác, nhận thức sự vật, ta không tri giác nhận thức riêng lẻ từng phần, từng bộ phận rời rạc của sự vật nhưng là tri giác, nhận thức sự vật đó trong một toàn thể, một tổng thể, là cái mô hình của sự vật đó. Tri giác con voi không phải là tổng số những cảm giác riêng lẻ từng bộ phận cái vòi, mình, chân, đuôi voi, mà là nhận thức cái mô hình con voi với những bộ phận riêng lẻ ở từng vị trí riêng biệt của chúng. Ta không thể kết hợp cảm giác của bốn người mù "xem" voi thành một tri giác về con voi nếu không có một mô hình toàn diện con voi ấy.

Khi ta tri giác hai đoạn S1 và S2, ta đã không tri giác chúng như những thành phần riêng lẻ, tách biệt hai cặp mấu đóng và mở. Do vậy mà ta "thấy" S1 ngắn hơn S2. Cảm giác toàn thân các nhà thần kinh học đề cập trên đây cũng không ra ngoài lối giải thích của nhà tâm hình học: ta nhận thức từng bộ phận của thân xác ta như đầu, mặt, chân tay như từng thành phần trong một toàn thể là thân xác với từng vị trí riêng biệt của chúng. Cảm giác toàn thân là là một nhận thức về cái toàn thể. Do vậy ta hiểu tại sao ta có thể xác định vị trí của chóp mũi ta mặc dù ta đã nhắm mắt lại. Nếu Proust đã sống lại một chuỗi hoài niệm thời thơ ấu khi ăn một tấm bánh nhỏ chính vì cảm giác miếng bánh ấy đã gợi nhớ cảm giác miếng bánh ngày xưa, được ghi giữ như một thành phần trong một tổng thể là toàn bộ các hoài niệm ấu thời. Cũng vậy ta hiểu tại sao một bệnh nhân mất trí nhớ về một số cử động đã không thể hát bài quốc ca hoặc làm dấu thánh giá một cách tự ý, nhưng lại có thể làm được những việc ấy một cách tự phát khi đứng nghiêm chỉnh chào quốc kỳ, khi bước chân vào một thánh đường.

Triết gia có nên tự hào ông ta đi trước nhà khoa học? Không nhất thiết. Vì muốn những suy tư của mình bám rễ vào thực tại mà không suy luận viễn vông, triết gia phải nhờ vào những thành tựu của Khoa học. Hơn nữa, chính những thành tựu này đã khiến triết gia nêu lên những vấn đề mới hoặc đặt lại những vấn đề có liên quan đến con người và vũ trụ.

Vào thế kỷ 18, triết gia duy thực nghiệm Pháp Auguste Comte đã phủ nhận nội quan, một phương pháp "cổ điển" của tâm lý học. Ông viết: "Nếu mắt không thể tự nhìn vào mắt thì ý thức không thể tự nhìn vào ý thức để quan sát". Tác giả bài viết trong tạp chí *Time* có đưa ra một nhận định tương tự của nhà vật lý học PENROSE: ý niệm cho rằng tinh thần con người có thể biết trọn vẹn tinh thần con người là một ý niệm ngốc nghếch. Nhận định đó không quá đáng, bởi chính tinh thần cho đến hôm nay vẫn chưa biết trọn vẹn đối tượng ngoài nó: vật chất hữu hình. Có điều là tác giả bài báo đã phải nhìn nhận rằng ngày nay các nhà khoa học đã quan tâm tìm hiểu một đối tượng ở ngoài lĩnh vực chuyên môn từ trước của họ: tinh thần, hoặc xa hơn, linh hồn. Ta cũng không lấy đó làm ngạc nhiên vì Descartes, Pascal, Leibniz... vừa là những nhà khoa học, vừa là những triết gia của nhân loại.■

San Diego, Hạ 95



ÔNG BUSH ĐI HÀ NỘI

Trong tháng chín cựu tổng thống Hoa Kỳ, Georges Bush tới Việt Nam. Nếu ai hỏi "ông Bush đến Hà Nội để làm gì?" thì câu trả lời rất giản dị: "ông Bush đến Việt Nam vì có người thuê ông tới đó nói chuyện." Văn phòng của ông giữ bí mật, nhưng giới thạo tin đoán rằng tiền công của ông trong chuyến đi này ít ra sáu con số, nghĩa là tính bằng trăm ngàn đô la Mỹ (USD).

Nhưng ông bà Bush đi một công ba việc. Sau Việt Nam ông bà còn ghé Trung Cộng, và Nhật Bản. Tại Nhật Bản, hai ông bà đã đến để có mặt bên cạnh bà Moon, vợ của ông mục sư người Đại Hàn. Ông Moon mười năm trước đây đã nổi tiếng ở Mỹ vì bị hàng trăm ngàn phụ huynh học sinh phản đối khi con cái họ bỏ nhà đi theo giáo phái của ông. Người ta gọi bọn trẻ đó là "Mun ni". Ông Moon hiện nay không được qua Mỹ nữa nhưng giáo phái của ông vẫn còn làm nhiều dân Mỹ ghê sợ. Vậy mà ông bà Bush vẫn sang dự một cuộc đại hội phụ nữ của bà Moon. Giá bao nhiêu? Tiền thù lao cũng không được tiết lộ, nhưng chắc cũng phải tính bằng sáu con số.

Đây là một bài học về kinh tế thị trường. Sự có mặt của các ông cựu tổng thống Mỹ đều có thể đem bán. Hồi đó, sau khi rời chức vụ tổng thống, ông Reagan qua thăm Nhật, ông đi một lần mà được trả hai triệu USD.

Tiền công của các cựu tổng thống cũng theo luật cung cầu. Một ông tổng thống ăn khách và "treo giá ngọc" như Reagan thì tiền trả phải cao. Giá một cựu tổng thống cao hơn giá một cựu ngoại trưởng, như ông Kissinger. Một tổng thống "đi" nhiều, như ông Ford thì giá rẻ hơn. Giá ông Bush cao hơn, vì ông Bush còn mới cất chỉ. Chỉ có ông Carter ở ngoài thị trường, không chịu đem bán, mỗi lần ông đi đâu đều đi miễn phí, đi mua vui và làm việc nghĩa.

Những người được trả tiền để đi nói chuyện, như ông Bush tất nhiên vốn đã chia sẻ cùng quan điểm với người trả tiền. Ông Bush chắc chắn cùng một lập trường với Citibank, nhà ngân hàng trả tiền cho ông nói nên họ mời ông. Không phải ông ta vì được trả tiền nên mới đi nói. Nghĩa là chính ông đã coi chuyện đi Việt Nam là chuyện chẳng có gì đáng e ngại. Chuyến đi của ông đã định trước gần một năm nay, nghĩa là từ hồi đó nhà ngân hàng và ông đã biết tới tháng chín năm nay hai nước thế nào cũng bang giao rồi, chẳng phải chờ một ông Clinton quyết định vụ đó. Nội dung các bài nói chuyện của ông cũng là lập trường của nhà ngân hàng City.

Vậy lập trường của một ngân hàng Mỹ là gì? Là "Chủ nghĩa kinh tế tư bản", không có gì khác. Chủ nghĩa đó, xưa nay các đảng cộng sản vẫn coi là kẻ thù số một. Mới ngày 2 tháng 9, ông Lê Đức Anh còn ra rả kêu gọi đảng viên chống "các thế lực thù địch" đang chống phá đảng CS của ông ta.

Tuần sau đó ông Lê Đức Anh tiếp cựu thổng thống Mỹ, do một ngân hàng Mỹ đưa tới, thì chắc "tư bản Mỹ" không phải là bọn thù địch của đảng nữa. Tư bản Nhật, Hồng Kông, cộng sản Trung quốc chắc chắn cũng không phải thù địch của đảng. Vậy ai là thù địch của đảng CSVN? Nhìn đi nhìn lại chỉ còn dân Việt Nam, những người mà ông Nguyễn Hộ nói là còn oán hận đảng xâu xa.

Tại Hà nội ông Bush vẫn rao giảng các giáo lý chủ nghĩa tư bản. Thứ nhất là đề cao vai trò của tư nhân trong nền kinh tế, kêu gọi giảm bớt vai trò của nhà nước. Ông Bush nói rất rõ ràng: "Tôi khuyến khích giảm bớt việc nhà nước làm chủ các sản phẩm và dịch vụ." Mục đích để làm gì? Ông cũng nói rất rõ: "để tăng gia sự phồn vinh cho cá nhân các công dân Việt Nam." Đó là chủ trương chính yếu của kinh tế tư bản: phục vụ cho từng cá nhân chứ không phải phục vụ một thứ tập thể trừu tượng gọi là "nhân dân" mà các đảng cộng sản vẫn tự tiếm quyền đại diện. Các nhà quản đốc doanh nghiệp nhà nước nghĩ thế nào?

Ông Bush cũng nói con đường bình thường hóa việc mậu dịch với Mỹ còn nhiều "ụ đất" (bump) phải vượt qua, trước khi Mỹ cho Hà nội hưởng quy chế tối huệ quốc. Ụ đất nào ông không nói rõ, nhưng ai cũng hiểu đó là đạo luật Jackson-Vanik, trong đó ràng buộc quy chế tối huệ quốc với việc tôn trọng nhân quyền.

Ông Bush nhắc Việt Nam phải dân chủ hơn và tôn trọng nhân quyền hơn. Ông còn ước mong dăm năm nữa ông ta trở lại sẽ thấy một xã hội cởi mở hơn, dù không nói rõ thế nào là cởi mở. Khi nói về cuốn sách của MacNamara trong đó vị cựu bộ trưởng quốc phòng này viết Mỹ đã lầm khi tham chiến ở Việt Nam, ông Bush chỉ nói vắn tắt là ông không đồng ý với Macnamara. Khi đề cập tới chỗ đứng của Việt Nam trong địa lý chính trị vùng, ông nhắc tới vai trò quan trọng của Việt Nam trong 'Matrix an ninh" của miền

Đông Nam Á. Chữ Matrix có thể hiểu là "bàn cờ", dịch sát nghĩa là "ma trận", hay "phương trận" (determinant của matrix) trong toán học. Khi bản dịch câu nói này truyền tới Bắc Kinh chắc có thể gây hiểu lầm vì chữ "Trận" nghe có vẻ chiến tranh!

Ông Bush đã nói những điều mà người Việt dân chủ tự do đã đòi hỏi từ lâu: Phải có dân chủ; phải tôn trọng nhân quyền; phải giảm bớt vai trò của nhà nước trọng nền kinh tế; xã hội phải cởi mở hơn, nghĩa là các quyền tự do báo chí và tự do lập hội phải được tôn trọng, v.v.

Đó cũng là những điều người Việt đòi dân chủ vẫn yêu cầu. Người Việt Nam yêu nước chỉ khác ông Bush là họ không muốn nhấn mạnh đến vai trò của dân tộc Việt trong cuộc cờ an ninh, quân sự vùng Đông Nam Á. Dân ta đã đổ máu quá nhiều bao năm qua chỉ vì phải đóng góp vào các "nghĩa vụ quốc tế".

Và ông Bush có ưu thế hơn chúng ta vì ông là cựu tổng thống Mỹ, nói mà không sợ bị kết vào tội "thù địch chống phá cách mạng." Ông nói xong còn được vỗ tay và được trả tiền (sáu con số). Ông không bị đảng CSVN xếp vào loại "các thế lực thù địch". Còn những người dân Việt ta, như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đình Huy, Nguyễn Đan Quế, Thích Quảng Độ thì bị bỏ tù. Họ không phải là những món hàng có thể đem bán cho các ngân hàng tư bản, họ là những người tự do, sống vì tự do chứ không phải vì lợi nhuận.

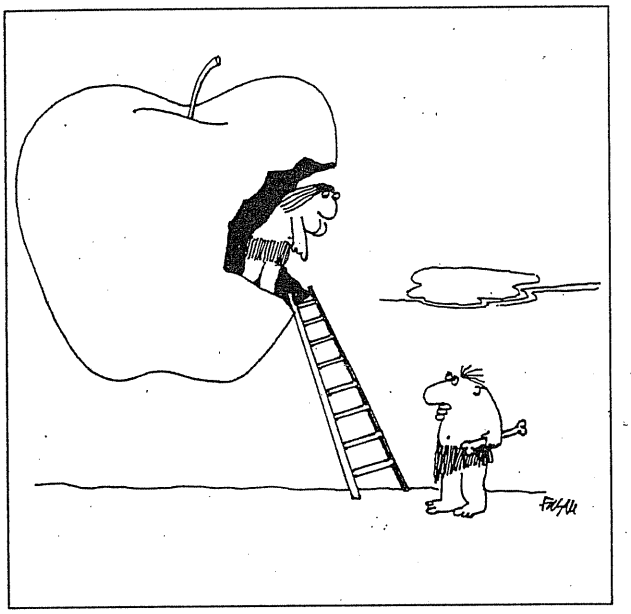
ĐÔNG ÂU VẪN LÀ MỘT BÀI HỌC

Sáu năm trước đây các biến cố liên tiếp bắt đầu còn nhỏ sau lớn dần dần đã đưa tới sự sụp đổ của các chế độ cộng sản ở Đông Âu và sau đó là Nga Xô.

Một cuốn sách mà bản dịch tiếng Đức đang bán rất chạy nhưng chưa có bản dịch tiếng Anh đó là cuốn hồi ký của ông Gorbachev, cựu tổng bí thư đảng cộng sản Liên xô. Trong cuốn hồi ký này, ngoài việc giải thích về cuộc đổi mới của ông đưa tới sự giải tán đảng cộng sản và đế quốc Nga xô, ông Gorbachev cũng cho thấy yếu tố quan trọng châm ngòi cho tất cả các biến cố đó là các giới lãnh đạo trong đảng cộng sản Liên xô đã hoàn toàn mất tin tưởng ở các tín điều cộng sản.

Mặt khác, những cải tổ của ông Gorbachev và đảng CSLX cũng chỉ nhắm mục đích cố duy trì quyền lực của giai cấp lãnh đạo trong đảng lúc bấy giờ. Vì mục đích đó họ có thể sẵn lòng sắp xếp lại Liên bang Sô viết, sửa đổi hệ thống cai trị, pha trộn chủ nghĩa cộng sản với các khẩu hiệu mới như tái tạo cơ cấu, cởi mở và công khai, v.v. Nhưng khi chính giai cấp lãnh đạo của cả khối cộng sản đã mất niềm tin thì các cố gắng vá víu đã không giúp đảng cộng sản duy trì quyền lực, ngược lại chỉ mở cửa cho các mâu thuẫn, xung đột nội bộ và các đòi hỏi dân chủ tiềm tàng trong dân chúng có dịp bùng nổ.

Nhưng cuộc cách mạng năm 1989 ở Đông Âu cũng khó xảy ra nếu trước đó không có các cuộc biến động khác. Ngày nay người ta hiểu rõ hơn



các cuộc cách mạng bất thành từ 50 năm trước cũng đóng góp vào thành quả năm 1989.

Đó là cuộc cách mạng bất thành ở Hungari năm 1956, ở Tiệp Khắc năm 1968 và phong trào công đoàn Đoàn Kết ở Ba Lan năm 1981. Dù các biến cố trên cuối cùng đưa tới sự thất bại của người dân, các đảng cộng sản sau đó vẫn nắm vững quyền hành; nhưng tất cả đã gieo mầm cho biến cố năm 1989.

Năm đó phong trào Đoàn Kết có cơ hội cựa quậy trở lại, càng ngày càng mạnh. Rồi đảng cộng sản Ba Lan phải nhượng bộ, mời một nhà tranh đấu của phong trào ra lập chính phủ không cộng sản. Tại sao đảng cộng sản Ba lan nhượng bộ một công đoàn chưa có tổ chức vững mạnh bằng họ, không nắm công an và quân đội như họ?

Gần đây một cuốn sách của David Pryce-Jones cho biết một vị cựu ngoại trưởng Ba Lan thời cộng sản nói với tác giả rằng: Lý do chính yếu là kinh nghiệm vụ đàn áp năm 1981 đã gây bất mãn và khiến cả quân đội và công an ở Ba Lan ngã lòng, mất hết niềm tin và lòng trung thành với đảng. Đảng cộng sản Ba Lan thấy không thể sử dụng lại món võ đàn áp cũ, nên

phải nhượng bộ.

Tại Đông Đức, các biến cố vào tháng này năm đó cũng dồn dập nhanh chóng. Hàng ngàn dân Đông Đức bỏ trốn sang Tây Đức mặc dù chế độ đã lập hàng rào, xây tường ngăn chặn. Lúc đầu dân chúng vượt biên qua Hungari và từ đó xin tị nạn ở Tây Đức. Tại sao chính phủ cộng sản Hungari lại để cho dân Đông Đức chống cộng sản tới xứ họ để đào thoát? Một lãnh tụ cũ của cộng sản Hung nay tiết lộ rằng người Hungari muốn phá Đông Đức, cốt làm cho chế độ đó yếu đi. Họ vẫn lo có ngày quân Đông Đức sẽ tấn công sang Hungari để ngăn chặn việc đổi mới kinh tế ở Hung đã bắt đầu từ thập niên 1970 và đã có kết quả tốt. Họ lo sợ vì còn nhớ bài học quân Đức tấn công sang Tiệp Khắc theo lệnh Liên xô năm 1968, khi nước Tiệp cũng chỉ muốn đổi mới.

Khi dân chúng Đông Đức bắt đầu họp mít tinh ở các nhà thờ, tại Leipzig và Dresden, rồi đốt đuốc đi biểu tình đòi dân chủ thì chế độ cộng sản đã nhanh chóng nhượng bộ. Tại sao một chế độ cộng sản thành công nhất về kinh tế cũng như quân sự lại nhượng bộ dân nhanh chóng như vậy?

Một lãnh tụ cũ của Đông Đức nói với ông Pryce-Jones rằng các lãnh tụ không dám ra lệnh nổ súng vào dân chúng biểu tình vì chính họ còn nhớ lại vụ nổi dậy ở Budapest năm 1956. Trong cuộc nổi dậy bất thành đó, khi dân Hung thấy cuộc tranh đấu ôn hòa của họ bị đánh lừa và phản bội, người dân bị đàn áp bằng bạo lực đã trả lời bằng bạo lực. Họ đã tìm bắt các lãnh tụ cộng sản đem treo cổ. Nhớ lại bài học đó, các lãnh tụ Đông Đức nhượng bộ dân lo để toàn mạng.

Bài học sau cùng là khi các lãnh tụ bảo thủ ở Liên xô đảo chính Gorbachev, ra lệnh công an KGB thì chính các sĩ quan cấp tá của KGB từ chối lệnh của viên tướng giám đốc. Công an là thành phần ưu tú nhất trong xã hội cộng sản, cũng là giới biết nhiều tin tức hơn cả. Và họ đã hết tin tưởng.

Trong tất cả các biến cố trên yếu tố quyết định là sự nao núng trong đầu óc của đảng viên và lãnh tụ cộng sản ở Nga và Đông Âu. Từ mức tin tưởng sắt đá rằng họ đóng vai trò tiên phong trong lịch sử, rằng họ có lẽ phải và có lý tưởng, đến khi tất cả các niềm tin đó sụp đổ, thì chính các đảng viên rã ngũ và các lãnh tụ mất cả ý chí lẫn sức lực để nắm quyền.

Một kinh nghiệm đáng nhớ là trường hợp đảng cộng sản Bulgaria. Đảng này dựa theo luồng gió đổi mới, tổ chức bầu cử tự do vào năm 1990, và họ còn cả bộ máy đủ tay chân để thắng cử. Nhưng sau đó mấy tháng họ buông xuôi, mời phe đối lập ra tổ chức chính phủ mới. Một lãnh tụ đối lập ở Bulgari giải thích: Cộng sản mất cả ý chí lẫn sức khỏe để nắm quyền hành!

Người ta tự hỏi hiện nay đảng CSVN nên dựa vào niềm tin của đảng viên để tồn tại, hay chỉ dựa vào sự phân chia lợi lộc ở trong đảng với nhau, tự bảo vệ nhau để còn tồn tại mà chia nhau hưởng thụ?

Theo kinh nghiệm Đông Âu thì niềm tin dễ bị tan vỡ, mà khi tan vỡ thì nguy hiểm hơn. Có lẽ nên đổi tên đảng, bỏ cả chủ nghĩa đi. Quyết tâm cùng nhau lo bảo vệ quyền lợi có lẽ dễ hiểu hơn và bền bỉ hơn quyết tâm bảo vệ chủ nghĩa. Ai không chịu nhục, như ông Nguyễn Hộ, thì cứ tự ý rút lui, đảng càng mừng.

ÁI NGỮ

Câu chuyện cuốn băng Fuhrman làm cho mối quan hệ chủng tộc ở vùng Los Angeles căng thẳng hơn.

Ông Fuhrman, một điều tra viên của sở cảnh sát Los Angeles đã nói, và được ghi âm, với một nhà viết chuyện phim những lời miệt thị người da đen. Trong hơn mười giờ phỏng vấn thâu âm, trong vòng 10 năm, ông dùng tiếng miệt thị "nigger" (như ta nói: tên mọi đen) tới 41 lần! Ông còn khoe đã đánh đập các nghi can da đen và người gốc Mễ Tây Cơ một cách vô cớ và ngụy tạo bằng chứng buộc tội họ.

Cuốn băng này được mang ra cho công chúng

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Nhạc sĩ
DƯƠNG THIỆU TƯỚC
Pháp danh MINH TÀI

đã thất lộc tại Saigon-Việt Nam
ngày 6 tháng 7 năm Ất Hợi, nhằm ngày
01-08-1995
Hưởng thọ 81 tuổi

Xin thành kính phân ưu cùng Bác gái và Gia quyến. Thành thật chia buồn với các Anh Chị Dương Hồng Ân và Dương Hồng Trạch.

Nguyện cầu hương hồn Nhạc sĩ Dương Thiệu Tước sớm về miền vĩnh cửu.

Cơ sở ĐỘC LẬP
Phòng Thông Tin Văn Hóa Việt Nam

nghe vì ông là một nhân chứng quan trọng trong vụ án xử O.J. Simpson, một hảo thủ túc cầu Mỹ da đen bị khép tội giết vợ, một phụ nữ da trắng. Dân chúng nước Mỹ nghe các lời ông Fuhrman nói đều phẫn nộ.

Một điều mà người Mỹ da đen vẫn hay than phiền là cảnh sát ở các thành phố lớn đa số là da trắng, mặc dù trong dân số có rất nhiều người Mỹ da đen. Số cảnh sát da đen tiến lên địa vị sĩ quan chỉ huy càng có tỷ lệ nhỏ hơn.

Los Angeles là thành phố đã cải tiến hơn về mặt này. Trong dân số L.A. có 14% người da đen thì trong lực lượng cảnh sát cũng có 14% da đen, tuy số sĩ quan cảnh sát da đen chỉ là 8,5% tổng số. Tại New York 29% dân chúng là da đen, chỉ có 11% cảnh sát da đen, và số sĩ quan da đen chỉ chiếm 7%. Thành phố có tỷ số cảnh sát da đen cao nhất (54%) và số sĩ quan nhiều nhất (50%) là Detroit, nhưng dân số ở đó có tới 76% người da đen.

Những con số thống kê không làm người mỹ da trắng động làng bằng những lời lẽ miệt thị, các chuyện bạo hành mà ông Fuhrman đã nói. Nhiều người da trắng phải tự hỏi 30 năm sau khi các phong trào dân quyền xác định nước Mỹ phải đền bù cho những người anh em da đen của họ những thiệt thòi trong quá khứ, thì tâm trạng kỳ thị vẫn còn chìm xâu và lan rộng tới mức nào? Điều tưởng là khó khăn nhất đã vượt qua là việc thiết lập các định chế, luật lệ bảo vệ sự bình đẳng chủng tộc. Nhưng bây giờ thì người ta hiểu nỗi khó khăn lớn là tâm lý con người, không phải là định chế.

Nếu không nhờ nền luật pháp dân chủ ở nước Mỹ thì những người kỳ thị, dù là thường dân hay cảnh sát, không thể bị mang ra ánh sáng và truy tố khi phạm tội kỳ thị.

Nhưng tâm trạng kỳ thị của người ta chỉ có thể thay đổi trong cuộc sống chứ không bằng luật lệ. Ở nhiều sở cảnh sát, các sĩ quan khác mầu da không chịu đi chung xe. Năm 1975 cảnh sát viên đen và trắng ở Detroit đã ẩu đả nhau, rút súng gườm nhau ngay trước cửa tòa án thành phố.

Giáo sư James Fyfe thuộc đại học Temple ở Philadelphia, cũng là một cựu cảnh sát viên ở New York, nói rằng "Tăng tỷ số sĩ quan cảnh sát da đen không thôi cũng chưa đủ thay đổi tình trạng. Phải thi hành các biện pháp khác, như thay đổi nền nếp giá trị văn hóa, giúp cho người người ta thấy có những điều xã hội không thể chấp nhận." Thí dụ khi nghe một người da trắng gọi người da đen là "nigger" thì người Mỹ ngày nay không thể chấp nhận, dù giữa người da đen nhiều khi họ vẫn gọi đùa nhau bằng chữ nigger!

Việc thay đổi trong nền nếp giá trị thì chậm nhưng chắc chắn hơn, và chỉ có thể thực hiện qua việc giáo dục. Người da đen và da trắng, hay bất cứ mầu da nào khác, phải tập sống chung và dùng ái ngữ để tỏ lòng kính trọng lẫn nhau.

Trong tương giao giữa người với người, một lời nói hay một hành động từ ái sẽ khích lệ những lời nói và hành động từ ái khác. Khi xã hội được reo những hạt giống nhân ái, và cùng lo tưới tẩm những hạt giống nhân ái thì tất cả mọi người đều được hưởng các thành quả nhân ái. Điều này thì đối với người Mỹ hay người nước nào cũng đúng.

Trong cuốn Chết Mãi Thành Quen của Trương Hiền Lượng, tác giả Một Nửa Đàn Ông Là Đàn Bà, có cảnh một nhà văn Trung cộng vào một động tiên ở New York toàn chị em ta gốc Á châu. Hỏi cô gái "Em người xứ nào?" cô nói "Việt Nam." Nhà văn reo lên: "Thế thì vừa là đồng chí lại là anh em rồi!"

GIÁO DỤC GIA ĐÌNH

Một tác giả da đen Ở MỸ mới xuất bản cuốn sách đáng đọc và suy nghĩ. Dưới hình thức những là thư gửi cho một người da đen BỊ BẮT VỀ TỘI bán ma túy mà ông gọi là Brad, tác giả Armstrong Williams đã cho thấy một nền giáo dục gia đình có từ ái và nghiêm minh là điều quan trọng hơn cả.

Từ thủa nhỏ ông Williams đã phải đi hái lá cây thuốc lá ở một nông trại trong bang South Carolina. Cha mẹ ông đã nuôi dậy mười đứa con những giá trị của sự làm việc, của kỷ luật, danh dự và tín ngưỡng tâm linh. Ngày nay ông là một người da đen thành công về ngành truyền thông trong xã hội Mỹ.

Ông Williams kể trong cuốn "Beyond Blame" ông tình cờ gặp Brad, 29 tuổi, ba con, bị truy tố về tội ma túy và sát nhân. Cha mẹ Brad không phải những người nghèo khó và gia đình cũng không đổ vỡ như hình ảnh thường thấy ở những gia đình có con em phạm pháp. Họ là những người da đen trung lưu, và rất thương con. Chỉ có một khuyết điểm là họ chủ trương thương yêu mà không cần khép con vào kỷ luật.

Thí dụ lần đầu Brad bị bắt gặp quả tang mang ma túy về nhà, mà cha mẹ vẫn tiếp tục cho cậu ta 200 US$ một tháng làm tiền túi tiêu chơi. Khi Brad bị bắt về tội ma túy thì cha mẹ cầm cố nhà và xe để bảo lãnh con ra.

Cuốn sách 102 trang cho chúng ta bài học về giáo dục gia đình. Không phải cảnh gia đình nghèo hay giầu làm cho đứa trẻ lớn lên thành một kẻ phạm pháp hay một nhà báo tên tuổi.

Ngược lại, cha mẹ ông Williams nghèo nhưng tập cho con các đức tính tốt, trong đó có tinh thần chịu khó và sống với những ràng buộc của kỷ luật. Ngược lại một gia đình trung lưu hay khá giả, như cha mẹ Brad, mà không biết giáo dục con, tình thương yêu không kỷ luật đã dẫn tới hậu quả rất xấu.

Dù người da trắng, da đen hay da vàng thì những điều trên vẫn luôn luôn đúng. Chúng ta thường nói "yêu cho doi cho vọt", câu này không còn đúng nưa, nhưng chỉ nên hiểu là "yêu con thì phải bắt con tập tôn trọng kỷ luật."

NÓI TỰ DO Ở BẮC KINH

Vai trò phu nhân của tổng thống Hoa Kỳ đem lại hai điều lợi cho bà Hillary Rodham Clinton. Lời nói của bà có sức mạnh ảnh hưởng mà các phụ nữ thường không thể có được. Đồng thời, bà không phải là nhân viên chính thức trong chính phủ Mỹ nên bà có thể nói những lời thẳng thắn và mạnh mẽ mà các viên chức không dám nói trong tình thế ngoại giao căng thẳng như giữa Hoa Kỳ và Trung quốc gần đây. Nhờ thế bà Clinton đã lên tiếng nói một cách dõng dạc về quyền làm người, về các quyền tự do lập hội, tự do phát biểu ở giữa nước Trung Hoa.

Người Việt và người Hoa không muốn nhìn nhận trong nền văn hóa cổ truyền của họ vai trò người phụ nữ không được tôn trọng. Họ có thể biện hộ rằng trong các nền văn minh khác, khắp thế giới, phụ nữ cũng chỉ được nhìn nhận là bình đẳng với nam giới trong thời gian gần đây thôi. Mà cho đến nay việc tranh đấu của phụ nữ tại Hoa Kỳ cũng vẫn còn đang tiếp tục, chứng tỏ ở xứ Mỹ phụ nữ cũng còn chưa cảm thấy hoàn toàn bình đẳng.

Lời biện hộ trên cũng không che dấu được sự thật là tại Trung quốc và Việt Nam cho đến ngày hôm nay nhiều quyền căn bản của con người vẫn chưa được tôn trọng; trong đó tất nhiên nhiều quyền của phụ nữ vẫn bị từ chối.

Những tổ chức như Hội Liên Hiệp Phụ nữ do chính quyền đặt ra chỉ dùng để làm cảnh, trang trí cho một chế độ độc tài cực quyền, toàn trị. Trong hai phái đoàn, một của chính phủ, một mang danh là tư nhân (NGO) từ Hà Nội củ đi dự hội nghị, cả hai đều do hội trên cầm đầu. Nếu chúng ta đồng ý rằng cả loài người đã từng vi phạm quyền làm người của phụ nữ trong quá khứ thì chúng ta cũng phải công nhận rằng các nước Á châu đã chậm hơn nhiều nước Tây phương trong chuyện sửa chữa lầm lẫn đó.

Tại Hội nghị phụ nữ ở Bắc Kinh ngay từ đầu đã có nhiều lời phản đối việc chính quyền Trung Cộng cho công an theo dõi, gây rắc rối, và đàn áp các phái đoàn phụ nữ tư nhân ở Hoài Nhu. Phái đoàn người Tây Tạng đã bị theo dõi và đàn áp đặc biệt. Phái đoàn không chính thức gồm chín phụ nữ Tây Tạng đã phải tập hợp lại qua nhiều ngả khác nhau. Họ gồm những phụ nữ gốc Tây Tạng mang các quốc tịch Mỹ, Úc, Canada, v.v. đi trong phái đoàn của các tổ chức tư từ các quốc gia đó. Họ là cái gai trước con mắt chính quyền độc tài Bắc Kinh, họ biểu dương niềm hy vọng và óc kiên cường của dân tộc Tây Tạng.

Từ khi Tây Tạng bị Trung cộng cưỡng chiếm và thi hành chính sách diệt chủng, dân Tây Tạng lưu vong đi khắp thế giới đã tạo được sự kính trọng trong các xứ mà họ cư ngụ, nhờ tinh thần đoàn kết và việc phát huy nền văn hóa Phật giáo cổ truyền của họ trong khi vẫn hòa hợp với dân địa phương. Lần này họ chứng tỏ có cả tài tổ chức rất tinh vi khi đưa được chín phụ nữ từ nhiều nơi về Bắc Kinh, bầy tỏ thái độ chính trị của họ một cách hòa bình trước sự chứng kiến của giới truyền thông khắp thế giới. Phụ nữ thế giới phải hãnh diện về họ, dân tộc Tây Tạng hãnh diện về họ.

Sự có mặt của những phái đoàn phụ nữ quốc tế, nhất là những người đến từ các xứ tự do, không quen sợ hãi, không quen khuất phục trước bạo lực của công an, đó là một tấm gương mà phụ nữ ở Trung quốc và ở Việt Nam sẽ nhìn vào và tự đặt câu hỏi về số phận của chính họ. Báo chí, truyền hình cả thế giới truyền đi hình ảnh các bà Tây Tạng đuổi mấy công an Trung Cộng, mặc thường phục và mang bộ mặt bẽn lẽn...như con gái!

Nhưng số phận của phụ nữ nước nào cũng chịu chung với số phận của toàn thể dân chúng nước đó. Cho nên nói đến quyền của phụ nữ thì phải nói tới quyền làm người của tất cả dân chúng. Bà Hillary Rodham Clinton đã nói rõ điều đó, thông điệp của bà ở Hoài Nhu là một thông điệp về nhân quyền. Những lời nói của bà là về quyền tự do của mọi người, nam cũng như nữ.

"Tôi xin nói rõ ràng. Tự do có nghĩa là

Trương Ái Linh, nữ tiểu thuyết gia gốc Trung Hoa đã tạ thế ở Los Angeles trong tháng chín 1995, thọ 74 tuổi. Tên tiếng Anh của bà là Eileen Chang. Sách bà bán rất chạy ở Hồng Kông và Đài Loan, ba cuốn đã được phỏng làm phim. Bà sống cô độc, không tiếp nhà báo, xa đồng nghiệp, không con cái. Nhà xuất bản ở Đài Loan muốn nói chuyện với bà họ phải dùng máy fax. Có khi họ phải đợi nhiều ngày mới có trả lời vì bà không có máy. Bà dùng máy fax của tiệm tạp hóa gần nhà.

quyền của người dân được hội họp, tổ chức, và thảo luận một cách công khai. Có nghĩa là phải tôn trọng quan điểm của những người không cùng lập trường với chính phủ." Những lời nói thẳng thắn, dõng dạc của bà Clinton cần được nhắc lại ở Việt Nam, sau khi chính quyền ở đó mới bỏ tù Hòa Thượng Quảng Độ, các ông Nguyễn Đình Huy và Nguyễn ngọc Tân cùng 12 người khác, chỉ vì họ muốn thực hành quyền hội họp, quyền thảo luận một cách hòa bình và công khai.

Hành động của bà Clinton đáng ca ngợi vì trong lúc này nền ngoại giao giữa Mỹ và Trung cộng còn căng thẳng. Trung cộng mới cho phép đại sứ của họ trở lại Washington sau khi đã triệu hồi về nước để phản đối việc Mỹ cấp chiếu khán cho tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy về thăm đại học Cornell vào tháng năm. Trung cộng còn biểu dương võ lực để đe dọa Đài Loan. Trước đây báo chí và các chính khách đảng Cộng Hòa đã phản đối việc bà Clinton sang Trung Quốc, coi hành động đó là làm tăng uy tín cho một chính quyền đang vi phạm nhân quyền.

Nhưng những lời bà Clinton nói ở Hoài Nhu không làm chính quyền Trung Cộng thêm uy tín mà chỉ khiến họ bối rối thêm, họ mất thể diện với chính nhân dân Trung quốc. Bà đã chứng tỏ khi cần chọn lựa giữa hai hành động, tẩy chay chính quyền Bắc Kinh hay đi đến Trung Quốc để nói chuyện nhân quyền, thì hành động dấn thân tận nơi vẫn đáng chọn hơn và có hiệu quả hơn. Sau khi ngoại trưởng Christopher và cựu tổng thống Bush qua Hà Nội nói phải mở rộng dân chủ và tôn trọng nhân quyền, hành động của bà Clinton chứng tỏ nước Mỹ vẫn cố giữ vai trò biểu dương các giá trị tinh thần của họ trên thế giới.

Họ vẫn lên tiếng cổ võ cho dân chủ tự do mặc dù họ vẫn coi chuyện buôn bán làm ăn là quan trọng. Chính sợi giây kinh tế mà họ đang nối kết với thế giới giúp cho vai trò tinh thần mà họ muốn đóng có thế vững hơn, và mạnh hơn những lời nói xuông.

NÀNG "LARA THẬT" CỦA BÁC SĨ JIVAGO ĐÃ QUA ĐỜI

"Olga, em hãy bước ra ngoài cuốn sách này để đọc nó coi" đó là lời Boris Pasternak viết tặng trên bản dịch cuốn *Faust* của Goethe mà ông chuyển sang tiếng Nga, ông đề tặng bà Olga Ivinskaya.

Bà Olga Ivinskaya mới qua đời ngày 8 tháng Chín năm 1995 và an táng ở Matxcơva. Bà là người mẫu tạo nên nhân vật Lara trong tác phẩm Bác sĩ Jivago.

Pasternak gặp Olga năm 1946, khi bà làm việc cho hội nhà văn và tờ tạp chí của hội, tờ *Thế Giới Mới*. Bà ngỏ ý xin mấy cuốn thơ và ông mang đến tặng; từ đó tình bạn dần dần biến thành tình yêu. Bà sinh năm 1912 và đã trải qua hai đời chồng trước khi gặp Pasternak.

Sau khi gặp bà, Pasternak bắt đầu viết *Bác sĩ Jivago*, trong mười năm trời. Ông thường đọc cho bà nghe các chương còn đang viết dở dang. Bà từng kể lại một ngày ông đến tìm bà, khóc sùi sụt báo tin: "Em ơi, Jivago chết rồi!" khi nhà văn viết đến đoạn cuối tác phẩm. Năm 1958, cuốn sách giúp ông được trao giải Nobel, dù bị cấm ở Nga, người đọc phải coi bản tiếng Ý là bản gốc. Ông cũng bắt đầu bị làm khó dễ, phải từ chối giải thưởng chỉ vì không muốn phải sống lưu vong. Nhưng cũng có thể vì ông không thể ra đi và xa Olga mãi mãi.

Nhưng ngay năm 1949 Olga đã bị bắt, vì chính quyền muốn cảnh cáo Pasternak lúc đó, dọa ông không được chống chế độ Stalin. Bà bị bắt khi đang có bầu, và sau đó đứa con của hai người đã chết ở trong tù. Năm 1972, bà xuất bản cuốn hồi ký, ở nước ngoài, lời đề tặng dành cho Pasternak. Tập hồi ký tựa đề "Tù Nhân của Thời Gian."

Năm 1953, sau khi Stalin chết, Olga Ivinskaya được thả; nhưng đến năm 1960, sau khi Pasternak qua đời, bà lại bị bắt nữa và bị kết án tám năm. Nguyên nhân cũng vì mối tình của hai người. Bốn năm sau bà được tha. Phải đợi đến năm 1988, thời "cởi trói" của Gorbachev bà mới được "phục hồi" quyền công dân và quyền viết. Nhưng sau đó bà vẫn còn phải tiếp tục tranh đấu với nhà cầm quyền Nga xô để đòi lại các lá thư tình mà Pasternak viết cho bà thời xa xưa. Những lá thư đó đã bị công an tịch thu khi họ bắt bà lần thứ hai, năm 1960.

Cho đến năm ngoái dân chúng Matxcơva mới được coi cuốn phim *Bác sĩ Jivago*, nhưng họ vẫn kéo nhau đến thăm căn nhà ở vùng quê nơi hai nhà văn đã sống những ngày yêu đương của họ. Sau khi bà Olga Ivinskaya mất, đài phát thanh NTV ở Nga đã nhắc tới vai trò của các "nàng thơ" trong văn học Nga. Họ nói: "Cũng như Pushkin không thể thành tựu sự nghiệp nếu không có Anna Kern, Yesenin cũng chưa chắc đã thành đại thi hào nếu không có Isadora, Pasternak cũng không thể trở thành Pasternak nếu không có Olga Ivinskaya, bà là nguồn cảm hứng để ông viết tác phẩm *Bác sĩ Jivago*."

Trong tác phẩm *Bác sĩ Jivago*, Pasternak đã tả cảnh Lara lên đường xa Jivago tại Varakyno. Xe nàng đi khuất dần dần nơi chân trời, sau cánh rừng. Jivago thì thầm: "Đã lặn rồi mặt trời của tôi!"

Lara còn bất tử, và Olga của Pasternak cũng vậy.

KHẮC TRONG TÂM NGƯỜI

LÊ TẤT ĐIỀU

Làm việc cho sở xã hội được ba hoặc bốn năm thì tôi bị giao nhiệm vụ huấn luyện các nhân viên mới. Một hôm, tôi phải biểu diễn màn phỏng vấn một cô "vô gia cư" vừa gian dối vừa hỗn láo để "làm gương" cho nhóm đệ tử gồm bốn vị: ba gái một trai.

Cô J, địch thủ lợi hại của tôi, đã tạo thành tích lẫy lừng từ buổi sáng. Chìa cái giấy thông báo đuổi nhà cho người tiếp viên coi xong là cô yêu cầu được nhận tiền trợ cấp lập tức để cô còn đi thuê mô-teo ngự tạm ít ngày. Khi được bảo là phải chờ, phải điền giấy tờ và nhất là phải nộp thêm một số giấy tờ nữa, cô bé nổi giận la lối om xòm, yêu cầu gọi xếp lớn ra cho cô nói chuyện tay đôi.

Phải nhờ một ông an ninh lù lù như quả núi mời cô ra khỏi văn phòng và nhỏ nhẹ khuyên giải cô mới chịu nhận cái hẹn vào buổi chiều.

Vào phòng phỏng vấn sau cô J. chừng một phút, tôi đã thấy cô ta gục đầu trên bàn như ngủ. Theo đúng sách vở, tôi chào cô ta thật lịch sự, tự giới thiệu rồi giới thiệu đám lính mới. Cô ta chậm rãi ngồi thẳng dậy, không màu mè tỏ lộ bất cứ một cố gắng nào để che đậy sự mệt mỏi và chán nản. Khuôn mặt nhợt nhạt búng ra mà tuý ấy toát ra cái vẻ lì lợm, thách thức có thể chọc giận người đối diện rất nhanh, dù ở trạng thái câm lặng. Nhưng cô ta không câm lặng. Cô ta mở màn cuộc đối thoại bằng một loạt những tiếng chửi thề và kể tội đám tiếp viên cô gặp buổi sáng.

Văn phòng được ngăn đôi bằng cái bàn dài. Phe ta đông đảo, năm mạng, ngồi kín một phía. Chiến thuật biển người này không uy hiếp nổi cô J. Sự hiện diện của hai người đàn ông một trẻ, một già không hề làm cô phải e lệ. Cái nhìn lừ đừ, thách thức lúc nào cũng như muốn nói "Bản cô nương vào nơi cò bót như đi chợ, xá gì mấy ông bà cán sự xã hội."



Võ Phiến nhìn bởi Long Ân

Tôi ra hiệu cho cô J. ngừng phát ngôn để bắt đầu cuộc phỏng vấn. Cô ta vẫn thông cho được một câu: "Nếu có chuyện gì xảy ra cho tôi và lũ nhỏ vì sự chậm trễ phát tiền thì các "you guys" sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm."

Phe ta bắt đầu nóng mặt. Một cô tân đồng nghiệp của tôi chịu không nổi, phải nổ nhẹ :"Cô nên kiểm soát lời nói, cô chửi thề nhiều quá." Cô J. cãi ngay: "Chửi thề đâu có vi phạm luật lệ nào!"

Đúng lúc ấy thì cánh cửa sau lưng cô J., mở về phía phòng đợi, mở tung. Một bé trai cỡ ba tuổi nhào vô, nhìn thẳng vào tôi và hỏi: "Ông có kẹo không?" Được trả lời không có kẹo, nó hỏi bút chì màu rồi ngồi xụp xuống, sửa soạn chui qua gầm bàn về phía tôi. Cô J. vừa giới thiệu tên tuổi đứa con vừa túm cổ nó đặt ngồi lên cái ghế bên cạnh. Đứa nhỏ nhảy khỏi ghế lập tức, mở cửa, vừa ra khỏi phòng vừa nói: "muốn ra ngoài với bố."

Tôi hỏi cô J.: "'Bố' nào vậy?" (cô J. khai đứa nhỏ này và cái bầu cô đang ôm là sản phẩm của "một đêm vui chơi", cô không biết cha của tụi nó là ai). Cô J. đáp ngon lành: "Đó là người bạn trai ở chung phòng với tôi. Đứa nhỏ thích gọi anh ấy là 'bố' thì để cho nó gọi. Anh ấy không phải là cha 'thiệt' của nó cũng không phải là tác giả cái bầu tôi đang mang". "Hai người ở chung với nhau bao lâu rồi?" "Hơn ba năm. Nhưng tụi tôi chưa hề ngủ với nhau."

Khi trả lời mấy cây hỏi này, cô J. nhìn xuống mặt bàn, có lẽ cũng biết mình đang lăng mạ trí thông minh của những người phỏng vấn. Nhưng khi nói chuyện "không có sex với anh bạn trai ở chung phòng hơn ba năm" thì cô ta nhìn thẳng vào mắt tôi như muốn nói: "Tôi biết mấy người không tin, nhưng tôi cứ nói thế đấy. Làm gì nhau đây!"

Hỏi bằng lái xe — không đem theo. Hỏi bất

cứ một thẻ căn cước có hình nào khác? Không có. Giấy tờ chủ quyền chiếc xe? Bị giật ví tuần trước, mất hết rồi. Vì cô khai: "Vô gia cư" tôi bảo sẽ liên lạc một nhân viên đặc trách giàn xếp cho cô ở chỗ tạm trú do chính phủ cung cấp, cô từ chối ngay: không thể ở chung với bọn vô gia cư được, cô chỉ chịu ở mô-teo v.v...

Đại khái, suốt cuộc phỏng vấn kéo dài hơn nửa giờ, tôi có bốn năm cơ hội để chấm dứt cuộc nói chuyện vì thái độ bất hợp tác, ngôn ngữ tục tĩu và lời khai lộn xộn, bất nhất của J. Nhưng tôi vẫn kiên nhẫn giải thích từng điểm, hướng dẫn cô hoàn tất một số thủ tục giấy tờ và nhất là ghi một danh sách những chỗ cô có thể đến xin giúp đỡ lập tức về vấn đề thực phẩm.

Sau cuộc phỏng vấn đó, Melinda, một cô tân đồng nghiệp sắc sảo nhất bọn, hỏi tôi: "Làm sao ông có thể bình tĩnh và hết sức tử tế với một tên cà chớn như vậy được?" Nghĩ rằng đây cũng là một câu nói gián tiếp khen ngợi học trò thường dành cho thầy, tôi trả lời qua quít: "Nghề nghiệp bắt buộc mà." Melinda chất vấn: "Ông tử tế giúp đỡ cô ta quá xa sự bắt buộc của công việc. Ông có một kinh nghiệm, một lời khuyên nào giúp bọn tôi khỏi nổi giận trong những trường hợp tương tự chăng?" Cả bọn nhao nhao phụ họa: "Ông chỉ rõ bí quyết cho tụi tôi đi."

Học trò có vẻ "thành khẩn học tập", thầy thì cả đời không bỏ được cái tật khoe khoang. Tuy nhiên, hơn hai tuần lễ sau tôi mới tiết lộ "bí quyết" nhân cuộc họp đông đủ văn võ bá quan.

Nguồn gốc "bí quyết" nằm trong một chuyện ngắn của một nhà văn Việt Nam. Truyện "Tuổi thơ đã mất" đọc cách đây khoảng hơn 30 năm, tôi không nhớ nội dung để kể lại. Chỉ có một chi tiết không thể quên: Đoạn Võ Phiến tả người đàn ông nhìn thấy vết sẹo chủng đậu trên cánh tay trần của cô gái làng chơi. Vết sẹo ấy gợi nhớ đến những săn sóc, ước mong của cha mẹ cô ta khi cô ta vừa chào đời. Người đàn ông xúc động. Đoạn này, Võ Phiến chỉ viết vài hàng, nhưng nó vẽ ra một số hình ảnh bám chặt vào trí nhớ lẳng nhẳng can thiệp vào sự suy nghĩ của tôi suốt mấy chục năm. Tôi trông thấy một người mẹ, một người cha vui tươi, hớn hở bồng đứa con đi chủng ngừa đậu mùa. Tôi thấy họ ước mơ, tin tưởng đứa bé gái rồi ra sẽ có một cuộc đời lành mạnh, đẹp đẽ. Tôi thấy họ trang trọng làm tất cả những gì có thể để sửa soạn cho tương lai của đứa con. Rồi tôi trông thấy đứa bé gái đó vụt trở thành một người đàn bà tàn đời trong nhà chứa. Cô ta kéo lê cuộc đời khốn khổ, nhưng cứ mang hoài trên cánh tay dấu tích sự nâng niu, niềm hy vọng của mẹ cha!

Tôi thành thực nói với các đồng nghiệp trẻ rằng đây là một thứ kinh nghiệm, một ngón nghề không biết có đáng truyền lại hay chăng. Quả thực nó giúp tôi không nổi giận khi phải phỏng vấn, giúp đỡ một đứa cà chớn, láo lếu. Nó giúp tôi không ấm ách, bực bội sau đó. Nhưng nhiều lần, phỏng vấn một người mà tâm trí tôi cứ ôm đồm đối phó với hai, ba thế hệ. Nhìn cô gái bệ rạc, nghiện ngập trước mặt, tôi thường liên tưởng và xót thương cha mẹ của cô ta. Bây giờ họ ở đâu? Từ lúc nào thì đứa bé họ nâng niu, tin tưởng và mong ước bắt đầu làm họ đau lòng? Đứa bé thuở xưa giờ này thân tàn ma dại, lại không có nổi một chút khôn ngoan, một ngôn ngữ mềm mỏng để hoàn tất xuông xẻ thủ tục xin trợ cấp! Tôi cũng bực bội, ghét bỏ nó quá đi chớ. Nhưng trừng phạt nó thì tôi không nỡ. Ngưng giúp đỡ nó, tôi thấy mình xúc phạm đến sự kỳ vọng, niềm ước mơ của những ông cha, bà mẹ kém may mắn.

*

Đó là lần đầu tiên tôi tiết lộ cái vụ bị một đoạn văn ngắn của Võ Phiến ám ảnh. Tiết lộ với một nhóm người Mỹ, Mễ, Iraq... trẻ không biết tí gì về văn chương, đất nước Việt Nam.

Tôi nhớ, khi mới đọc xong truyện "Tuổi thơ đã mất" tôi có gặp gỡ vài anh bạn ở quán cà phê để thảo luận về cái hay của tác giả. Nhưng tôi giấu biệt cái vụ bị xúc động mạnh vì vết sẹo chủng đậu mùa trên cánh tay cô gái giang hồ. Các bạn tôi đều giỏi ngoại ngữ và đọc rất nhiều. Người thì vanh vách nêu ra một lô tác giả ngoại quốc có lối hành văn giống Võ Phiến. Kẻ phân tích về tài mô tả tỉ mỉ mà vẫn hấp dẫn của ông. Có người tìm đến cả những ẩn ý của tác giả nằm sau các nhân vật, các biến động trong truyện. Nhất là "Tuổi thơ đã mất" có vẻ ma quái, nên các bạn tôi đều ngờ rằng nó dính dáng chặt chẽ đến các trào lưu triết lý Tây phương đang thịnh hành.

Giữa các phê bình gia sành điệu như thế mà tôi thò ra cái vụ vết sẹo trên cánh tay nhân vật ám ảnh người đọc thì chắc họ cười chết. Tôi nghĩ là mình đã thưởng thức văn chương Võ Phiến một cách lạc điệu, quê mùa kém trí thức.

Càng về sau thì lại càng nên nín khe. Độc giả, văn giới nêu ra biết bao điều đặc sắc trong tác phẩm Võ Phiến, không thấy nhắc nhở gì đến lòng ông xót thương người, thương đời. Tôi tin là mọi người có lý. Chuyện nhân bản, nhân ái thường chỉ nên dành cho các tác giả có khuynh hướng xã hội. Tôi thấy mình là một thính giả không sành âm nhạc, đặc biệt yêu thích một bản nhạc của tác giả chỉ vì nó liên hệ đến một kỷ niệm, một xúc động riêng tư vậy thôi. Giống như một kẻ thấy cái cây đẹp mọc trên sườn núi, tôi như mọi người đang bàng hoàng vì sự hùng vĩ của quả núi đang xôn xao luận bàn về toàn thể quả núi, không lẽ lại hô hoán lên bắt mọi người phải đặc biệt chú ý đến cái cây nhỏ, đẹp với riêng mình.

Thật ra cũng có một lần tôi suýt hô hoán lên.

VŨ THÀNH

NẮNG XANH XUÂN HỒNG

Giòng sông
Bát nhã vô biên
Sư ông ngồi tịnh
kinh thiền một chương
Suối reo nhã nhạc vô thường
Thoảng trong hơi gió
thơm hương
Phật đài
Giở trang sách cũ đêm dài
Kinh thư lãng đãng ra oai thần phù
Kiếp nào cho trọn đường tu
Hơi sương đầu núi
Giã từ trăng thanh
Lá hoa ngủ thiếp trên cành
Cỏ cây tắm mát gió xanh xuân hồng.

(Những sợi nắng hồng)

Hồi ấy, Lê Phương Chi đang trông nom tờ *Tin Sách,* một tạp chí của Trung Tâm Văn Bút, chuyên phê bình sách. Bí bài, Lê Phương Chi kèo nài bắt tôi đóng góp. Tôi có viết phê bình sách bao giờ! Nhưng là chỗ bạn bè gặp gỡ rong chơi với nhau hàng ngày, không từ chối được. Tôi chọn viết về cuốn "Ảo Ảnh" của Võ Phiến. Có hai lý do: Tôi mê những đoạn văn đầy thi vị của "Ảo Ảnh" và vì tôi mới đọc thấy một phê bình gia nào đó nhận xét rằng: Lối hành văn mô tả tỉ mỉ, "Chẻ sợi tóc làm tư" của Võ Phiến thể hiện một thái độ lạnh lùng, bình thản đến tàn nhẫn đối với cuộc đời.

Tất nhiên tôi bất bình về nhận xét ấy. Đầu tiên định đưa truyện "Tuổi thơ đã mất" vào bài điểm sách, để cãi cọ. Sau, tôi đổi ý, chỉ kết luận bài viết đại khái là: tỉ mỉ nhìn ngắm cuộc đời, chú ý đến từng chi tiết nhỏ, từng biến chuyển mong manh trong tâm hồn nhân vật là một văn phong chỉ có nơi một nhà văn hết sức yêu người, yêu đời...

*

Đọc ông, "Cái còn lại..." trong tâm trí là những món lỉnh kỉnh như thế, khi quen biết Võ Phiến, được ông coi là chỗ thân thiết, cái "biết" của tôi về tính tình ông lại cũng chẳng giống ai.

Vài bạn văn giỏi khoa tướng số đều "nhất trí" rằng Võ Phiến có tướng mạo của một người nhút nhát. Ông vui vẻ nhận là đúng và còn khoe đó là sự nhút nhát có cầu chứng tại tòa hẳn hòi. Trong phiên tòa Việt Cộng xử ông, quan tòa phán rằng: tên Đoàn Thế Nhơn là kẻ nhút nhát, một buổi chiều ở bến đò, khi bước xuống cái thuyền chòng chành, tù binh Nhơn run rẩy ghê lắm. Thêm nữa, lại có tật thương vợ, nhớ con, khó mà mưu đồ việc lớn... do đó, chỉ đáng lãnh cái án tù năm năm.

Nhận định của ông quan tòa này hơi lạ. Không lẽ chỉ những người kém lòng thương vợ, nhớ con mới mưu đồ được chuyện lớn. Lịch sử ta có vị vua, mở lòng thương ra ngoài phạm vi gia đình, xót đến cả người dân nghèo đói nằm bên đường, không nghe nói đó là ông vua hèn kém. Hiếu thảo, xót thương cha thì ông Nguyễn Trãi cũng có thua ai. Phản ứng thông thường của cơ thể đối với những đe dọa, bất trắc cận kề không luôn luôn phản ảnh một ý chí bạc nhược, sự yếu đuối thể chất không thể coi là thước đo sức mạnh tinh thần. Lịch sử phương Đông ghi đầy chuyện khuấy nước, chọc trời của những vị trói gà không chặt.

Nhưng ông tòa đã nhận định như thế, dù do muốn cứu Võ Phiến hay do thật sự tin thế thì ta cứ vô cùng hoan hỉ "nhất trí" với ông, và cảm ơn ông. Nếu ông không nhìn thấy ở Võ Phiến một con người nhút nhát, vô hại thì nguy to. Trong phiên tòa ấy, mấy vị không được coi là nhút nhát kẻ thì tù chung thân người thì bị tử hình!

Con người "nhút nhát có cầu chứng tại tòa" ấy, suốt mấy chục năm làm việc chung, tôi chưa hề thấy một cường lực nào uy hiếp nổi ông, bắt ông phải đổi lập trường hay đổi giọng.

Ra đi năm 1975, con cái kẹt lại gần hết, trở thành đám con tin trong tay Bác và Đảng, Võ Phiến chưa hề lên tiếng vuốt ve, hòa giải với Cách Mạng bao giờ. Viết về những sai lầm nhảm nhí của Cộng Sản, ông vẫn nghiêm khắc, không khoan nhượng.

Khi xuất bản tờ *Văn Học Nghệ Thuật,* hai gia đình chúng tôi đều gặp khó khăn trong đời sống thường nhật. Tôi chưa biết sẽ làm nghề ngỗng gì, những vẫn "vững bụng" hơn ông vì có tuổi trẻ, sức lực để nếu cần thì chui đầu vào một xưởng thợ. Nhưng khi chúng tôi không còn tiền để thuê máy sắp chữ thì kẻ bỏ cuộc đầu tiên lại là người "vững bụng". Mất năm chục phần trăm

nhân lực, Võ Phiến hàng tuần đều phải lái xe gần ba giờ từ Santa Monica đến nhà tôi ở San Diego để làm tờ tạp chí, từ A tới Z. Đinh Thạch Bích cho mượn máy sắp chữ vào ban đêm. Ban ngày ông Đinh ngồi gõ tờ *Việt Nam Hải Ngoại*, đêm về, ông Võ bắt đầu lóc cóc chuyện nghệ thuật, văn chương. Thấy Võ Phiến vất vả quá, tôi dụ khị ông bỏ cuộc luôn cho khỏe, mai mốt sẽ tính. Ông không nghe. Tôi nghĩ ra một kế (bây giờ nghĩ lại mới thấy vừa cà chớn, vừa độc ác) là nhất định không chịu đóng góp gì nữa, đinh ninh rằng phải gồng gánh ôm đồm đủ chuyện, ông sẽ mệt và nản. Nhưng tất cả những khó khăn, đe dọa cùng mưu sâu kế độc của tôi đều chẳng ăn thua gì. Võ Phiến không sờn lòng.

Trước 1975, công việc lay chuyển lập trường của Võ Phiến còn vất vả hơn nhiều, cứ hỏi Bác và Đảng thì biết. Vài năm trước khi miền Nam sụp đổ, tinh thần thiên tả trở thành một món thời thượng, ăn khách. Chuyện "hòa hợp hòa giải dân tộc" hóa thành một sáng kiến tân kỳ. Một số cây bút miền Nam đua nhau gọi Cộng Sản một cách âu yếm là "người anh em phía bên kia." Những ngòi bút chống Cộng bị chế giễu là bọn "thân Chính" hoặc vu cáo, sỉ nhục là "gia nô". Nhiều cây bút chống Cộng đành im lặng. Chính lúc đó, Đảng ta vẫn còn phải loay hoay đối phó với Võ Phiến, một trong số hiếm hoi những cây bút chưa chịu khuất phục.

Đòn phép của "Cách Mạng" không cao siêu gì. Họ cho treo lựu đạn trước cửa nhà Võ Phiến. Đội ngũ văn nô đông như kiến của Đảng, ở cả "bên kia" và "bên này", không đủ bản lãnh để đương đầu với ông, Đảng đành tạm quên sức mạnh của những ngòi bút Cách Mạng để thò ra một ngón nghề quen thuộc là khủng bố.

Thấy "anh em phía bên kia" cay cú Võ Phiến đến độ phải nêu cao chính nghĩa trong trái lựu đạn treo lủng lẳng trước nhà ông, tôi lo ngại thật sự. Một người bạn học của tôi, đang là công chức khá cao cấp, sốt sắng trình lại nội vụ lên xếp lớn để tìm biện pháp. Ông xếp lớn đưa ra một nhận xét ấm ớ làm tụi tôi chưng hửng. Cuối cùng thì phải giàn xếp để Võ Phiến dạy ở đại học Hòa Hảo để nếu cần thì dọn về miền Tây, sống giữa đồng bào Hòa Hảo cho an toàn.

Như thế trước 1975, gia đình Võ Phiến đã suýt phải di tản. Chỉ vì ông không chịu sống đúng theo tướng số và lời nhận xét của tòa án nhân dân!

*

Hình ảnh vết sẹo trên tay cô gái giang hồ sau 30 năm chưa chịu mờ, mới đây, lại thêm câu chuyện con chim bồ câu mù trong tùy bút "Cái lạnh nửa người."

Tôi không phải là một độc giả tối dạ đến độ đọc Võ Phiến chỉ để tìm những chuyện bi thương, những nét nhân bản. Tôi không lầm ông với một nhà văn xã hội. Đọc một nhà văn xã hội, tôi xúc động, một nỗi xúc động không quá lớn lao, và không bất ngờ. Các nhà văn này sưu tập những cảnh ngộ bi đát, những nhân vật đáng thương, gửi đến ta một thế giới, gợi nơi ta niềm xót thương có khi đến ứa lệ. Họ là Thượng Đế của thế giới họ sáng tạo, họ truyền cho ta nỗi xúc cảm về những nỗi khổ, niềm đau, đánh thức nơi ta những tình cảm cao quý. Nhưng nỗi xúc động không quá lớn lao, bởi vì thế giới ấy thường có giới hạn. Chẳng hạn, nó chỉ khiến ta xót thương một ông cha, một bà mẹ đặc biệt nào đó.

Ít khi nó khiến ta đột nhiên thương xót tất cả những ông cha, bà mẹ kém may mắn trên đời.

Võ Phiến không chủ trương gợi xúc cảm, bi thương. Tình tiết câu chuyện không ly kỳ, thảm khốc. Tại sao đọc ông, tôi cứ bị xúc động, bàng hoàng? Xét kỹ một phần cũng vì tôi là độc giả đặc biệt yêu thiên nhiên.

Núi non trùng điệp, biển rộng, sông dài thường làm tôi ngất ngây, choáng ngợp. (Tất nhiên một đại vực hùng vĩ, mênh mông già hàng triệu tuổi dễ bắt nạt một sinh vật cao hơn năm phít, sống chẳng quá trăm năm. Nhưng tôi không cảm thấy bị uy hiếp mà chỉ mang mang một nỗi xúc động, có lúc thoáng vui, có khi thoáng một niềm hãnh diện.)

Mấy con chim câu nhảy nhót hàng ngày trong vườn, không có gì đáng chú ý. Thế mà khi Võ Phiến chỉ vào một con chim mù trên đảo Hawaii, nói về lòng chung thủy thì tôi thấy bay khắp trời những đôi chim quyết một lòng ở mãi cùng nhau. Tôi xúc động như đang nhìn thấy một cảnh thiên nhiên cực kỳ hùng vĩ.

Vết sẹo chủng ngừa đậu mùa trên cánh tay người thì tầm thường, vô duyên biết mấy. Nhưng triệu triệu dấu tích lòng yêu thương của mẹ cha rải khắp cùng mặt đất, lập lại từ đời này qua đời khác, thì lại làm cho viên bi khổng lồ, xanh biếc này trở nên ngộ nghĩnh, dễ thương, xinh đẹp biết chừng nào.

Thiên nhiên không chỉ hùng vĩ ở núi cao, vực sâu. Nó còn kỳ diệu, bao la trong tấm lòng yêu thương đồng nhất khắc vào tâm muôn người, trong lòng thủy chung đồng nhất gửi trên muôn cánh chim. Đối diện với cái hùng vĩ vô hình, vô ảnh ấy tôi cũng bị choáng ngợp, ngây ngất, tưởng như mình vừa bị kéo rời xa trái đất hàng triệu dặm, lửng lơ giữa cõi không cùng, trên, dưới, quanh mình chỉ thấy trùng trùng lấp lánh muôn sao.

Với lòng yêu thiên nhiên, đọc Võ Phiến bây giờ hay 30 năm trước cũng thế, thỉnh thoảng, tôi lại bắt gặp nỗi xúc động mang mang ấy: Thốt nhiên, thấy mến thương đến cả muôn loài. ■

CHÂN DUNG VÕ PHIẾN

TRẦN LONG HỒ

Võ Phiến là một người đàn ông Việt Nam tầm thước, có chiều cao trung bình. Ông có những tấm ảnh lúc trẻ, đó là một người đàn ông rắn rỏi, hiền lành, và đẹp trai!? Còn bây giờ chúng ta đang nhìn về Võ Phiến, một ông già 70 tuổi.

Võ Phiến có dáng dấp của một người đàn ông Á Châu cư ngụ tại Hoa Kỳ lâu năm, có nghĩa là hơi mập, có da thịt dư dả một chút, mặc dù trong những năm gần đây ông cố "diet," đi bộ mỗi buổi sáng cho sụt cân. Lý do ông hăng say trong công việc này không phải vì lý do... thẩm mỹ, không phải Võ Phiến muốn làm đẹp, mà vì lý do sức khỏe, theo sự bắt buộc của bác sĩ và sự kiểm soát của... bà Võ Phiến.



CHÓE vẽ Võ Phiến, lấy ý từ truyện *Người Tù*

Ai đã gặp qua Võ Phiến cũng phải công nhận một điều, ông hiền hậu, khiêm tốn, và thành thật một cách tự nhiên. Điều này không những thể hiện trên vẻ mặt mà cả trong giọng nói. Cái giọng nói của Võ Phiến, hơi nặng ở những âm "o," "a." Hình như Võ Phiến còn giữ nguyên cốt cách đơn giản, tính tình chân chất và hiếu khách, giọng nói mộc mạc của người dân Bình Định. Tôi đã có dịp xem ảnh của Võ Phiến lúc còn trẻ. Lúc đó người trên ảnh chỉ khoảng độ bốn mươi, dáng dong dỏng cao, trông rắn rỏi, khuôn mặt thon, có vẻ hơi khắc khổ. Ở Võ Phiến trung niên và Võ Phiến lúc về già, đương nhiên có quá nhiều thay đổi. Nhất là về cân nặng, về già Võ Phiến lên cân nhiều, mập mạp và nặng nề hơn. Tóc ông thưa thớt tuy không bạc nhiều, trán trợt hẳn đi. Trên mặt có quá nhiều nếp nhăn. Nhưng ở cả hai người, Võ Phiến trẻ và già đều có cái nét không thay đổi là sự hiền hậu và khiêm cung. Nếu ai đã tiếp xúc Võ Phiến qua một thời gian dài đều thấy những điều này không thay đổi theo tuổi tác.

Trong hình đó, bên cạnh Võ Phiến còn một thanh niên ốm, nhỏ người. Anh ta ngồi trên cái ghế dài, hai tay để trên bàn, trông như một cậu học trò nhỏ, "vắt ra sữa", người đó là nhà văn Lê Tất Điều, tức nhà thơ Cao Tần. Trong hình đó Võ Phiến trông khác hẳn lúc bây giờ, nhìn muốn không nhận ra, còn Lê Tất Điều thì trông hoàn toàn xa lạ. Lúc ấy anh ốm và trẻ quá, như một cậu học trò ngây thơ, còn bây giờ, anh trông không phải là một văn sĩ, cũng không phải là một thi sĩ, mà là một...võ sĩ.

Tôi được nghe nói về nhà văn Võ Phiến tự hơn ba mươi năm về trước, đâu khoảng 1963 hay 1964. Lúc đó cái tên Võ Phiến đối với tôi xa lạ quá. Tôi chưa biết rõ ông là ai nhưng cảm thấy người này chắc... ghê gớm lắm. Bởi vì, lúc đó, Nguyễn Thị Thụy Vũ đang ở chung với gia đình chúng tôi. Hồ Trường An thường tới lui trò chuyện với mọi người trong nhà. Cả hai gọi mẹ tôi bằng cô. Tôi thấy hai người cứ xầm xì nói chuyện và nhắc tới một người mang tên là Võ Phiến. Sau này tôi biết được, dạo đó Thụy Vũ đang viết tập truyện ngắn "Mèo Đêm" nên bàn tán với Hồ Trường An định đem tập bản thảo đó đưa cho Võ Phiến xem. Chuyện này có được Hồ Trường An nhắc lại trong những mẩu chuyện vui văn nghệ trong quyển "Chân Trời Lam Ngọc".

Lúc đó Hồ Trường An và Nguyễn Thị Thụy Vũ có vẻ căng thẳng tinh thần lắm. Nhất là Thụy Vũ, cứ gọi ông Võ Phiến là Võ Tài Nhơn (tên thật của ông là Đoàn Thế Nhơn). Như thế, tôi biết đến Võ Phiến trong tình huống thật ly kỳ nên mới tìm đọc Võ Phiến. Nhưng tôi thất vọng hoàn toàn, những gì tôi tưởng tượng trong đầu đều không giống như thực tế. Tôi cứ tưởng tôi sẽ say mê, miệt mài khi đọc Võ Phiến, nhưng tôi đọc không nổi. Thú thật lúc đó tôi chỉ là cậu học

trò nhỏ, mới vừa thoát qua cái tuổi đọc truyện cổ tích hay "Tây Du Ký", "Phong Kiếm Xuân Thu". Đọc Võ Phiến, tôi tá hỏa, ngán ngược. Tôi cố trợn trạo mà đọc, nhưng đành phải bỏ cuộc. Sau này lớn lên một chút, vào đại học, tôi có tìm đọc lại Võ Phiến, nhưng cũng không trôi. Lúc đó, tình thật, tôi thích lối văn lướt thướt, bay lượn, kiểu cọ của Mai Thảo.

Sau này, mãi nhiều năm từ khi mất nước năm 1975, tôi ra hải ngoại, định cư tại Hoa Kỳ. Phải nói từ năm 1989, lúc gặp lại Hồ Trường An sau 12 năm xa cách (Hồ Trường An rời Việt Nam năm 1977), tôi bắt đầu cầm bút trở lại và từ đó có dịp đọc lại Võ Phiến. Bây giờ tôi đọc Võ Phiến mới thấy thấm. Tôi tìm lại được trong văn Võ Phiến những điều hết sức nhỏ nhặt, bình thường nhưng vô cùng quan trọng. Những điều xem đơn giản, những nỗi niềm đơn sơ tưởng như khuất lấp trong cuộc sống bận rộn thường ngày, đã được Võ Phiến vẽ lại, làm sáng tỏ và sống động vô cùng. Sự tinh tế, chi li của Võ Phiến lại có hiệu quả thần sầu, người đọc đi vào văn chương của ông như trở lại vùng kỷ niệm đã mất hút trong dĩ vãng, người đọc có cảm giác như đang thấy lại quê hương mình, nơi mình đã sống thuở xa xưa.

Sau đó tôi có liên lạc thư từ với ông qua một thời gian khá lâu. Có một điều làm tôi khâm phục ở Võ Phiến hơn cả sự ngưỡng mộ của tôi đối với văn chương ông, đó là sự giản dị và khiêm tốn của ông. Khi tiếp xúc với Võ phiến tôi không thấy "cái tôi" của ông ở đâu, nó chìm khuất, mất hút.

Như vậy, nghe nói về Võ Phiến và đọc Võ Phiến đã quá lâu, liên lạc thư từ với ông cũng qua một thời gian dài, nhưng khi tôi gặp ông vào cái lúc thật trễ, nếu không muốn nói là muộn màng. Tôi gặp ông vào thời điểm mà ông thường dí dỏm "đang muốn sửa soạn một chỗ nằm".

Lúc tôi gọi Võ Phiến từ Virginia, báo cho ông biết tôi sẽ sang thăm ông, tôi nghe cái âm vang vui mừng và hớn hở của ông qua điện thoại. Tôi báo cho ông biết tôi đã sắp xếp xong xuôi mọi việc, từ chuyện xe cộ cho tới chuyện nơi ăn chốn ở. Nhưng Võ Phiến khẳng định rằng, ông sẽ cho người ra đón tôi ở phi trường, còn mọi chuyện khác sẽ tính sau.

Tôi gặp Võ Phiến vào tháng 05/94 tại phi trường Los Angeles. Cùng đi với ông, không có ai khác ngoài bà... Võ Phiến. Tôi loay hoay tìm người nào lái xe đưa hai ông bà nhưng không thấy ai. Trong sự suy nghĩ của tôi, một ông già 70 tuổi, bị bệnh tim, sau hai lần giải phẫu thập tử nhất sinh thì khó có thể lái xe trên xa lộ được. Nhưng tôi lầm, Võ Phiến đã tự lái xe cùng bà ra đón chúng tôi ở phi trường. Tôi nhìn kỹ hai ông bà. Ông còn nhanh nhẹn, khỏe mạnh lắm, trông trẻ hơn số tuổi của ông. Ông không khác mấy nếu so với tấm hình chụp để in trong quyển "Chân Trời Lam Ngọc" của anh Hồ Trường An. Chỉ có điều khác là người bên ngoài ốm hơn, không có cái vẻ "phốp pháp đáng ngại" như kẻ trong hình. Còn bà Võ Phiến thì nhỏ nhắn, vừa tầm của một người phụ nữ Việt Nam. Bà thua ông 5 tuổi có nghĩa đã đến lúc về hưu nhưng trông bà còn khỏe mạnh và lẹ làng. Nét mặt bà hiền hậu, thông minh, và nhất là vẫn giữ được nét thanh cảnh của một người phụ nữ Á Đông. Trông nét mặt bà Võ Phiến, tôi nghĩ khi xưa bà rất đẹp.

Hai ông bà Võ Phiến dẫn hai chúng tôi ra bãi đậu xe. Lần này chúng tôi phát lo, Thúy Minh đi bên cạnh, nhìn tôi có vẻ lo lắng. Võ Phiến cứ đi quanh quẩn, không tìm ra chỗ đậu xe. Ông lẩm bẩm: "Kỳ thật, mình mới đậu xe ngay đây mà, má có nhớ chỗ nào không?". Bà Võ Phiến đáp: "Ở đằng kia". Hai ông bà lại đi nhưng không có vẻ gì chắc chắn cả. Chúng tôi không nói nhưng có cùng suy nghĩ, biết đâu cái lần vừa rồi ông ra đến được phi trường chỉ là may mắn thôi, mà cơ may ít khi có được hai lần.

Cuối cùng ông bà Võ Phiến cũng tìm ra được chiếc xe, chỉ cách chỗ chúng tôi đứng ban đầu vài chục thước mà thôi. Tôi định đề nghị với ông hãy để cho tôi lái nhưng thấy ông nhanh nhẹn mở cửa xe, mời mọi người, rồi gọn gàng chui ngay vào chỗ tài xế. Tôi đành bỏ ý định đó. Tôi không hỏi nhưng Võ Phiến rất tinh ý, ông nói: "Đường xá ở đây, anh vừa từ xa đến chắc không thạo bằng tôi".

Võ phiến nổ máy xe rồi hỏi: "Má đã seat belt chưa?". Bà gật đầu hỏi lại: "Ba cất cái khóa tay lái rồi phải không?". Ông gật, nói dã lã: "Mình cẩn thận là tốt". Bà cười, nhắc nhở: "Bấm cửa hết đi ba". Võ Phiến gật đầu, bấm cái nút bên cửa ông, cả ba cửa kia đều bị khóa lại. (Hai ông bà lái chiếc Datsun Maxima, có khóa tự động). Chúng tôi nhìn hai ông bà vừa đối đáp, vừa hành động, vừa nhanh nhẹn, vừa ăn khớp với nhau. Ông vừa dứt câu nói thì bà đã hành động rồi, ngược lại cũng vậy. Quả thật 50 năm gắn bó có khác, chúng tôi thán phục quá, hai ông bà cảm thông nhau còn hơn hệ thống điện

Hồi xưa khi một cậu học sinh đi bộ mang giầy vải có nghĩa là cậu ta không đủ tiền mua giầy da. Ngày nay cậu nào đi giầy da tức là không đủ tiền để mua giầy vải — có đôi giầy mốt giá mấy trăm đô la.

"Thế giới này là một cuốn sách mà những người không du lịch chỉ đọc có một trang" Lời Thánh Augustin

toán tối tân nhất.

Thấy chúng tôi mỉm cười, ông tinh ý lắm, nói ngay: "Không có bã tôi không làm gì được". Bà cũng cười, nói sang chuyện khác: "Ở đây không an ninh như bên miền Đông của anh chị, mình phải khóa cửa cho kỹ, không thôi tới ngã tư gặp đèn đỏ, mình dừng lại lỡ có một tên gian ác mở cửa chui vào, nguy lắm". Thúy Minh bắt đầu lo: "Có chuyện đó sao bác?" Bà gật, cao hứng nói tiếp: "Nó đâu chui vào không thôi, còn dí dao, nhe răng nhìn mình mà cười, không có tiền thì nguy với nó". Tới đây, Võ Phiến liền chuyển câu chuyện sang đề tài khác: "Chắc hai anh chị chưa ăn gì, bã đã nấu một nồi cháo gà để sẵn ở nhà".

Cứ như thế ông bà Võ Phiến nói chuyện thật vui vẻ. Hai ông bà cùng chúng tôi chuyển từ đề tài này sang đề tài khác, câu chuyện dòn tan trong suốt lộ trình từ phi trường về nhà.

Tôi gặp Võ Phiến lần đầu, ông lớn hơn tôi một thế hệ đời người. Người con lớn của hai ông bà còn lớn tuổi hơn tôi. Hai người con đầu đều học cùng ngành y, hành nghề bác sĩ. Tôi chỉ cỡ tuổi con ông bà nhưng chúng tôi cảm thấy hết sức gần gũi và thân mật với ông bà như quen thân nhau từ lâu lắm rồi. Có phải cung cách giản dị của Võ Phiến, sự khiêm tốn của ông, sự vui vẻ, hiếu khách của bà đã xóa ngay sự ngỡ ngàng ban đầu và sự ngăn cách tuổi tác.

Chúng tôi về đến nhà Võ Phiến thì trời đã sụp tối. Bà cho chúng tôi ăn bánh bèo và bữa cháo gà. Bà nấu cháo thật ngon, gà ngọt và dai. Võ Phiến khui bia, ăn uống nói cười hồn nhiên. Ông nói chuyện với tôi thoải mái như nói với một người bạn cố tri, lâu lắm ông mới gặp lại.

Tôi có mang theo một máy cassette nhỏ, định thâu buổi nói chuyện với Võ Phiến. Nhưng ông nói chuyện vui vẻ, lôi cuốn quá, tự nhiên quá làm tôi quên mất chuyện thâu băng. Một lúc sau tôi có nhớ đến chuyện này nhưng nhận thấy không cần thiết nữa. Những gì ông nói với tôi hay tôi nói với ông, tôi đều nhớ hết cả.

Ngày hôm sau có Lê Tất Điều đến chơi. Tôi có đọc văn anh lâu rồi và cả thơ của anh nữa. Tôi nhớ vào khoảng năm 1982, lúc mới sang Hoa Kỳ, tôi có dịp đọc thơ Cao Tần trên một tờ báo nào đó. Lúc đó tôi chưa biết Cao Tần là Lê Tất Điều. Vào cái lúc tôi mới chân ướt chân ráo đến Hoa Kỳ, lòng còn mang nặng bao tang thương của cuộc đời và đất nước, bao chua xót của thân phận lưu vong, tôi đụng ngay mấy câu thơ trong bài "Cảm Khái" của Cao Tần:

Trong ví ta này chứng chỉ tại ngũ
Mất nước rồi còn hiệu lực hơi lâu
Chiều lưu lạc chợt thương tờ giấy cũ
Tái tê cười: giờ gia hạn nơi đâu?
Trong ví ta này một thẻ căn cước
Hình chụp ngay đơ rất mực cù lần
Da nhợt nhạt như bị đời nhúng nước
Má hóp vào như cả tháng không ăn
Mười tám tuổi thành công dân nước Việt
Tên chụp hình làm ta xấu như ma
Thằng khốn nạn làm sao mà nó biết
Ta sẽ thành dân mất nước tan nhà
...
Ôi trong ví mỗi người dân mất nước
Còn một oan hồn mặt mũi ngu ngơ
Ôi trong trí mỗi anh hùng thuở trước
Còn dậy trời lên những buổi tung cờ.
Tháng 06/77

Trời ơi, đọc xong mấy câu thơ của Cao Tần, tôi không biết nói sao, khen anh cũng không phải, hét lên vì trúng cái tâm sự của mình cũng không đủ, chỉ biết một điều đúng với tâm trạng mình lúc đó: muốn ngất ngư mà chết!

Bây giờ gặp lại Cao Tần tại nhà Võ Phiến. Anh lớn tuổi hơn tôi. Thuở trước 1975, tôi mới tập tễnh viết văn, chưa có dịp gặp anh, trong óc tôi không có hình ảnh của anh thuở trước, nên không có gì so sánh cho sự đổi thay. Nhưng có một điều làm tôi ngạc nhiên, tôi cứ nghĩ trong đầu, Cao Tần chắc ốm yếu, ẻo lả lắm, mặt mày xanh xao, nhợt nhạt, má hóp như cả tháng thiếu ăn. Nhưng không, Lê Tất Điều không giống một nhà văn, tướng thư sinh ốm yếu; hay như một nhà thơ gầy gò, bệ rạc. Lê Tất Điều trông giống y như một... võ sĩ. Đây, nhân dáng Lê Tất Điều như thế này, có ai dám bảo là nhà thơ Cao Tần hay không?

Lê Tất Điều hơi thấp nếu sơ với chiều cao trung bình. Anh có chiều ngang, da ngăm ngăm, trông thật rắn chắc. Tướng đi anh nhanh nhẹn, vững vàng. Rõ ràng tướng đi của một võ sĩ. Nhưng khi tiếp xúc Lê Tất Điều, tôi mới thấy bộ tướng võ sĩ của anh chỉ là cái vỏ bề ngoài thôi. Thật sự Lê Tất Điều vẫn là nhà văn Lê Tất Điều và nhà thơ Cao Tần. Cái tâm hồn nghệ sĩ vẫn đầy ắp trong anh. Ở Lê Tất Điều vẫn có cung cách đơn giản, tính tình khiêm tốn, nói chuyện vừa vui vừa hòa nhã. Lê Tất Điều thật xứng đáng là người bạn thân tình của Võ Phiến.

Chiều hôm đó, buổi nói chuyện có Lê Tất Điều càng sôi nổi và hào hứng. Bà Võ Phiến cho ăn một bữa cơm ngon lành, thịt bò lụi, nướng kiểu Bình Định, cuốn bánh tráng thật xuất sắc. Có bia vào Võ Phiến càng hăng hơn, ông bàn chuyện văn chương tưng bừng, hoạch định kế hoạch sinh hoạt văn học tương lai



THƠ VÕ PHIẾN

THU CA

Tháng chín rồi
Ngày mỏng quá ngày ơi
Sắc xanh là sắc da trời
Mong manh là khói lặng lời là mây
Cả một ngày thong thả đếm từng giây
Chân trời rộng li ti từng sợi liễu
Đường cát trắng có trúc gầy yêu yếu
Mặt hồ im nước biếc lại muôn xanh
Mình ta đi thấp
Dưới dẫy tùng vút cao
Trong bụi con ong bầu
Còn say bên đóa hoa tàn cuối thu
Ta về quạnh quẽ trước sau
Người đi đất hút thấy đâu bóng người
Trời cao xóm nhỏ
Vườn ngõ trống trơ
Mình ta với một mình thu
Thu nghiêng tai ngóng bước thu chìm chìm
Ta say vắng vẻ im lìm
Nghiêng tai nghe rớt tiếng chim lưng trời

Huế, 10-1944

VỀ

Ra đi tuổi chẵn năm mươi
Năm mươi tuổi nữa nào nơi ta về
Nghìn năm mây trắng lê thê

1975

NHÀ EM

Xưa kia anh đến nhà em
Anh run chưn bước lên thềm đã run
Nhà em mãi tận cuối thôn
Oanh reo phượng múa mây vờn đầu thôn
Bây giờ bốn chục năm hơn
Bên kia quả đất có còn nhà em
Vườn hoang, đâu ngõ, đâu thềm?
Trời mây man mác nhà em nơi nào!

7-1987

KỶ NIỆM

Hót một tiếng nó vung đuôi một cái
Con chích chòe sung sướng
từ đầu lưỡi tới chót đuôi.
Tràn ngập khắp đồng nắng hể hả nắng vui
Và em khắp nhà: cái tóc em bay
tiếng chân em bước
Em đứng em ngồi vườn sau hiên trước
Em tôi chật ních buổi mai.
Em thở, hơi thở em chật cả đất trời.
Đời hữu hạn chợt quên mình hữu hạn
Mây nước phập phồng,
ánh sáng vang vang...
Chúng ta từng sống những giờ
chật ních nhân gian.

1-1995

(Các bài thơ trên do tòa soạn trích từ tập THƠ THẦN củaVõ Phiến , ấn bản giới hạn, tháng 9 năm 1995 tạiCalifornia, Hoa Kỳ, không để giá bán)

thật sôi nổi. Cái hào khí Võ Phiến ngất trời. Trông ông không già chút nào, mặc dù trời nóng mà ông vẫn chụp cái mũ nồi sùm sụp trên đầu.

Hôm sau có người gọi điện thoại tới. Khi Võ Phiến cầm điện thoại lên biết được người đó là Lê Ngộ Châu, chủ nhiệm tờ Bách Khoa nổi tiếng một thời. Lúc đó tôi mới thấy rõ hơn chân tình của Võ Phiến đối với bạn hữu. Chúng tôi đang ăn cơm, nhưng Võ Phiến bỏ đũa, không màng tới ăn uống, ông ôm điện thoại nói say sưa. Ban đầu ông còn đứng, sau ngồi xổm xuống, rồi mỏi quá lăn kềnh ra sàn nhà. Ông lăn qua lăn lại, lật tới lật lui, mắt ông sáng rỡ, miệng ông cười hể hả. Trông ông y hệt như một đứa trẻ đang hào hứng trong cơn vui đùa. Tính hồn nhiên của Võ Phiến là như thế đó.

Còn quá nhiều chuyện về cuộc sống Võ Phiến nhưng tôi xin gác lại vào phần sau của quyển sách. Bây giờ tôi xin dành phần cuối của chương này để nói về bà Võ Phiến. Khi nói tới Võ Phiến mà không nhắc tới bà Võ Phiến thì không phải tôi bị thiếu sót, càng không phải sơ xuất, mà là một lỗi lầm nặng.

Bà Võ Phiến tên thật là Viễn Phố. Về gia thế của bà, tôi xin sơ lược như sau. Bà thuộc giòng dõi nho gia, cha bà tên là Võ Thiện Tiết. Ông cụ theo đuổi chuyện đèn sách nhưng không có duyên với chuyện thi cử. Ông cụ có ra Huế thi Hương, khóa cuối cùng, nhưng... không đậu. Ông về Bình Định, sau đó có đi dạy học ở huyện Hoài Ân, rồi gây với cấp trên, bỏ việc về làm ruộng và làm... xã trưởng. Mẹ bà tên là Trần Thị

Thiêm. Hình như mẹ bà mất sớm nên từ thuở nhỏ bà sống chung với bà dì. Bà lớn lên cùng xóm với Võ Phiến, do đó hai ông bà đã quen nhau từ đó.

Người đời thường nói, sau lưng một người đàn ông thành công luôn luôn có bóng dáng một người đàn bà. Câu này chưa đúng với trường hợp của ông bà Võ Phiến. Không phải là sau lưng mà là tứ phía, mọi bề, trước sau, tả hữu, chung quanh Võ Phiến lúc nào cũng có bà Võ Phiến. Nói bà là cái bóng của ông cũng không đủ, thiếu sót lắm, phải nói bà là người được sứ mệnh của bề trên gởi xuống để.. lo cho Võ Phiến. Có phải bà là một phụ nữ Việt Nam vào cái thời "The Last Emperor" chăng? Tức là người phụ nữ Việt Nam đúng nghĩa, cuối cùng của thời đại. Bà gợi cho tôi nhớ tới mẹ tôi, cũng như bao người mẹ Việt Nam khác. Tôi thấy rõ một điều, bà đau với cái đau của ông, vui với cái vui của ông, chính thật bà sống với cuộc sống của ông. Hình như ở bà, không có cái phần đời của riêng bà. Khi Võ Phiến cảm lạnh thì bà nhảy mũi. Khi Võ Phiến bệnh thì bà sốt, khi Võ Phiến không ăn thì bà đói, khi Võ Phiến không uống thì bà khát, còn khi Võ Phiến quên... tắm thì bà ngứa ngáy khắp người. Như thế khi Võ Phiến bị mổ tim thì bà chết đi sống lại đến mấy lần.

Trong cuộc sống, hai ông bà quấn quít lấy nhau như hình với bóng, như bóng với hình. Tôi chẳng biết ai là bóng ai là hình nữa. Khi Võ Phiến bước ra khỏi cửa thì bà nhắc: "Ba mặc áo ấm chưa, ba đội mũ chưa". Khi Võ Phiến vô nhà, bà hỏi: "Ba ăn chưa, ba uống chưa".

Khi Võ Phiến uống trà thì bà chắt chiu pha trà. Chúng tôi có đem qua hộp trà Thiên Lư của nhà Thiên Nhân. Ông cầm lấy, say sưa sờ mó, ngắm nghía cái hộp, lẩm bẩm đọc bài thơ của Tô Đông Pha được ghi lại trên đó. Ông tâng tiu hộp trà một lúc rồi chuyển qua cho bà. Thấy hai ông bà quí trà như vậy, chúng tôi cảm thấy khoan khoái vô cùng. Hai ông bà có cùng thú vui uống trà như chúng tôi, phải nói mê trà đến độ... không tả được.

Bà Võ Phiến là một người phụ nữ, người vợ, người mẹ Việt Nam đúng nghĩa. Bà quán xuyến, chăm sóc mọi chuyện trong nhà. Bà sắp đặt mọi việc, thức ăn, nước uống, thuốc men, quần áo, cây cỏ, ... Từ ngày sang Mỹ, bà Võ Phiến cũng như nhiều người phụ nữ Việt Nam khác, ngoài chuyện "trong nhà" bà còn kiêm luôn việc "ngoài nhà" nữa. Tôi biết rằng, hồi còn ở Việt Nam bà Võ Phiến chỉ quanh quẩn trong nhà, săn sóc chồng và con; nhưng bây giờ mặc dù ở tuổi 65 bà đã làm 15 năm công chức ở quận Los Angeles và vẫn còn tiếp tục công việc thư ký văn phòng luật sư của quận. Như thế mọi chuyện từ trong ra ngoài, từ trước tới sau, bà đều lo tuốt. Trong mọi chuyện đó, dĩ nhiên có ông già Võ Phiến. Ông là cái đích cho cái lo của bà. Ai khen Võ Phiến thì bà hớn hở, ai chê Võ Phiến thì bà buồn rầu, ai đụng tới Võ Phiến thì coi chừng... chết với bà.

Chúng tôi ở trong nhà với ông bà Võ Phiến mấy ngày, được thưởng thức nhiều món ăn ngon. Bà nấu ăn ngon lắm. Trước khi chúng tôi qua, bà đã chuẩn bị nhiều món. Tất cả những món ăn đều thích hợp với yêu cầu y khoa, rất ít mỡ và không có cholesterol. Bà cho ăn bánh bèo, cháo gà,.... thứ nào cũng đặc sắc.

Bà Võ Phiến có cho chúng tôi xem những tấm ảnh ngày xưa của hai ông bà. Có tấm ảnh cũ nhất, chụp lúc bà mới lập gia đình với ông. Trong ảnh, chúng tôi thấy một cô gái Việt Nam của nửa thế kỷ trước. Tấm ảnh đã quá cũ, phai màu, nhưng vẫn có cái nét của bà, nhìn vào có thể nhận ra được bà. Có những tấm ảnh, hai ông bà chụp chung với những người con. Bà chỉ vào một bộ quần áo lớn của ông đang mặc trong hình. Khi bà nói chúng tôi mới biết đó là một kỳ công. Chúng ta có thể tưởng tượng được không, một người chỉ có một cây kim nhỏ, với chỉ và vải, mà may cả một bộ quần áo tươm tất như vậy.

Hai ông bà chỉ vào ảnh và lần lượt giới thiệu các nhân vật trong đó. Bà nói với giọng trìu mến khi nói về các người con. Nhất là người con trai lớn và hai người con trai kế.

Bà nhắc lại kỷ niệm ngày xưa với giọng xúc động. Hai người con trai đầu của ông bà hành nghề bác sĩ, có vợ cùng nghề. Mỗi người có tới mấy đứa con. Hai ông bà có nhiều cháu nội và một cháu ngoại. nhớ không xuể. Ngày ông bà di tản năm 1975, hai người con lớn ở lại Việt nam. Gia đình hai người ấy mới vừa sang đoàn tụ với ông bà khoảng vài năm gần đây. Hiện tại họ ở riêng, thỉnh thoảng về thăm ông bà. Bởi vì ông bà ra đi quá lâu, phần lớn các cháu còn nhỏ hoặc chưa được sinh ra đời. Võ Phiến có một ông bạn thân, thường tới lui thăm nom gia đình hai người con. Các cháu nội của Võ Phiến gọi vợ chồng người bạn ấy là "ông bà". Võ Phiến cho biết, sau 16 năm, dần dần ông nội giả chiếm thượng phong. Các cháu của Võ Phiến đều thương ông ấy quá cỡ. Võ Phiến chờ con cháu qua định cư tại Hoa Kỳ, ông nội thật tìm cách tranh thủ tình cảm của con cháu trở lại.

Đó là vài nét thật sơ lược về con người Võ Phiến. Chúng ta thấy ở Võ Phiến không phải chỉ là một kỳ tài của văn học Việt Nam mà còn là một mẫu người sống thật nề nếp, rất mực khiêm cung, hết sức đơn giản, tính tình hòa nhã, trải hết tấm lòng mà thương yêu đất nước, gia đình, bè bạn.■

(Trích một chương trong quyển "Võ Phiến: Cuộc Đời Và Tác Phẩm" sẽ do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành)

LIÊN HIỆP TỊ NẠN QUẬN CAM (OCRC, Orange County Refugee Coalition),
một nhóm các tổ chức bất vụ lợi giới thiệu:

CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VẬN ĐỘNG NHẬP QUỐC TỊCH

(PARTNERSHIP FOR CITIZENSHIP)

- Khóa học nhập tịch MIỄN PHÍ để GIÚP NGƯỜI TỊ NẠN chuẩn bị thi nhập quốc tịch Hoa Kỳ, gồm 25 giờ học dạy các môn về LỊCH SỬ và CƠ CẤU CHÍNH QUYỀN HOA KỲ, và luyện tập để trả lời những câu phỏng vấn của nhân viên sở di trú và nhập tịch (INS).
- Điều kiện theo học: bạn phải ở Mỹ hợp pháp bốn (4) năm trở lên.
- Chương trình MIỄN PHÍ này được chính phủ liên bang chuẩn chi và chấp nhận bởi Sở Định Cư Người Tị Nạn, và được các cơ quan Thiện Nguyện địa phương, các Hội Tương Trợ, cùng ty Xã Hội hạt Orange bảo trợ.
- Các lớp học sẽ được tổ chức vào các buổi

CHIỀU và TỐI MỖI NGÀY TRONG TUẦN và SÁNG THỨ BẢY

tại các địa điểm sau:

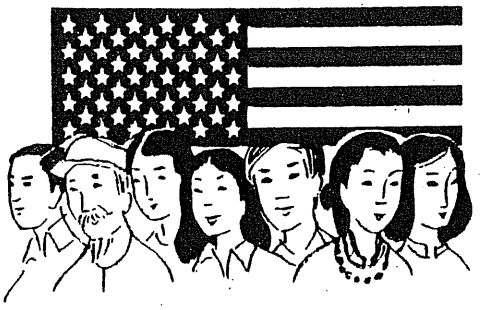
- *Garden Grove (4 trung tâm)*
- *Westminster (4 trung tâm)*
- *Santa Ana (2 trung tâm)*
- *Anaheim (2 trung tâm)*

Ngoài ra chúng tôi còn có các bài học và các lớp **ESL MIỄN PHÍ*.**

THỜI GIAN GHI DANH: BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 3 THÁNG MƯỜI 1994

XIN GỌI SỐ

CITIZENSHIP HOT-LINES
(714) 444-0400 hoặc (714) 558-3097



Các Cơ Quan và Hội Đoàn đồng bảo trợ chương trình:

Catholic Charities of Orange County/USCC
County of Orange/Social Service Agency
Episcopal Migration Ministries/ESA
International Rescue Committee, Inc.
Jewish Family Services of Orange County
Laotian American Organized Support
Lutheran Social Services of Southern California
St.Anselm's Cross-Cultural Center/Church World Services
The Cambodian Family, Inc.
Vietnamese American Arts and Letters Association
Vietnamese Community of Orange County, Inc.
World Relief

** Chúng tôi có lớp dạy đặc biệt MIỄN PHÍ cho những thường trú nhân không phải tị nạn ở Mỹ năm năm trở lên, xin gọi lấy hẹn riêng.*

CÀ KÊ CHỮ NGHĨA *DÊ NGỖNG* CHUYỆN LIÊN QUAN

THANG MA

(*tiếp theo TK 21 số 76 và 77*)

Bàn về thuật ngữ

Tôi trình bày rằng thuật ngữ *kinh tế* thoát từ cụm từ *kinh bang tế thế* mà ra, và do người Nhật dùng đầu tiên với nghĩa tây phương "economics" là một sự thật. Nhưng ông Tuấn không đồng ý, ông nói "phạm trù" của từ "kinh tế" và "kinh bang tế thế" khác nhau, rồi ông Tuấn lý luận chuyện ý nghĩa. Nhìn sơ thì ông Tuấn có lý, nhưng chỉ mới được một chưa tới hai. Ông Tuấn ưa dùng từ "phạm trù" với "lô gích", một lối nói rất ư là trí thức Hà Nội XHCN, bạn đọc không để ý kỹ dễ bị "lòa". Tôi nhớ câu "kinh bang tế thế" từ hồi còn học lớp 11 trung học Võ Trường Toản, Sài Gòn. Năm đó học môn kinh tế với thầy Lộc, chính vị thầy này giảng thế và chúng tôi phải thuộc lòng để trả bài. Tôi chẳng để ý lắm. Nhân một hôm buồn nhẩn nha đọc "Việt Nam Văn Học Sử Yếu" của cụ Dương Quảng Hàm (thầy dạy Việt văn của học giả Nguyễn Hiến Lê ngoài Hà Nội thập niên 20, 30. Cụ Hàm viết cuốn sách này cuối thập niên 30, xuất bản ở Hà Nội lần đầu năm 1941) tới chương *Tiếng Việt Nam và các danh từ mới mượn của Tàu và của Nhật* (trang 408) cụ Hàm viết về các từ mượn của Nhật như sau:

Từ ngữ kinh tế *nguyên nghĩa là* kinh thế tế dân (trị đời giúp dân), *nay dùng theo nghĩa mới để dịch chữ "économique" và nói về các vấn đề có quan hệ đến việc sinh sản, phân phát và tiêu thụ các tài sản, như nói vấn đề kinh tế, khoa học kinh tế.*

Tác giả giảng luôn từ *văn minh* cũng do người Nhật dùng trước với nghĩa "civilization" như sau:

Từ ngữ văn minh *nguyên là chữ trong* Kinh Dịch: Thiên Hạ Văn Minh, *nguyên nghĩa là* văn lý quang minh (văn lý sáng rõ), *nay dùng theo nghĩa mới để dịch chữ "civilisation" của người Pháp và chỉ cái trình độ tiến hóa của một dân tộc về các phương diện vật chất, chánh trị và học thuật.*

Tôi kiểm lại Từ Nguyên về gốc từ "kinh tế" và "văn minh" thì quả như cụ Dương Quảng Hàm đã dẫn chứng. Sau này ở Bắc Kinh có vài vị chuyên viên Việt ngữ Trung Quốc đề nghị cùng tôi hợp soạn một bộ từ điển Hán Việt mới, xuất bản tại Trung Quốc. Với phương tiện ấn loát sẵn có, luôn cả việc nhóm software Vương Mã muốn tôi nhập bọn soạn bộ "phần mềm" hỗn hợp Việt Hán để việc sắp chữ dễ dàng trên máy PC, khiến tôi nổi hứng đâm đầu vào việc học hỏi thêm để soạn "cards". Trong lúc tìm tư liệu tham khảo bất ngờ đụng cuốn *Hán Ngữ Ngoại Lai Từ Từ điển* của Lưu Chính Đàm, Cao Danh Khải, Mạch Vĩnh Càn và Sử Hữu Vi, do Thượng Hải Từ Thư Xuất Bản Xã ấn hành năm 1984. Cao Danh Khải là một nhà ngữ học lừng danh cùng ba vị còn lại bắt đầu khởi soạn bộ này từ cuối thập niên 50. Cao tiên sinh mất năm 1965, nổi tiếng ngang ngửa với Vương Lực, nhà ngữ học trứ danh Trung Quốc. Vương Lực và Cao Danh Khải đều là tiến sĩ ngữ học tại Paris đầu thập niên 30. Cả hai vị bước vào ngành ngữ học thập niên 20 ở Bắc Kinh, học trò của Triệu Nguyên Nhậm (Chao Yuen-ren), nhà ngữ học người Hoa lừng danh thế giới thế kỷ 20. Họ Triệu tiến sĩ Cornell, Mỹ, bạn thân văn hào Hồ Thích. Cả ba nhà ngữ học nay đã mất.

Tôi tin tưởng bộ sách này. Liền mở và phát hiện rất nhiều từ Hán, Hán Việt hiện đại mà ta và người Tàu dùng quen, là do người Nhật "coin" chế ra, bằng cách dùng Hán tự, hoặc dùng các từ Hán cổ với nghĩa mới khác xưa. Tôi đâm đầu vào nghiên cứu vấn đề này, hy vọng hiểu rõ từ gốc. Các từ Hán dùng theo kiểu Nhật này được học giả Trung Quốc xem như "ngoại lai từ". Điều ngộ nghĩnh là đa số người Việt, Tàu, lẫn chính người Nhật ngày nay không để ý lại cứ tưởng là của Trung Quốc. Đây là đặc điểm độc đáo của Hán tự mà người Tàu vô cùng tự hào. Xin liệt kê một ít ra đây các từ của Nhật: *văn minh, văn khố, văn hóa, vật lý, hóa học, tâm lý, sinh sản, sinh lý, sinh thái, kinh tế, kinh phí, kinh tế khủng hoảng, cảnh sát, sĩ quan, kinh mạch (vein), tuyệt đối, thời sự, thế kỷ, thế giới quan, công nghiệp, phong kiến, phong tỏa, phủ định, phủ quyết, phủ nhận, bất động sản, phân phối, phân tích, thừa nhận, xuất khẩu, xuất bản, tham quan, nguyên tử, nguyên tắc, nguyên lý, nguyên tác, tài phiệt...*

Còn rất nhiều trên cả ngàn từ đủ các phương

diện hiện đại mà Việt Nam, Trung Quốc, Đại Hàn dùng là do Nhật xài đầu tiên. Nhật phát minh các từ này từ hồi thế kỷ 19 khi Minh Trị thiên hoàng canh tân Nhật Bản để theo kịp gót tây phương về kỹ thuật lẫn học thuật. Lúc đó Trung Quốc còn lạc hậu, ngôn ngữ cổ điển chưa cập nhật. Đầu thế kỷ 20, đồng thời với phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu, hàng ngàn thanh niên Trung Quốc qua Nhật du học, dịch lại sách kỹ thuật, học thuật tây phương từ tiếng Nhật sang tiếng Tàu mang về mong canh tân xứ sở. Các từ này người Nhật dùng Hán tự để dịch sách tây phương, giới trí thức Trung Quốc thấy tiện lợi dùng luôn thành thói quen, cho vào kho từ vựng sống của Hán ngữ đến nay.

Nhiều văn hào, học giả nổi tiếng Trung Quốc thế kỷ 20 xuất thân từ các đại học Nhật, có vợ người Nhật, và từng sinh sống lâu năm bên Nhật. Còn ta đi học lại của mấy ông Tàu. Lỗ Tấn, Chu Tác Nhân, Hồ Phong... đều học tại Nhật và bắt đầu cầm bút bên đó. Lương Khải Siêu vì cách mạng Trung Hoa ăn dầm ở dề Nhật Bản. Cụ Phan Bội Châu cũng vì cách mạng Việt Nam mà bôn ba sang Nhật có dịp gặp bút đàm với họ Lương. Chính Tôn Văn năm 1905 tại Nhật thành lập Trung Quốc Đồng minh Hội, đề xướng Tam Dân Chủ Nghĩa, ra tờ *Dân Báo* bút chiến với Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu về chế độ quân chủ. Rồi năm 1914 Tôn Văn lại sang Nhật tổ chức đảng Cách Mạng Trung Hoa, vì tình hình lộn xộn trong nước lúc đó.

Đa số giới cách mạng Việt Nam trước 1949 dùng Trung Quốc làm địa bàn hoạt động. Còn dân cách mạng, trí thức Trung Quốc khoảng 1900-1920 dùng Nhật Bản làm nơi nương tựa. Một phần nào điều này khiến từ Hán dùng kiểu Nhật thâm nhập vào chính tiếng Trung Quốc. Tương tự, nhiều cán bộ CS đầu não Việt Nam hoạt động bên Tàu lâu năm, quen đi cách dùng từ chính trị của CS Tàu, mang về miền Bắc, cứ thế mà dùng thôi. Còn ông Đại Hàn thì bị Nhật đô hộ 50 năm nên dùng từ Hán kiểu Nhật khá tự nhiên.

Vào thế kỷ 19, tiếng Nhật dùng chữ Hán rất nhiều hơn hiện nay. Người Nhật có hai cách tạo từ (coin) để diễn tả tư tưởng mới:

(1) Gán nghĩa mới của học thuật tây phương vào các từ cổ điển hoặc trích từ sách vở có sẵn trong "văn ngôn" (classical Chinese). Thí dụ: *TƯƠNG ĐỐI (sotai) dịch nghĩa "relative" trong tiếng Anh, nghĩa Hán cổ chỉ là "ngồi đối diện"/ THIÊN CHÚA (chủ) (tenshu) để dịch "Deus (God)" trong Kinh Thánh tiếng La Tinh, lấy từ sách "Phong Thần" trong bộ "Sử Ký", có câu: "Nhất viết thiên chủ"/ TƯ TƯỞNG (shisoo) để dịch "thought, ideology", lấy trong bộ Tam Quốc (sách sử, không phải truyện Tam Quốc Diễn Nghĩa), quyển Ngụy có bài thơ "Bàn Thạch Biên" câu: "Tư tưởng hoài cố bang" (thương nhớ quê xưa), nghĩa Hán cổ của "tư tưởng" chỉ là "nhớ nhung" (LTS: Trong tiếng Việt có từ "tơ tưởng" phải chăng gốc ở đây?) / HIỆN TƯỢNG (gensho) để dịch "phenomenon"; nguyên là thuật ngữ Phật giáo, lấy ra từ "Bảo Hành Kinh" có câu: "Quan Thế Âm hiện tượng tam thập hữu cửu, Văn Thù hiện tượng thất thập nhất" (bạn đọc muốn hiểu nhờ vị hòa thượng nào giải thích giùm, tôi không rõ nghĩa)...*

(2)Nếu không tìm được trong "văn ngôn" thì họ dùng phép ghép Hán tự thành từ hoàn toàn mới. Thí dụ: TUYỆT ĐỐI (zettai) để chỉ ý niệm "absolute" của triết học tây phương, phản nghĩa tương đối. Tiếng Hán chính gốc không có từ "tuyệt đối". Từ Nguyên chỉ có "tương đối" (theo nghĩa cổ), không có "tuyệt đối"/ KHÁI QUÁT (gaikatsu) để dịch từ "generalize, summarize" của tiếng Anh/ KHÁI LƯỢC (gairyaku) để dịch "outlines, summary"/ KHÁI NIỆM (gainen) để dịch "concept"/ NỘI DUNG (naiyoo) để dịch "content"/ LUẬN ĐÀM (rondan) the press, forum, tribune/ LUẬN CHIẾN (ronsen) controversy/ NHÂN CÁCH (jinkaku) personality/ NHÂN QUYỀN (jinken) human rights/ PHẠM TRÙ (hanchuu) category/ QUYỀN HẠN (kengen, từ này của riêng Nhật nghĩ ra chứ không dịch từ tiếng Âu Mỹ)...

Đến đây tôi xin ngả nón cảm ơn công lao rất lớn của người Nhật đã làm ngôn ngữ Đông Á hiện đại, phong phú thêm (Nhật Bản, Trung Quốc, Việt Nam, Đại Hàn). Bạn nào không tin nên tìm sách chuyên về vấn đề này đọc cho kỹ trước khi phản bác, chứ đừng viết thiếu căn cứ theo kiến thức mơ hồ *cho rằng, nghĩ là* mà rất nhiều chúng ta mắc phải về các từ Hán Việt kể trên.

Đến thế kỷ 20, nhất là sau thế chiến thứ hai, người Nhật bỏ bớt việc dùng chữ Hán trong cách tạo từ mới mà dùng thẳng tiếng Anh, nhất là các từ khoa học kỹ thuật. Dĩ nhiên họ phiên âm theo kiểu Nhật dùng bộ vần *katakana*, thí dụ *manee-jaa (manager), suupaa-maaketto (supermarket), komyunikeeshon (communications), komyunisuto (communist), komyunizumu (communism), reinjaa*

Những người đang mơ mộng trong tình yêu thì không hay bị cảm cúm, vì cơ thể tiết ra các chất có tính miễn nhiễm. Dù bạn có tin điều này hay không thì mùa đông tới, nếu ông xã (hay bà xã) bạn tự nhiên khỏe mạnh yêu đời, không hắt hơi sổ mũi như thường lệ, bạn cũng nên hỏi thử ông (hay bà) ấy chích thuốc ngừa ở đâu.

(ranger), haado'uea (hardware), sofuto'uea (software)... Tiếng Nhật cổ và hiện đại nặng về Hán ngữ, còn tiếng Nhật đương đại ảnh hưởng thiên về Anh ngữ. Tiếng Nhật ngày nay vô cùng phong phú.

Nhìn người lại ngẫm đến ta, tiếng Việt có thể dùng chữ quốc ngữ phiên âm các thuật ngữ kỹ thuật khoa học thẳng từ tiếng Anh, không nhất thiết phải dùng tiếng Hán hay Nôm, hoặc hỗn hợp Hán Nôm. Điều này có lợi hơn vì tiếng Anh đã thành ngôn ngữ quốc tế. Dùng tiếng Hán nhiều lúc nghe cầu kỳ. Chỉ còn việc là phải tiêu chuẩn hóa cách phiên âm. quy định cụm phụ âm cho bớt kỳ cục, tự nhiên hơn. Thí dụ, Mr. Brown thì thành Ông Brao, chứ đừng viết Ông Bờ-rao; bộ nhớ RAM trong máy điện toán thì cứ để thẳng là RAM (đọc ram), không cần dịch ra dài dòng, ngay cả người Tàu vẫn thích dùng từ RAM hơn là dịch sang chữ Hán... Dĩ nhiên tìm được từ dịch ra Việt ngữ một cách gọn gàng, thuận tai vẫn là điều tốt hơn.

Kinh bang tế thế

Ông Tuấn giải thích *kinh bang tế thế* là có tài thao lược và trải đời thì cũng... gần đúng, nhưng chưa hẳn. Nghĩa chính của nó là "trị nước giúp đời". Giới sĩ phu Nho học xưa cần phải mang cái học của mình ra thi cử cho đậu, làm quan, mới có dịp thi thố tài năng "kinh bang tế thế" trị nước giúp đời. Trong văn học cổ điển Trung Quốc thỉnh thoảng ta tìm được từ *kinh tế* là cách viết thu gọn (tắt) của *kinh bang tế thế* hoặc *kinh thế tế dân* chứ không hề mang nghĩa thuật ngữ *kinh tế (economics)* như nay. Thí dụ ta muốn dùng tiếng Hán cổ, chữ Nho như các cụ để viết câu *Nguyễn Công Trứ là người có tài kinh bang tế thế* thì chỉ viết *Nguyễn Công Trứ (giả) kinh tế nhân dã* là đủ nghĩa. Xin chớ dịch ra "Nguyễn Công Trứ là kinh tế gia (economist)" thì hỏng bét. Lý Bạch trong bài thơ tiễn em mình Lý Đài Khanh đi nhiệm chức tri phủ ở Giang Nam (Tặng biệt xá nhân đệ Đài Khanh chi Giang Nam) có câu: *Kim đệ kinh tế sĩ. Trích cư ngã hà thương* (Nay đệ là sĩ phu có tài kinh bang tế thế. Ta tên quan bị biếm buồn nhớ làm sao).

Cách viết tắt như trên là cấu trúc đặc biệt và thường gặp của Hán ngữ làm câu văn súc tích, ngắn gọn, và cũng là cách tạo thêm từ mới. Thí dụ *văn hóa cách mạng* thì gọi *văn cách, Bắc Kinh Thể dục Tổng hội* tắt thành *Bắc Thể Tổng, Nam Kinh Đại Học* là *Nam Đại, Trung ương Tuyên truyền Bộ* thành *Trung Tuyên Bộ*, trại *lao động cải tạo* thành trại *lao cải*... Tiếng Việt ta có ít loại này. Báo *Thế Kỷ 21* số tháng Tư, 1995 có bài ông Đỗ Thông Minh bên Nhật viết "Về các thuật ngữ kinh tế" cho biết Việt Nam dịch từ "margin" là *giới phạm (giới hạn phạm vi)* chính là cấu trúc nói trên.

Lại quốc gia, quốc dân

Khi tôi đưa ra các từ *quốc gia, quốc dân* làm thí dụ về yếu tố chính trị ở Trung Quốc là đều có căn cứ từ những người bạn Trung Quốc mà đa số là giáo sư ngữ văn lớn tuổi của Hoa Lục.

Từ *quốc dân* thời cách mạng văn hóa ở Trung Quốc được xem như cấm kỵ. Trừ trường hợp không thể thay thế được người ta mới miễn cưỡng dùng. Mấy thí dụ ông Tuấn đưa ra để phản bác tôi là những trường hợp không thể thay thế được. Cũng như các từ *tư bản, quốc gia* dùng ở miền Bắc thời còn hồ hởi tiến nhanh tiến mạnh lên XHCN đã bị gán cho những nghĩa xấu xa. Ông Tuấn đã không màng đến các từ trên đã được dùng với nghĩa xấu vào thời kỳ lịch sử nào mà chỉ lấy cách dùng hiện nay mà cho rằng tôi khôi hài. Dĩ nhiên hiện nay cả Trung Quốc lẫn Việt Nam đã đổi mới, nên các từ trên cũng thay đổi ý nghĩa theo. Ngày nay ở Hoa Lục dùng từ "quốc dân" vô cùng thoải mái, còn người nào bị gọi "tư bản" thì hãnh diện lắm, ai muốn nói gì thì nói.

Nhưng đó là chuyện hiện nay, sau đổi mới, sau "cải cách khai phóng". 20 năm trước thì mệt lắm. Còn "khôi hài" thì chính cái XHCN là một sự khôi hài vĩ đại của nhân loại, biết bao chuyện cười ra nước mắt. Còn bài tôi viết có thể làm giới trí thức Trung Quốc, Việt Nam cười thì e rằng chính họ đã phải cười những thứ lẩm cẩm ngôn ngữ, gấu ó tư tưởng do họ tạo ra để mong làm "đỉnh cao trí tuệ loài người" từ khuya rồi.

Tôi không hề bôi bác tiếng Việt dùng ở miền Bắc XHCN lúc trước, cũng không xem thường các công trình ngữ học nghiêm túc ngoài đó. Tôi kính trọng các nhà ngữ học Hà Nội như Nguyễn Tài Cẩn, Đái Xuân Ninh... Tôi nghĩ nếu họ đọc được bài tôi viết thì có lẽ cũng gật gù, không đến nỗi phản bác gay gắt. Tôi chỉ thuật lại mua vui cùng bạn đọc mà thôi.

Lại hoa hồng

Tôi đã bàn qua nguyên nghĩa của từ *hoa hồng* và tôi không thay đổi ý kiến. Ông Tuấn phí sức với "lô gích" để mong chỉ ra tôi sai lầm. Ở đây tôi thành thật xin lỗi bạn đọc cũng như ông Tuấn tha cho tôi điều nói thẳng. Tôi sống, dạy học ở miền bắc Trung Quốc đã lâu, vợ người Tàu Hoa Lục, con sinh ra nói tiếng Tàu, sống trong đại gia đình vợ, học trò tôi người Tàu, bạn bè thân thiết nhậu nhẹt người Tàu, cả miền Đông Bắc rộng hơn Texas mình tôi cô quạnh người Việt... mà ông Tuấn ở tận bên London mở dăm ba cuốn từ điển Hoa-Anh bảo cái từ Hán tôi viết phải thế này thế kia thì tôi "nản" quá. Thôi đành uống tiếp hớp bia rồi hầu tiếp đề tài này.

Hoa hồng nguyên nghĩa là một thứ "táo cua" (crab apple), vị chua chẳng gì đặc biệt. Văn

chương sách vở gọi nó là quả *nại*, bạn nào không tin thì cứ việc mở Từ Hải mà xem định nghĩa quả "nại". Thông thường nói chuyện hằng ngày gọi "hoa hồng", "nại" đa số dùng trên sách vở. Ta bàn từ này vì nó cũng mang nghĩa "bonus, commission" mà dân ta hay gọi *tiền hoa hồng*.

Có lẽ ông Tuấn muốn tìm một lý luận vững chắc vì thấy tôi kể sách Thiên Tự Văn có câu "Quả trân lý nại, thái trọng giới khương" (Trái cây có qủa lý, quả nại rất quý...). Vậy thì quả "nại" phải quý, vì xứ Trung Quốc ngày xưa dùng làm quà cưới. Trái "hoa hồng" có thể tìm thấy trong rừng, ăn vị chua đau bụng, ông Tuấn cho tôi có thể lầm là "táo gai", một thứ táo dại mà ông Tuấn nghĩ là "hồng quả". Cũng có lý, "lô gích" đấy! Nhưng sự thật vẫn là sự thật. Cái quả chua loét đó xưa người Tàu trân quý lắm. Nó quý vào thời của sách Thiên Tự Văn, khoảng đời nhà Lương (502-557) cách nay gần 1500 năm, chứ đối với xã hội văn minh bây giờ chỉ là đồ tầm thường. Người Tàu thường bỏ vào luộc nước đường xong mới ăn chứ ít khi ăn sống. Biết đâu nhờ chất chua, có vitamin C, ăn vào bổ xương chắc thịt nên "trân quý" (Hi hi!). Giống như xứ ta có trái cóc, có người thích ăn chua chấm muối ớt, có người thích ngâm nước đường xong mới ăn. Biết đâu trái cóc xưa kia rất "trân quý" ở xứ ta. Vào mấy chợ Á-đông bên Mỹ lâu lâu bất ngờ gặp trái cóc. Đâu rẻ gì! Bây giờ có cả cóc đóng hộp.

Về từ *hoa hồng* tôi chỉ nói cái gốc gác xa xưa. Nay xin kể cho trọn chuyện, mà tôi tra được trong sách "Quốc Tục" của Trung Quốc. Trái *hoa hồng (nại)* mọc nhiều vùng lưu vực sông Trường Giang và Hoàng Hà, cái nôi văn hóa Trung Quốc. Cả ngàn năm trước lễ lạc vui chơi đều tính theo mùa. Cưới hỏi cũng thế. Lễ cưới nhà nông mang gạo, thịt, cây quả thường dùng thì chẳng gì đặc biệt. Nên quả "nại" là một món "lạ", tượng trưng sự trân quý. Đến khoảng đời Đường, dân Hoa Nam vùng ấm áp, cưới hỏi dần dà không còn theo mùa màng tập tục của dân Hoa Đông (vùng hạ lưu Trường Giang, Hoàng Hà) và Hoa Bắc (bắc Hoàng Hà). Nhiều lúc lễ cưới trái mùa "nại", không có "hoa hồng" làm sao đây? Các "cụ" miền Nam Trung Quốc mới bao ít lễ vật vào khăn điều đỏ tượng trưng chữ *hồng*, rồi lại gắn lên trên bao một bông hoa vàng tượng trưng chữ *hoa*, nhìn trên xuống dưới cả bao lễ vật đọc *hoa hồng* tượng trưng quả "nại", sự trân quý. Tập tục này thịnh hành từ đời nhà Tống. Đến đời nhà Thanh dân thương nghiệp nhiều lên, nhất là Hoa Nam, nên phát sinh tục bỏ tiền hoặc vàng bạc vào bao điều đỏ, trên vẫn gắn bông hoa vàng. Gói lễ vật trở nên nhỏ hơn, phải đặt trên mâm mà dâng. Chỉ giới con buôn giàu có, hạng quyền cao chức trọng mới theo tục biếu tiền bạc này. Phú quý sinh lễ nghĩa! Dân cày sâu cuốc bẫm thấy vậy, cũng ráng vắt mồ hôi, chắt chiu mà theo cái "lễ" của "các ngài".

Đến khoảng thế kỷ 19, giới quyền quý bạc tiền thêm tục "cho tiền típ" người làm công (gia nhân, nô bộc) và trẻ em. Lễ cưới nhà quan, nô bộc người hầu khổ cực nên chủ nhân thưởng. Tục lệ Tàu cô dâu về đàng trai, trẻ em trong họ phải vây quanh, tượng trưng "đầu năm con trai, cuối năm con gái", nên cũng được thưởng. Tiền "típ" bỏ trong bao giấy đỏ mà nay ta thường thấy. Bao này cũng gọi là "hoa hồng" ra ý "cô dâu chú rể có hoa hồng, chúng bay được hưởng lây. Chịu khó mà chu toàn lễ tiết nhá." "Thoạt kỳ thủy", tiền trong bao đỏ chỉ dành cho nô bộc và trẻ em. Ngày nay tiền hay "check" bỏ thẳng trong bao đỏ làm quà cô dâu, gọi "hồng bao". Khăn điều đỏ, bông hoa vàng ít khi thấy. Từ đó rộng nghĩa ra thành tiền thưởng, *tiền hoa hồng*. Dân Quảng Đông, Phúc Kiến thích tập tục này. Dân Hoa Bắc ít người theo. Đa số người Tàu ở Việt Nam là người Quảng nên ảnh hưởng sang ta. Hiện nay dân Bắc Kinh lễ cưới hỏi theo tục lệ miền Nam, vì ảnh hưởng sự phồn vinh, sang giàu của dân Hồng Kông và Hoa kiều hải ngoại, mà đa phần là dân Quảng Đông.

Bàn về "cái trân quý" cần phải xét chuyện xưa nay, hoàn cảnh nơi chốn. Quả cau nho nhỏ dân ta ăn trầu khắp Việt Nam đều có, theo truyền thống dùng làm lễ cưới, bây giờ ta có nghĩ là một loại quả quý không? Mang nó sang xứ Âu Mỹ thì có thể biến thành quả dại, mấy ai nhai? Vào tiệm thuốc Bắc xem vị đông y sĩ bày thuốc có mấy con tắc-kè phơi khô, rắn ngâm rượu, bán khá mắc. Xưa người Tàu trân quý lắm vì có tính thuốc, nay nhiều người Hoa Lục không còn tin tưởng gì mấy ở "dược tính" của xác tắc-kè khô, rắn ngâm rượu. Mang xả ra nấu thuốc cho người Âu Mỹ thì họ chạy dài, quý ở chỗ nào? Mao Trạch Đông là người rất "Tàu", tuy đề cao đông y nhưng ông rất ghét mấy món trên. Quả táo tàu phơi khô đen đen, người Trung Quốc rất quý dùng trong nhiều thang thuốc bổ đông y, mang nấu sâm bổ lượng ăn khá ngon, tôi lúc bé rất thèm. Thứ trái này mọc nhiều ở mấy công viên và rừng bên Mỹ, không ai buồn hái. Mẹ tôi ở bắc Texas lượm về cả rổ phơi khô để dành. Ở Việt Nam và Trung Quốc, đi thăm người bệnh mang theo vài trái táo, ít nho, chục quả trứng gà thì thật là quý. Đi thăm bạn bị bệnh bên Mỹ xách mấy thứ lỉnh-kỉnh trên thì thật buồn cười. Xã hội Trung quốc cách nay hơn 100 năm, món vịt quay chỉ dành hàng quý tộc mới ăn nổi, giờ thì ai cũng có dịp thưởng thức qua, có người ăn phát ngán. Trái long nhãn tìm ở Bắc Kinh lúc nào cũng có, tuy mắc, nhưng xưa kia thì thật trân quý, dành riêng vua chúa... Quả "nại" của thời đại Thiên Tự Văn khác xa bây giờ.■

(còn tiếp)

ĐÁM CƯỚI CẬU ẤM

ÔNG TIẾN HƯNG

(tiếp theo và hết)

LTS. *Truyện này trích từ quyển* Truyện Kể Tổ Tiên, *một tập bản thảo viết tay do con cháu họ Hoàng ở Văn La, tỉnh Quảng Bình biên soạn, ghi lại những mẩu chuyện về cuộc đời của tiền nhân với nhiều chi tiết mà gia phả không đề cập hết. Dù chỉ là các sự tích thuộc một giòng họ, một số truyện trong tập trên có giá trị lịch sử và văn hóa, vì thế chúng tôi xin phép trích đăng, hy vọng đem lại cho độc giả một ít mảng đời sinh động của quá khứ. Xin đọc phần đầu trong số 77.*

Chiều 16 tháng Mười, giữa giờ Mùi (hai giờ chiều), họ Hà ở Vĩnh Tuy tổ chức đoàn đưa dâu về nhà chồng. Đi đầu là hai nam thanh niên chưa vợ cầm hai lồng đèn thắp sẵn, kế đến một cặp vợ chồng già, song toàn, đông con nhiều cháu (nói song toàn là chồng và vợ chính cùng sống chứ không phải vợ kế hay vợ bé), bưng hai quả hộp nhỏ đựng 100 đồng tiền tượng trưng cho sự giàu sang, sung túc dành cho cô dâu và 100 miếng trầu cau để dâu rể dùng trong lễ hợp cẩn. Tiếp theo là hai người khiêng siểng, hai tầng dưới của siểng đựng một đùi heo (đùi sau), 1/4 mâm xôi gấc, 12 trái cau, 12 ngọn trầu và một hũ rượu nhỏ, năm thứ này gọi là đồ "lại quả", nghĩa là sơn bớt các thứ quà mà nhà trai mang sang hồi sáng trong lễ nạp trưng (với ý cùng hưởng với nhau). Tầng trên cùng của siểng đựng 12 cái bánh cốm gọi là bánh "tống hôn" tiễn con dâu, tượng trưng cho chữ *công* (khéo tay hay làm) của cô dâu trong chữ công dung ngôn hạnh. Đi theo siểng là cáng của cô dâu và cáng của bà Hà Văn Quan, có lọng xanh che vì bà là mệnh phụ. Bà con nội ngoại đưa cô dâu đều đi bộ.

Theo phong tục của các tỉnh miền Trung thì mẹ ruột cô dâu không đưa con gái về nhà chồng tránh xúc động khi chia tay nhưng trong trường hợp này của đám cưới cậu Thị, hai quan lớn, nhất là ông Hà Văn Quan đã chỉ thị cho phu nhân phải chủ hôn và dẫn đoàn họ gái đến Văn La, nếu không thì chẳng có ai dám ngồi ngang bà Hoàng Kế Viêm, họ Hà sẽ lép vế.

Đến trước nhà trai ở Văn La, bên họ gái cho đốt một phong pháo. Bên họ trai tiếp đó đốt một phong pháo dài đáp lễ xong, bà con họ trai xếp hàng một bên, ngay trong ngõ, đón tiếp họ gái gọi là "nghinh hôn" (nghinh là đón, hôn là cô dâu).

Ngay trong ngõ, đặt bàn thờ nhỏ làm lễ tơ hồng. Đề phòng đèn bị gió tắt, tại đây cặp đèn phải có chụp. Chủ hôn bên họ trai, khấn vái ngắn gọn, dâu rể đứng vào chiếu, vái ba vái rồi quỳ xuống. Lễ này nặng ở bài văn tế tơ hồng cáo với ông tơ bà nguyệt. Một người trịnh trọng bưng cái giá có dán bài văn tế, lật màn vải đỏ phủ ngoài, tuyên đọc đoạn văn. Tránh cho bà con hai họ đứng đợi lâu, văn tế cũng ngắn gọn. Đại khái:

— Cung duy tơ hồng (Kính ông tơ bà nguyệt
— Nguyệt lão thiên tiên (tiên ở trên trời)
— Chí công chí chính (rất công bằng)
— Bất ỷ bất thiên (không thiên vị bên nào)
— Ngọc cảnh chiếu thông tri thế sự (kính ngọc chiếu thấy rõ mọi việc)
— Xích thằng giao, cấu kết nhân duyên (dây đỏ ném ra, cột nhân duyên)
— Sạ tùng ngư nhạn thiêm bôi (chợt hợp lại chim trời cá nước)
— Để quyết hôn nhân trạch phối (bền chắc nhất quyết vợ chồng) vân vân... (chọn thành đôi lứa)

Đoạn cuối của văn tế có nhiều chữ DUY, nghĩa là duy trì: hạnh phúc, sống lâu, khỏe mạnh, yên ổn. Giữ cho cô dâu chú rể bách niên giai lão, gắn chặt Hoàng Tự Tân và Hà Thị Tựu. Xong bài văn tế, dâu rể lạy tạ bốn lạy ba vái, đợi đốt xong tờ giấy ghi bài văn mọi người vào nhà.

Sau khi hai họ vái chào nhau và an tọa, Bà Hà Văn Quan tỏ lời hân hạnh có con gái về làm dâu họ Hoàng và cám ơn họ trai đã dành cho họ gái sự tiếp đón long trọng. Chủ hôn bên họ trai bà Hoàng Kế Viêm cám ơn hai họ và xin cho dâu rể lễ gia tiên. Hai ông bà bưng quả hộp khi sáng được mời thắp đèn trên bàn thờ nhờ hai cây đuốc nhỏ đoạn chủ hôn khấn tổ tiên nhận Hà Thị Tựu là con dâu họ Hoàng. Dâu rể, vừa mặc xong áo thụng (như buổi sáng, trước bàn thờ tổ tiên bên họ gái) lạy trước bàn thờ bốn lạy ba vái. Sau lễ gia tiên, theo tục lệ xưa, có lễ những người bậc trên. Bà Hoàng Kế Viêm, mẹ chồng, ngồi trên một chiếc ghế bành để cạnh bàn thờ cho dâu và con lễ, hai lạy, ba vái. Thời đó, họ Hoàng rất ít người thuộc bậc trưởng thượng. Ngang hàng với ông Hoàng Kế Viêm chỉ có vợ chồng

hai người anh cùng cha khác mẹ là ông Hoàng Kế Thản (trưởng nhánh Bá) và ông Hoàng Kế Nhiệu (trưởng nhánh Trọng) nhưng các vị này người thì đã quy tiên, người thì quá già nên không có mặt, vấn đề lạy người sống rất ít. Đặc biệt trong đám cưới này, cô dâu, sau khi lạy tổ tiên và mẹ chồng, lại được người ta lễ mình.

Nguyên ông thị Hoàng Tự Tân, con quan lớn, khi đến tuổi trưởng thành, chưa có vợ xứng đáng môn đăng họ đối, cha mẹ đã chọn tạm cho một cô gái con nhà tử tế ở trong làng để cậu Thị "tiêu khiển", đó là cô Lê Thị Thuyên, bằng tuổi cậu thị. Kịp đến khi bà Hà Thị Tựu được chính thức về làm dâu, vợ chánh thất của cậu thị, thì bà Thuyên đã sinh được hai trai rồi. Tuy vậy, mặc dầu lấy ông thị Tân trước mà vẫn phải là phận hầu thiếp cho nên khi bà Hà Thị Tựu lễ gia tiên xong, gia đình đã đưa bà Lê Thị Thuyên ra vái cô dâu mới ba vái (không lạy) và nói rõ ràng cho mọi người nghe: "em xin chào chị", phải nói rõ chứ không lí nhí trong miệng, mặc dù hơn cô dâu những chín tuổi và đã ăn ở với ông thị Tân tám năm trước đó rồi. Vì lịch sự, bà Tựu vái lại bà Thuyên một vái.

Sau khi bà Hoàng Kế Viêm, chủ hôn bên họ trai, xin phép hai họ, căn dặn con dâu mới bằng lời lẽ ôn tồn tập trung ý vào những chữ trung, hiếu gia phong, công dung ngôn hạnh, xây dựng dòng họ, trích đoạn trong bài Hoàng thị gia huấn (bài dạy con cháu của ông Hoàn Kim Xán) xong, bà Hà Văn Quan xin phép nhắc nhở con gái làm dâu ngoan, xứng danh con gái họ Hà và con dâu họ Hoàng, bà cũng còn xin các bậc cô dì chú bác, khuyên bảo cháu dâu những điều tốt đẹp.

Đến đây thì các anh chị em ông rể Hoàng Tự Tân ra chào mừng em và chị dâu mới. Trước tiên là bà Hoàng Thị Nữ Phiến, tức bà Thượng Phong (hay mụ Thượng Phong, ở Bình Trị Thiên mụ hay mệ nghĩa là bà, tiếng gọi thân mật) không ai dám gọi tên tục của bà hay tên chồng, mà chỉ gọi bà ở làng Thượng Phong là làng của chồng bà. Bà Thượng Phong là con đầu lòng của ông bà Hoàng Kế Viêm, chồng bà là Phạm Hữu Vĩnh, con nhà giòng dõi đạo đức. Hai ông bà đến dự lễ có đem theo hai con trai: Phạm Hữu Lang và Phạm Hữu Đống. Hai trẻ này áo dài xanh, quần trắng, đứng trên chiếu bên cha mẹ, vòng tay, cúi đầu rất lễ phép. Ông Vĩnh chúc cậu mợ thị: "Bách niên giai lão" rồi nhường lời cho vợ. Bà Hoàng Thị Nữ Phiến, 41 tuổi, hơn ông thị 12 tuổi và gấp đôi tuổi tiểu thư họ Hà, với vai vế chị cả trong gia đình, bà nói: "Hôm nay anh chị rất mừng là hai em đã thành đôi lứa. Anh đã chúc em bách niên giai lão rồi, giờ chị xin chúc hai em thêm bốn chữ: Loan phụng hòa minh (hai con chim phụng trống mái cùng hót), anh chị nghĩ rằng, Bác đi nhậm chức xa, ở nhà chỉ có mẹ, hai em sẽ làm cho cha mẹ vui lòng, nhà thêm vui vẻ, hạnh phúc là ở đó. Riêng chị, xin nói với em dâu rằng: chị là con gái của Bác mẹ nhưng người ta nói, con gái là con người ta, em là con dâu mới thật là con gái của gia đình, phương ngôn có câu: con gái là con người ta, con dâu, con của mẹ cha đem về, cho nên chị khuyên em nên đem hết tài năng đạo đức của mình xây dựng cho gia đình, cho dòng họ, được như vậy, không những riêng chị mà cả những người liên hệ đến họ Hoàng sẽ rất mừng. Chị đã đi lấy chồng, chị lo gánh vác giang sơn nhà chồng, nên ít khi có dịp giúp đỡ bác mẹ. Em nay là con dâu, là con gái của bác mẹ, em có rất nhiều cơ hội để phụng dưỡng bác mẹ. Chị mong rằng em sẽ là dâu hiền. Ngoài ra, theo phong tục tập quán của quê mình, em còn là "con đầu dâu trưởng" của bác mẹ vì cậu thị đây (chỉ ông Hoàng Tự Tân) là con trai nối dõi tông đường, sinh con ra là đích tôn thừa trọng, cho nên bổn phận và nhiệm vụ của em thật là nặng nề, chị hy vọng rằng em, tiểu thư khả ái của quan Tổng đốc họ Hà, gia đình văn chương chữ nghĩa, sẽ là con dâu họ Hoàng xuất sắc, giữ đúng gia phong.

Đây, (chồng bà Thượng Phong móc ở trong túi áo ra một gói giấy đỏ nhỏ) anh chị tặng em đôi xuyến này, nữ trang của bác mẹ ban cho chị cách đây 10 năm khi anh chị thành hôn, nay chị đã có gia đình đàng hoàng, chị coi đây là bảo vật, là gia bảo, và trao tặng em làm kỷ niệm, ước mong rằng em sẽ là dâu ngoan của bác mẹ, của họ Hoàng."

Nói xong, bà bước tới ôm lấy cô dâu. Hai bà mới thấy nhau lần đầu mà thân mật như đã quen lâu ngày rồi. Đúng là cử chỉ của hai phụ nữ thuộc dòng trâm anh thế phiệt. Lời nói của bà Thượng Phong thật cảm động, đúng lời nói của bà chị cả trong nhà. Bà con hai họ hiện diện đều im lặng như là thấm thía với lời chúc chân thành. Thời đó không có chuyện vỗ tay tán thưởng nên một ông lớn tuổi ra lệnh đốt phong pháo mừng.

Sau bà Thượng Phong đến lượt người anh ông thị là ông Hoàng Tự Tính, 34 tuổi cùng vợ là Hà Thị Ái và một người con trai lớn, 12 tuổi tên Hoàng Chánh Trinh. Ông Hoàng Tự Tính còn được gọi là ông Cả, con trai lớn nhất của ông Hoàng Kế Viêm, tuy lớn hơn ông thị sáu tuổi nhưng là dòng thứ (vợ bé) nên không được coi trọng bằng ông thị. Ông Tính chúc em bách niên giai lão rồi rút lui.

Bà Hoàng Thị Nữ Du (mẹ ông Học Chè) là em gái ông thị, có chồng làm tri huyện xa nên chồng vắng mặt Bà Dụ chúc anh chị hạnh phúc. Tiếp theo là hai người em gái nữa, cô Hoàng Thị Nữ Dụ (sau này là bà nghè Mỹ Đức) ngày đó mới 16 tuổi và cô Hoàng Thị Nữ Phúc (sau này là bà Khóa Cồn bói) 15 tuổi, hai cô này bẽn lẽn nên vái chào anh chị rồi chúc bách niên giai lão nhưng nói lí nhí trong miệng.

Sau cùng đến lượt năm người em trai, cậu Hoàng Tự Siệt (tức ông Sáu) 21 tuổi, cậu Hoàng Tự Sĩ (ông Bảy) 21 tuổi, Hoàng Tự Thúc (ông Tám) 19 tuổi, Hoàng Tự Hưu (ông 12) 14 tuổi và Hoàng Tự Lịch (ông 14) 11 tuổi nhỏ nhất. Mọi người đều chúc anh chị bách niên giai lão, trừ cậu Bảy, có tiếng học giỏi từ nhỏ, chúc là "Sắt cầm hòa hợp" nghĩa là đàn sắt, đàn cầm hòa tấu với nhau, vợ chồng tâm đồng ý hợp.

Đến đây thì chủ hôn họ Hoàng mời bà con hai họ và thân hữu dự tiệc. Ngoài sân thỉnh thoảng nổ vài tràng pháo coi như điểm mừng từng tuần rượu. Cỗ bàn bình thường như những ngày cúng giỗ nhưng đám cưới thì có thêm nhiều rượu hơn. Đặc biệt mỗi mâm có bốn cái bát bịt giấy đỏ, trên đề hai chữ hán: Thuận Đức ***. Kẻ không học chẳng biết là món ăn gì, nhưng người hiểu rộng biết đó là cái bát để bỏ xương. Hai chữ này trích trong sách Minh đạo gia huấn: "Thuận đức giả xương, nghịch đức giả vong" nghĩa là thuận đức thì hưng thịnh (xương là tốt) nghịch đức phải suy vong. Chữ "giả xương" đi với "thuận đức" là như vậy, trò chơi chữ chơi nôm trí thức, lịch sự của các cụ ta xưa. Tiệc cưới linh đình kéo dài đến giữa giờ Thân (sáu giờ chiều) nhà và sân vườn lên đèn đuốc sáng sủa. Đến đây họ gái xin về vì trời sắp tối, chỉ để một bà cô và một bà thím, coi như người đã có kinh nghiệm trong quan hệ gái trai, ở lại để khi cần thì hướng dẫn cho cô dâu.

Đầu giờ Hợi (chín giờ tối) sau khi cô dâu chú rể tắm rửa bằng nước nóng có lá thơm, gia đình tổ chức lễ hợp cẩn *****. Cẩn là trái bầu xẻ đôi (vỏ bầu khô) hay gọt thành hai cái chén rượu. Trong lễ hợp cẩn, có đặt bàn nhưng không phải bàn thờ, có hai cây đèn, không hương cũng không trầm. Bày ra trên bàn, ngoài cặp đèn sáp ong lớn coi như hoa chúc (chúc là đuốc, hoa là cây gỗ hoa, chẻ ra bó lại, hoa chúc là đuốc cây gỗ hoa) còn có một quả nhỏ đựng 100 miếng trầu cau, một bình nước và hai chén úp trên một dĩa, một bình rượu cùng hai chén làm bằng vỏ trái bầu, không dùng thức ăn nhắm rượu. Có nơi, người ta dọn cho dâu rể mâm cơm để hai người ăn riêng bữa đầu nhưng gia đình này không làm như vậy. Chú rể và cô dâu ăn mặc chỉnh tề nghĩa là áo dài, chít khăn. Khi mọi người trong gia đình vào chứng kiến đông đủ (trừ người có tang hay góa bụa) chú rể rót một chén rượu, cô dâu cũng tự tay rót chén kia, hai người nâng chén lên trịnh trọng nhìn nhau chốc lát rồi nhìn lần lượt mọi người có mặt, đoạn mỗi người (dâu, rể) hớp một tí rượu xong trao đổi chén rượu cho nhau uống hết, lễ này gọi là giao bôi, đáng lẽ rót qua rót lại mời nhau vài lần nhưng phần nhiều cô gái không uống rượu được nên chỉ trao đổi một chén là được (bôi là chén nhỏ, ly). Đặt chén xuống, hai người lại vái nhau một vái, cung kính lễ nhau như vậy nên mới có câu "tương kính như tân" nghĩa là cùng kính trọng nhau như khách. Sau lễ giao bái, mọi người trong gia đình chúc dâu rể hạnh phúc rồi rút lui, chỉ có bà mẹ ở lại, căn dặn đôi lời riêng với con dâu rồi, trước khi rút lui, bà còn đến xem lại cái giường của dâu con, giường có che màn cẩn thận, kín đáo, không cho người lạ nhìn vào, đồ đám cưới giữ gìn kiêng cử nghiêm nhặt.

Tuy trong phòng chỉ còn lại hai người nhưng tân lang và tân giai nhân vẫn chưa được động phòng ngay, mà phải cùng nhau cắn dập (không phải nhai) hết 100 miếng trầu cau tượng trưng cho 100 năm hạnh phúc xong rồi mới đi nằm. Thủ tục hợp cẩn thường làm nhanh, gọn, không được kéo dài, tranh thủ làm sao để động phòng trong giờ Hợi (từ 21 đến 23 giờ) vì là giờ tốt trong ngày 16 tháng Mười, ngày tốt, tránh qua giờ Tí (sau 23 giờ) có thể thuộc ngày hôm sau, có khi không hợp tuổi.

Tưởng cũng cần nhắc lại, tục lệ địa phương kiêng cử nhiều trong đám cưới. Do đó, trong lễ thành hôn này, bà Nguyễn Thị Duyên không mượn người ngoài mà đích thân giải chiếu, giải nệm, xếp chăn, sắp gối cho con trai vì bà là mệnh phụ lại có chồng con đàng hoàng. Như trên đã nói, trước khi rời phòng hoa chúc, bà đã đến vén màn, xem lại giường của cô dâu chú rể, chính lúc này, bà đã tự tay trải ra giường một tấm lụa trắng, vuông mỗi bề khoảng hai gang tay. Tấm lụa này, theo tục lệ cổ truyền, để ghi lại dấu vết trinh tiết của người con gái khi về làm dâu và "tiếp xúc" lần đầu tiên với chồng.

Ngày xưa, người Á Đông coi trọng vấn đề trinh tiết của đàn bà, do đó, trong truyện Kiều, Nguyễn Du đã có câu:

"Nước vỏ lựu, máu mào gà
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên"

Người xưa cũng còn có tục xem xương của vợ để biết có chung thủy với chồng không bằng cách chưa chịu cho con cái của bà đó hưởng quyền lợi của gia đình cho đến khi cải táng mẹ của đứa bé (lẽ cố nhiên là vợ chết trước). Nếu thấy ở xương chậu người đàn bà có hai hay nhiều chấm đen thì coi là người đàn bà đó đã qua tay hai hay nhiều người đàn ông. Cho nên các cụ xưa có câu:

"Ba năm cải táng thay hình Xương bao nhiêu vết là tình bấy nhiêu"

Sau đêm tân hôn, bà cô và bà thím của cô dâu bên nhà gái ở lại nhà trai, có nhiệm vụ tắm rửa nước thơm cho cô dâu, rỉ tai khuyên bảo vài điều cần thiết. Hai bà này còn ở lại và sẽ theo đôi vợ chồng mới cưới trở về nhà gái trong lễ nhị hỷ.

Mặc dầu vừa qua đêm tân hôn, dâu rể vẫn không được dậy trưa. Trong khi cô dâu đi tắm nước nóng thì bà Nguyễn Thị Duyên gặp con



TRẦN MỘNG TÚ

HẠT THÓC

Tình yêu như hạt thóc
em ủ trong lòng đất
Hạt thóc nảy mầm thành cây mạ xanh non
Anh đến
Em tặng anh bông lúa đầu mùa nặng trĩu
Bây giờ trên cánh đồng loáng nước
hồn em
Chỉ còn lại những cọng rạ,
ngậm ngùi

PHẤN THÔNG VÀNG

Anh như ngọn gió
làm rung động những cành thông
đang lặng thinh
trong trái tim em
Em mở cánh cửa thanh xuân
bấy lâu đã bỏ quên
Phấn thông vàng bám đầy ngực áo

trai. Hai mẹ con trao đổi mấy câu rồi cậu thị Tân trình vuông lụa cho mẹ xem, bà mẹ gật gật đầu rồi cười vui vẻ. Lễ uống trà lần đầu tiên khi cô dâu về nhà chồng được tổ chức thân mật. Trên sập gụ cao, Bà Hoàng Kế Viêm ngồi, thấp xuống một bậc, cô dâu chú rể ngồi ghế được phép hầu trà. Đây là buổi họp mặt đông đủ để mẹ và dâu con chuyện trò cởi mở vì ngày hôm trước, vướng lễ nghi và bà con đông đảo bận rộn. Cũng dịp này người lớn có điều gì cần thiết thì nhắc nhở dâu mới. Mọi người trong gia đình đều được mời uống trà, ăn bánh trước khi dùng bữa sáng điểm tâm, coi như thù lao mấy ngày lo tổ chức lễ vất vả. Cuối buổi họp mặt, mẹ chồng ra lệnh cho gia nhân chuẩn bị mổ heo vào chiều hôm sau để ngày 19 tháng Sáu, dâu rể mang về ngoại trong lễ nhị hỷ.

Sau ngày lễ cưới, chú rể Hoàng Tự Tân và cô dâu Hà Thị Tựu phải bưng trầu rượu đến lễ tổ ở nhà thờ họ, đó là truyền thống. Cho mãi đến trước chiến tranh 1945-1975, khi nhà thờ họ Thế Đức và Minh Đức cùng ba nhà thờ nhánh Bá, Trọng, Quý chưa bị tàn phá, con trai con gái họ Hoàng, khi lập gia đình, sau lễ cưới, thế nào cũng tìm cách, dù chậm cũng được, về lễ tổ tiên, ở quê hay gọi nôm na là "về lạy nhà thờ". Đó là một cử chỉ có tính cách thiêng liêng, đặc biệt của con cháu nhà họ Hoàng Văn La. Còn nhớ khoảng năm 1932, khi bà cô Hoàng Thị Nghi Lê tức bà Út, con ông 14, lấy chồng là ông Đinh Văn Hường, về lạy nhà thờ ông Hoàng Kế Viêm, trưởng nhánh Quý, bà cô đã lì xì (thưởng tiền) cho các cháu trai gái hiện diện, chứng kiến lễ, mỗi em một giác bạc (ngoài Bắc gọi là hào, trong Nam gọi là cắc) với một tiếng ngắn rất thời thượng: xu-vơ-nia. Thời đó chắc là ít người thấy thấm thía nhưng giờ đây, cuối thế kỷ thứ 20, tiếng Pháp cũng như tiếng Anh, quốc tế người ta đều dùng chữ Souvenir để nói là kỷ niệm, không ngờ việc đó lại trở thành một kỷ niệm đáng ghi nhớ.

Sáng ngày thứ tư tức 19 tháng 10, chú rể và cô dâu về Vĩnh Tuy làm lễ nhị hỷ, đáng lẽ đi ngày 18 thánh Mười nhưng là ngày tam nương, không tốt, theo lịch cổ, cưới hỏi nhằm ngày tam nương thì không có con, tam nương là những ngày mồng ba, mồng bảy, mười ba, mười tám, hai mươi hai, hai mươi bảy (3, 7, 13, 18, 22, 27) nên hôm nay mới đi. Trước khi lên đường, bà Nguyễn Thị Duyên, mẹ chú rể, đích thân kiểm soát lại cái đầu heo để trong siểng, cũng có xôi nhưng lần này là xôi đậu xanh đãi vỏ, xôi đậu có nghĩa là thành công tốt đẹp, và một mâm đầy quả quít. Mẹ chồng cẩn thận kiểm lại đầu heo xem hai tai còn nguyên vẹn chăng, nhỡ có người vô ý làm sứt tai thì hỏng chuyện. Theo tục lệ xưa, con gái về nhà chồng, nếu mất trinh thì trong lễ nhị hỷ, bên chồng xẻo một tai heo. Chú rể và cô dâu đi cáng về ngoại, có thêm hai người khiêng cái siểng và mấy người phục dịch theo sau trong đó có bà cô và bà thím của cô dâu mỗi người mang một bọc quà do nhà trai tặng hai bà.

Xa xưa không nói chứ khoảng cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, đời sống dân Việt chưa được cao và phong tục tập quán cũng chưa chịu ảnh hưởng Âu Mỹ mấy nên sau đám cưới, dù là nhà sang, dâu rể cũng đều cùng với mọi người trong gia đình lo việc nhà chứ không có chuyện đi

hưởng tuần trăng mật riêng để cho tân lang và tân giai nhân tận hưởng vị ngọt của tình yêu khi mới chung sống.

Đặc biệt sau đám cưới của cậu thị Tân, không có tuần trăng mật mà lại như có. Số là theo lệnh của hai thượng quan, bố chồng là Thống đốc Quân vụ, Trấn Bắc Bình Tây đại tướng quân, thường đóng Bộ Tư Lệnh ở Hưng Hóa, Tây Bắc Hà Nội và bố vợ là Tổng đốc Hải Yên mà Đốc bộ đường (văn phòng tỉnh trưởng) ở Quảng Yên Duyên Hải Bắc kỳ, thì sau khi thành hôn, dâu rể phải ra mắt hai ông tại nhiệm sở. Do đó, sau lễ nhị hỷ, cậu thị và vợ mới cưới, tuy sống yên vui ở nhà nhưng mà trong tình trạng chờ đợi di chuyển. Theo thỏa thuận giữa hai ông lớn thì Tổng đốc Hải Yên nhận trách nhiệm nhờ một thuyền lớn hay vận chuyển dọc duyên hải, trong một chuyến xuôi Nam, sẽ vào cửa Nhật Lệ, ăn hàng tại Đồng Hới xong, cặp bến đò Quán Hàu nhận chuyên chở hai vợ chồng mới cưới con quan lớn, từ Quảng Bình ra Quảng Yên rồi sau đó, lại tìm loại thuyền vận chuyển trong sông, ngược dòng Hồng Hà và các sông nhánh lên tận Hưng Hóa. Ông Hà Văn Quan, từng tổ chức tiếp tế vũ khí và lương thực bằng thuyền cho Thống đốc Quân vụ nên thủy trình từ Quảng Yên lên Hưng Hóa đối với ông là chuyện thường. Riêng hải trình, ông từng nghiên cứu vùng duyên hải Bắc kỳ nên cũng am tường về hải vận, nhất là chuyên chở dọc bờ biển.

Sáng ngày 25 tháng Mười năm Tân Tỵ, 1881, hai lính cận vệ của Tổng đốc Hải Yên đến nhà quan Hoàng ở Văn La trình thư và lệnh của quan lớn ở Quảng Yên để hộ tống cậu mợ thị xuống thuyền ra Bắc. Nhà đã chuẩn bị sẵn nên, sau khi cơm nước tiếp đãi hai lính lệ xong, người nhà tiễn vợ chồng cậu mợ thị xuống thuyền. Để cho cuộc đi chơi này được chu đáo, Vĩnh Tuy đã cho một người đàn bà đứng tuổi, từng bồng bế cô dâu khi nhỏ, đi theo lo chăm sóc cho mợ thị, còn nhà chồng thì cho một thiếu niên khoảng 15 tuổi đi theo gánh hòm siểng và để cho cậu sai vặt. Mùa này trời sắp rét đậm nên chăn nệm áo quần chuẩn bị rất đầy đủ.

Bốn ngày đêm liền, thuyền lướt sóng đi suốt, chỉ có ghé vào Hòn Mê (đảo nhỏ) thuộc Thanh Hóa lấy nước ngọt. Mới đầu có đôi chút say sóng đối với đôi vợ chồng trẻ lá ngọc cành vàng nhưng rồi cũng quen đi, thuyền lớn mà mùa này không gió to, không bão nên hải hành coi như tốt.

Đến Quảng Yên, bố và con gái cùng rể hàn huyên, đi biển có phần mệt nhọc nhưng không đến nỗi nào, tuổi thanh niên chịu đựng giỏi. Lần đầu tiên bố vợ và chàng rể thấy nhau, cũng có ấn tượng tốt: ông già là quan văn, hay chữ, mặt mày phúc hậu còn chàng rể là con quan lớn, diện mạo sáng sủa, thông minh, trắng trẻo, đẹp trai, tuy có hơi mệt vì hải hành nhưng cũng đầy vẻ khả ái. Nghỉ lại hai ngày tại hậu liêu dinh đốc bộ, bố vợ giục rể và con gái lên gấp Hưng Hóa sau khi đã ghé thăm Tuần vũ Quảng Yên (tỉnh trưởng tỉnh nhỏ) là Hoàng Trọng Vỹ , Hoàng Tự Tân gọi Hoàng Trọng Vỹ là anh con bác. Ông Vỹ và cấp trên trực tiếp của mình là Tổng đốc Hải Yên Hà Văn Quan, cùng đồng hương đồng chí; trái lệnh vua tiếp tế lương thực vũ khí cho chú là Hoàng Kế Viêm. Về sau, khoảng năm 1886, người Pháp phát giác vụ tiếp tế này nên buộc triều đình Huế "đày" ông Vỹ vào làm quan tận trong Gia Định, còn ông Hà Văn Quan, đưa đi đâu không rõ, ít lâu sau mới đưa về.

Vợ chồng cậu thị đến Hưng Hóa bình yên. Thống đốc Quân vụ rất vui mừng, gặp con trai đã đành mà còn được biết dâu mới, con gái của bạn đồng hương, đồng lý tưởng. Đây là lần đầu tiên ông thấy cô Hà Thị Tựu, ông rất hài lòng, đúng như các báo cáo của những người có trách nhiệm mai mối: con dâu mặt mày sáng sủa, thảo nào vua Tự Đức đã muốn tuyển vào cung. Lạy bố chồng hai lạy xong, cậu mợ thị được ông Hoàng Kế Viêm khuyên bốn chữ "tương kính như tân" nghĩa là vợ chồng kính trọng nhau như khách, lời chúc mà từ đầu đám cưới tới lúc đó chưa ai chúc và khuyên như vậy. Sau vài lời căn dặn bổn phận làm con làm dâu, ông Hoàng đã tặng một bộ khay và hộp trầu hộp thuốc bằng đồi mồi (sau này, trước 1945, thấy để thờ ông Hoàng Tự Tân) một bộ chén rượu gồm ba cái, nhỏ bằng đầu ngón chân cái, từ sừng tê giác tiện ra (ba chén rượu sừng tê này về sau, trước 1945, thấy đặt trên bàn thờ ông Hoàng Kế Viêm) và một cái chén tống miệng bằng cổ tay người lớn và cao bằng ngón tay út, thành chén bằng ngà voi, đáy chén bằng một lát sừng tê giác dày khoảng một cm (miếng sừng này, năm 1942, ông Hoàng Chánh Bổn, cháu đích tôn, chặt một góc cho một người cháu để mài với nước đổ miệng người bị á khẩu). Về tiền bạc vợ chồng cậu thị được bác (ông thị và các anh chị em đều gọi cha bằng Bác, Bác mẹ) cho chỉ hai nén bạc. Ông Hoàng Kế Viêm là người không những thanh liêm đạo đức mà còn phải lo nhiệm vụ nặng nề là mua vũ khí (các loại súng tối tân thời đó) từ biên giới Việt Trung và vùng duyên hải trang bị cho đạo quân Tam Tuyên và các Đoàn Dũng. Bản thân ông không có tiền của gì.

Vợ chồng cậu thị làm lễ trình diện xong thì bà Rồng, một bà thiếp tài trí luôn luôn sát cánh Thống đốc Quân vụ thỉnh thị ý kiến của tướng quân về tổ chức tiệc rượu ra mắt của tân lang tân giai nhân với các quan văn, võ và cộng sự viên ở Hưng Hóa. Thống đốc Quân vụ gật gật đầu khen bà là nội tướng chu đáo, nhưng người lại cười vui vẻ cho biết là người đã nghĩ đến rồi. Trong hoàn cảnh đất nước lúc này thì hầu hết các tỉnh Bắc,

Tây và Duyên Hải Bắc kỳ đều coi như không có vua. Vua và Triều đình đang đi đến chấp nhận sự đô hộ của Pháp. Chỉ có quân dân Bắc kỳ yêu nước đang hướng về đạo quân Tam Tuyên và các Đoàn Dũng mà người lãnh đạo là Thống đốc Quân vụ. Nếu bây giờ thông báo cho các quan tỉnh cùng các cấp chỉ huy quân sự và nhất là các tù trưởng dân tộc thiểu số, các chánh tổng (đứng đầu liên xã) và các lý trưởng (xã trưởng) thì họ sẽ còn ùn kéo về Hưng Hóa vừa để mừng cậu thị mà cũng là để diện kiến với Trấn Bắc Bình Tây đại tướng quân, người mà họ mến mộ và coi như là linh hồn kháng chiến chống Pháp của quân dân. Quà cáp mừng sẽ không thể kể xiết. Như vậy thật không phải là chủ trương của người trong lúc này. Nhiệm vụ chính là lo tổ chức cho được một vạn quân lương thực đủ cho đội quân đó ít nhất là một năm, vũ khí trang bị đủ cho mỗi người lính phải có súng và nhất là tinh thần dân chúng làm sao ủng hộ kháng chiến. Quan văn võ các cấp và lãnh tụ các dân tộc ít người đã cùng chủ trương việc cao cả như vậy mà nay Thống đốc Quân vụ lại đặt vấn đề mừng đám cưới con mình làm trọng thì việc lớn có thể bị ảnh hưởng, trái với tinh thần xây dựng lực lượng kháng địch. Tướng quân dự định là trong cuộc họp với các cấp chỉ huy vào ngày hôm sau đây sẽ giới thiệu cho biết đơn giản là Thống đốc Quân vụ vừa mới cưới vợ cho con trai nối dõi là đủ rồi. Tuyệt đối tránh vấn đề quà cáp.

Sau vụ không nhận quà cưới cho cậu thị, những người thân cận của Trấn Bắc Bình Tây Đại tướng quân ghi nhận được nhiều lời của nhân dân ca tụng ông Hoàng Kế Viêm là người coi trọng việc lo cho dân cho nước chứ không lợi dụng chức vụ để thu nhận lễ vật khi có dịp, vì với vai trò của người trong giai đoạn đó thì số quà cáp mừng đám cưới có thể sẽ chất đầy cả gian nhà còn nói theo lối khoa đại thì cao như núi. Quà chắc sẽ có nhiều thứ đặc biệt. Ngay hôm tết Nguyên Đán cách đó 10 tháng mà lãnh tụ dân tộc Tày đã cho khiêng đến mừng Thống đốc Quân vụ ba đòn bánh tét khổng lồ, to như cột nhà, mỗi đòn dài một sải rưỡi, khoảng ba mét (sải là người giang hai tay ra, dài chừng hai mét) và mỗi lát bánh, xắt ra đường kính ngót gang rưỡi (khoảng 30 cm) đặt gọn trong chiếc mâm đồng. Quà tết mà còn như vậy huống hồ quà cưới của con trai nối dõi. Việc miễn nhận quà cưới cho con của Thống đốc Quân vụ đã gây một tiếng vang trong lòng người dân Bắc kỳ thời đó, ảnh hưởng tốt là củng cố thêm uy tín của ông Hoàng Kế Viêm để lãnh đạo quân dân Bắc kỳ chống Pháp.

Vợ chồng cậu thị ở lại Hưng Hóa ba ngày rồi được lệnh phải về quê. Hai anh chị định đi thăm Đồn Vàng và Hà Nội nhưng Thống đốc Quân vụ, sau một lát suy nghỉ, đã từ chối, không cho phép. Về sau, bà Hà Thị Tựu cứ tiếc, nghe nói đồn Vàng và 36 phố phường Hà thành mà không được đến, thật hoài của.

Bà Rồng đã tiễn hai vợ chồng cậu thị ra bến đò. Trước khi chia tay, bà tặng đôi tân hôn một gói rất nhỏ trong đựng một cái ve độc ẩm, nói là bình trà nhỏ uống một người thì đúng hơn. Bình Độc ẩm này hiệu Mạnh Thần, men màu nâu chuyển qua đỏ, lớn chỉ bằng trái quít, mặt trong nắp bình có khắc chữ ***** Thủy bình nghĩa là cân bằng trong nước, nghĩa là cái ấm trà nhỏ này, khi trống rỗng, để vào trong bát nước thì nổi lềnh bềnh như chiếc thuyền, cân bằng, người xưa kỹ xảo thật, đất sét nặn ra vòi ấm và quai cầm tính cân bằng đến nỗi thả vào nước mà cái bình (hay gọi cái ấm cũng được) nổi vững vàng, thật là tài tình. Nghe nói bình hay ấm độc ẩm có ba thứ quý, các cụ xưa có đặt một câu: Nhất thì Thế Đức gan gà, nhì thì Lưu Bội, thứ ba Mạnh Thần, ba loại Thế đức, Lưu Bội, Mạnh Thần là ba loại độc ẩm rất được người sành ưa chuộng. (Cái bình độc ẩm này về sau thấy ông Hoàng Chánh Bổn, đích tôn thừa trọng của cụ Hoàng dùng uống trà, mãi đến năm 1951 khi ông mất rồi, không biết thất lạc lúc nào và ở đâu).

Ra về, đôi tân hôn xuôi giòng sông Nhị, ghé Quảng Yên thăm lại bố vợ và anh rồi đổi sang thuyền lớn để xuôi Nam. Trên đường về xuôi nước sông Hồng, xuôi gió Đông Bắc ngoài biển, thuyền nhỏ cũng như lớn, lướt sóng êm ả. Đúng là dịp để đôi tân hôn tha hồ ngắm cảnh: sông nước bến thuyền châu thổ Bắc kỳ, thuyền bè, bến cảng duyên hải và cảnh trăng nước mênh mông cũng như cù lao Yến, thuyền đánh cá biển khơi: thật là một tuần trăng mật hiếm có. Tính từ ngày xuống thuyền ra Bắc cho đến ngày bước chân trở về lên đất Văn La, hai vợ chồng ông thị đã qua ngót 20 ngày. Trời rét tháng Mười Một âm lịch, tiết đông chí, mà đôi tân hôn không hề thấy lạnh. Đúng là cậu ấm đi hưởng tuần trăng mật.

Hai gia đình thuộc họ Hà Vĩnh Tuy và họ Hoàng Văn La đều là nhà quan, nhưng quan thanh liêm, đạo đức, trí thức, khiêm nhường. Sang nhưng không giàu, lịch sự nên giữ được vẻ thanh lịch vui tươi của hội hè đình đám, tại cái xứ sở văn vật có tiếng ở Quảng Bình. Đám cưới được tổ chức đầy đủ nhưng không xa hoa, đúng nghi thức theo cổ lễ nhưng không rườm rà, lễ mễ, giữ được truyền thống lễ giáo của giòng họ đáng tự hào ở địa phương. Đám cưới của cậu ấm nhưng là thứ ấm đạo đức, có gia phong, đã đem lại một ấn tượng đẹp đẽ cho dâu rể mà cho cả thân hữu lẫn bà con hai họ. Các bậc chú bác kể lại chuyện xưa, không bao giờ quên nhắc lại chi tiết đầy ý nghĩa của lễ thành hôn Hoàng Tự Tân, Hà Thị Tựu. ■

BỐI CẢNH SINH HOẠT VĂN HỌC CỘNG SẢN TỪ NĂM 1975

LÊ ĐẠI LÃNG

(tiếp theo)

Những lên đường của ý thức xuất hiện dưới nhiều hình thức, và nếu ta bỏ qua hình thức để chỉ nhắm tới sự chuyển mình ấy thì mọi hình thức trở mình đều mang một ý nghĩa lành mạnh rất cần thiết cho sự khôi phục của một nền văn học mai hậu.

Chẳng hạn một thí dụ điển hình về những chuyển mình dưới hình thức tranh luận chỉ có trong thời mở cửa giữa khuynh hướng bảo thủ và đổi mới. Trên tờ *Tuần Tin Tức*, phụ trương số 1-1989, Nguyễn Đình Thi (lúc ấy là Tổng thư ký Hội Nhà văn) kết án nặng nề tờ *Văn Nghệ* trong thời Nguyên Ngọc làm Tổng biên tập là "lệch lạc nghiêm trọng, biểu hiện bè nhóm, biệt phái, mất đoàn kết.., không phản ánh những nhân tố mới trong đời sống..., cực đoan, phủ nhận giai đoạn văn học trước đây..." Nguyên Ngọc, trên *Văn Nghệ* số 20, 1989, cho là Nguyễn Đình Thi có "một lối chơi chẳng lấy gì làm sạch sẽ: trích dẫn một cách cắt xén, tách rời khỏi văn cảnh chung lời lẽ của người khác..." Nguyên Ngọc cho rằng Nguyễn Đình Thi cố tình hiểu sai đường lối chủ trương của tờ *Văn Nghệ* trong thời ông làm Tổng biên tập (7-87 đến 12-88), và dứt khoát nhấn mạnh rằng quan điểm của ông (hay của tờ báo) là chống cái cũ triệt để, phá vỡ những trì trệ kéo văn học đi giật lùi. (Nguyên văn: "Chúng tôi quan niệm rõ ràng rằng cái mới chỉ có thể ra đời, và thực tế đang ra đời trong cuộc đấu tranh phức tạp và gay gắt với cái cũ, cái tiêu cực, cái trì trệ... Cái thật sự mới là cái đấu tranh quyết liệt với cái cũ, phá vỡ sự trì trệ cũ, tạo nên sự năng động mới.")

Lời qua tiếng lại giữa Nguyễn Đình Thi và Nguyên Ngọc cho thấy cuộc tranh luận nhiều lắm chỉ liên can đến khía cạnh sinh hoạt văn hóa văn nghệ mà thôi, chứ bản thân các cuộc tranh luận không phải là văn học. *Đó là dấu hiệu của cuộc khởi sự kiếm tìm một vị trí, một định nghĩa, cho văn học; một cuộc đấu tranh cho văn học, một chiến trường văn chương để tiến chiếm mục tiêu văn chương.*

Những nhà văn như Nguyên Ngọc, sau những năm tháng tận tụy với nghề nghiệp, đã có những tác phẩm có uy tín trong nền văn học xã hội chủ nghĩa, bỗng tỉnh thức, và tâm trạng ấy chợt ví như Thúy Kiều: *Giật mình mình lại thương mình xót xa.*

Như thế, cuộc tranh luận trong thời mở cửa có thể tóm tắt qua hai khuynh hướng chính. Một cho rằng văn học trong thời gian qua chỉ để phục vụ chính trị, trong khi *chính trị* và *văn nghệ* là hai lĩnh vực hoạt động khác nhau, tồn tại độc lập. Chính vì thế khi văn nghệ phục vụ chính trị thì chỉ sản xuất ra một nền văn nghệ *minh họa*. Nếu tạm coi những người theo khuynh hướng này là "phủ nhận quá khứ" cũng được, tuy nhiên họ không phủ nhận toàn bộ nền văn học quá khứ mà đúng hơn chỉ muốn *đặt lại vấn đề* vai trò của văn học: Sự xung đột giữa quá khứ và hiện tại. Người khai pháo **công khai**, bắt cầu cho khuynh hướng này là Nguyễn Minh Châu, qua bài *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa* đăng trên *Văn Nghệ* của Hội Nhà Văn số 49-50, ngày 5-12-1987. Nguyễn Minh Châu vừa gay gắt, vừa xót xa, đưa ra những nhận định như sau:

Có vẻ tuồng như mỗi nhà văn mỗi khi ngồi trước trang giấy là cùng một lúc phải cầm hai cây bút: một cây bút để viết cho người đọc bình thường, cho đời, một cây bút khác viết cho đạo, lo việc che chắn, viết cho lãnh đạo văn nghệ đọc. Mà cái ngọn bút thứ hai này — buồn thay — các nhà văn cầm lâu ngày để tự bảo vệ mình cho nên cũng lắm kinh nghiệm, mà cũng tài hoa lắm!

... Điều đáng buồn nhất là những người phải xoay trở, vặn vẹo cây bút, phải làm động tác giả nhiều nhất là những nhà văn có tâm huyết, có tài... Trong khi đó những cây bút minh họa, những tác phẩm minh họa hoặc ca ngợi một chiều thì lại rất thoải mái, người viết cầm bút thoải mái chẳng có gì phải luồn lách...

... mấy chục năm qua, tự do sáng tác chỉ có đối với lối viết minh họa, văn học minh họa, với những cây bút chỉ quen với công việc cài hoa kết lá, vờn mây cho những khuôn khổ đã có sẵn, cho chữ nghĩa những văn bản vốn đã có sẵn mà chúng ta quy cho đấy đã là tất cả hiện thực đời sống đa dạng và rộng lớn.

Nguyễn Minh Châu mạnh mẽ trong lời kết, như một trăn trối từ một đời văn: *Công việc chuẩn bị cho thế hệ trẻ của Hội Nhà Văn hôm nay không phải là chuẩn bị cái lò ấp cho hàng trăm,*

hàng ngàn quả trứng gà, trứng vịt, mà là chuẩn bị cho những tư cách nghệ sĩ và tài năng lớn ra đời.

Chúng ta đừng quên Nguyễn Minh Châu có tác phẩm từ năm 1960 (24), vào Đảng năm 1950 và mang quân hàm đại tá. Đối với những nhà-văn-chần-chừ, bài viết nặng ký của Nguyễn Minh Châu "chắc ăn" không thua gì Nghị quyết hay bài nói chuyện với văn nghệ sĩ của ông Linh hồi tháng 10 năm 1987. Họ thừa nhà văn - đàn anh, thừa Nghị quyết xông lên viết thật lòng cũng là chuyện phải vì đã có người xông ra trước hòn tên mũi đạn.

Khuynh hướng thứ hai là "chống phủ nhận quá khứ", muốn đặt văn nghệ vào trong chính trị, với lập luận không có Đảng dìu dắt thì làm gì có được một thành quả văn nghệ như thế. Hai ý kiến (hay khuynh hướng) có khi tỏ ra gay gắt, những bài tranh luận nổ đều trên mặt báo, đặc biệt trên tờ *Sông Hương*, và *Văn Nghệ* trong thời Nguyên Ngọc làm Tổng biên tập. Có thể thấy mâu thuẫn giữa những người cầm bút nẩy sinh từ góc độ đánh giá văn học dưới nhãn quan (thói quen) chính trị. Hiện tượng này nói lên một điều: văn học Việt Nam chỉ đang trên đường chiến đấu cho văn học; vụ mùa đang gieo trên đất cằn nên mùa gặt còn lâu lắm.

"Đất cằn" bởi lẽ cái khuynh hướng thứ hai "chống phủ nhận quá khứ" đánh theo kiểu biển người của Mao Trạch Đông, họ cay cú với những văn nghệ sĩ muốn bắt đầu một cuộc sàng lọc cho văn học sau đổi mới. Và như ta thấy, những người chống đổi mới đã thắng. Một thí dụ: nhà văn Nguyên Ngọc, làm Tổng biên tập báo *Văn Nghệ* từ tháng 6-1987 đến tháng 12-1988 bị cách chức không có lý do, dù ai cũng biết vì trong thời gian nắm tờ *Văn Nghệ* ông đã cho đăng những bài ký nẩy lửa phơi trần cuộc đời trần trụi của người dân dưới xã hội chủ nghĩa, như *Ông vua lốp* của Trần Huy Quang, *Cái đêm hôm ấy... đêm gì* của Phùng Gia Lộc, *Người đàn bà quỳ* của Dương Thu Hương, *Tiếng đất* của Hoàng Hữu Các, *Sự nghiệt ngã của nghề nghiệp* của Hà Văn Thùy, *Ôi, cam sao mà đắng* của Ninh Đức Định, vân vân.

Ông cũng là người triệt để chống công thức "thành lập một hội đồng chỉ đạo" tờ *Văn Nghệ* theo ý kiến của Nguyễn Đình Thi, nghĩa là một thứ hội đồng Thái thượng hoàng cai quản luôn người đứng đầu tờ báo là Tổng biên tập. Nguyên Ngọc mất chức vì Nguyên Ngọc cô thế. Trong văn chương, sự cô thế là cần thiết; trong sinh hoạt văn học dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, cô thế đồng nghĩa với thất bại. Nhưng đồng thời nó nói lên rất rõ ràng nhân cách của nhà văn.

Mâu thuẫn gay gắt giữa người cầm bút không chỉ thấy ở hai tổ chức, mà còn ngay trong một cơ quan nhà nước như Hội Nhà Văn. Trong khi tờ *Văn Nghệ* trực thuộc Hội Nhà Văn do Nguyên Ngọc làm Tổng biên tập "đi" những bài như trên, thì tờ *Tác phẩm văn học*, cũng trực thuộc Hội Nhà Văn nhưng do Nguyễn Đình Thi làm Tổng biên tập, đăng nhiều bài "giải độc". Nhà văn Bằng Việt, tổng biên tập tạp chí *Diễn đàn Văn nghệ* nhưng đã mượn diễn đàn của... Nguyễn Đình Thi để đòi cách chức Nguyên Ngọc (*Tác phẩm văn học* số 9, tháng 11 và 12-1989.)

NICOLÁS GUILLÉN *

NHỮNG QUẦY RƯỢU

Tôi yêu những quầy hàng, quán rượu
dọc bờ biển,
nơi dân lành nói chuyện bâng quơ và uống
chỉ nhằm uống và đía.
Nơi Nguyễn Văn Tèo đến để gọi
rượu chẳng cần pha,
nơi ta gặp cả thằng Hai Đâm lẫn thằng
Tèo Uýnh Lộn,
thằng Ba Lỗ Mũi lẫn thằng Tí Ngô Nghê,
và cuối cùng, thế thôi, mình thằng Nguyễn.

Ở đó sóng bạc đầu
đập vô nghe bầu bạn;
một tình bạn bình dân, không chữ nghĩa
lôi thôi to tát,
một làn sóng những "Ê mày!" và "Răng bậu?"
Ở đó tươi mùi cá,
rừng tràm, ba xi đế, và muối biển
cũng như áo mồ hôi hong nắng để chờ khô.

Bạn ơi bạn, hãy tìm tôi ở đó
(ở La Haban hay Oporto,
ở Hắcmel hay Thượng hải)
ngồi bên mấy trự dân lành,
loại người chỉ nhằm uống rượu và đía
nên đầy ắp những quầy hàng, quán rượu
bên bờ biển.

Trong tập *La paloma de vuelo popular*, 1958
Nguyễn Ngọc Bích "Việt hóa"
20-VIII-1995

** Tên tác giả đọc là "Ghi-én" hoặc "Ghi-gién."*

Nhà văn Nguyễn Xuân Sanh, cũng dùng cơ quan này của Hội Nhà Văn (*Tác phẩm văn học*) để tấn công cơ quan kia của Hội (tức báo *Văn Nghệ*), nặng nề kết án báo *Văn Nghệ* là "gây một sự hỗn loạn trong sinh hoạt văn học" (*Tác phẩm văn học* số 9, 1989, tr. 172).

*

Nhưng cuộc vui nào cũng chóng tàn, nhất là cuộc vui trên cái nồi văn chương đặt trên ngọn lửa hồng. Có thể lấy ngày 1 tháng 11 năm 1989 làm mốc điểm cáo chung giai đoạn đấu tranh công khai cho đổi mới trong văn học. Đây là ngày kết thúc Đại hội IV Hội Nhà Văn Việt Nam tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội, sau bốn ngày nghiên cứu Nghị quyết 05 của Bộ Chính Trị và Nghị Quyết 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI, và năm ngày Đại hội (chính thức khai mạc sáng ngày 28 tháng 10 và kết thúc tối ngày 1 tháng 11).

Đại hội IV là đại hội toàn thể đầu tiên với 396 hội viên từ khắp nước tham dự (so với Đại hội III có 150 đại biểu, Đại hội II 250, Đại hội I 165). Phương châm *Đổi mới, Dân chủ và Đoàn kết* được một số nhà văn can trường áp dụng khá kỹ, phá cái thông lệ sợ sệt lãnh đạo trước đây mặc dù Đại hội lần này có sự tham dự của nhiều chức sắc cầm quyền: Đỗ Mười, thủ tướng; Lê Đức Thọ, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng; các ủy viên trong Bộ Chính trị và Ban bí thư Đảng: Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Đức Tâm, Trần Xuân Bách, Đào Duy Tùng, Nguyễn Quyết, Phạm Thế Duyệt; rồi các ông Lê Quang Đạo, Chủ tịch Quốc hội; Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Nguyễn Khánh, Phó thủ tướng; Trần Trọng Tân, Ủy viên Trung ương Đảng kiêm Trưởng ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương; Nguyễn thị Định, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Một "giai thoại văn chương Đảng" nhiều người biết và do chính nhà thơ Ý Nhi kể cho người viết: Cố vấn Lê Đức Thọ gợi ý nhà thơ Ý Nhi trong Chủ tịch Đoàn Đại hội là nên để Ban chấp hành bầu Tổng thư ký. Nhà thơ nữ trả lời: *Chúng tôi là nhà văn, chúng tôi biết cách làm việc* khiến ông trùm Đảng phải lẳng lặng rút lui. Sự can trường hiếm hoi như thế không phải là không đạt được vài thắng lợi nho nhỏ trên chính trường văn học: Lần đầu tiên Tổng thư ký do Đại hội bầu chứ không do Ban chấp hành bầu như trước. Nhà thơ Ý Nhi kể: "Thi sĩ Hoàng Cầm ngồi cạnh hỏi Ý Nhi nên bầu ai làm Tổng thư ký, Ý Nhi nói khi nào giơ tay bầu, nếu bác thấy cháu đưa tay thì bác đưa tay. Hoàng Cầm chịu. Nhưng khi người đếm phiếu tới trước mặt Hoàng Cầm mà... nhìn, thi sĩ chịu không nổi cái nhìn hù dọa nên... từ từ đưa tay lên." Ta thấy là phe bảo thủ lại thắng trong việc gợi ý nên bầu Vũ Tú Nam làm Tổng thư ký.

Nhưng vai trò của Tổng thư ký, cũng như của Hội Nhà Văn, đã không còn nguyên vẹn như xưa nữa. Hệt như cậu thơ Nguyễn Bính: *Hôm qua em đi tỉnh về; hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.* Trước làn sóng sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản ở các nước Đông Âu, trước cuộc sống không còn lý tưởng như lý tưởng chống Mỹ giải phóng miền Nam trước đây, và những phơi trải bẽ bàng của đời sau ngày đất nước cùng nằm dưới một thể chế, những người cầm bút bỗng chạnh lòng, bỗng có dịp nhìn lại tư cách nghề văn. Vai trò hướng dẫn của Đảng thông qua Hội Nhà Văn rõ rệt đã không đáp ứng được sự mong mỏi đôi cánh khao khát tự do vẫn tồn tại trong bản thân người cầm bút. Cái Hội công chức ấy, cái Hội "tự nguyện hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam và trong khuôn khổ luật pháp và thể chế của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam" (Điều 2 Điều lệ Hội Nhà Văn Việt Nam) bỗng mất tư cách, mất vai trò trong quá khứ.

Nhà văn Thái Vũ trên phụ trương *Cánh én* của tờ *Nha Trang* số tháng 1 năm 1989, nặng nề phủ nhận tư cách Hội nhà văn một cách gay gắt: *Đáng tiếc là vẫn còn không ít hội viên nhà văn và thành viên trong Ban thư ký, Ban chấp hành hội chưa hiểu được rằng uy tín xã hội của Hội nhà văn Việt Nam đang bị thả nổi, bị bán rẻ, những trang sách tâm huyết của các anh chỉ đáng cho người ta vứt lại trên đường đi.* Cũng trên số báo này, Nguyễn Quang Lập không kiêng nể về cái Hội công chức này: *Sau khi được kết nạp vào Hội nhà văn, tôi rất mừng. Nhưng khi đọc nghị quyết của Ban chấp hành Hội nhà văn đánh giá báo Văn Nghệ* thì tôi ngượng chết đi được. Từ đó tôi không dám ba hoa tôi là hội viên của cái Hội sang trọng kia nữa.

Nguyên Ngọc, nhẹ nhàng nhưng quả quyết, cũng góp tiếng về tư cách Hội nhà văn trong *Tác phẩm văn học*, số 4, tháng 7 và 8-1989:

Về tổ chức Hội Nhà văn, tôi nghĩ chắc đã đến lúc nên dứt khoát từ giã lối tổ chức hành chánh, lối cơ quan nhà nước như lâu nay. Nó trái với tự nhiên, nó "không văn học".

Nguyên Ngọc muốn nói đến cá thể tuyệt đối của nhà văn khi ngồi trước trang giấy. Điều này: cũ. Nhưng nó đánh dấu lòng can đảm vì dám nói ra của một số người cầm bút trong xã hội chủ nghĩa, nó ghi nhận những ước mơ tội nghiệp lẽ ra là đương nhiên của người cầm bút ở mọi nơi, nên đáng ghi nhận.

(còn tiếp)

Chú thích:

(24). Nhiều tác giả (1991). *Nguyễn Minh Châu: Con người & tác phẩm.* Hà Nội: nxb Hội Nhà Văn.

NHỮNG VIỄN ẢNH MỚI TỪ HỒ SƠ QUỐC TẾ CS TẠI MOSCOW

SOPHIE QUINN JUDGE

*** Báo cáo khoa học của Sophie Quinn Judge, trong *Yale Southeast Asia Studies*, Nov. 1994, Trần Ngọc dịch. Tiểu đề do Thế Kỷ 21 đặt thêm để độc giả tiện theo dõi. Các chú thích in nghiêng của TK 21.**

(tiếp theo và hết)

Hồ Chí Minh được CSQT gởi về Nam Trung Hoa

Nhiệm vụ mà Quốc tế dự định cho Hồ Chí Minh sau khi học xong ở Moscow không ai rõ được, bởi vì những hồ sơ tài liệu về Đông Dương có sẵn để tham khảo chấm dứt ở thời 1938. Ông ta rời Moscow đi Trung Hoa trong khoảng thời gian nào đó vào gần cuối năm, nếu nhìn vào khuôn dấu đóng ngày tháng trên hồ sơ cá nhân của ông. Chiến lược của Moscow về cách mạng thế giới vào giai đoạn nầy đã bị mối đe dọa chiến tranh xảy ra càng ngày càng lớn dần làm lu mờ đi. Ông Hồ, vốn là một tay điều hành công tác gián điệp bí mật rất cự phách, có lẽ đã được điều trở lại Nam Trung Hoa để giúp xây dựng một liên minh với Quốc Dân Đảng Trung Hoa để chống Nhật Bản. Ở một thời điểm nào đó, ông phụ trách điều hành máy liên lạc vô tuyến với Đệ Bát Đại Lộ Quân, và được giữ cấp bậc thiếu tá. Nhưng không có gì chắc chắn chứng tỏ ông nhận lãnh sứ mạng của Moscow giao cho để lãnh đạo phong trào đòi độc lập ở Việt Nam cả.

(Chủ trương của Stalin trong thời gian này là bỏ rơi các đảng CS Tầu và Đông Dương để liên minh với Tưởng Giới Thạch. Chính vì vậy Mao Trạch Đông rất ghét CS Liên Xô. Đối với Stalin CSĐD chỉ là một chi nhánh nhỏ không cần quan tâm. Stalin cũng cho giải tán tổ chức Cộng Sản Quốc Tế, thay thế bằng Phòng Thông Tin Cộng Sản Quốc Tế. Sau này Hồ Chí Minh cũng theo sách đó giải tán đảng CSVN để lập Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mác xít).

Vào thời gian ông ta tính đi tới Quảng Tây và lập những khu giải phóng đầu tiên trong những khu rừng núi cheo leo của những nhóm dân thiểu số nằm tận bên trong biên giới Việt Nam. Một lần nữa các biến cuộc thời sự lại đi theo chiều có lợi cho ông. Cơ quan Quốc tế Cộng Sản lại sắp tự giải thể; không còn thì giờ để mỗi khi cần ông lại phải chờ nhận chỉ thị từ Moscow nữa. Phần lớn những đối thủ trong đảng tranh giành quyền lực với ông lớp chết lớp bị tù. Như ông đã từng làm ở Hồng Kông trong năm 1930, Hồ phải tự quyền định đoạt mọi vấn đề trong tay ông, và bắt đầu gầy dựng một trận thế liên hiệp quốc gia có tính cách để giành độc lập. Người phụ tá đáng tin cậy nhất của ông hóa ra, không phải là một tay thâm niên cựu thần của đảng, nhưng lại là một thầy giáo trẻ trung sáng trí lạ thường, Võ Nguyên Giáp, ông nầy lại lấy em gái của Minh Khai. Nếu ông Hồ vẫn còn gia đình, hai người đàn ông nầy đã trở thành anh em cột chèo.

Sự đổi ngược hoàn toàn số phận của ông Hồ đã hoàn tất vào tháng 8 năm 1945, khi các lực lượng Việt Minh nổi lên nắm quyền kiểm soát cơ chế chính quyền vào lúc người Nhật đầu hàng. *(Tài liệu của CSVN cho biết lúc đó đảng CSVN chỉ có 5,000 đảng viên trong dân số 25 triệu người).* Ông được tuyên cáo làm chủ tịch của nước Việt Nam Dân Chủ Cọng Hòa vào ngày 2 tháng 9. Ông đã ra sức vận động sự ủng hộ, trước tiên của người Mỹ và sau đó là Pháp công nhận chế độ mới của ông. Ông đã nói với đại diện của cơ quan tình báo OSS là Archimedes Patti rằng ông không còn nợ nần gì với người Nga cả. Ông nói đã trả nợ ân tình của họ với bao nhiêu năm làm việc cho đảng rồi. Thật ra vào năm 1945 ông Hồ đã thấy quá rõ là Liên Sô không còn có phương tiện lẫn lý do thúc đẩy để giúp ông qua khỏi cơn ngặt nghèo. Quốc tế Cộng Sản thì đã bị giải tán năm 1943, trong khi người Nga tiên đoán đảng Cộng Sản ở Pháp thu được nhiều tiến bộ thắng lợi lớn và dĩ nhiên không còn dạ tham muốn vũng nước đục ở Đông Dương làm gì.

Cả Hoa kỳ lẫn Pháp đều bác bỏ lời kêu gọi của ông Hồ và chiến tranh Việt-Pháp ở Đông Dương trở nên cao độ, cho tới năm 1954. Nhưng vào lúc nầy, chiến thắng khải hoàn của Cộng đảng Trung Hoa năm 1949 một lần nữa lại dìm

họ Hồ xuống dưới ách bảo hộ ý thức hệ của kẻ thù truyền kiếp của Việt Nam. Cố vấn Trung Cộng và đồng chí người Việt của họ nhanh chóng khởi sự áp đặt một giọng điệu mới trong cuộc sống chính trị của miền Bắc Việt Nam.

Kết luận

Hồ sơ tài liệu Quốc tế giúp chúng ta vẽ phác được những nét tổng quát trong hiện tượng lu mờ chính trị của ông Hồ hồi thập niên 30. Và cũng đã đặt các tác giả viết tiểu sử của ông Hồ trước nhiều câu hỏi.

Một trong những vấn nạn chính yếu là: Hồ Chí Minh đã tái lập quyền lực chính trị của ông trong nội bộ đảng CS vào thập niên 40 tới mức độ nào? Sau khi Đảng Lao Động tái xuất hiện trong năm 1951 dưới sự lãnh đạo của Trường Chinh, Hồ Chí Minh có thực là một cái gì cao hơn biểu tượng đoàn kết và một hình ảnh cha già? Ông ta có đồng ý với bài báo trên *Nhân Dân* ngày 25 tháng Ba năm 1951, trong đó gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh là "linh hồn của cách mạng Việt Nam và kháng chiến Việt Nam," trong khi lại mô tả Trường Chinh như là "người xây dựng và vị tư lệnh của đảng" không? Khi Võ Nguyên Giáp viết báo cáo lên án những quá lạm (không phải chỉ bạo lực mà còn là "sai lầm về giai cấp") trong chủ trương Cải Cách Điền Địa vào năm 1956, ông ta có nói thay lời cho ông Hồ không? Có phải chính ông Hồ đã tiếp tay trong vụ bắt bớ những phần tử tranh đấu của phong trào "trăm hoa đua nở" vào năm 1958 không? Ông ta đã tiếp đón những đợt cải cách ý hệ của Khrushchev vào lúc mở đại hội đảng lần thứ 20 của Liên Xô như thế nào?

Tóm lại, vào những năm 50 có còn thấy dấu vết gì để lại chứng tỏ là một Hồ Chí Minh đầy khả năng luận lý và cứng đầu của một thứ Hồ Chí Minh chuyên đặt thực tế trước kinh điển ý hệ hồi thập niên 20 không?■

NGUYỄN TƯ

NẮNG MAI

Hôm nay nắng đẹp lạ lùng,
Hốt nhiên tôi nhớ vô cùng đến em!
Lụa vàng trải lối sương đêm,
Có đôi ngọn cỏ ướt mềm thương yêu...

26/5/95

ADVANCE BUSINESS COPIERS

COPY FAX
LASER PRINTERS
TONER CATRIDGES
FREE IN-SHOP ESTIMATE

BÁN & SỬA CHỮA
THUÊ & LEASE
HỢP ĐỒNG BẢO TRÌ
NHẬN ĐẾN MỌI NƠI
ORANGE-LOS ANGELES-RIVERSIDE-SOUTH BAY
ĐẶC BIỆT : $39.95 & UP
REMANUFACTURED CATRIDGES WITH EXCHANGE

NHÂN VIÊN VIỆT NAM * NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM
LÀM VIỆC KỸ LƯỠNG & CÓ BẢO ĐẢM TRÊN GIẤY TỜ
15107 MORAN STREET. WESTMINSTER, CA 92683 714-894-2655

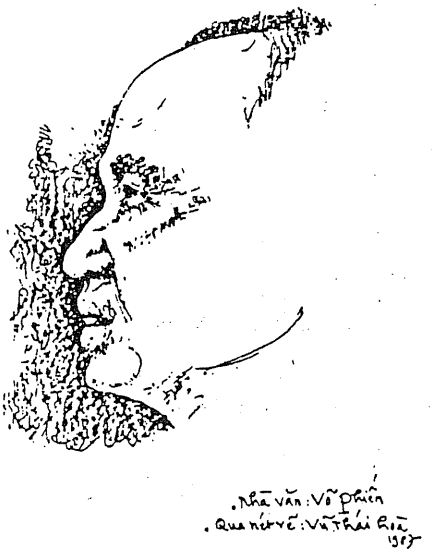
1-800-513-COPY

NHỮNG NGÀY Ở ALHAMBRA...

HÀ THÚC SINH

Tôi về sống ở phố Alhambra đến nay tròn ba năm. Đây là một thành phố nhỏ nằm trong thung lũng San Gabriel phía đông hạt Los Angeles, tiếp giáp với nhiều phố nhỏ khác như Monterey Park, San Gabriel, Rosemead và El Monte để tạo thành một phố Tàu mới mà đặc tính nổi bật hơn cả vẫn là... ăn uống.

Phố Tàu là phố ăn uống. Cấp quốc tế. Ăn ngon và uống ngon. Muốn ăn gì uống gì cũng có. Nhưng chuyện ăn thì dễ, chuyện uống mới khó. Chỉ về đây, những khi rảnh rỗi dạo qua các cửa hàng tôi mới được nhìn, nhìn thôi, qua khung kính, những chai cognac đề giá 4 ngàn đô la, 6 ngàn đô la. Gì chứ mấy thứ đó giá có được mời không cũng xin thú nhận không đủ trình độ thưởng thức. Vì thế nó không hề chiếm một khoảnh nhỏ nào trong niềm ao ước của tôi. Nhưng trà thì có. Cũng về đây, tôi mới biết có những thứ giá vài ba trăm đô một cân Anh (suýt soát năm lạng). Thanh trà, Thiết quan âm, Ô long, Kỳ chủng... không thiếu một thứ gì. Nhưng trà mà, không cứ đắt tiền là hợp khẩu vị. Có thứ như loại Bạch hào chẳng hạn, toàn lá nõn, nụ non, người Tàu rất thích nhưng với người mình uống đớ, nhấp chung đầu tù vị đã phản đối âm thầm. Thử mấy chục loại trà để chọn cho mình một thứ hợp ý, uống mỗi ngày quả tốn, dù rằng khả năng chỉ có thể nhỏ nhẹ đề nghị người chủ tiệm gói cho mỗi thứ mươi đồng, tức pha đủ vài ấm....



*

Lại nói qua về thời khí, thổ ngơi. Alhambra mùa hè nóng lắm. Lại hay bị những luồng gió nóng thổi qua vào mùa hè đôi khi cả vào mùa thu. Đó là luồng gió có tên Satanas (ác quỷ), thổi từ Utah, luồn lách qua các sa mạc, cõng hơi nóng tuôn qua các đèo trong dãy Santa Ana và thổi vào các thành phố Nam California trước khi tuôn ra biển. Có lẽ vì thế dân địa phương quen gọi là luồng gió nóng Santa Ana. Thôi thì ta cứ gọi là luồng quái phong cho nó vừa chưởng, vừa dễ hiểu. Ở thung lũng, vốn nóng, lại lãnh nhiều luồng quái phong, Alhambra và các phố lân cận vì thế có nhiều hoa? Tôi đã sống qua nhiều thành phố trên nước Mỹ, nhưng chỉ về đây mới thấy hoa trên đường phố được trồng có "quy hoạch" đàng hoàng. Xin không dám nói đến thành phố tiếp giáp phía bắc là San Marino làm gì. Đó là chốn thiên đường cỏ cây hoa lá của bậc triệu phú, chỉ nói đến các thành phố nho nhỏ mà hạng tôi còn ở được thôi. Vâng, mỗi con đường là một loại cây, loại hoa. Có đường trồng toàn Dừa, có đường trồng toàn Cọ, có đường trồng toàn Phượng tím, có đường trồng toàn Tử kinh đào, hoặc Mộc lan, hoặc Bạch đàn, hoặc Lê vân vân và vân vân.

Mà cây và hoa bên đàng, bạn nghiệm xem, nó không chỉ có mỗi nhiệm vụ làm đẹp mắt con người thôi đâu, nó còn âm thầm nhắc ta đến thời gian nữa. Cứ khi những ngọn cây lá nhỏ biến mất, thay vào là một vòm tím ngắt, đầy như những mâm xôi lá Cẩm là ta biết ngay mùa Phượng tím nở, mùa của... 30 tháng Tư; hay khi bên đàng những thân cây bóng nhẵn như ổi, cành bắt đầu nở chi chít hoa đỏ (hoặc trắng, đỏ tía) là ta biết ngay mùa tựu trường đến vì hoa Tử kinh đào trở lại; và khi hoa Lê trong gió rét bay trắng trời là thôi đấy, một năm tị nạn nữa lại sắp sửa qua đời. Nếu lu bu quá quên mất hoa Lê rụng ta cứ yên tâm đừng sợ lạc trong mùa màng. Vùng này có núi, đặc biệt dãy San Gabriel. Và hàng năm, như người khách không mời nhưng luôn đến đúng hẹn là cô em Bạch Tuyết. Vâng, cứ hễ gấu áo cô

ta phủ một phần ba ngọn cao nhất nằm hướng 1 giờ là Giáng Sinh, một nửa là Tết...

*

Nhưng không lưu tâm thì thôi, mà đã lưu tâm thì hoa lá nhắc mùa màng, món ngon nhắc dạ dày, trà ngon nhắc tì vị, nắng hầm nhắc miền Nam, hơi giá nhắc miền Bắc, nhất là núi tuyết như cái cớ mỗi năm nhắc ta cần định lại vị trí, rằng ta vẫn sống đời luân lạc, ta vẫn chưa về nhà, những căn nhà nơi quê hương nhiệt đới... Chao ôi, cảm quan do những thứ xúc tác hiền lành và thực tế ấy gây nhớ, đòi nhắc, mà nhớ rồi nhắc mình ên thì chịu chi thấu. Vui biết mấy nếu ta có người đồng cảnh để chia!

Nhưng vùng thung lũng này vẫn thiếu một thứ quan trọng: Sự náo nhiệt vô điều kiện! Phải chăng vì đó nó hoá thành một môi trường hỏng, không thể là nam châm thu hút được giới văn học nghệ thuật tị nạn phe ta? Có một nhúm! Cách nhà tôi về hướng đông chừng hai mươi phút xe có nhà văn Đặng Trần Huân, gần hơn chút nữa có nhà chủ báo Thái Tú Hạp, nhà thơ Trần văn Sơn; cùng khoảng cách ấy về hướng tây có nhà chủ báo Đỗ Tiến Đức; nhưng gần hơn cả, có nghĩa là hú lớn chưa chừng nghe thấy nhau có nhà thơ Trần Kiêu Bạt, ký giả Trúc Chi và nhà văn Võ Phiến.

Ai cũng phải đi học, đi làm, chỉ mình tôi và nhà văn Võ Phiến là tương đối rảnh để gặp nhau thường. Lý do tôi làm việc tại nhà, còn nhà văn Võ Phiến đã hưu.

Ba năm qua về sống ở Alhambra, có thể chúng tôi chia xẻ khá đều những nhắc nhớ vụn vặt nhưng lý thú và không thể thiếu đó trong đời người.

*

Mà để nói về nhà văn Võ Phiến, như đề nghị của nhà thơ Đỗ Qúy Toàn, thì quả khó với tôi. Vì đâu?

Thưa vì năm ấy, căn lầu nhà tôi ở Sài Gòn là cái trạm dừng chân của nhiều lãng tử văn nghệ. Một trong những ông lãng tử đó là nhà thơ quá cố Vũ Hữu Định. Một lần Định rủ tôi đến thăm nhà văn Võ Phiến. Đó là năm 1972, lần đầu và cũng là lần cuối tôi có duyên gặp ông ở quê nhà. Chiến tranh đâu có để người lính nào ngồi yên một chỗ! Tôi bị nó lôi đi nhiều nơi đến ngày rã ngũ. Dịp đó tôi có tặng ông thi tập Dạo Núi Mình Ta vừa ấn hành. Rồi thôi, chẳng còn gặp nhau nữa. Vậy thì giao tình thủa Sài Gòn gần như không có, sao viết về tình!

Đến như lần gặp gỡ hai mươi ba năm trước đó, giờ ngồi nhớ lại, tôi cũng chẳng rõ lắm chúng tôi đã nói những gì; chẳng qua nhờ tí trí nhớ khá mông lung, tôi mang máng nhớ thủa đó ông gầy, giọng không "Bình Định" như ngày nay, và chỉ đôi ba phút đầu bỡ ngỡ, ông bắt đầu nói chuyện vui vẻ, giọng lên cao xuống thấp tùy mức hào hứng của câu chuyện kể; ông tiếp lũ trẻ chúng tôi cách thân mật với những nhận định chuyện văn cũng như chuyện đời vừa dí dỏm vừa thâm thúy như văn ông.

Mà để đề cập đến văn ông, gần đây thơ ông nữa, nhất là sự nghiệp văn học của ông, cả quyển sách hẳn đã đủ, huống hồ một bài viết ngắn lại tính chuyện ôm đồm mà mong không biến thành chuyện khôi hài cho các vị thức giả sao được, nhất là chưa chừng khiến chính ông bật "nụ cười không thuốc chữa" nói theo chữ của nhà văn Đặng Tiến; hơn thế, còn một lý do khiến tôi cần thận trọng hơn vì ít ra cũng một lần, nhà văn Phan Lạc Tiếp từng bảo tôi: "Nói có thể gây tranh luận, chứ thực tế so với nhiều bậc tiền bối tăm tiếng trong văn học sử nước ta, ông ấy qua mặt cả lượng lẫn phẩm nhiều vị thực rồi". Vậy thì nói về văn nghiệp ông hoá ra lại không phải chuyện giản dị. Nó là chuyện dài, không thể ngắn. Duy có điều tôi nói được, không sợ sai về mặt cá nhân, ấy là từ khi bước vào tuổi cần đọc một thứ gì khác hơn những thơ những truyện ái tình ướt át, khác hơn những xung động cọ quẹt tâm lý để từng trang sách phát ra tràng khóc oang oang, tràng cười hô hố, thì tôi bắt đầu làm quen với tác phẩm của ông, đủ thể loại, và thật vui, đến năm 1995 này vẫn được đọc tiếp.

Nói được đọc tiếp có nguyên nhân của nó. Số là trong tù cộng sản thì lắm tin đồn lắm. Và một loại không thể thiếu là tin đồn về những văn nghệ sỹ đi thoát. Trong tù có dạo tôi nghe một tin đồn nhà văn Võ Phiến đã bị "cum" ngoài đảo Phú Quốc gì đó, và sau... bỏ mình. Sau này có lúc nhớ lại tâm tình ngày ấy, lũ trong rọ quan tâm tới người ngoài rọ, tôi có ngạc nhiên. Giờ tôi hết ngạc nhiên. Ấy là vì chẳng qua kẻ trong rọ mang nỗi tuyệt vọng âm thầm, hướng ra những nhân vật ngoài rọ họ tin với uy tín, với khả năng, những người ấy biết đâu chẳng có cách tranh đấu không cứu được cũng giúp lũ trong rọ đỡ khổ...

Ra tù, sang Mỹ, thấy tin đồn nhảm quá. Văn nghệ những vị đi thoát phần lớn an toàn. Riêng nhà văn Võ Phiến còn ra báo và tiếp tục viết. Xét cho cùng những gì ông viết ở hải ngoại vẫn có tính tranh đấu, không phải tranh đấu để... giải cứu tù; nhưng tranh đấu để bảo vệ một nền văn học miền Nam đã và đang bị cộng sản đánh tráo để xoá sổ.

Mọi tranh đấu cho lẽ phải, dù dưới dạng nào, đều cấp thiết và đáng quý trọng như nhau, dù cứu người hay cứu nền văn học của một thế hệ người. Tình cảm của tôi, một người đi sau, dành cho ông, một người đi trước, do đó, vẫn trân trọng như bao giờ.

*

Thế nên những ngày ở Alhambra, con phố

cách con phố nhà ông một con phố - Alhambra (Tàu), South Pasadena (Mỹ trắng), Highland Park (bắt đầu bước sang giang sơn Mễ) - chúng tôi gặp nhau gần như hàng tuần và nói chuyện qua điện thoại gần như hàng ngày. Mấy năm nay quả tôi có dẹp nhiều chuyện linh tinh, dành nhiều thì giờ viết những thứ cần viết. Nhưng khi thực sự bắt tay vào viết mới thấy mình... túng; mới hiểu ra làm con người chơi phải coi mình to mới có cơ cả giọng, lấn lướt; nhưng làm nhà văn cần thấy mình nhỏ sẽ được cảm giác chặt tay, vững vàng. Và như thế sách báo, thư viện V...v... chưa đủ, ta nhiều khi cần lắm một vị lão thành trong nghề để hỏi, nhất là để kiểm chứng những cố sự.

Phải thừa nhận ba năm qua tôi hỏi ông nhiều. Từ những biến động chính trị ở Liên khu 5 xa xưa, thời ông ở tù CS nó đối xử thế nào, món ngon miền Trung có gì đặc biệt, đã thử loại trà đó chưa, thậm chí hoa Tử Đằng ở đây nở vào ngày tháng nào, sư Thích Đại Sáng đã nhận định gì về Huế và con người Huế, ông Lâm Ngữ Đường có sách nào bàn về món ăn Tàu, tại sao người Bình Định không mô tê răng rứa....

Hạ bút viết một chi tiết khi đã có sự hỏi han một người mình tin tỉ mỉ, thận trọng và có kiến thức rộng, viết như thế yên tâm hết sức.

Có điều những ngày sống gần nhau ở đây, sự cảm mến của tội dành cho ông có tí thay đổi. Một chữ thôi. Ấy là xưa tôi gọi ông bằng anh, nay gọi bằng cụ. Lỗi ấy không do tôi, do thời gian. Ông đã ngoài bảy mươi rồi. Và điều xem ra trớ trêu hơn nữa là lâu nay cụ Võ Phiến đâm quan tâm tới sức khoẻ ông Sinh hơn là ông Sinh quan tâm đến sức khoẻ cụ Võ Phiến - người mà dao kéo bác sỹ Mỹ đã hai lần chạm vào tim, trái tim thời ông còn trẻ tôi manh nha biết cũng có nhiều phen đập những nhịp mạnh rất... bất thường. "Coi chừng đó nghe. TV hôm nay báo trên trăm độ!", hoặc "Cẩn thận cầu thang nghe, phải tìm căn nhà dưới đất mà dọn thôi ông!" Ngày ngày qua điện thoại, ông hay nhắc tôi như thế.

*

Mới đây chị Võ Phiến... Vâng, tôi đồng ý với bạn là nhầm khi gọi chồng là cụ mà gọi vợ là chị. Số là vợ tôi là... đàn bà. Mà đàn bà thì hiểu đàn bà hơn đàn ông. Thật đấy, đừng tưởng bạn là cây bút lớn, rồi ngang nhiên nhẩy tưới vào tô vẽ thế giới đàn bà mà mong không sai nếu bạn thiếu sự khiêm tốn đi hỏi đàn bà. Một kinh nghiệm nhé. Có lần tôi dựng một nhân vật nam có tính kỹ càng. Vợ tôi đọc cười ngất. Bảo thiếu thuyết phục. Đàn bà không nhìn đàn ông kỹ tính ở những điểm quần áo ủi thẳng nếp, ria tỉa gọn, rót nước phải soi bói cái tách vân vân và vân vân. Tôi hỏi thế nhìn sao. Vợ tôi bảo "Cái bóp phơi!". "Bóp phơi sao?". "À, một người đàn ông đứng tần ngần nhìn món hàng, nhìn thôi nhé, không rờ, một lúc thật lâu và quyết định mua. Ông ta móc bóp phơi ra, giữ gần bụng, mở hé, cúi nhìn những đồng bạc thẳng nếp, xếp ngay ngắn, đăm chiêu..." Tôi chịu là đúng. Và vì thế, một lần nàng có nói nhỏ với tôi: "Chị cao tuổi nhưng nữ tính còn sung túc hơn lũ em. Đi xi-nê thấy chị chấm son môi hơn một lần đấy. Chớ chớ, chớ gọi thế..."

Và do vậy tôi tiếp tục gọi bà Võ Phiến bằng chị. Vâng, mới đây thôi, lúc con trăng mỏng như nét cười mỉa nhìn xuống thành phố thấy lũ chúng tôi như bọn người lạc hậu dừng lại giữa một nước Mỹ muôn năm xông lên, đó là con trăng trung thu lần thứ 20 trong đời luân lạc, thì điện thoại reo. Giọng chị Võ Phiến:

"Anh biết không. Trời ơi..."

Tôi hỏi:

"Gì thế chị."

"Mười ngày rồi. Mà nhất định ông ấy cấm tôi, giấu hết."

"Trời, có chuyên gì vậy."

"Mà anh thấy không, ngày nào cũng nói điện thoại với anh, ổng cười nói ran ran..."

Thế rồi chị khóc. Lát sau tôi nghe giọng ông:

"Không có gì đâu... Trời, đàn bà... Mà thôi mười ngày rồi, tai qua nạn khỏi rồi. Kể ông nghe không sao."

Hoá ra ngày nóng quá, ông tạm đổi thói quen đi bộ vào ban đêm. Chín giờ tối vừa ra khỏi nhà, bước mấy bước, bị một tên Mỹ đen to tướng rút dao, nhưng may nó đổi ý, chỉ đánh ông ngã. Vào nhà thương máu me tùm lum, huyết áp lên đến độ bác sỹ lạnh mình.

Tôi đến thăm ông, dĩ nhiên tôi thấy ông béo hơn ngày thường, nhất là mặt. Hai rìa mắt còn thâm tím. Ông cười bình thản, kể tôi nghe toàn bộ câu chuyện và dặn tôi chớ tiết lộ với ai, thăm hỏi thêm phiền hà.

Tôi về, giữ lời hứa.

Giờ thì ông đã bình phục hoàn toàn. Ở nhà ông tôi đoán ông đang gõ máy lạch cạch giữa khi tôi cũng đang gõ máy lạch cạch ở nhà tôi. Gõ bài viết về ông, ngắn ngủi, thiếu sót, nhưng thực thì có chữ tình. Và vì chữ tình ấy, tôi nẩy ý vui vui để kết bài viết này: Hoá ra ông còn khoẻ lắm. Sự bền bỉ viết lách của ông chứng tỏ sức minh mẫn của trí tuệ, giờ thêm chứng minh ông còn sức chịu bền bỉ của thể chất. Nói gì chứ cỡ tôi, mà chắc cả bạn nữa, bị Mỹ đen đánh lén như thế chưa biết hậu quả ra sao. Còn ông, dù là tai nạn thật đấy, nhờ trời thật đấy, nhưng rõ là sức Mỹ đen chưa hạ nổi ông trên đường phố Mỹ bằng lối đánh tàn bạo không luật lệ võ đài.

Sức ấy, cầm chắc ông còn đi với tôi, với chúng ta một thời gian dài nữa ở thế kỷ 21. Tôi tin vậy. Và tin bạn cũng tin vậy.■

Alhambra 14-9-95

QUAN PHU

MIÊNG

Như những bất ngờ vẫn thường tìm đến trong đời, tôi gặp lại cô học trò cũ là một sắp xếp đầy phép lạ.

Hãng cử tôi đi Paris làm việc ba tháng, thay cho anh đồng nghiệp có vợ dở chứng sinh non, bịnh hoạn liệt giường. Và cái nghiệp dư viết lách đã cho tôi cơ hội gặp gỡ các nhà văn trong một bữa ăn tối do một anh bạn mời. Tình cờ tôi ngồi đối diện với một "cây bút" coi cũng ngồ ngộ, thuộc dân xứ da vàng nướng hơi quá lửa. Ngộ nhất là cây bút... mực ấy chốc chốc lại cứ nhìn tôi cười cười. Moi mãi trong đầu óc mà dù men bia (hay ngay cả men chiến thắng) cũng không thể nào làm mờ trí não, tôi vẫn không cách gì nhớ là mình có quen với cây bút mực đó không. Nghe anh bạn giới thiệu tên thì rõ ràng là lạ hoắc (bởi tôi có thừa máu văn mình vợ người, có bao giờ chịu đọc văn người khác?). Khi uống trà, cây bút mực tự động lăn tới bên tôi, cũng vẫn cứ cười cười:

"Đủ thấy là thầy không thay đổi bao nhiêu, còn em thì khác xưa quá chừng!"

Tôi chưng hửng ngước nhìn. Thầy! Cái tiếng nghe sao mà... Khổng Tử làm vậy! Bao năm nay lưu lạc xứ người, tôi gần như quên bẵng mất là có một thời tôi đã từng "làm thầy" thiên hạ, bây giờ nghe lại, tôi thấy cứ lúng túng như gà mắc phải tóc. Và tôi trố mắt nhìn cây bút mực, ngờ ngợ, hồi hộp, sung sướng, lo âu vô cớ.

"Em là..."

"Nhớ rồi, nhớ rồi. Trời đi coi em ơ... cô lạ hẳm đi."

Cô cười khanh khách:

"Chuyện! Cả chục năm rồi còn gì."

Ơ, cả chục năm! Cái cô học trò giỏi văn của tôi ngày nào, bây giờ thành bạn văn và vẫn còn nhớ tình thầy trò. (Còn tôi thì không giỏi văn mà bây giờ cũng là một trong các tên được gọi là "nhà". Thời tiểu học, làm bài luận tả về ông nội, tôi hạ bút viết liền một hơi "nhà em có nuôi một ông nội..." Hồi đó hăm hai tuổi, mới tốt nghiệp sư phạm, tôi bị đày về tỉnh của cô, một cái tỉnh nhỏ đi vòng vòng vài phút là không còn phố xá gì nữa. Nhưng ở không bao lâu thì tôi đâm yêu cái tỉnh tí teo đó vì dân tình dễ thương, và có cô học trò da nướng hơi quá lửa này, với cái cười lúc nào cũng dòn như cốm và cặp mắt cười theo đồng lõa. Lúc đó tôi không cho cô là một sinh vật đẹp nhất đời đâu, tôi không có tâm hồn nghệ sĩ quên mình như vậy, nhưng dẫu sao, cô cũng làm tôi trằn trọc ít nhiều. Buổi học gần Tết, không biết cô nhỏ bị con gì chích, tự nhiên lại mắc phải cái dịch chữ nghĩa, hỏi:

"Thưa thầy, thưa thầy, bố mẹ vợ gọi là ông bà nhạc, nhạc phụ nhạc mẫu. Còn bố mẹ chồng gọi là gì thầy?"

Tôi nói do chữ Hán mà ra thì bố chồng có chữ Trượng nhân và Hậu phụ, nhưng đó là cái nghĩa chớ không phải cách xưng hô. Có lẽ vì xưa nay người đàn bà một khi có chồng là coi như thuộc về gia đình chồng, coi cha chồng là cha, không còn phân biệt cha chồng hay cha ruột nữa. Còn đàn ông khi có vợ (và dù có sợ vợ tới đâu) vẫn không thuộc gia đình vợ nên mới có cách gọi như vậy.

"Thưa thầy, thưa thầy, tại sao chồng chết, đàn bà có chồng khác thì gọi là tái giá, mà đàn ông thì gọi là tục huyền?"

Tôi đáp như được gãi đúng chỗ ngứa:

"Tái là thêm, là lại, là hai lần. Giá là lấy chồng. Còn tục là tiếp nối, huyền là dây đàn. Đàn ông mà vợ chết thì coi như dây đàn đứt nên lấy vợ khác là nối lại dây đàn."

Cô nhỏ cằn nhằn trong mồm: cái gì cũng phân biệt, làm như thể đàn bà là không đứt dây đàn vậy. Lúc đó tôi nghĩ nếu còn chế độ Ngô Đình, cô nhỏ này vào hội Phụ nữ liên đới thì lắm cái phải sửa đổi.

"Thưa thầy, thưa thầy đàn bà góa chồng gọi là bà quả phụ. Còn đàn ông góa vợ gọi là ông gì thầy?"

Tôi đáp rất là nho chùm:

"Gọi là quan phu. Nhưng ít khi nghe đến bởi có lẽ ngày xưa đàn bà chồng chết thì phải ở vậy suốt đời thờ chồng, còn đàn ông thì phải lo kiếm vợ khác để hoặc là có thêm con cháu hoặc để quán xuyến lo lắng việc nhà chớ ít ai ở góa suốt đời."

"Thầy thầy, nói là 'ông quan phu' hả thầy?"

Tôi vừa cười giọng kẻ cả (chớ lại không à? "thầy thầy" lận mà!), vừa nói rất bài bản:

"Ngôn ngữ sinh ra và phát triển do cộng đồng. Hễ cộng đồng càng năng động, có sinh hoạt văn hóa cao thì chữ nghĩa theo đó mà thay đổi theo chiều hướng tốt, càng ngày càng phong phú. Không biết sau này người ta có dùng chữ 'ông quan phu' hay không, chớ hiện giờ thì chưa. Chữ quan viết như vầy, bộ Mộc."

Tôi hí hoáy lên bảng một chữ Hán, chứng tỏ ta đây rất tinh thông chữ nghĩa thánh hiền. (Cái bịnh chữ nghĩa này về sau đáp tàu thủy theo tôi trôi giạt đến tận Hiệp Chủng Quốc. Khi lập gia đình, sợ nhà tôi ham chạy học nhạc hai nốt đô la theo thiên hạ, cho nên, để dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về, tôi viết một câu to tướng trong phòng tắm — là nơi nhà tôi có thói quen đánh răng chải tóc mỗi ngày ít nhất sáu lần —, là "Tri túc tiện túc, đãi túc hà thời túc" của Nguyễn Công Trứ tiên sinh, kèm ba dấu chấm hỏi to tổ bố theo sau. Một hôm ông nhạc tôi từ xa tới, vào tắm qua cho mát, mới trông thấy là cụ nhột ngay vì ông ngoại vợ tôi tên Túc. Không muốn cha mình nhìn con cháu trần truồng tắm, cụ muốn sửa chữ Túc thành chữ Nhàn. Thì cũng của cụ Nguyễn hết cả, mà chữ nào cũng hay. Nhưng cây bút bi viết mãi lên tường vẫn không ăn, cụ mệt quá đành đóng cửa lại tắm thì một câu khác ở lưng cánh cửa đập ngay vào mắt cụ "Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên". Tắm ra, cụ bảo nhà tôi: chà, thằng chồng mày hay chữ quá há, đụng đâu cũng thấy nó viết.

Lúc đó giữa bao cái mồm há ra không khép lại nổi vì khâm phục kiến thức rộng mênh mông của thầy, thì một cái miệng cứ cười cười, cái cười làm tôi nghe lành lạnh rờn rợn sau gáy như thấy thần chết vẫy tay chào gọi. Lúc đó tôi tự trấn tĩnh là cái mặt bấm ra sữa bò ấy thì gạch toẹt một gạch ra chữ nhứt cũng còn bí chớ nói chi mấy chữ rồng rắn ngoằn ngoèo như lưới nhà chài. Nhưng chiều về ôm ông Thiều Chửu trên tay, cái ớn lạnh trong giờ học biến thành cơn sốt. Bởi vì "quan" mà bộ mộc là cái áo quan, là cái quan tài. Thì cũng có xác chết đấy, không chết thì ai cần quái gì áo quan, nhưng khổ lắm, nó không phải là ông góa quan phu! Ông góa quan phu thuộc bộ Ngư cơ, trời ạ!

Định thần lại, tôi thấy có gì mà phải sốt toáng lên thế chứ. Thánh nhân cũng có lúc nhầm lẫn huống là! Thế là tôi định bữa học chót tuần sau, sẽ nói cho cả lớp nghe về sự nhầm chữ của mình. Tôi cho đó là thượng sách. Mình có gì sai quấy thì nhận mình sai quấy, thế là can đảm, là chân thật, là ngay thẳng — chớ không à? Rủi thay buổi học cuối cô nhỏ ốm, vắng mặt. Thế đấy, mà vừa bước vào không thấy cô, tôi ngờ rằng cô ta giỏi nho và lại tía tai lên cho rằng cô ta chê mình dốt nên bỏ lớp! Chỉ tới giữa giờ tình cờ nghe hai đứa bạn cô ta nói về bịnh nhức đầu hành hạ cô, tôi mới vững lòng. Càng trẻ thì càng nhiều sĩ diện.

Rồi mùa Xuân năm đó thì mọi sự đều thay đổi. Tôi về Sài Gòn ăn Tết với gia đình để không bao giờ còn dịp nào trở lại cái xứ dễ thương trầm ấm quê cô. Tôi nhảy một cái thật xa, tới Mỹ. Bây giờ thì gặp lại cô ở đây, đã là một cô gái đầy duyên dáng và chững chạc.

Anh bạn thấy chúng tôi nhận quen nhau mừng quá, vội trút lên cô cái trách nhiệm hướng dẫn du khách thay anh. Bữa đầu tiên bò cầu thang lên tầng thứ sáu, tôi cứ lầm bầm tự hỏi làm sao lại có người oái oăm thích môn leo núi? Cầu thang bằng gỗ trung kiên qua nhiều thế kỷ nên xương cốt kêu rên nhức nhối, mà lại láng bóng như đồng đánh tro, làm tôi cứ sợ bị trượt.

Cửa vừa mở là tôi bật cười vì suýt chút nữa là cây chổi to tổ bố và chùm củ tỏi dài ngoẵng quất phải vào mặt, Cô cười bảo:

"Trừ tà thầy à, để trừ tà, ma quỷ không dám bén mảng."

Tôi hy vọng điều đó ứng nghiệm. Bước vào nhà, tôi đảo mắt làm quen với cái thế giới e ấp bên lẽn của cô. Đây cái bàn làm việc với một ít giấy tờ, kia một dãy kệ đầy sách và một bình hoa. Trên tường treo vài bức tranh cảnh quê nhà Việt Nam và một cái quạt làm bay bổng bất kỳ tên đồ vật nào. Ở góc là chiếc bàn thấp với hai ghế phô tơi nho nhỏ, dưới sàn trải tấm thảm hoa vàng. Căn phòng nhỏ xíu như Chùa Một Cột, vậy mà giữa chừng cái chùa một cột ấy, nằm ơ hờ một cái gác lửng có cầu thang như trong gánh xiếc dẫn lên. Từ dưới này có thể nhìn thấy bàn thờ hai cụ thân sinh. Tôi thấy cảm động và thương lạ. Góc bếp nhỏ cạnh cửa ra vào thì trông có vẻ rất tiểu thư vì không rộn ràng xoong chảo mà lại lủng lẳng vài chậu hoa và phất phới một tấm lịch Tàu.

"Em ít khi bếp núc, chỉ ăn căng tin. Khi nào thèm cơm Việt Nam thì chạy ra Paris mười ba."

Cô nhỏ cười phân bua. Hèn chi mà nhà cửa sạch như lau như ly, như lúc nào cũng sẵn sàng đón khách. Chả bù với căn phòng độc thân của tôi thì ngộ nhỡ ai tới thình lình là phải chụp phải bốc cái nọ cái kia nhét giấu dưới gầm bàn gầm tủ nào đó cho đỡ bừa bẩn. Tôi bất chợt hỏi:

"Cô sống một mình?"

Cô cười dòn tan, nói nếu hai mình thì thầy đã được giới thiệu rồi.

Chúng tôi xuống đường. Trời hè Paris nắng cũng gay gắt gớm. Nhưng không phải, lạ chưa, không phải hơi nước tỏa ra từ vòi xịt nước bên đường, mà chính là cái màu áo xanh dịu đi cạnh tôi một sải tay kia đã làm cho lòng tôi mát mẻ. Không phải bản giao hưởng cung Mi thứ của Mozart phát ra nhè nhẹ đâu đây, mà chính là giọng nói nhí nhảnh ngọt ngào giải thích cái này cái nọ đã làm cho tai tôi cảm thấy du dương. Không phải luống hồng sặc sỡ bên đường, mà là gót giày nho nhỏ lao xao bên cạnh làm cho tôi thấy thành phố nhộn nhàng vui vô tả. Và không phải tháp Eiffel, mà chỉ là, quái, chỉ là khuôn mặt trái soan ngăm ngắm quay lại cười, làm cho tôi thấy Paris hiện hữu...

"Thầy thầy, bên Mỹ cộng đồng người Việt đông, vậy ngôn ngữ có phát triển không? Người

ta có dùng chữ "ông quan phu" chưa thầy?"

Đến lượt tôi cười cười, cho là cô này nhớ dai. Rồi trong cái mớ chất xám vẫn thường hay tưởng bở của đám đàn ông con trai, tôi tự nhủ ơ kia, mà tại sao lại nhớ dai nếu cô ơ... không màng gì tới tôi kia chứ? Nỗi nhục làm tàng chữ nghĩa khiến tôi nhắc lại chuyện xưa :

"Cô biết không, hồi đó tôi viết nhầm chữ quan. Quan phu thuộc bộ..."

"Em biết."

"Biết gì? Biết là tôi viết sai? Cô biết chữ nho?"

Cô cười dòn dã:

"Có gì mà thầy ngạc nhiên dữ vậy? Ba em dạy cho em."

Tôi ngọng. Nhưng cũng không quên cám ơn về sự tế nhị của cô. Nghĩ là hồi đó mình làm thầy không xong mà bây giờ còn thầy bà nỗi gì nên đề nghị là cô cứ gọi tôi bằng anh cho tiện, chớ gọi thầy nghe trịnh trọng quá. Nhưng cô không chịu, bảo nhất tự vi sư bán tự vi sư. Và cô là học trò thì nhất tự vi đồ đệ, bán tự vi đồ đệ.

*

Ba tháng qua nhanh như một giấc mơ. Theo cô nhỏ, tôi đã thăm hầu hết các nơi đáng thăm, và công việc của hãng tôi cũng hoàn thành tốt đẹp. Trước ngày về hai hôm, cô dẫn tôi đi vườn Luxembourg.

Tôi lẩm nhẩm bài học ngày xưa mà Thanh Tịnh đã phỏng theo văn Anatole France "...con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này bỗng dưng tôi thấy lạ..." Dẫu tôi chưa đi lại nơi đây lần nào, hôm nay cũng bỗng dưng thấy...lạ! Tôi có cảm tưởng như cái gì cũng đang lo toan nhan sắc. Mấy cây cổ thụ gò mình, uốn éo tay chân khi thấy du khách hướng máy hình về phía chúng. Các tượng đá có vẻ linh động hơn, ân cần duyên dáng hơn, mắt nhìn như tình tứ hơn và môi thì gợi cảm hơn. Còn vườn hoa dưới kia thì khỏi nói rồi, nằm sóng soài để gió mơn man, lả lơi chi lạ!

Chúng tôi đang dạo vườn hoa. Tôi chẳng cần biết Thượng Nghị Viện nằm ở chỗ nào vì tin cả đời mình chẳng bao giờ là nghị sĩ. Tôi chẳng cần biết mưa thu lá vàng rụng đầy trên các lối đi, trên các tượng đá vai trần "đẹp não nùng" như cô nhỏ nói. Tôi chỉ thấy tim mình rộn ràng xao xuyến hơn thường lệ, và dẫu không một giọt rượu, tôi cũng cảm thấy như nhấp chút hơi men, vừa đủ để không phân biệt được mùi hoa thơm hay mùi tóc của cô học trò cũ.

Cô nhỏ thì coi lúc nào cũng vô tư nhí nhảnh, bắt tôi làm mẫu cho đủ kiểu hình. Khó khăn lắm mới chụp cô được một lần, với lý do giản dị là em ở bên này, lúc nào chụp mà chả được. Cái tiếng "em ở bên này" làm tôi buồn phiền nghĩ đến ngày kia phải về lại Cali, là "anh ở bên kia". May mà chưa phải là bên kia thế giới! Hôm biết tôi một lần góa vợ, cô tỏ vẻ ái ngại xong lại tinh nghịch hỏi ngay: vậy thầy là ông quan phu rồi đấy? Có ai bước nhẹ vào hồn lần nữa chưa thầy? Bây giờ tôi muốn nói với cô là hình như hồn tôi lay động bởi những bước chân hờ hững của cô. "Mà người thì hờ hững dậm lên buồn". Bao nhiêu năm trước ông Xuân Diệu đã diễn giùm tôi tâm trạng hôm nay?

Cơn mưa trái mùa vô cớ trút xuống vườn Luxembourg yêu dấu. Chạy vội vào núp dưới một tàng cây, tôi xổ tờ báo ra dang hai tay che cho tóc cô khỏi ướt, thành ra cứ như cô đang đứng gọn trong vòng tay tôi. Tôi nghe giọng cô nho nhỏ như thủ thỉ bên tai, Thầy thấy, nghe tiếng nưa nhớ nhà quá, cứ mỗi lần mưa là em lại nhớ tới miền Trung bão lụt mỗi năm... Bỗng dưng tôi muốn hạ hai tay xuống thấp hơn, thấp hơn nữa, tới vừa tầm vai cô nhỏ, và khép chặt vòng tay lại. Hình như từ lâu lắm tôi quên. Và bây giờ thì tôi nghe tiếng đánh thức đau đớn dịu dàng, một tiếng nói trìu mến ngọt ngào xen lẫn niềm say mê kỳ thú. Nhắm hờ mắt lại, tôi như thấy vườn Luxembourg đang tưng tăng trong một điệu nhạc tươi mát êm ấm lạ thường... Thầy thầy, thầy thấy không... thầy thấy không. Nghe cô gọi giật giọng, tôi vội đáp như một kẻ lên đồng ừ anh thấy, ừ anh thấy...

Cô nhỏ, quay phắt lại. Tôi chợt hiểu tôi vừa nói điều gì không ổn. Nhưng tôi như con bò lao mãi vào tấm nhung đỏ dù biết rằng chỉ để nhận những nhát đâm rồi vùng lên trả thù hay là dẫy chết, nên hỏi giọng dịu dàng "em có lạnh không?" Vì hình như trời có gió. Cô nhìn tôi với cặp mắt của mèo rừng và trở nên dấm dẳng:

"Hết mưa rồi, mình về thôi!"

Cô ngúng nguẩy bỏ đi, sắc mặt như người diện đồ đẹp đi ăn cưới mà vô tình đạp phải cứt chó. Bỗng dưng chân tay đâm nặng nề, tôi bước theo cô mà như lết.

Trong xe, cô nhỏ lẳng lặng lái một cách chăm chỉ không cười nói huyên thuyên nữa, như thể tôi là giám khảo ngày thi lấy bằng. Ngột ngạt quá, tôi hỏi ân cần như chuộc tội (mà tôi có tội gì để chuộc hở trời? Nếu yêu thương là một tội lỗi thì khi bà Eva lấm lét ăn quả cấm là vô tình đã mở ra một kỷ nguyên vô chung cho bao tội lỗi con người. Chớ làm sao sống mà không có một lý tưởng nào, một đam mê nào, một thú vui nào — dù là hư hỏng?):

"Em ơ... cô sao vậy? Có cái gì không vừa ý?"

"Không sao cả, em hơi mệt."

Cô nhỏ trả lời nhạt thếch với nụ cười gượng gượng. Rồi chắc là mặt tôi có vẻ thảm thương lắm nên cô nói thêm để cứu rỗi linh hồn:

"Chắc tại trời mưa. Mùi đất xông lên khó chịu quá!"

Có đánh cá cả gia tài tôi cũng nói là không phải. Nhưng nói dối kiểu này thì có trời cũng không biết đâu mà rờ. Các bà các cô thì ngày nào mà chả nghe nói chóng mặt, nhức đầu, đau lưng, khó ở?

Về gần khách sạn, cô nhỏ dừng xe lại bảo:

"Em quên là có hẹn với bạn chiều nay. Giờ này chắc họ đang chờ. Em để thầy xuống đây."

Tôi bỡ ngỡ:

"Mình có hẹn ăn tối với nhau..."

"Không, em xin lỗi, em quên. Với lại em cũng không muốn vô ra khách sạn hoài. Mốt em sẽ tới sớm để đưa thầy ra phi trường."

Không biết nói gì và cũng không đợi tôi kịp nói gì, cô nhỏ phóng xe đi. Tôi tần ngần trước ngã tư đường như người đi tìm chân lý. Quẹo trái là tới nhà cô, quẹo mặt là về khách sạn, trước mặt là quán cà phê và quán ăn chắc đầy ắp rượu ngon. Nhưng tôi đi Pháp không phải để nằm vạ, càng không phải để làm đồ đệ Lưu Linh, nên tôi quẹo trái.

Cô nhỏ không có vẻ gì ngạc nhiên khi mở cửa thấy tôi, cô nói với tiếng thở ra nhè nhẹ:

"A, thì ra là thầy!"

Gớm, cứ y như "thì ra vẫn là cái bản mặt ông" vậy. Sao khuôn mặt vui tươi hồn hậu buổi trưa, chiều lại có thể dửng dưng lạnh ngắt như đồng? Tôi đã làm gì ghê gớm trong cơn mưa trái mùa chiều nay?

"Anh vô được không? Anh có nhiều chuyện muốn nói với em."

Tôi xưng hô ngọt lịm như mật ong. Tôi muốn sống, sống trong mật. Và nếu phải chết thì cũng chết trong mật, vì vậy nên phải tỏ ra mình là mật ong nguyên chất trước đã. Coi bộ cô nhỏ không nao lòng:

"Thầy biết là em sắp có bạn tới..."

Tôi muốn nói là cô nói dối, nhưng sao lời tôi thốt ra lại trái ngược hẳn và không kém phần thê thảm:

"Mốt anh về. Biết có bao giờ gặp nhau nữa không?"

Tôi ngồi đối diện với một pho tượng, còn u ám hơn tượng vườn Luxembourg vì dù sao tượng đá cũng biết lịch sự cười. Trông bản mặt cô mà khiếp! Cỡ này thì cho thêm hai cái bằng tiến sĩ cũng chưa chắc tôi dám gọi là cô nhỏ, phải gọi là cô hồn mới đúng. Nếu lúc chiều tôi làm cô hồn bối rối thì bây giờ cô hồn khiến tôi còn tàn tệ hơn. Nếu hồi chiều tôi ao ước có cánh tay dài như vượn để bao bọc cô hồn trọn đời thì bây giờ tôi tự hỏi cái anh chàng hàng xóm ngày xưa đi lính bị cụt tay, có gì đáng sợ? Bởi vì bây giờ tôi đổ lỗi cho mẹ đã sinh ra tôi không đui què sứt mẻ gì, lại còn cố chạy cho tôi trốn lính — là nghĩa vụ cao cả nhất của nam nhi — để làm gì, vì tôi thấy hai tay mình đâm thừa thãi quá. Biết để chúng ở đâu bây giờ? Trên hai đùi run run như đuổi muỗi, trên bàn làm bộ như rờ rờ mấy tờ quảng cáo hay dưới tấm thảm hoa vàng?

"Em nghe đây, thầy có gì để nói?"

Nghe có khinh bạc và tự tín chưa? Tôi vẫn nhỏ nhẹ:

"Anh... ơ, anh muốn tính chuyện trăm năm với em. Anh muốn mỗi ngày đi làm về có người chờ đợi. Anh muốn có con với em."

Bài này tôi học lóm của thằng bạn. Nghe nó nói về sau vợ nó kể lại là nghe nói tự nhiên quá, "dị ồm quá", mà lại thấy chân thành làm chị cảm động. Rồi họ thành vợ chồng và hạnh phúc ra gì mặc dầu chị cũng đi làm chớ không ngồi nhà ôm gối ngày ngày chờ chồng về, và cái điều bạn tôi muốn là "có con với cô" cũng không trúng nốt vì chị chẳng rặn ra nổi mụn nào. Nhưng cô hồn thì coi bộ không nao núng, hỏi rất ác:

"Muốn em làm con sen và cái máy đẻ chớ gì?"

Thốt nhiên, tôi đâm ra cũng khinh bạc tự tin và ngang tàng không kém:

"Là tôi yêu quý cô và muốn bàn chuyện đàng hoàng. Với tình cảm tôi không quen đùa. Vì vậy nếu tôi có gì cô cho là không phải thì mong cô tha lỗi. Nhưng lòng tôi thì chân thật và tôi chỉ nói một lời thôi."

Với đàn bà con gái, phải như thế họ mới nể mặt anh hùng! Sự khiêm nhượng là trò xa xỉ của cá bậc vương giả (Cũng may là về lãnh vực này, tôi chưa hề làm thầy ai).

Tôi thầm cám ơn mẹ sinh hai chân lành lặn để hiên ngang đứng lên và hai tay lành lặn để mở cửa. Tôi lao xuống sáu tầng cầu thang và thơ thới bước ra đường. Trời quang đãng và gió êm dịu như tay người tình mơn man trên tóc. Hình như có tiếng gọi với theo nhưng tôi cứ bước đi.

Buổi tối khi người bồi đem chai rượu lên tận phòng thì tôi chưa uống đã say: cô hồn đứng sững trước mặt tôi và với nụ cười có vẻ tự mãn, quyết định. Chẳng đợi mời, cũng chẳng cần nhường chỗ, cô hồn lách người dưới nách tôi vào phòng và nói như truyền lệnh: "Em không muốn mình ăn tối ở ngoài. Anh gọi bữa ăn lên phòng cho đỡ tốn thì giờ. Mình có nhiều điều để nói với nhau. Mốt anh về rồi."

Không là cô nhỏ, cũng không là cô hồn nữa, mà là cô nàng, dịu dàng như tiên và âu yếm như vợ hiền. Đặt chai sâm banh lên bàn, nàng ngồi xuống ghế và mỉm nụ cười muôn thuở, cử chỉ tự nhiên như ngồi ở Chùa Một Cột, và chìa ra trước mặt tôi một hộp giấy hoa:

"Quà sính lễ."

Hình thù của cái cà vạt. Tôi ngồi lên hai gót chân và ôm cặp đùi rất Nhật Bản của nàng, cảm động nói:

"Ô, mà anh lại không có gì cho em."

Nàng cười nhún nhẹ vai, nói như các nhà luật soạn gia đình:

"Có sao đâu. Em đi cưới chồng. Mình theo chế độ mẫu hệ mà!"

Câu đó thì đủ hiểu là tôi đã tự cột lên đầu mình một cái gông bằng chính tóc mình.

Các bạn đã bao giờ uống sâm banh từ miệng người yêu chưa? Tuyệt vời bạn ạ, không tin cứ thử đi thì biết. Đoạn trường mà còn ai có qua cầu mới hay nữa là! Rượu sẽ bớt nồng, nó dịu hơn nhiều lắm, và cái vị chua chua của nó sẽ thành ngọt ngào ghê gớm. Tôi luồn năm ngón tay mạnh mẽ vào tóc nàng và ghì chặt — những sợi tóc mềm mại mọc trên một cái đầu rất cứng.

Chúng tôi truyền rượu cho nhau và hôn nhau gần ngạt thở. Và tới đây, mới chỉ có thế thôi. Bởi dù tôi là "ông quan phu" — chữ "quan" viết với bộ Ngư, nhớ rồi! — dây đàn đứt phải nối lại, nhưng nàng không phải là bà quả phụ, nên dẫu ông bà nhạc không còn nữa, tôi cũng sẽ sắp mâm trầu rượu, gọi là cái lễ, như bên nhà vẫn thường nôm na là "ăn miếng trầu héo, uống miếng rượu nhạt" gả con xuất giá ấy mà!

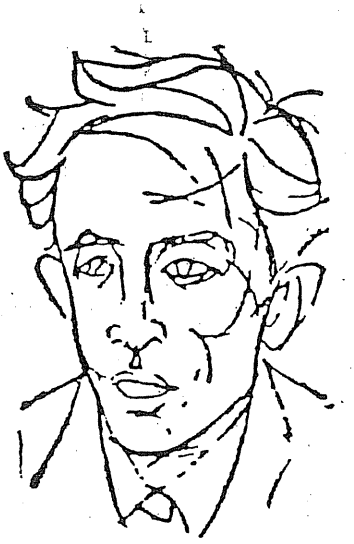
Nghĩ cho cùng, có tình yêu chân thật nào mà không cường điệu?■

Paris, Mars 1995

VỀ MỘT NGƯỜI BẠN

TRÚC CHI

Từ ngày lạc bước tới chốn này, vốn là quê cha đất tổ của một vài bộ lạc người da đỏ, tôi ít có bạn mới. Chỗ giao du của tôi xưa nay đã hẹp mà nước người thì rộng quá. Tình bằng hữu dẫu có thắm thiết mấy cũng khó mà hằng ngày, hay hàng tuần trải dài nó ra trên những đoạn đường thăm thẳm, những khoảng cách một hai trăm cây số. Được đôi thằng chí thiết thì đứa kẹt trong nước, đứa bị cái cơm áo thổi bạt qua tận bên kia bờ bể Đại Tây. Đôi khi lòng có đôi chuyện, nhìn trước nhìn sau, không có người mà ngỏ. Đường dài, bóng xế, chỗ quen biết mới cũng lơ thơ. Cái tâm sự của Nguyễn Du trong câu **trường đồ nhật mộ tân du thiểu** nghĩ đến mà xót cho người trước.



Hình vẽ Võ Phiến trên báo *Thời Tập*. Có thể do Lê Tài Điển vẽ chăng?

Vậy mà trời còn thương. Giữa cái vắng vẻ đó, cơ duyên lại xui mình sống gần một chỗ tâm đắc, một người bạn do cái thanh khí lẽ hằng nó đưa tới cho mình. Bạn tôi là một cây bút chuyên nghiệp mà tài hoa. Hồi cuối thập niên 50, nhân xem được một hai quyển sách của anh, thấy cách diễn đạt những ý tứ sâu sắc bằng lời lẽ giản dị mà chữ nghĩa không kiêu kỳ, tôi đâm ra có cảm tình với chủ nhân của những dòng chữ đó. Định bụng tìm gặp để được biết thêm về con người mình sẵn mến. Vậy mà cũng bỏ lỡ mất mấy cơ hội. Mãi đến hơn hai chục năm sau mới quen nhau. Rồi lại được cái may sống gần nhau. Từ chỗ tôi ở qua nhà bạn tôi, không cần đến xa lộ, chỉ mất mười phút. Ở nơi mà tiền bạc được dùng để đếm thì giờ, ở một xứ văn minh và tối tân như vậy, mười phút xe hơi kể cũng đã gần lắm.

Chúng tôi quen nhau khoảng năm 78, hồi anh bạn tôi còn làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút, kiêm thư ký đánh máy, kiêm chuyên viên bỏ dấu, kiêm nhân viên phát hành của tờ **Văn Học Nghệ Thuật**, tức là tiền thân của tờ **Văn Học** hiện nay vẫn còn sống ở nơi qui tụ đa số con rồng cháu tiên lọt ra được nước ngoài. (Tôi nhắc đến việc tờ **Văn Học** còn sống là vì hồi mới qua đây, báo chí tiếng Việt được cho ra đời loạn xị xà ngầu cả lên, nhưng mà đa số yểu tướng, chết cứ như là Tào binh sau trận Xích Bích). Buổi sơ giao qua bát phở tái gầu bánh tươi nước béo - hồi ấy tôi nhớ mấy ông chuyên viên về chuyện đếm calories ở đây chưa bật đèn báo động đỏ về chất colesterol - qua một tách trà đậm, tôi nhận thấy anh rất Việt Nam.

Lại phải tìm một định nghĩa chính xác cho tính từ Việt Nam chăng? Khó! Tạm dùng cảm tính mà nói vậy thôi. Còn thế nào là Việt Nam mà phải dùng đến lý tính, cho có khoa học, cho có phương pháp, để cho nghĩa của nó được trọn vẹn, xin nhường phần việc đó cho các nhà dân tộc học, ngôn ngữ học, sử học cùng nhiều thứ học khác vẫn chuyên đào sâu vào tâm hồn, vào sinh hoạt của người mình. Đã nói rằng anh là một cây bút tài hoa rồi lại nói thêm rằng anh rất Việt Nam, sợ rằng thừa chăng. Không cứ. Ở một đôi chỗ quen biết cũng có tí toáy với chữ nghĩa, thỉnh thoảng tôi bắt gặp một vài nét không Việt Nam chút nào cả trong cung cách của họ. Không Việt Nam thì cũng không sao. Lai cũng không sao. Nhưng điều khiến tôi không lấy gì làm mê lắm ở mấy chỗ quen biết kia là những nét lai căng có phần kệch cỡm. Anh bạn tôi thì không thế. Đừng nói chi xa xôi. Cứ nhìn vào cái ăn uống sự thường đã.

Con người mặc áo dài đen, quần trắng, mang guốc gỗ lội bộ từ nhà trọ trong Thành Nội để qua hấp thụ văn hóa Pháp tại trường Thuận Hóa ở bên kia cầu Trường Tiền vào những năm đầu của thập niên 40, con người mê Marcel Proust đến độ đã đưa một nhân vật của ông đại văn hào mang bệnh suyễn này vào một tác phẩm của

chính mình, con gnười đã từng nghiền ngẫm sách của Lâm Ngữ Đường, đã đọc đi đọc lại bộ sử thế giới của vợ chồng ông Durand, đã dịch một danh tác Nga sạng tiếng Việt, con người ấy không thích ăn nước mắm pha. Con người Việt Nam nguyên chất ấy chỉ thích ăn nước mắm nguyên chất.

Có lần anh đã bùi ngùi than thở với tôi về cái số phận hẩm hiu của một chai nước mắm nhĩ thượng hạng bị *pha chế lung tung*. Nước mắm xấng thì thôi không nói làm chi. Chớ một chai nước mắm ngọt, nước mắm dịu mà đem chế biến, đem pha thành một thứ nước chấm vàng lợt như bia Budweiser và ngọt kể như gần bằng chè, như tôi thường đau lòng - lại thêm một chuyện đau lòng sau cuộc bảy lăm (hay cuộc bể dâu, nó cũng rứa) - phải dùng đỡ trong một vài quán nhậu ở đây kể cũng có phí thật. Trò chuyện với tôi, anh bạn tôi ít nói đến văn chương chữ nghĩa mà hay cao đàm hùng luận về chuyện nước mắm, anh nhắc đến chén nước mắm điểm màu xanh đỏ của dăm lát ớt, vốn là trọng tâm của một bữa cơm gia đình Huế, dù thịnh soạn hay đạm bạc, đến thứ nước mắm ở vùng quê anh, dùng trong nhà không đem ra bán. Nhiều lần trong nếp nhà xin xấn sạch sẽ của anh, tôi đã được thưởng thức nhiều món ăn Nam Trung Bắc. Tôi nghĩ rằng bàn tay khéo léo của chị vợ bạn tôi lắm lúc phải chiều theo cái ước lệ của chuyện ẩm thực mà dọn nước mắm pha để mà chấm chả giò, nhưng tôi để ý thấy anh bạn tôi chỉ chấm vào chén nước mắm nguyên chất dọn riêng cho anh. Trong phòng ăn bày biện thanh nhã, có treo tranh của Võ Đình và Bé Ký, bên cạnh phòng khách trang trí giản dị mà đặc điểm là tịnh không có bóng dáng một quyển sách, tuy kiến thức anh bạn tôi rất rộng, trong cái khung cảnh ấy, chén nước mắm nọ hiện ra trong bữa cơm như là nơi tử thủ của một niềm gắn bó với quê hương. Chén nước mắm vững vàng ở trong cái tư thế tứ diện thọ địch, vững vàng trước cái áp đảo, cái vuốt ve của văn minh xứ người.

Ăn đã vậy mà đến chuyện uống anh bạn tôi lại cũng rất Việt Nam. Việt Nam xưa nữa là khác. Bạn tôi thường nói rằng anh *quê một cục không biết uống rượu*. Anh không uống coca, không uống rượu vang, bia thì ai ưng thù cứ thù, muốn tạc cứ tạc, anh chỉ một lon cho nó đủ lễ, rượu mạnh như cognac, whisky lại càng không. Chỉ mỗi món trà. Hồi ông trời chưa giáng cho bạn tôi cái chứng bệnh nghẽn mạch vành tim, phải mổ đến hai bận, hồi mấy ông bác sĩ chưa cần phải khuyên anh nên giảm bớt, hoặc bỏ luôn một vài thứ lích kích, không nên để cho chúng tự do xục xạo vào cơ thể, hồi ấy bạn tôi là người sành và ghiền trà. Bây giờ hình như cũng còn lai rai bởi thỉnh thoảng tôi thấy chị vợ bạn tôi, với cái đức cần kiệm cố hữu của một người đàn bà đảm đang, cầm rổ bã trà ra bón cho mấy luống rau dền, rau thơm. Cỏ cây thì cho nó về với cây cỏ. Về cái khoản *recycling* này, có vẻ như ông cha ta đi trước văn minh ở đây được một vài bước.

Bất thần tạt vào nhà anh, thế nào cũng được một chén - chị vợ anh bạn tôi không bao giờ chế trà vào tách - một chén trà có dư vị, có hậu ngọt. Nghệ thuật pha trà và uống trà, ở đây tôi không bàn đến làm chi, bởi vì, thú thật, tôi không biết nhiều. Chỉ nhắc đến một phong tục của mình đời trước, cái thời mà có khách đến, chủ nhà bưng ra một chén trà, một bát nước chè xanh, cái thời mà khi chủ nói mấy tiếng "ngồi chơi xơi nước", khách không cần phải băn khoăn tự hỏi nước đó là nước ngọt, nước chanh hay nước cam, vân vân. Chưa chắc ở trong nước hiện nay còn có người níu lại được cái lối tiếp khách đó. Củi lửa rắc rối. Ấm chén lích kích. Thì giờ đâu. Vậy mà trong cái nếp sống ở đây, lúc nào cũng vùn vụt ở tốc độ có thể lãnh *ticket* trên xa lộ, giữa cái quay cuồng đó, anh chị bạn tôi vẫn thắng lại để dành thì giờ mà tiếp bạn đồng hương một đôi chén trà. Cứ như khi còn ở trong nước vậy. Quí lắm chứ. Về cái mục này, cái mục soạn bộ đồ trà từ tủ kính cạnh bàn ăn, lau rửa, đun nước, pha chế, chị vợ anh bạn tôi đóng vai chủ động. Còn bạn tôi có vẻ ngoan ngoãn tuân theo lời dạy của thánh nhân: không vào bếp. Quân tử viễn bào trù mà. Người khôn ngoan nên lánh xa nơi bếp núc.

Không biết bạn tôi đã hết nghiện trà chưa, nhưng có một điều tôi biết chắc là anh tuy tuổi đã cao mà vẫn nghiền viết. Vẫn nằm dài trên chiếc chiếu mà viết. Hồi mới quen nhau, thỉnh thoảng hỏi anh có còn viết gì được nhiều không. Anh bạn tôi vẫn trả lời bằng một câu quen thuộc *cà rịch cà tang vậy thôi anh*. Cà rịch cà tang vậy mà anh cũng thêm vào danh sách tác phẩm của anh được năm sáu bộ mới, sáng tác ở ngoại quốc. Một dạo, sau khi mổ tim có vẻ như là sự suy nhược của cơ thể nó dẫn đến cái mệt mỏi của tinh thần, có lúc anh buông giọng hơi chán nản, lo rằng số người viết ở ngoại quốc ngày càng ít, số người đọc ngày càng lưa thưa. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau đó, lấy lại được sức khỏe rồi, bút hiệu của anh lại lác đác hiện ra đây đó. Địa vị của anh trên văn đàn, chỗ đứng của anh trong văn giới, tác phẩm và hành trạng của bạn tôi đã đưa lại một bảo đảm chắc chắn cho chính anh.

Suýt nữa tôi quên một điểm nho nhỏ trong con người Việt Nam của anh: bạn tôi, vốn có cái tài sai khiến chữ nghĩa như là phù thủy chỉ đường cho âm binh, lại cũng sính nói lái. Bằng một cử chỉ tình tứ, dễ thương, anh đã lấy tên của người bạn đời là Viễn Phố, nói lái lại rồi tự đặt cho mình cái bút hiệu Võ Phiến.■

9/1995

VÕ PHIẾN, NHÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

NGUYỄN NGỌC TUẤN

Sự nghiệp của Võ Phiến, trước năm 1975, chủ yếu là sự nghiệp của một nhà văn; sau năm 1975, chủ yếu là sự nghiệp của một nhà phê bình. Xin lưu ý chữ "chủ yếu": sự khác nhau, ở đây, chỉ là sự khác nhau ở mức độ; sự thay đổi, ở đây, không phải là một sự đột biến. Dường như Võ Phiến không thích khái niệm "đột biến" và cũng không tin vào hiện tượng "đột biến" trong lãnh vực văn học. Trong một bài phỏng vấn đăng trên Làng Văn, nhân nói đến hiện tượng nhiều người cầm bút nhảy từ bộ môn này sang bộ môn khác, Võ Phiến nhắc đến trường hợp Nguyễn Tuân: từ Vang bóng một thời (1940), một tác phẩm nửa truyện nửa tuỳ bút, đến Tuỳ Bút I (1941) và Tuỳ Bút II (1943) là "một chuyển biến dịu dàng". Khi bị hỏi vặn: "Như vậy người ta không thể bỗng nhiên trở nên tuỳ bút gia trong một sớm một chiều. Cái khuynh hướng về tuỳ bút phải có tiềm tàng đâu đó từ trước?", Võ Phiến đáp, lửng lơ: "Có lẽ thế. Có lẽ người ta không hay "bỗng nhiên" mà thành cái gì cả" (TB. 433) (1).



Võ Phiến, do Phạm Tăng minh họa truyện *Giã Từ* (1961) đăng trên báo *Bách Khoa*

Sau năm 1975, Võ Phiến không "bỗng nhiên" trở thành nhà phê bình văn học. Tâm trạng của ông khi viết tuỳ bút, ngày trước, và khi viết phê bình, bây giờ, có phần giống nhau: nỗi u hoài, tiếc nuối và từ đó, ước muốn bảo tồn, chắt chiu những gì đang mất mát. Tuỳ bút của ông, trước năm 1975, có thể nói là một nỗ lực tuyệt vọng nhằm lưu giữ, níu kéo những hình ảnh đang phôi pha dần trong cuộc sống. Phê bình của ông, sau năm 1975, trước hết, cũng là một cố gắng đầy xót xa nhằm vớt vát phần nào một nền văn học bất hạnh đang bị vùi dập và phá huỷ trên quê hương. Giữa hai thời điểm và với hai thể loại khác nhau, tâm tình của ông là một: hoài cựu. Chỉ khác ở đối tượng: một bên là những mảnh đời và một bên, mượn cách nói của Nguyễn Du trong Truyện Kiều, là những "điều trông thấy" và những điều "đau đớn lòng" của con người trong cuộc đời.

Lòng hoài cựu trong tuỳ bút của Võ Phiến trước năm 1975 chỉ là một đặc điểm trong phong cách văn học. Nó bình thường. Nó không hay, không dở, không tốt, không xấu. Nó chỉ là một đặc điểm, thế thôi. Nhưng lòng hoài cựu trong phê bình văn học của Võ Phiến sau năm 1975 lại khác. Ý nghĩa của nó vượt ra ngoài phạm vi văn học. Nó là một cảm xúc mang đậm tình người. Nó là một nghĩa cử. Trong Lời nói đầu quyển Văn học Miền Nam, tổng quan, có nhiều đoạn đọc thật cảm động:

"Cả một thế hệ văn học không có phê bình, toàn bộ thành tích văn nghệ phản ảnh những cảm nghĩ băn khoăn, những buồn vui khóc cười của hai mươi triệu đồng bào trong suốt thời gian hai mươi năm rồi lây lất phôi pha với năm tháng, chẳng ai màng xét đến, tìm hiểu đến. Buồn biết mấy!

[...]

"Tại một thị trấn tây bắc Hoa Kỳ, Thanh Nam có lần kiểm điểm:

Bằng hữu qua đây dăm bảy kẻ Đứa nuôi cừu hận, đứa phong ba Đứa nằm yên phận vui êm

ấm
Đứa nhục nhằn lê kiếp sống thừa (Đất khách. Thơ xuân đất khách)

Đó là những "đứa" may mắn nhất. Trải qua một thời chiến tranh dài rồi trong cơn tan rã sụp đổ mà lại thoát đi được chẳng qua là một số ít. Trong số còn lại, có kẻ gục ngã trên chiến trường (Y Uyên, Doãn Dân v.v...), có người phải dùng cách nọ cách kia mà kết liễu cuộc đời (Nhất Linh, Tam Ích, Dzoãn Bình v.v...), có kẻ bỏ mình trên đường thoát thân tìm tự do (Chu Tử, Trần Đại...), có người gục ngã vì tù đày (Vũ Hoàng Chương, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Mạnh Côn...), và rất đông là cái số quằn quại trong lao tù, có kẻ đến tận ngày nay chưa thoát khỏi (Như Phong, Duy Lam, Phan Nhật Nam, Trần Dạ Từ, Doãn Quốc Sỹ...)

Thân thế của họ thế ấy, văn nghiệp như thế kia..., làm sao mình chẳng nặng lòng" (VH.19-20).

Giữa một Võ Phiến - nhà văn và một Võ Phiến - nhà phê bình không chỉ giống nhau về tâm tình mà còn giống nhau về thói quen, trước hết là thói quen đọc rộng và thói quen quan sát. Trước năm 1975, trong giới sáng tác, có lẽ Võ Phiến là một trong vài người theo dõi sinh hoạt văn học Miền Nam một cách chuyên cần và kỹ lưỡng và tinh tế nhất. Ông ghi nhận rồi lý giải rồi đánh giá từng biến động lớn nhỏ trong khuynh hướng sáng tác của đồng nghiệp. Quyển Chúng ta, qua cách viết của ông, xuất bản năm 1973 (2), có thể được xem như một bản sơ kết phong cách văn học một thời kỳ. Đọc Chúng ta, qua cách viết và một số bài viết khác, ngắn hơn, như Nhìn lại mười lăm năm văn nghệ, Từ cuộc ngưng chiến trước đến cuộc ngưng chiến này (cả hai đều được in lại trong Tạp Bút), rồi đọc Văn học Miền Nam, tổng quan, chúng ta sẽ nhận thấy Võ Phiến trước và sau 1975 rất gần nhau. Điều này có nghĩa là, ngay từ trước 1975, Võ Phiến đã từng nhiều lần lân la đến gần lãnh vực phê bình văn học. Hơn nữa, có một chi tiết thú vị có lẽ ít người biết: phê bình văn học là một trong những "mối tình đầu" của Võ Phiến. Trong một lá thư riêng gửi tôi ngày 28.6.1991, Võ Phiến kể, trong các thể loại ông từng thử bút lúc đi học ở Huế, vào khoảng những năm 42,43, có thể loại phê bình: ông đã viết được mấy bài phê bình thơ, trong đó có bài phê bình bài thơ của Chế Lan Viên trong tập Vàng Sao. Cảm hứng ban đầu ấy không dễ nhạt nhoà trong ông. Sau này, đi sâu vào phê bình văn học, ông chỉ sống lại một giấc mơ từ thuở thiếu thời mà thôi.

Dù sao, sự nghiệp phê bình văn học của Võ Phiến cũng chỉ thực sự bắt đầu từ sau 1975. Ở khía cạnh này, ông là một nhà phê bình văn học khởi nghiệp muộn nhất tại Việt Nam. Quyển Văn học Miền Nam, tổng quan, tác phẩm phê bình đầu tay của ông xuất bản năm 1986, lúc ông 61 tuổi, đúng ba mươi năm sau khi quyển sách đầu tiên của ông được in: Chữ tình (1956).

Có lẽ ý thức rất rõ sự nhập cuộc muộn màng của mình, Võ Phiến làm việc rất tập trung. Trong lúc hầu hết các cây bút phê bình khác ở hải ngoại, như những cánh bướm, cứ bay chờn vờn từ vườn hoa này đến vườn hoa nọ, có lúc dừng lại ở một tác giả "tiền chiến", có lúc dừng lại ở một tác giả Miền Nam, rồi Miền Bắc, trước năm 1975, rồi có lúc dừng lại ở một tác giả lưu vong hoặc một tác giả thuộc cái gọi là phong trào đổi mới hay phản kháng trong nước, Võ Phiến chỉ tập trung vào hai mảng đề tài: văn học Việt Nam tại hải ngoại sau năm 75 và văn học Miền Nam từ năm 54 đến 75. Mảng đầu, ông viết ít, thường là một cách ngẫu nhiên, gồm hai loại: các bài ghi nhận đặc điểm hoặc chuyển biến của nền văn học lưu vong và các bài tựa nhằm giới thiệu tác phẩm đầu tay của các cây bút mới. Mảng sau, ông dồn nhiều thì giờ và tâm huyết hơn, trong một công trình dài hơi: bộ Văn học Miền Nam, đến nay, đã xuất bản được 5 tập: Văn học Miền Nam, tổng quan (1986, 1988); Thơ Miền Nam, tập 1 (1991); Truyện Miền Nam, tập 1 (1992) và tập 2 (1993); Bút, ký, kịch Miền Nam, tập 1 (1993). Nhờ tập trung nên ở cả hai mảng đề tài, Võ Phiến đều có những đóng góp quí báu. Ông là một trong vài người hiếm hoi theo dõi và ghi nhận sự hình thành và phát triển của nền văn học Việt Nam tại hải ngoại. Ông là người đầu tiên, và cho tới nay, là người duy nhất nghiên cứu về văn học Miền Nam thời kỳ 1954-75 một cách toàn diện, cẩn trọng và đặc biệt, thành tâm.

Khởi nghiệp muộn, nhà phê bình Võ Phiến đã thừa hưởng hầu như trọn vẹn những tìm tòi, những suy ngẫm về văn học trong suốt mấy chục năm ròng rã của nhà lý luận Võ Phiến. Đọc bộ Văn học Miền Nam còn dở dang của Võ Phiến, một trong những điều tôi cảm thấy thú vị nhất là phát hiện ra sự thống nhất giữa một bên, Võ Phiến - nhà phê bình và một bên, Võ Phiến - nhà lý luận. Ở một mức độ nào đó, có thể nói phương pháp phê bình của Võ Phiến gắn liền, rất chặt, như là những hệ luận tất yếu, với những quan niệm về văn học của ông. Ưu và khuyết điểm của ông, với tư cách là nhà phê bình, do đó, cũng không tách rời với những ưu và khuyết điểm của ông, với tư cách là một nhà lý luận văn học.

Trước hết, theo Võ Phiến, văn học là sự biểu hiện của tâm hồn. Phê bình văn học, do đó, cũng sẽ là chuyện của tâm hồn: thứ nhất, nó nhắm đến việc tìm hiểu một tâm hồn, thứ hai, việc tìm hiểu ấy chỉ có thể được tiến hành một cách chân tình bằng chính tâm hồn mà thôi. Như vậy, tâm hồn là đối tượng đồng thời cũng là "công cụ" để

tiến hành phê bình. Về điểm trên, Võ Phiến từng phát biểu: "Chúng tôi cho rằng nhận định về một tác giả là nhận định về một tâm hồn, chứ không phải là một kỹ thuật, một chủ đề, một tư tưởng. Phân tích cái khéo cái vụng cái hay cái dở của một bài thơ một cuốn truyện cũng là việc tài tình; nhưng tôi chỉ muốn chú trọng đến phong cách, đến tâm hồn của tác giả" (T1.11-2). Ông tâm đắc với "sự quân bình an lạc trong tâm hồn" của Phạm Thiên Thư, những băn khoăn siêu hình của Tô Thuỳ Yên, "tấm lòng mến thương bao la, như bản trường ca của tình nhân ái" trong tác phẩm của Lê Tất Điều, "những rung động tinh tế [...] trước thời tiết nắng mưa, trước cảnh vật thiên nhiên" trong tác phẩm của Nguyễn Đình Toàn. Vì nhắm đến việc phác hoạ diện mạo một tâm hồn, ông thường viết ngắn, có những tác giả chỉ chiếm một, hai trang. Ông không ham hố đi sâu vào các chi tiết. Ông tin là mỗi tác giả chỉ có một tâm hồn bằng bạc ở nhiều tác phẩm khác nhau. "Trong một câu thơ, một bài thơ: có nó; mà trong hàng chục thi tập cũng là nó thôi" (T1.12). Bởi vậy, Võ Phiến không quan tâm nhiều đến sự thống nhất về hình thức: trong bộ Văn học Miền Nam, có khi ông lấy tác phẩm, có khi ông lấy tác giả làm đơn vị cơ bản để bình luận. Với ông, viết về tác phẩm hay viết về tác giả: như nhau. Hơn nữa, Võ Phiến tin là chỉ bằng lương tri, bằng trực giác, chúng ta mới có thể nhận diện được tâm hồn một nhà văn, một nhà thơ. Trong lãnh vực sáng tác, ông nổi tiếng là người thích chẻ sợi tóc làm tư, nhưng trong lãnh vực phê bình, ông lại không hề thích sự phân tích. Phê bình, với ông, chỉ là chuyện đồng cảm, đồng điệu. Khi cần lật ngược lật xuôi vấn đề để có cái nhìn rõ ràng và toàn diện hơn, ông thường dùng thể văn đối thoại, có lẽ nhằm làm giảm bớt màu sắc cực đoan hay tính chất duy lý của lời bình luận. Ở phương diện này, Võ Phiến gần với Hoài Thanh hơn là với Vũ Ngọc Phan. Gần, ít nhất, ở những quan điểm chính. Trong lời "Nhỏ to" in cuối quyển Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh cũng cho "Mỗi bài thơ hay là một cánh cửa mở cho tôi đi vào một tâm hồn. [...]. Tôi... cố lấy hồn tôi để hiểu hồn người" (3). Tuy nhiên, gần, chỉ gần, chứ không giống hẳn. Cái cảm tính ở Hoài Thanh, do ảnh hưởng của chủ nghĩa ấn tượng (impressionism) của Jules Lemaitre (1853-1914) và đặc biệt của Anatole France (1844-1924), đôi lúc bị đẩy đến mức tuyệt đối, chỉ cần biết những cảm giác dấy động trong lòng mình chứ không cần biết đến phong cách của người nghệ sĩ. Võ Phiến thì lúc nào cũng loay hoay cố nắm bắt cho được phong cách của tác giả được phê bình.

Ở đây có hai điểm đáng chú ý. Thứ nhất, vì coi quan hệ giữa phong cách và cá tính là một mối quan hệ tự nhiên, tất yếu, có thể "trực nhận" dễ dàng, Võ Phiến thường không dừng lâu trong việc phân tích ngôn ngữ và các yếu tố nghệ thuật cũng như kỹ thuật trong văn bản. Dường như ông không tin cậy lắm vào những công việc ấy. Đọc bài Lá diêu bông của Hoàng Cầm nhiều lần, ông nghiệm thấy "cảm xúc không thay đổi. Những chữ nọ chữ kia, âm thanh này hình ảnh nọ, hợp lại trong những câu ngắn câu dài theo tiết điệu ấy, tức khắc gây ra nơi lòng ta những xao xuyến tương ứng nhất định. Không có sự may rủi. Thật đáng sững sờ. Hoàng Cầm đã nắm được bí quyết vận dụng cái ma lực của ngôn ngữ, cái bí quyết của thơ thuần tuý? Ông đã tính toán tinh vi, chính xác chăng? - Khó tin vào một bí quyết, vào sự chính xác, trong chuyện nghệ thuật" (T1.41). Dễ hiểu tại sao Võ Phiến lại có vẻ tâm đắc với cách Hoài Thanh bình bài Tống biệt hành của Thâm Tâm: "Điệu thơ gấp. Lời thơ gắt. Câu thơ rắn rỏi, gân guốc". Theo ông, "đó là một người biết cách nói" (ĐT.66). Một nhà phê bình khác, Đặng Tiến, nghĩ ngược lại: "Việc giải thích thơ về phương diện nghệ thuật, kỹ thuật, và hy sinh nội dung nếu cần, là thao tác thiết yếu, nó rọi vào giá trị tác phẩm những tia sáng khách quan, giúp cho thơ, và người làm thơ, người đọc thơ tiến bộ. Người phê bình, ít nhiều, khuynh đảo dư luận quần chúng, thì phải có trách nhiệm khoa học: anh khen một câu thơ hay ắt phải có khả năng giải thích nó hay ở chỗ nào" (4). Thứ hai, dường như Võ Phiến không phân biệt khái niệm tác giả như là một kẻ sáng tạo ra tác phẩm văn học và khái niệm tác giả như một thực thể lịch sử, xã hội. Đọc bài ông viết về Chu Tử (TR1.9-21), chẳng hạn, người ta có cảm tưởng Chu Tử ngoài đời và Chu Tử trong tiểu thuyết là một. Bài viết về Lê Tất Điều (B.11-24) cũng tương tự. Sự đồng nhất ấy, nếu không tự giác dừng lại ở một mức độ nào đó, thật đáng ngờ: một là, nó đặt niềm tin một cách quá đáng vào ngôn ngữ, ngỡ như ngôn ngữ có thể diễn đạt trung thành những điều người ta gửi gắm; hai là, nó giảm nhẹ vai trò của yếu tố tưởng tượng trong văn học; ba là, nó làm mờ, nếu không nói là xoá nhoà ranh giới giữa văn học và hiện thực. Nhưng, dù sao, đó cũng là những vấn đề khác. Sự đồng nhất giữa tác giả với tư cách là người sáng tác và tác giả với tư cách là một thực thể lịch sử, xã hội dẫn Võ Phiến đến một số vấn đề khác. Thứ nhất, tìm hiểu một tác phẩm, với Võ Phiến, thực chất là tìm hiểu một con người. Thứ hai, giữa con người ấy và xã hội chung quanh có mối quan hệ hỗ tương mật thiết. Nhận định thứ hai khiến cho ông tự tin, một là, có thể sử dụng các yếu tố ngoài văn học để giải thích một tác phẩm văn học; hai là, qua văn học, có thể hình dung được bầu khí quyển văn hoá của xã hội, những tâm tình chung của một thế hệ. Điểm thứ nhất dẫn đến việc: khi

phê bình một tác giả, ông hay nhắc đến hành trạng hoặc tính cách của tác giả ấy, ngoài đời; khi trình bày tổng quát về văn học Miền Nam cũng như khi đi vào phân tích đặc điểm của từng giai đoạn nhỏ trong văn học Miền Nam, bao giờ Võ Phiến cũng bắt đầu bằng một chương gọi là bối cảnh, chủ yếu là bối cảnh chính trị, xã hội của thời kỳ ấy, giai đoạn ấy. Điểm thứ hai, thú vị hơn: từ một tác phẩm, một tác giả nhất định nào đó, Võ Phiến hay liên tưởng đến khí hậu tinh thần của một thời đại nói chung. Đọc thơ tình của Trần Dạ Từ, ông không phải chỉ nhìn thấy một giọng thơ dấm dẳng hay khục khặc mà còn thấy cả một "thời đại của thế hệ sỗ sàng" (5). Chính vì thế, trong phê bình, ông hay so sánh. Thì các nhà phê bình khác cũng thường so sánh. Nhưng cách so sánh của Võ Phiến khá đặc biệt: trong lúc các nhà

phê bình khác thường so sánh theo chiều đồng đại, giữa tác giả này và tác giả khác cùng thời với nhau hoặc để phân biệt bản sắc hoặc để phân vị cao thấp, Võ Phiến, ngược lại, thường so sánh theo chiều lịch đại, giữa những tác giả chênh lệch tuổi tác, có khi cả hàng thế kỷ, để cốt làm nổi bật phong cách của cả một thời. Ông so sánh Tuý Hồng và Nhất Linh (TR1. 69-76); Trần Thị NgH và Khái Hưng (TR2. 175); Hoàng Hương Trang với Đông Hồ, Tương Phố (T1. 34); Trần Dạ Từ với Xuân Diệu, Nguyễn Nhược Pháp, Vũ Hoàng Chương và với cả tác giả Chinh phụ ngâm (6). Từ đó, Võ Phiến phát hiện ra cái ông gọi là "tuổi tâm lý của thời đại": "mới nửa số tuổi của Xuân Diệu, Nhã Ca đã [...] già hơn Xuân Diệu rõ ràng. Nàng thiếu phụ già hơn lão thi nhân không phải già về tuổi đời của cá nhân (dĩ nhiên) mà già vì cái tuổi của thời đại" (6).

Có thể tóm tắt phương pháp phê bình của Võ Phiến như sau: mục tiêu của ông là phát hiện ra phong cách. Phát hiện ra phong cách, thật ra, là để nhận diện một tâm hồn. Người ta chỉ có thể phát hiện được một phong cách và nhận diện được một tâm hồn bằng lương tri, bằng trực giác và bằng kiến thức về bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá, nghĩa là những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc hình thành cá tính của người cầm bút.

Nhìn chung, phương pháp phê bình trình bày ở trên cũng như cơ sở lý luận của nó - quan niệm về văn học mang tính chất lãng mạn chủ nghĩa của Võ Phiến, không mới. Hơn nữa, về nhiều phương diện, chúng đã bị vượt qua. Ở Tây phương, từ mấy chục năm nay, các nhà Phê bình Mới của Mỹ, các nhà hình thức luận của Nga, các nhà cấu trúc luận của Pháp và gần đây hơn, các nhà hậu - cấu trúc luận và các nhà phá cách luận đã phê phán quan niệm và phương pháp đại loại như thế khá nhiều. Nếu muốn, chúng ta có thể sử dụng các lý thuyết ngôn ngữ học và ký hiệu học hiện đại, quan niệm của Derrida về vấn đề ý nghĩa, quan niệm của Michel Foucault về vấn đề tác giả để vạch ra những hạn chế trong quan niệm và phương pháp ấy. Nhưng theo tôi, điều đó không cần và cũng không phải là điều quan trọng. Có hai lý do. Thứ nhất, trong lãnh vực lý luận và phê bình văn học, bởi không thể có sự chính xác tuyệt đối, chúng ta có thể hài lòng với một yêu cầu tối thiểu: sự nhất quán. Nghĩa là các luận điểm phải liên lạc chặt chẽ với nhau. Nghĩa là tác giả phải trung thành với ít nhất các nguyên tắc lớn của mình. Thứ hai, yếu tố quyết định sự thành công của một nhà phê bình, thật ra, không phải chỉ ở phương pháp hay quan điểm, những yếu tố, thành thật mà nói, khá bấp bênh, cứ thay đổi mãi, nhất là trong thời hiện đại, mà còn là, nếu không muốn nói chủ yếu là, sự nhạy cảm và sự tinh tế trong cách cảm thụ và cả trong cách diễn đạt nữa. Sự thành công của Hoài Thanh, của Vũ Ngọc Phan và của Trương Tửu trước đây trong lãnh vực phê bình văn học là sự thành công của một tâm hồn và một phong cách trước khi là sự thành công của một phương pháp luận. Sự thành công của Đặng Tiến sau này cũng vậy: đứng về phương diện quan điểm cũng như phương pháp phê bình, từ trước đến nay, ông đã thay đổi không biết bao nhiêu lần; và những sự thay đổi ấy không có ảnh hưởng bao nhiêu đến tài hoa của ông. F.R. Leavis mặc dù không được sự hỗ trợ của một lý thuyết văn học nào thật mới, thậm chí có lúc bị chê là ngây thơ, vẫn được đánh giá là một trong vài nhà phê bình văn học lớn nhất của Anh - Mỹ trong thế kỷ này.

Do đó, sự thống nhất giữa Võ Phiến - nhà lý luận văn học và Võ Phiến - nhà phê bình văn học chỉ là một đặc điểm nổi bật trong con người Võ Phiến nói chung. Tuy nhiên đặc điểm này lại không giải thích được hiện tượng vì sao Võ Phiến lại trở thành một nhà phê bình đáng kể. Những người khác, không có cái nhạy cảm của Võ Phiến, thiếu cái khả năng diễn đạt duyên dáng của Võ Phiến, đi vào con đường này, không có gì chắc là sẽ thành công như ông. Theo tôi, phần lớn những ưu điểm của Võ Phiến trong lãnh vực phê bình văn học đều xuất phát từ một nguyên nhân khác: trước khi là một nhà phê bình, Võ Phiến đã là một nhà văn, hơn nữa, là một nhà văn lớn. Nói cách khác, ở đây, sự thống nhất giữa con người viết văn và con người phê bình có ý nghĩa quan trọng hơn sự thống nhất giữa con người lý luận và con người phê bình kể ở trên.

Là một nhà văn tham gia tích cực và trọn vẹn vào sinh hoạt văn học miền Nam từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc, vào văn học hải ngoại suốt từ năm 1975 đến nay, Võ Phiến là một trong số rất ít người có đủ điều kiện theo dõi, chứng kiến,

ghi nhận từng biến động lớn nhỏ, từng ngóc ngách bí ẩn của cả hai nền văn học ấy. Giá trị của các công trình phê bình văn học của Võ Phiến, đặc biệt quyển Văn học Miền Nam, tổng quan, như vậy, trước hết là ở khía cạnh tư liệu. Cái công việc mà Viên Linh bảo là "ghi chép danh tính các chiến hữu và đồng đội vào Phươn Văn Chương" (7) ấy, thật ra, không phải là việc dễ dàng và ít hữu ích. Lý do không phải chỉ vì nền văn học ấy bị chính quyền mới sau năm 1975 ra sức tiêu diệt và xoá bỏ mọi dấu vết mà còn là ở chỗ: một mặt, nó bao gồm quá nhiều tác phẩm; mặt khác, nó lại hoàn toàn thiếu vắng các hoạt động phê bình, trao đổi để các nhà nghiên cứu sau này có một vài chỉ dẫn căn bản hầu ít ra cũng định hướng được cái đọc của mình.

Một số người cho là trong Văn học Miền Nam, tổng quan, Võ Phiến quá sa đà vào các chi tiết đến nỗi quên cả tổng thể. Không đúng. Võ Phiến luôn luôn cố gắng làm nổi bật xu thế vận động của văn học Miền Nam, đặc điểm của cả thời kỳ 1954-75 và đặc điểm của từng giai đoạn nhỏ trong đó. Sự khái quát hoá của Võ Phiến có thể chưa chính xác nhưng rõ ràng là, trong suốt quyển sách, không bao giờ ông quên cái tiêu đề "tổng quan" của mình. Lý do dẫn đến việc đánh giá sai lầm trên có lẽ là do người ta, khi đọc, không thoát ra được sự cám dỗ của vô số chi tiết được Võ Phiến diễn tả bằng một lối văn hấp dẫn lạ thường. Nói cách khác, không phải Võ Phiến quên mà chính độc giả mới là những kẻ quên cái tổng thể. Họ quên vì mê.

Là một nhà văn, so với các nhà phê bình chuyên nghiệp, Võ Phiến, mặc dù phải chịu một số điều bất lợi, song lại có một ưu thế: ông có nhiều kinh nghiệm về chuyện bếp núc của văn chương, do đó, dễ đánh giá đúng mặt mạnh, mặt yếu của từng người, dễ phát hiện đúng phong cách đặc thù của từng người. Nhận ra Hồ Hữu Tường là người có nhiều sáng kiến, có sức tưởng tượng mạnh mẽ và có khiếu biện giải: không khó; nhận ra Nguyễn Mạnh Côn không giỏi dựng truyện nhưng có tài thuật chuyện: không khó; nhận ra cái tình của Vũ Bằng đối với cuộc sống thật thiết tha: không khó; nhận ra trong văn của Tuý Hồng có nhiều "gia vị" nồng nàn: không khó; nhận ra trong truyện Hoàng Ngọc Tuấn có nhiều chất thơ: không khó. Tất cả những nhận xét trên, người nào chịu khó đọc tác phẩm kỹ cũng có thể nhận ra được. Nhưng phải tinh tế và phải có nhiều kinh nghiệm trong sáng tác lắm mới có thể nhận ra cái vẻ "mệt mỏi, gần như dửng dưng" trong các truyện tình của Trần Thị NgH (TR2.173); cách nói năng miễn cưỡng và hình ảnh cuộc sống nhếch nhác, bẽ bàng trong truyện ngắn của Y Uyên (TR2.212); tính chất nhạy bén đặc biệt trong thính giác, thị giác, khứu giác và xúc giác của Nguyễn Đình Toàn (TR2.103-110); sự tinh tế của Văn Quang khi dùng hình ảnh một vệt nắng hắt trên tấm vải đỏ trải giường như một nguyên nhân làm thức tỉnh một người phụ nữ đang trong cơn mê hoảng (TR1.107); sự xuất hiện dồn dập của các nhân vật già trong văn học hải ngoại (TB.319-325); sự khác nhau trong cách gọi kẻ thù trong thơ Miền Nam và thơ Miền Bắc (T1.95-6); sự quạnh quẽ, hiu hắt, tịch mịch trong thơ Quách Tấn sau năm 54 (8); đề tài người chị tinh thần và sở trường gây xúc động bằng cái giọng của một kẻ bị hắt hủi, ruồng rẫy trong thơ Nguyễn Bính trước năm 45 (V. 47-65).

Bài viết thành công và có lẽ nhiều tâm huyết nhất của Võ Phiến, cho đến nay, có lẽ là bài viết về Nhất Linh (TR1.9-47). Đó là bài phê bình đầu tiên về sự nghiệp văn học thời "hậu chiến" của Nhất Linh, là một trong vài bài phê bình sâu sắc nhất về Nhất Linh nói chung. Chính Võ Phiến chứ không phải ai khác đã nhận ra cái ám ảnh siêu hình, cái băn khoăn triết lý trong tác phẩm của Nhất Linh trước năm 45, cái hóm hỉnh cũng như cái lẳng lơ trong giọng văn của Nhất Linh sau năm 45. Viết về Nhất Linh, tôi ngờ Võ Phiến viết với một tấm lòng tri kỷ. Giữa hai người, có bao nhiêu là điểm tương đồng. Giá có ai đi sâu vào việc so sánh bút pháp và tư tưởng văn học của hai người, hẳn sẽ khám phá ra nhiều điều lý thú.

Cuối cùng, là một nhà văn, Võ Phiến viết phê bình với giọng văn duyên dáng và quyến rũ lạ lùng. Có thể giọng văn pha chất tuỳ bút trong Văn học Miền Nam, tổng quan phần nào làm giảm tính chất nghiêm túc và do đó, yêu cầu chặt chẽ, khách quan của công trình biên khảo. Có thể. Dù sao, có điều bù lại, đó là tác phẩm rất dễ đọc. Trong văn học Việt Nam, dễ chưa từng có một quyển sách phê bình nào được viết bằng giọng văn linh động, nhẹ nhàng và lôi cuốn đến như vậy. Mà đó cũng là đặc điểm chung trong phong cách phê bình của Võ Phiến. Nếu cách viết của Hoài Thanh nặng về chất thơ, cách viết của Vũ Ngọc Phan nặng về chất giáo khoa, cách viết của Đặng Tiến vừa hàm súc vừa hào hoa, cách viết của Võ Phiến là một cách nói chuyện xuề xoà, dễ dãi, linh động nhưng không thiếu sắc sảo, sắc sảo đến độ tinh quái. Giọng văn phê bình của Võ Phiến là một giọng văn "phá giới". Chắc chắn nhiều người, nhất là những người còn bị ám ảnh bởi tính khoa học của phê bình văn học, sẽ không chấp nhận điều đó. Nhưng cái gọi là "tính khoa học" của văn học, vốn là con đẻ của chủ nghĩa hiện đại (modernism) càng ngày càng lộ diện là một ảo tưởng. Trong thời kỳ hậu - hiện đại chúng ta đang sống, cách nhìn của người ta về phê bình văn học, cũng như về bất cứ một khía cạnh nào khác, nói chung là "biết điều", rộng rãi và bao dung hơn

nhiều: ranh giới giữa các thể loại đang nhoà dần; ranh giới giữa các phong cách văn học cũng đang nhoà dần. Tại sao Võ Phiến lại không thể viết phê bình với một văn phong tuỳ bút? Tại sao không?

Dĩ nhiên, khi viết phê bình văn học, Võ Phiến không tránh khỏi khuyết điểm và nhược điểm. Điều đó chả có gì là khó hiểu. Không có nhà phê bình nào lại tránh được sự sai lầm. Có điều mỗi nhà phê bình thường có một kiểu sai lầm riêng. Hoài Thanh thường kỵ những nhà thơ vượt ra ngoài quỹ đạo thẩm mỹ của ông: ông ngờ vực Hàn Mặc Tử, hoang mang trước Bích Khê, miệt thị nhóm Xuân thu nhã tập, rẻ rúng Đinh Hùng, coi thường Nguyễn Bính. Vũ Ngọc Phan lại kỵ các nhà phê bình đồng nghiệp của ông: phần yếu nhất trong bộ Nhà văn hiện đại là phần viết về các nhà phê bình; trong phần viết về các nhà phê bình, bài yếu nhất là bài viết về Hoài Thanh, người, cho đến nay, được dư luận rộng rãi đánh giá là một trong hai nhà phê bình xuất sắc nhất của thời 30-45 (người kia là... Vũ Ngọc Phan!). Hoài Thanh sai vì bảo thủ; Vũ Ngọc Phan sai không chừng vì đố kỵ. Võ Phiến sai vì lý do khác: ông là nhà văn.

Nói cách khác, theo tôi, nếu con người nhà văn ở Võ Phiến là nguyên nhân của những ưu điểm từng làm cho Võ Phiến thành công trong lãnh vực phê bình thì cũng lại chính cái con người nhà văn ấy là một hạn chế lớn mà nhà phê bình Võ Phiến không thể vượt qua.

Tôi không chủ trương một nhà văn không nên viết phê bình hoặc một nhà phê bình không nên sáng tác. Sự thực, ngược lại. Tôi không thấy có sự đối lập nào giữa hai hạng người này. Trong lịch sử, người ta có thể kể tên vô số những nhà văn lớn, những nhà thơ lớn đồng thời là những nhà phê bình lớn: Dryden, Samuel Johnson, Coleridge, Matthew Arnold, Henry James, Eliot, Pound... Ở mức độ nào đó, tôi nghĩ, người sáng tác nào, tự bản chất, cũng đều là một nhà phê bình. Chính cái nhà phê bình tiềm ẩn ấy đã thêm thắt, bôi xoá, sửa chữa ngoằn ngoèo trên các trang bản thảo, đã vo tròn từng xấp bản thảo dày cộm để vất vào thùng rác, đã thúc đẩy người sáng tác chọn lựa hình thức diễn đạt này thay vì hình thức diễn đạt khác. Bất cứ kiệt tác văn học nào cũng là công trình chung giữa một người sáng tác và một người phê bình: cả hai đều tồn tại trong người nghệ sĩ. T.S.Eliot còn cho sự phê bình trong quá trình sáng tạo của người nghệ sĩ là hình thức cao nhất của sự phê bình; từ đó, ông cho những nghệ sĩ lớn sở dĩ lớn là vì, chỉ vì khả năng phê bình của họ lớn (9).

Nhờ nhà phê bình tiềm ẩn bên trong ấy, những nhà văn lớn, những nhà thơ lớn thường đóng vai trò rất lớn trong việc phát hiện và giới thiệu các tài năng trẻ. Thời 1930-45, không phải Hoài Thanh hay Vũ Ngọc Phan mà chính Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Thạch Lam... mới là những kẻ có công phát hiện và giới thiệu tài năng của Huy Cận, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Bích Khê, Hồ Dzếnh... khi họ mới xuất hiện như những "mầm non" văn nghệ. Ở hải ngoại sau 1975, Võ Phiến, Mai Thảo và Nguyễn Mộng Giác là những người có công đầu trong việc giới thiệu các cây bút mới.

Tuy nhiên, nhà phê bình tiềm ẩn ấy lại rất ít công bình. Lý do không khó hiểu. Khi bắt đầu cầm bút, dù tự giác hay không tự giác, người cầm bút nào cũng đều tự lựa chọn cho mình một quan điểm thẩm mỹ nhất định. Có người quan niệm công việc làm thơ viết văn là công việc trau chuốt chữ nghĩa, phải làm sao cho có một bút pháp thật óng ả, thật lấp lánh. Có người lại quan niệm câu văn, lời thơ phải bình dị, dễ hiểu, miễn sao đào xới đến tận cùng từng ngõ ngách tế vi trong tâm hồn con người. Có người lại quan niệm văn học là một hình thức tranh đấu, do đó, điều cần thiết nhất là thái độ dấn thân của người cầm bút. Dần dần, năm này qua năm khác, một cách vô ý thức, cái quan điểm thẩm mỹ ấy biến thành một lý tưởng thẩm mỹ. Lúc này thì người sáng tác không giữ được sự khách quan được nữa. Cái mà họ mơ ước khi xưa bây giờ thành một mẫu mực để từ đó họ đánh giá người khác. Nhà văn thiên về bút pháp thì chỉ cho những người có bút pháp đẹp là nhất; nhà văn thiên về tâm lý, ngược lại, chỉ cho những người có cách nhìn sâu sắc và tinh tế mới có giá trị, ngoài ra là phù phiếm cả; nhà văn "dấn thân" coi tất cả những gì không góp lửa vào cuộc tranh đấu chung đều là nhảm nhí. Điều này làm cho năng lực phê bình của người sáng tác bị giới hạn: họ chỉ nhạy cảm trước những cái đẹp gần gũi với quan điểm thẩm mỹ của họ, trước những đồng nghiệp có cùng tần số với họ. Chính T.S.Eliot, mặc dù có lúc tuyên bố là chỉ đáng đọc những nhà phê bình nào đã từng thực hành, hơn nữa, đã thực hành một cách hoàn hảo cái nghệ thuật mà họ phê bình (10), cũng thừa nhận là công việc phê bình của nghệ sĩ không thể nào tránh khỏi hạn chế: thường, họ chỉ đánh giá chính xác những gì gần gũi, quen thuộc với đường lối sáng tác của họ (11). Chúng ta hiểu vì sao L. Tolstoi không chịu được Shakespeare; cả Victor Hugo lẫn Gustave Flaubert đều không chịu được Stendhal; Phạm Quỳnh không chịu được Tản Đà; Xuân Diệu không chịu được Hàn Mặc Tử... Do đó, chúng ta cũng chả nên lấy gì đáng ngạc nhiên khi thấy Võ Phiến có vẻ thiên vị người này hơn người kia.

Có điều, tôi không nghĩ là Võ Phiến thiên vị vì những lý do có tính cách cá nhân. Ông thiên vị vì ông... lỡ có một lý tưởng thẩm mỹ quá vững chắc. Quan niệm văn học là chuyện của tâm

hồn, ông yêu thích những tác phẩm nào xuất phát từ tâm hồn và có khả năng lay động được tâm hồn người đọc; trong cái gọi là "lay động" ấy, ông chỉ thích những sự lay động khẽ khàng, nhẹ nhàng, đủ gợi lên một cảm xúc bâng khuâng, man mác. Những tác phẩm thiên về hình thức hay nhận thức hay ngay cả tình cảm, nhưng là thứ tình cảm quá mạnh, quá nồng, do đó, khó lọt vào mắt xanh của ông. Quan niệm tác phẩm lớn là những tác phẩm thể hiện được những bận tâm lớn, những băn khoăn lớn, ông đặc biệt ưu ái loại thơ văn có tính chất trữ tình siêu hình, không nguôi khắc khoải về những vấn đề nhân sinh, nhân loại kiểu "Ta hỏi han hề Hiu Quạnh lớn / Mà Hiu Quạnh lớn vẫn làm thinh" (Tô Thuỳ Yên). Các loại trữ tình khác, trữ tình công dân hay trữ tình thế sự, do đó, chỉ đứng vào hạng hai hay hạng ba trong bậc thang giá trị của ông. Quan niệm văn học phản ánh sinh hoạt tinh thần của xã hội, ông quan tâm đặc biệt đến những tác phẩm thể hiện một chuyển biến nào đó trong tâm tình của thế hệ hay trong cái ông gọi là "tuổi tâm lý của thời đại": tôi nghĩ đây là lý do chính tại sao ông để ý đến một số tác giả, dưới mắt nhiều người khác, chỉ là những tầm vóc bình thường hoặc thậm chí, dưới mức bình thường. Họ có thể không đồng ý với ông trong những sự lựa chọn ấy. Nhưng dù sao cũng phải công nhận là ông có cái lý của ông, một cái lý dựa trên tính chất nhất quán của một cách nghĩ, một cái lý đầy... thiên vị.

Một nhà phê bình chuyên nghiệp có thể tránh được những khuyết điểm trên hay không? Võ Phiến quan niệm: "... nhà phê bình lấy việc phát huy được cái hay cái đẹp của người khác làm sự thành công của mình, xem những bất công, lầm lẫn, thiếu sót trong sự nhận xét người khác như sự thất bại của chính mình; do đó mà phải thận trọng. Ngoài ra, đã chọn lấy nghiệp, người phê bình trước khi đi vào các tác phẩm thuộc những lãnh vực, bộ môn khác nhau, đến với những tác giả thuộc nhiều khuynh hướng khác nhau, trước khi khảo sát sự kiện văn nghệ trong những liên hệ với bối cảnh xã hội, kinh tế, chính trị khác nhau v.v..., họ phải tự trang bị lấy một cái vốn kiến thức rộng rãi, điều không nhất thiết cần nơi những người sáng tác" (VH. 17-8). Đó là lý tưởng. Trên thực tế, không có gì là chắc chắn cả. Ngày trước, viết quyển Thi nhân Việt Nam, đứng trước yêu cầu "vô tư và khách quan", Hoài Thanh, sau khi thú nhận là đã không thể giữ được sự "khách quan", khẳng định một cách đầy tự tin: còn "vô tư thì tôi đã vô tư hết sức" (12). Thật ra, Hoài Thanh lầm. Ngay cả sự "vô tư" ông cũng không có, không thể có. Không có nhà phê bình nào có thể vô tư được cả. Đi vào lãnh vực phê bình, người ta không thể không đi vào lãnh vực lý thuyết văn học để, một cách có ý thức hay không, xây dựng cho mình một quan điểm thẩm mỹ, hầu căn cứ vào đó, họ chọn lọc, đánh giá và cảm thụ các tác phẩm văn học. Đã đặt chân trên một quan điểm thẩm mỹ nhất định nào, làm sao người ta có thể vô tư được? Ở trên, tôi có viết: Vũ Ngọc Phan đánh giá thấp, rất thấp Hoài Thanh cũng như hầu hết các nhà phê bình cùng thời khác "không chừng vì đố kỵ". Viết như vậy không chừng oan cho Vũ Ngọc Phan. Lý do có khi giản dị hơn nhiều: chỉ vì Vũ Ngọc Phan có một quan điểm phê bình riêng. Quá tin vào quan điểm ấy, coi quan điểm ấy là mẫu mực, ông dễ trở thành bất công đối với người không đồng điệu với ông. Thì cũng là thường.

Thiếu sót và sai lầm trong việc đánh giá các tài năng đương đại, do đó, chỉ là việc bình thường. Với cả nhà văn viết phê bình lẫn các nhà phê bình chuyên nghiệp. Với tất cả. Trừ lịch sử. May ra. Võ Phiến biết thế và chấp nhận như thế. Ông chỉ tự dặn dò: "Miễn mình thành tâm và thận trọng" (13).■

Melbourne 14.6.95

Chú thích:

1. Các trích dẫn từ tác phẩm của Võ Phiến, để cho tiện, đều được ghi xuất xứ ngay phía sau, kèm theo số trang. Tên tác phẩm được viết tắt theo quy ước như sau: TB: Tạp Bút (Văn Nghệ, 1989); VH: Văn học Miền Nam, tổng quan (Văn Nghệ, 1986 và 1988); T1: Thơ Miền Nam, tập 1 (Văn Nghệ, 1991); TR1: Truyện Miền Nam, tập 1 (Văn Nghệ, 1992); TR2: Truyện Miền Nam, tập 2 (Văn Nghệ, 1993); DT: Đối Thoại (Văn Nghệ, 1993).
2. Quyển Chúng ta, qua cách viết được in lại trong tập Tiểu Luận, Văn Nghệ, California, 1988, tr. 159-314.
3. Hoài Thanh & Hoài Chân (1942), Thi nhân Việt Nam, Thiều Quang tái bản tại Saigon, 1967, tr. 392.
4. Nam Chi (1990), "Những đóng góp của Thế Lữ vào phong trào Thơ Mới", Đoàn Kết số 420 (1/90), tr. 27.
5. Võ Phiến (1994), "Thơ tình Trần Dạ Từ", Thế Kỷ 21 số 61, tháng 5/1994, tr. 59. 6. Như trên, tr. 60.
7. Tạp chí Văn Học (California) số 20 tháng 9.1987, tr. 41.
8. Võ Phiến (1990), "Thế cuộc", Làng Văn số 71 tháng 7.90, tr. 39-41.
9. Kermode, Frank (1975) (biên tập và giới thiệu), Selected Prose of T.S.Eliot, Faber & Faber, London, tr. 73-4.
10. Như trên, tr. 74.
11. Eliot, T.S. (1969), On Poetry and Poets, Faber & Faber, London, tr. 106-7.
12. Hoài Thanh & Hoài Chân (1942), Thi nhân Việt Nam, sđd, tr. 393.
13. Võ Phiến (1994), "Thơ tình Trần Dạ Từ", bđd, tr. 60.

HẠO NHIÊN

LILA

Kẻ nào đến gần Chân lý kẻ ấy sẽ nhảy múa

PHÚC ÂM

Tình động trong lòng, phát ra lời nói, nói không đủ thì ngâm, ngâm không đủ thì hát, hát không đủ thì nhảy múa...

KINH THI

Giữa trang Phúc Âm
bừng khai vũ hội
kèn đồng Thiên sứ nổi
nhạc thơm huệ trắng ngà
Hosana! Hosana!
thân hình bốc cuộn lửa
cánh tay lượn guồng mây bủa
bàn chân lừng sóng xoáy giông
Cả đất trời
rượu nho
sữa
mật ong
vũ hội
vũ trường
An-pha Ô-mê-ga
vĩnh hằng hoan ca
chơi đùa nhảy múa...

*

Có ai chợt hiểu
Vì sao
ZARATHRUSTRA
và
CIVA
đều là vũ công?
và Lạc Việt mặt trống đồng
khắc hình người múa nhảy?

*

Phù điêu
rắn lạnh đá
rêu thời gian buốt giá
mà ấm máu thơm da
ơi các nàng Ap-xa-ra
vũ nữ của Trời
ta áp môi vào
mặc cho đời thả trôi
ướt đẫm tràn trề gò đống vú cùng ngọn chung
nguồn tuôn lũ
đỉnh Si-Nai châu thổ Mê-Kông
điện đài Ai-Cập
sườn non bãi sông
những cườm tay du dương
những ngón chân dìu dặt
nhảy múa
nô đùa
ca hát...

*

Nhé chị Hai
hãy rời cây trúc xinh
đừng đứng chi một mình
hát quan họ
vốn cháy ngầm than nỏ
tiết tấu điệu làn sẵn chứa nhạc jazz
giữ nguyên áo tứ thân
tóc vấn đuôi gà
vào vòng nhảy sex
liếc ngọt dao cau mắt xếch
đứt đoạn luân hồi
chỉ còn luân vũ ngàn đời
từng cặp nhảy đôi
Lambada
chiêng cồng đực cái
ơi chị Hai ơi!

*

Môi an lạc nét cười đức Phật
lướt nhanh lên
cho hài không chạm đất
quay nhanh nữa
cho thần xác tung bay
âm dương ngũ hành vần xoay
rờ rỡ
ĐẠO
nhộn mãi trò trẻ thơ cụ Lão
rộn hoài tiếng nghêu ngao thầy Trang
giọng cười HERACLITE luôn vang
Pais Paizon!
gió Hy Lạp nọ buồm Dương tử
có chi mà bở ngỡ?
Tam Quan Con Người Ngọ Môn Thiên Nhiên Chữ
sẵn đề
UN GRAND JEU DIVIN!

*

Thương hại
mấy ngài hóa dại
xua đuổi cặp nữ nam
hơn hai nghìn năm múa nằm
trên nắp thạp đồng Đào Thịnh! *
Hia hốt cân đai
có đáng gì mà xúng xính?
Wake up and living
vào giữa đồng tiền
"Phong Hoa Tuyết Nguyệt"
buổi ấy Tiền LÊ
vẫn đang mải miết
nằm múa đê mê
quấn quít bốn đôi trai gái... **

*

ơi LILA
thế gia vũ trụ lá đa
con người nô đùa nhảy múa
HOMO LUDENS...

Noãn hàn hiên, Hà Nội, 1980

* Có mấy vị cán bộ cấp cao chỉ thị phải đục bỏ tượng nam nữ nằm giao hợp trên nắp thạp đồng Đào Thịnh vì lẽ nó khiêu dâm".
** Đó là hình khắc trên mặt đồng tiền thời Tiền Lê.

TÓM LƯỢC NHỮNG BƯỚC LÊN LƯỚI

Trong số báo 75, chúng tôi đã có bài giải thích về điều kiện cần và đủ để độc giả có thể đọc báo TK 21 trên lưới điện toán. Nhiều vị không có số báo đó trong tay, đã gửi thư hoặc e-mail hỏi thăm, chúng tôi xin tóm lược lại ở đây những bước căn bản.

Trước hết, quý vị cần có:

- máy điện toán loại mạnh (386 với 4 MB RAM trở lên).
- modem 14400 bps.
- có trương mục với một hãng cung cấp dịch vụ chuyển vận thông tin điện tử. (Ghi chú: riêng *America Online* hiện chưa có tiếng Việt).

Từng bước lên lưới

1. Mở máy, xem lại modem.

2. Mở sẵn một ngăn (*directory*) để chứa phông chữ Việt — thí dụ C:\TEMP, đề phòng trường hợp đọc xong muốn bỏ đi cũng không đụng chạm đến các hồ sơ khác trong máy.

3. Mở chương trình của hãng cung cấp dịch vụ điện toán mà quý vị có trương mục.

- Vào Windows, chạy NetCruiser (*icon* của chương trình này đã có sẵn trong Program Manager sau khi quý vị cài đặt nó).
- Một khung trao đổi mới hiện lên, quý vị đánh mật hiệu (*password*) — mà quý vị đã chọn khi cài đặt. Bấm nút Login, *modem* của quý vị sẽ hoạt động và gọi điện thoại vào trạm của Netcom để nối máy của quý vị vào mạng lưới.
- Một khung trao đổi khác hiện lên. Quý vị đánh

http://www.vietmedia.com

Tùy công suất máy và *modem*, hình ảnh và chữ hiện ra mau hay chậm, quý vị sẽ thấy tất cả những "bảng hiệu" của Vietmedia, trong đó có khung "News".

- Bấm vào khung "News" quý vị sẽ thấy tên một số báo hoặc đài phát thanh (trong đó có *Thế Kỷ 21* và *VNCR*).
- Cho *cursor* chạy đến chỗ *Thế Kỷ 21* và bấm, quý vị sẽ thấy trang mục lục của tờ báo. Chỉ một số bài được đưa lên lưới, nên quý vị chỉ đọc được trên máy những bài có đánh dấu (*highlighted*). Đọc những bài này mà thấy thích (hẳn là thích rồi, phải không), quý vị muốn đọc các bài khác (hấp dẫn hơn!!!) xin đặt mua dài hạn! Địa chỉ tòa báo có in trên đầu hoặc cuối trang. Có thể dùng e-mail, cho địa chỉ, tòa báo sẽ gửi báo và... bill cùng lúc.

4. *Download* phông tiếng Việt: cần có phông chữ Ánh Minh, do nhóm TriChlor chế ra.

Có hai trường hợp:

a/ Nếu máy của quý vị đã có sẵn bộ chữ Việt TriChlor, chỉ cần vào mệnh đơn (*menu*) *Settings*, chọn *WWW Options* rồi chọn *Font*. Chọn phông Ánh Minh là đủ, không cần quan tâm tới các cỡ và dạng chữ. Bấm *OK*.

Vào mệnh đơn *View*, bấm *Refresh*. Trang báo hiện ra với dấu chữ Việt đầy đủ.

b/ Nếu máy của quý vị đã có những bộ chữ Việt khác (như VNI, VNU, VNLabs...) nhưng không có TriChlor, thì phải *download*: Bấm con chuột vào dòng *Download Vietnamese (VISCII for WINDOWS) Fonts HERE!!!. Máy sẽ hỏi quý vị muốn download* vào đâu. Chọn C:\TEMP.

Bấm con chuột vào *icon MSDOS* để tạm ra khỏi Windows. Ở dòng huệu lệnh DOS, đánh lệnh

vnkinst.exe

rồi vào lại Windows bằng cách đánh lệnh

exit

Mở *Control Panel*, chọn phần *Fonts*, và bấm nút *Add* để chọn nạp thêm phông. Chọn Ánh Minh thường, không cần chọn Ánh Minh hoa (có chữ H ở sau).

Lúc này, trong máy của quý vị đã có phông anh Minh. Quý vị đi theo những bước trong đoạn a/.■

THƯ TRÊN LƯỚI

Có chút muối

Tại sao các bạn lại lên lưới? Bạn tưởng thiên hạ thèm bắt mấy con cá con là bạn chăng? Tôi cóc có tiền để ủng hộ, nhưng có chút muối cho bạn, phòng khi bạn muốn làm cá khô.

Ông Đạo Montréal

Tiếng Việt trên lưới

Rất mừng khi thấy TK21 bước vào không gian của tin học (*cybersapce*). Chưa đọc TK21 trên lưới. Không biết vấn đề tiếng Việt khi

chuyển vào lưới có như bản in không hay lại dùng những dấu ++, ., Á, v.v... thì ngại rằng việc đọc bài trong lưới không có được sự chú tâm bằng bản in. Chúc TK21 ngày càng mạnh tiến và được phổ biến rộng rãi hơn nữa.

Bui Van Phu.

"Philip P. Bui" hilipb@acorn.ousd.k12.ca.us

Xin đọc bài "Lên Lưới" trong số 75, có nói về tiếng Việt trên lưới. Cám ơn lời chúc, và cũng xin chúc lại hai bạn hạnh phúc, vui tươi.

Đau lòng HO

TK 21 số 77, trang 32, có cái hí họa làm tôi hơi khó chịu. Theo tôi, phần thứ ba của hí họa này không chỉnh. Với tư cách độc giả, tôi cho rằng vẽ như thế làm đau lòng những người HO. Phải phân biệt rõ kẻ gây ra tội và các nạn nhân — trong trường hợp này cán bộ Việt Cộng là tội phạm, còn những bạn HO là nạn nhân.

Tin Tran

ttinyfpn.com

Trong thế giới biếm họa, sự tưởng tượng phóng túng hơn trong thế giới nghiêm trang. Và các ý tưởng cũng dễ được chấp nhận hơn. Khi tác giả (họa sĩ Hiếu) đặt cái ý tưởng khá ngây ngô của một cán bộ cộng sản là muốn đi theo diện HO trong hí họa, thì bản thân chúng tôi, cũng là HO, không thấy có gì là bị xúc phạm cả. Trái lại, chúng tôi còn cười *rất nhiều vì bức hí họa đó.*

Xin xem lại

Chào các bạn,

Không hiểu vì lý do gì, bài của Trần Chung Ngọc, "Góp ý về một số phản ứng trên Thế Kỷ 21" trên lưới không gọi ra được. Xin xem lại *syntax* trong *"link" statement.*

PN: pnguyen@compuserve.com

Đợi

Chào mừng *HKP writer of the month!* Đang đợi "Cây Tùng Trước Bão 2."

TN: tongocyaol.com

Nhà văn Hoàng Khởi Phong, một cộng tác viên thường xuyên của TK 21 từ đầu, vừa ra mắt tập truyện "Những Con Chuột Thời Thơ Ấu." Trên lưới, HKP được Vietmedia giới thiệu là "nhà văn trong tháng," không có nghĩa là một chọn lựa có đánh giá, mà chỉ là giới thiệu cuốn sách ra trong tháng! Tuy nhiên, TK 21 cũng đã mời quý độc giả tìm đọc cuốn này từ số báo tháng Bẩy.

Sẽ dùng e-mail gửi bài

Cám ơn anh đã gửi thư cho biết lý do bài bị mất khúc đuôi. Ngay sau khi gửi thư cho anh, tôi đã tình cờ đọc được TK 21 trên lưới WWW, và thấy bài của tôi trên đó đầy đủ. Như vậy đúng là bài bị mất khi chuyển từ đĩa này sang đĩa khác, chứ không phải bị tòa soạn "đục bỏ."

Với địa chỉ *e-mail,* tôi sẽ gửi bài cho TK 21 trực tiếp nhanh chóng và dễ dàng.

Pham Phan Long: *lpphamyix.netcom.com*

Không tìm thấy font

Tôi đã đọc bài *Lên Lưới* [của Lê Tam Ca, số 75]. Theo sự chỉ dẫn của anh, tôi đã download Font Ánh Minh, đã add font vào Control Panel, nhưng khi thực hiện bước a tôi không tìm thấy Font trong WWW Option trên Menu bar của Netscape Navigator.

Xin anh vui lòng giúp cho. Cám ơn rất nhiều.

Thanh Hoang *University of Houston*
tth3369@Jetson.UH.EDU (Thanh Hoang)

Tòa soạn đã nhờ Vietmedia trả lời trên lưới. Cám ơn bạn. Chúc thành công.

NHẮN TIN LƯỚI

"Lưới" của TK 21 đã nhận được sự yểm trợ của quý thân hữu sau đây: (1)Thân hữu ở Anaheim. (2)TH ở McLean VA. (3)TH ở Orange. (4)TH ở Woodland Hills. (5)GS Tôn Thất Thiện. (6)Nhà văn Trà Lũ Trần Trung Lương. (7)TH ở Lorton VA. (8)TH ở McLean VA. (9)TH ở Montréal. (10)Nhà văn Trương Anh Thụy và Tủ sách Cành Nam. (11)TT Thích Giác Lượng (Pháp Duyên Tịnh Xá, San Jose): mỗi tháng yểm trợ $50.00. (12)TH ở Issaquah WA. (13)TH ở San Jose. (14)Nhà thơ Phạm Xuân Tích ở Paris. (15)GS Bùi Xuân Quang ở Paris. (16)TH Bùi Đông Triều. (17)TH ở Sunnyvale CA. (18)TH ở Shoreview MN. (19)TH Nguyễn Văn Cường ở Norway. (20) Trương Vũ.

Một số thân hữu không muốn nêu danh tánh trên báo và trên "lưới" nên chúng tôi xin phép chỉ ghi TH và tên thành phố.

Sự yểm trợ của quý thân hữu vô cùng cần thiết, vì ngoài phí tổn cài đặt (*install*) ban đầu, mỗi tháng còn phải trả một phí khoản "lên lưới" giống như bản in phải trả tiền nhà in vậy. Do đó, xin quý thân hữu tiếp tục yểm trợ, giới thiệu thêm độc giả, và nếu có thể, đăng quảng cáo trên "lưới"! Trân trọng cảm tạ quý vị.■

Nhân đọc Hà Sĩ Phu

MÁC XÍT CŨNG LÀ MỘT CĂN BỆNH NỮA

VƯƠNG HỮU BỘT

Trong số này TK 21 đăng bài của ông Hà Sĩ Phu, một nhà khoa học hiện ở Đà Lạt Việt Nam, trong đó ông nói thẳng đảng Cộng sản phải gác bỏ chủ nghĩa Mác xít đi, không nên dùng nó như một cái bình phong che đậy cho "chế độ phong kiến cuối cùng đang kìm hãm sự tiến bộ của xã hội". Bài viết này, đã phổ biến ở Việt Nam, chứng tỏ dũng khí của tác giả, xứng đáng gọi là một sĩ phu nước Việt.

Nhưng chủ nghĩa Mác xít không phải chỉ tác hại dân tộc ta với tính cách một bình phong. Thật ra, chủ nghĩa đó còn tác hại một cách sâu xa hơn, như một căn bệnh đã thâm nhập vào trong phủ tạng của nhiều người, nhất là những nhà trí thức, không cứ là đảng viên cộng sản.

Chúng ta cần nhìn rõ điều đó, nếu không nó có thể còn tiếp tục tác hại thêm nữa. Trong số những người đảng viên cộng sản đã phản đối chính sách của đảng hiện nay chỉ có ông Nguyễn Hộ dứt khoát nói ông từ bỏ cả chủ nghĩa lẫn đảng cộng sản. Còn nhiều người từng nói thẳng rằng đảng sai lầm, nhưng tư tưởng của Marx thì họ không đề cập tới. Không phải họ còn lưu luyến gì lý thuyết của Karl Marx; nhưng họ thành thực không biết nó sai và còn tác hại như thế nào cho nên không nói đến.

Chủ nghĩa Mác xít di hại trên mặt kinh tế, chính trị và văn hóa như ông Hà Sĩ Phu nói đến. Nhưng đối với những nhà trí thức suy tư về chính trị, nó còn tạo một thói quen suy nghĩ và lý luận. Chính thói quen này cũng có thể là mầm gây hại nữa. Ở đây chúng tôi chỉ nói riêng về tư tưởng chính trị của Karl Marx.

Chính trị là sự xếp đặt xã hội loài người để mưu lợi ích chung, tạo nên cuộc sống trật tự, là điều kiện cần yếu để làm ăn sinh sống và sinh hoạt văn hóa.

Có hai truyền thống khác nhau trong tư tưởng chính trị, một căn cứ vào triết lý siêu hình, một căn cứ vào nền đạo đức thể nghiệm, dựa theo quy luật tự nhiên.

Truyền thống siêu hình, như tư tưởng của Platon, Hegel hay Marx đặt trên giả định rằng có một chân lý tuyệt đối, tiên thiên, mà xã hội loài người mô phỏng theo.

Từ đó họ mô tả một xã hội lý tưởng, giống như thiên đường nơi hạ giới, và công việc chính trị trở thành việc nhào nặn xã hội (*social engineering*) cho phù hợp với lý tưởng họ đã tìm ra. Hình ảnh của xã hội họ muốn đạt tới là cố định, như chỗ cuối cùng của lịch sử. Nó chú trọng đến tập thể, cá nhân không đáng kể, và có hệ cấp trên dưới. Trên cùng là những người "giác ngộ chân lý," những người này tự coi có trách nhiệm và có quyền áp đặt cách nhìn thế giới của họ trên những người khác. Họ là tầng lớp ưu tú, đáng ngồi chỗ cao nhất xã hội, vì họ là "đỉnh cao trí tuệ của loài người." Trong tư tưởng Platon thì có các vị "vua hiền triết," trong Marx thì có giai cấp tiên phong của lịch sử.

Tựu chung, lối suy nghĩ này có thể biện minh cho các chế độ độc tài. Không những thế, nó có thể và đã dẫn tới việc dùng bạo lực tàn khốc trong chuyện con người đối xử với nhau, như các cuộc khủng bố của Robespierre, hay Đại Cách mạng Văn hóa ở Trung quốc.

Truyền thống thứ hai không giả thiết có một mô hình lý tưởng, không đặt ra một hệ thống giáo điều, do đó cũng không ấn định một hệ cấp trong xã hội. Không ai thuộc lớp người ưu tú vì không ai được coi là hiểu biết về sự thật, về cái thiện hơn người khác.

Tư tưởng chính trị trong truyền thống này dựa trên một nền đạo đức học, trong đó mỗi người tự hạn chế quyền tự do của mình vì điều này không tránh được khi sống chung bên nhau. Việc chính trị chỉ là thiết định những quy tắc sống chung, vì nhu cầu thực tế. Như vậy, chính trị có tính cách tương đối, có thể thử nghiệm và sửa đổi, mọi cá nhân đều có giá trị tương đương với nhau trong cuộc thử nghiệm này. Xã hội xếp đặt trên căn bản sự tương nhượng của mọi người. Ai nấy được tôn trọng như nhau và được khuyến khích tự tu thân để cuộc sống xã hội dễ chịu hơn. Xã hội không sắp xếp theo một ý niệm tiên thiên và lý tưởng nào cả.

Nho giáo, Phật giáo, cũng như Thiên chúa giáo hiện có ở nước ta có thể là nền tảng cho tư tưởng chính trị trong truyền thống thứ hai này. Các triết gia mấy thế kỷ gần đây, từ John Locke,

Montesquieu, cho đến Karl Popper ở thế kỷ này, đã đề nghị các quy tắc cùng hình thức cộng tác và tương nhượng, tạo nên tư tưởng nền tảng của xã hội dân chủ. Nhưng căn bản của tinh thần dân chủ là mọi người có giá trị bằng nhau, như nói ai cũng phải lấy việc tu thân làm gốc (Khổng tử), ai cũng có thể được giải thoát thành Phật, hay mỗi linh hồn đều thiêng liêng như nhau trước Thiên chúa.

Các truyền thống Khổng, Phật, và Thiên chúa giáo đã bắt đầu từ mấy ngàn năm. Trong lịch sử nhiều chế độ độc đoán đã dùng các hình thức bên ngoài của Khổng giáo hay Thiên chúa giáo làm "bình phong." Việc khơi mở các nguồn suối tinh thần đó, áp dụng vào cách sắp đặt xã hội sao cho hợp tình hợp lý, mà ta gọi là chế độ dân chủ, là việc của người thời nay. Đem chế độ vua quan xưa ở nước ta, khi Khổng giáo và Phật giáo được phổ biến mà không chiếm địa vị độc tôn, so sánh với chế độ độc đảng cực quyền ngày nay, thì thời xưa chế độ còn hợp với tình người hơn nhiều.

Suy nghĩ như vậy thì chúng ta thấy điều đầu tiên mà các anh chị em trí thức ở nước ta nên làm là "tiễn chủ nghĩa Mác xít ra đi" như Hà Sĩ Phu nói, nhưng không phải chỉ là tiễn đưa bằng cách vứt bỏ một cái bình phong mà chế độ phong kiến cuối mùa ở nước ta đang ẩn núp. Trí thức nước ta trong đảng cộng sản phải gột rửa cả thói quen suy tư về hệ thống chính trị theo lối chủ nghĩa Mác.

Khoa học ngày nay rất khiêm tốn. Những hiểu biết khoa học còn luôn luôn tự coi là tạm thời. Chính trị chỉ tìm cách áp dụng khoa học vào cuộc sống xã hội loài người, càng tương đối hơn nữa. Tôn giáo cố vươn lên cõi tuyệt đối, không thể can thiệp vào chính trị. Điều nguy hiểm nhất của Mác xít là muốn trở thành một tôn giáo, lãnh đạo chính trị, và tưởng mình là khoa học.

Nó đã nhiễm độc vào nhiều thế hệ các nhà trí thức, không phải chỉ ở trong nước ta mà trong cả nhân loại hơn một thế kỷ vừa qua. Cho nên những người bị căn bệnh truyền nhiễm đó không có gì phải hổ thẹn khi tự tìm cách trị bệnh. Nhất là công việc gột rửa đó là một bước trên con đường họ tìm trở về với cội nguồn tâm linh của dân tộc và của loài người.■

JM MORTGAGE CORPORATION
17802 IRVINE BLVD. #125 TUSTIN, CA 92680
Tel: 714-544-5009 * Fax: 714-544-5677

Quí vị có thể giảm payment nhà hàng trăm đồng mỗi tháng nếu tiền lời cố định ngân hàng 9% trở lên, hoặc chuyển từ lãi xuất thả nổi qua lãi xuất cố định. Không tốn chi phí cho chương trình này.

Đặc biệt: Quí vị có nợ chính phủ FHA hoặc VA không cần appraisal, không cần việc làm, không cần credit, mà vẫn giảm payment hàng tháng

JM Mortgage còn làm home improvement loans, mua nhà không cần tiền down, hoặc không muốn giữ căn nhà nữa.

Cần tuyển license loan officer, huê hồng cao.

Xin gọi Kha John Nguyễn 714-544-5009 / Beeper 714-571-6885, 1-800-JM-Lends hay 1-800-565-3637 ở ngoài Orange County.

CỘNG TÁC VỚI REAL ESTATE BROKERS, LOAN AGENTS, CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC
KHA JOHN NGUYỄN / Real Estate Broker
Cal Dept of Real Estate
Tel: 714-544-5009 * Beeper: 714-571-6885
1-800-JM-LENDS or 1-800-565-3637

ĐÊM NGÀN KHƠI 1995

LÒNG THỦY CHUNG CỦA NGƯỜI VIỆT XA XỨ

TÂM HÒA



Năm 1995 đánh dấu 20 năm người Việt rời bỏ quê hương đi tìm cho mình một lẽ sống: Tự Do. Hai mươi năm đó, được mọi người Việt Nam hải ngoại nâng niu, ấp ủ như một lời nhắc nhở thường xuyên: Tỉnh thức về thân phận của mình. Ngay từ cuối năm 1994, các chương trình Kỷ Niệm 20 Năm Xa Quê Hương đã được chuẩn bị sôi nổi ở khắp nơi trên thế giới có người Việt Nam sinh sống. Riêng tại Hoa Kỳ, *Dự Án 20*, với sự bảo trợ của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, được tổ chức nhằm giới thiệu nét đẹp văn hóa Việt Nam với người bản địa, đồng thời nêu lên những đóng góp về mọi mặt của người Việt vào đất nước tạm dung đặc biệt về các sinh hoạt văn hóa. Khắp nơi trên đất nước Hoa Kỳ, từ đông sang tây, từ bắc xuống nam, bất cứ nơi nào có người Việt Nam sinh sống, ở đó đều tổ chức nhiều chương trình kỷ niệm 20 năm rất sôi nổi và cảm động. *Đêm Ngàn Khơi 1995* (cũng là Đêm Ngàn Khơi thứ 6) được tổ chức cũng để hòa chung trong các sinh hoạt kỷ niệm này.

Đêm 9 tháng Chín, 1995, tại thị trấn La Mirada, miền nam California, Hoa Kỳ, tưng bừng đón từng dòng, từng dòng người Việt đổ về La Mirada Theatre. Họ là ca nhạc sĩ của Ngàn Khơi, là người yêu thích bộ môn Hợp Xướng Hòa Tấu. Tất cả đều hối hả đến với buổi diễn và mang tâm trạng của những người thân yêu tìm lại với nhau. Họ cùng tìm đến nơi này để chiêm ngưỡng và nâng niu các báu vật trong kho tàng âm nhạc Việt Nam được mang theo cùng kiếp sống tha hương của họ.

Đúng 8 giờ chương trình Hợp Xướng Hòa Tấu được khai diễn với gần 200 ca nhạc sĩ và 1,000 khán giả ngồi chật thính phòng.

Chương trình được mở đầu với trường Ca *Hòn Vọng Phu* của Lê Thương do Ban Hợp Xướng và Tứ Ca Ngàn Khơi phối hợp cùng giàn nhạc Đại Hòa tấu trên 50 nhạc sĩ trình bày. Phần hòa âm của Lê Văn Khoa rất cẩn trọng cùng ban Hợp Xướng Ngàn Khơi qua tập luyện công phu, trình bày với tất cả tấm lòng đã nâng cao thêm giá trị trường ca *Hòn Vọng Phu* của Lê Thương lên một bậc. Người nghe được dẫn đưa trở lại với câu chuyện cổ tích bi ai được Lê Thương cách điệu. Bài hát ghi dấu tâm tư người dân Việt thời cận đại hào hùng — thập niên 1940. Con dân Việt thời nào cũng vững vàng tiếp nối chí khí trượng phu trước nghĩa cả của tiền nhân đó là lấy sự tồn vong của giống nòi là trọng. Qua *Hòn Vọng Phu,* Ngàn Khơi khẳng quyết ưu tư của mình cũng như của cộng đồng Việt hải ngoại là trách nhiệm tiếp nối bảo tồn nền nếp Việt Nam ngàn năm đó.

Liên khúc kết thúc gồm ba bản *Se Chỉ Luồn Kim, You'll Never Walk Alone* và *America The Beautiful* do hai ban hợp xướng Ngàn Khơi và Westminster cùng trình bày với giàn nhạc Đại Hòa Tấu. Phần hòa âm do Lê Văn Khoa, Raymond Woods và Norberto Guinaldo soạn. Cả thính đường rộn ràng hẳn lên khi hơn trăm ca nhạc sĩ vừa Việt Nam, vừa Hoa Kỳ sát cánh bên nhau trình bày ba bài hát này. Mở đầu liên khúc, khi những ca sĩ Hoa Kỳ cùng hát bài *Se Chỉ Luồn Kim* với âm lượng dầy dặn, chắc nịch, nhả chữ chính xác, tạo sự thích thú cao độ cho người nghe. Tiếp theo hai ca khúc Hoa Kỳ tươi tắn, khỏe mạnh, thể hiện rõ nét trẻ trung của một đất nước tiềm tàng nhiều sinh lực và khả năng vô tận để tiến vào tương lai với niềm tin và hy vọng nơi mỗi con người.

Ngoài phần mở đầu và kết thúc, chương trình được diễn tiến nhuần nhuyễn với 17 tiết mục khác. Trong đó các bản dân ca Việt Nam chiếm với tỷ lệ cao: sáu.

Nguyễn Thành Vân, một ca sĩ trẻ, khá thành công với những bài đơn diễn về thể loại dân ca như: *Lý Chiều Chiều, Chặt Gỗ Đóng Thuyền* (một điệu Dân ca miền Thượng)... và xuất sắc cùng Bích Liên qua bài song diễn *Lý Ngựa Ô,* một dân ca miền Nam tươi tắn, nhí nhảnh, trẻ trung đậm đà tính cách đơn sơ, hồn nhiên của vùng Lục Tỉnh Đồng Nai.

Ban Ngũ Ca Ngàn Khơi với năm giọng ca nam, xuất sắc thể hiện điệu dân ca *Lý Con Ngựa Tây.* Điệu dân ca này nguyên có tên là *Lý Con Ngựa Quảng Nam,* phát xuất từ vùng đất có truyền thống văn học và tinh thần đấu tranh lâu đời. Tính cách con người và thiên nhiên đất Quảng được nhận thấy rất rõ qua nội dung bài hát cả về giai điệu lẫn lời ca. Với phần hòa âm của Lê Văn Khoa, và với kỹ thuật thanh nhạc vững vàng của ban Ngũ Ca, tinh thần bài hát đã được thể hiện một cách đáng ca ngợi.

Ban Thiếu Nhi Ngàn Khơi gồm 25 em thiếu nhi trên dưới 10 tuổi trình bày một điệu dân ca quen thuộc của vùng Quan Họ Bắc Ninh: *Trống Cơm.* Với những chiếc áo gấm, quốc phục truyền thống, các em chững chạc cùng giàn nhạc Đại Hòa Tấu trình bày bài hát rất thành công và đầy tự tin. Đạt được điều này, phải ghi nhận phần đóng góp không nhỏ của Bích Liên, người trách nhiệm tập luyện cho Ban Thiếu Nhi Ngàn Khơi. Các em cũng trình bày khá thành công tiết mục: *Tôi Yêu,* một ca khúc của Trịnh Hưng.

Ban Hợp Xướng Westminster Choral trình bày riêng ba ca khúc. Nhìn chung không mấy thành công. Có thể vì lạ với người nghe, cũng có thể vì lý do dường như sự chuẩn bị chưa được chu đáo.

Hai tổ khúc *Bầy Chim Bỏ Xứ* của Phạm Duy và *1975* của Lê Văn Khoa (trích đoạn) cũng không mấy thành công. Sự phối hợp giữa Hợp Xướng và Hòa Tấu chưa đạt được sự gắn bó cần thiết.

Về phần đơn ca, Thái Hiền trình bày *Nghìn Thu* của Phạm Duy và Quỳnh Giao trình bày *Đêm Nhớ Trăng Sàigòn* của Phạm Đình Chương phổ thơ Du Tử Lê với nhiều xúc cảm của người trình bày.

Những ca khúc mới, được phân công cho các giọng ca chủ lực của Ngàn Khơi.

Ca khúc *Mây Trôi* của Nguyễn Văn Quỳ được Vũ Anh trình bày. Với giọng ca điêu luyện đầy kỹ thuật, nhất là phát âm nhả chữ rõ ràng từng lời từng câu, Vũ Anh đã cống hiến người nghe một ca khúc tuy mới lạ nhưng dễ dàng tiếp nhận qua giọng hát vững vàng chứa chan tình cảm.

Bích Liên trình bày ca khúc *Nhắn Về Quê Mẹ* nhạc của Trần Chúc, Bích Liên biên soạn lời. Cô đã có nhiều cố gắng, hòa mình theo nội dung bài hát và say sưa cất cao tiếng hát bày tỏ tâm tình và hy vọng:

Sẽ có ngày đất nghèo nở hoa
Sẽ có ngày xóm làng rộn câu ca...

Thiên Thanh trình bày ca khúc *Mơ Về Quê Tôi* của Lê Văn khoa với giọng soprano cao vút, điêu luyện, qua thanh âm, Thiên Thanh dẫn người nghe vào vùng mờ ảo của hoài mong, nỗi thổn thức trước tâm và cảnh. Vì kỹ thuật hát opera đã hạn chế sự phát âm tiếng Việt nên người nghe dù rất cố gắng cũng không thể lãnh hội hết cái hay, cái đẹp của lời ca. Tuy nhiên trong chừng mực nào đó, Thiên Thanh cũng đã lưu lại trong người nghe dư âm tiếng hát hiếm hoi của cô.

Nhìn chung, chương trình *Đêm Ngàn Khơi 1995* đã chứng tỏ thiện tâm và sự cố gắng lớn lao của người tổ chức. Tổ chức những chương trình Hợp Xướng Hòa Tấu là một công việc vô cùng khó khăn dù chỉ mỗi năm một lần. Điều này, ngay ở trong nước, từ mấy chục năm nay cũng rất hiếm hoi, dù với phương tiện quốc gia. Trải qua hai chế độ Cộng Hòa trước năm 1975, các buổi trình diễn Hợp Xướng Hòa Tấu cũng chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Vậy mà, Ngàn Khơi đã tổ chức được buổi thứ sáu. Quyết tâm và thiện chí của Ngàn Khơi được nhận rõ hơn qua lần trình diễn thứ sáu này đó là: Hiện đại hóa, nâng cao tầm thưởng ngoạn dân ca và các bài hát có giá trị của Việt Nam.

— Hội nhập vào xã hội Hoa Kỳ qua việc phối hợp hoạt động với Westminster Choral là bước khởi đầu.

— Trẻ hóa thành phần trình diễn là chuẩn bị cho giai đoạn mới trong tương lai.

Dù mang nặng tâm trạng Người Mất Quê Hương, nhưng không bị lụy vì hoàn cảnh. Tiếng hát Ngàn Khơi vẫn vang lên lan xa: Lời ngợi ca quê hương cũ, bảo tồn vốn liếng dân tộc mang theo và cũng không quên tấm lòng bao dung của quê hương mới đã cưu mang đùm bọc. Đó là tấm lòng thủy chung truyền đời của những người Việt Nam dù ở bất cứ nơi nào. Xin cùng nghe lời ca của Bích Liên

Ta sẽ về sống lại tuổi thơ say mê

. . . . . .

Đời là bài ca
Tràn ngập lòng ta

(Nhắn Về Quê Mẹ)

và cùng hát với hai ban Hợp Xướng Ngàn Khơi - Westminster

From sea to shinning sea!
America! America

(America, the Beautiful).

Tháng Năm, 1995



QUẬN CAM

Đoàn Nghệ Thuật Truyền Thống Lạc Hồng trình diễn

Hơn 1000 khán giả đã đến thưởng thức một chương trình ca vũ nhạc dân tộc cổ truyền do đoàn Nghệ Thuật Truyền Thống Lạc Hồng trình diễn vào tối thứ Bảy 26 tháng Tám 1995 tại Robert B. Moore Theater của trường Orange Coast College, thành phố Costa Mesa, Nam California.

Bà Nguyễn Mai, chủ tịch của Đoàn cho biết buổi trình diễn này nhằm đánh dấu 20 năm cộng đồng Việt Nam định cư tại hải ngoại, cũng là đánh dấu 20 năm sinh hoạt văn nghệ của người Việt xa quê hương. Đoàn Lạc Hồng trong suốt



Đàn tranh và ban nhạc Dân Tộc Lạc Hồng

sáu năm qua liên tục cố gắng bảo tồn và phát huy nền văn hóa văn nghệ cổ truyền Việt Nam, nhân dịp này đã trình diễn một chương trình hợp xướng ca vũ nhạc với chủ đề: "Việt Nam 20 năm hải ngoại, nơi đây vẫn hát."

Giáo sư Nguyễn Văn Châu điều khiển toàn bộ chương trình của đêm nhạc hội, với gần 100 nhạc sinh và diễn viên đủ các bộ môn. Khán giả Việt cũng như Mỹ rất thích thú với âm thanh của dàn nhạc dân tộc gồm đàn tranh, nhị, gáo, bầu, tiêu, sáo, nguyệt... hòa cùng dàn hợp xướng, làm nền cho các vũ điệu dân gian... Ngoài sự đóng góp của một số nghệ sĩ tên tuổi như vũ sư Lưu Hồng, lão nghệ sĩ Việt Hùng, đa số nhạc sinh của Đoàn ở tuổi thanh thiếu niên. Đây là điểm son của Đoàn Lạc Hồng, kiên trì chiêu dụ người trẻ tuổi Việt Nam về với nghệ thuật dân tộc, ra công dạy dỗ huấn luyện để lớp trẻ có thể thừa kế các vốn liếng Việt Nam và phát huy nó ra trong đời sống lưu vong trên thế giới.

Sinh hoạt kịch Việt Nam có cơ sống dậy

Sau 20 năm sống tha hương, người Việt Nam đã dựng lại hầu hết những bộ môn nghệ thuật: Văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội họa, điêu khắc... thế nhưng sân khấu có vẻ vẫn là một mảnh đất còn bỏ trống. Thực ra 20 năm qua đã có nhiều nỗ lực làm sống lại kịch của những người yêu nghệ thuật sân khấu như Phan Tùng Mai (tác giả vở kịch *Người Giết Tần Cối*) từ San Jose, vở *Kiều Loan* do Kiều Loan con gái nhà thơ Hoàng Cầm dựng, vở *Bến Nước Ngũ Bồ* của Hoàng Công Khanh do Lê Văn Vũ Bắc Tiến dựng..., nhưng những cố gắng đơn độc đó đã biến nhanh trong dòng đời sống hối hả và đầy ắp cái mới mỗi ngày.

Có thể chính những bước đầu ấy đã thúc đẩy một số người yêu kịch nghệ đứng ra tổ chức những đoàn kịch: *Kịch Đoàn Việt Nam* và ban *Việt Kich* đã ra đời trong thời gian vừa qua tại Nam California.

Đứng đầu kịch đoàn Việt Nam là nữ tài tử Mai Phương, với sự cộng tác của các nghệ sĩ Thanh Lan, Băng Châu, Ngọc Phu, Hoàng Long, Hoàng Cầm, Anh Dũng, Trần Anh Việt..., đặc biệt với Nguyễn Minh Phương và Vũ Hạ, hai người tốt nghiệp khóa I trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Sài Gòn. Họa sĩ Khánh Trường phụ trách mỹ thuật sân khấu, Trần Văn Ân, Thúy Uyển phụ trách tổ chức trình diễn. *Kịch Đoàn Việt Nam* dự trù sẽ ra mắt công chúng vào tháng Mười Một sắp tới với vở *Lôi Vũ* của Tào Ngu, một tác giả Trung Hoa. Lôi Vũ được sáng tác năm 1933, đã được dịch ra 28 thứ tiếng, và trở thành một vở kịch lớn của sân khấu cổ điển thế giới.

Đứng đầu ban Việt Kịch là đạo diễn Hồng Phúc, với các diễn viên Ngọc Nuôi, Việt Hùng, Hồng Đào, Quang Minh, Hồng Nga, v.v... Ban Việt Kịch dự trù tổ chức một chương trình kịch kéo dài suốt mùa Thu 1995, với sân khấu "bỏ túi" là Phòng Sinh Hoạt Người Việt ở thị xã Westminster.

Triển lãm của nhiếp ảnh gia Nguyễn Phương Châm

Từ 26 tháng Tám đến 3 tháng Chín 1995, nữ nhiếp ảnh gia Nguyễn Phương Châm đã triển lãm ảnh nghệ thuật tại Phòng Sinh Hoạt của báo *Người Việt*, thành phố Westminster, California, dưới sự bảo trợ của Hội Ái Hữu Không Quân Miền Trung California.

Phương Châm là một nữ nhiếp ảnh gia của Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam, hội ảnh duy nhất có sinh hoạt thường trực và liên tục suốt 20 năm qua. Lần triển lãm này, tổng số tác phẩm trưng bày của bà khoảng 60 bức, tất cả đều là ảnh đen trắng, được chia hai đồng đều về số lượng: hình ảnh chụp tại ngoại quốc (phần lớn là



Hồng Đào và Quang Minh trong ban Việt Kịch

Mỹ) và hình ảnh chụp trong nước Việt Nam.

Tác giả cho biết trong nhiếp ảnh, bà chú trọng về đường nét, còn bố cục thì thiên về bố cục cổ điển. Đối với các đề tài quốc ngoại, cái nhìn và bố cục của bà bộc trực, *get to the point*, nhưng với các đề tài trong nước, bà đi vào chi tiết với cái nhìn đằm thắm, nhẹ nhàng, ẩn giấu nhiều xúc cảm.

Nữ nghệ sĩ Việt Nam tham dự triển lãm Women / Beyond Borders

Sáu nữ nghệ sĩ Việt Nam tại hải ngoại vừa được tuyển chọn tham dự cuộc triển lãm nghệ thuật vòng quanh thế giới mang tên *Women/ Beyond Borders*, gồm: Suzie Vương, họa sĩ (Santa Ana, California), Bé Ký, họa sĩ (Westminster, Cali.), Diem Phan, nhiếp ảnh gia (Tustin, Cali.), Nguyễn Lê Hà, họa sĩ và điêu khắc gia (Montreal, Canada), Lannie Cao, họa sĩ (Garden Grove, Cali.) và Darlene Nguyen-Ely, họa sĩ và điêu khắc gia (Long Beach, Cali.).

Women/Beyond Borders là một cuộc triển lãm quốc tế, quy tụ nhiều phụ nữ từ các quốc gia như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Áo, Kenya, Argentina, Tây Ban Nha, Mễ Tây Cơ, Thụy Điển, Phần Lan, Áo, Israel, Cuba, Pháp, Việt Nam... Riêng tại Việt Nam, sáu nữ nghệ sĩ cũng sẽ được chọn để tham dự cuộc triển lãm này.

Theo dự định, cuộc triển lãm sẽ lần lượt được tổ chức tại các nước có nghệ sĩ tham dự, và sau khi đi vòng quanh thế giới sẽ chấm dứt tại Hoa Kỳ vào năm 2000. Sau đó, toàn bộ các tác phẩm trưng bày sẽ được tập họp thành bộ sưu tập lưu giữ tại Smithsonian Institution.

Đại học UCI mở lớp văn hóa Việt

Đại học UCI mở rộng (UCI-Extension) tổ chức khóa mùa Thu 1995 một chương trình đặc biệt về văn hóa, văn chương và thi ca Việt Nam. Giáo sư Phạm Cao Dương được giao trách nhiệm điều hợp khóa học này. Giáo sư Dương cho biết ông đã mời một số văn nghệ sĩ, ký giả Việt Nam cùng tham gia diễn giảng các đề tài văn chương, thi ca, lịch sử Việt Nam. Nhiều tác phẩm sẽ được giới thiệu với học viên, bằng hai thứ tiếng Việt và Mỹ. Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc (714) 824-5414.

PHÁP

Phim "Xích Lô" đoạt Giải Sư Tử Vàng tại Đại Hội Điện Ảnh Venise

Đạo diễn điện ảnh Việt kiều tại Pháp, Trần Anh Hùng đã đoạt giải Sư Tử Vàng dành cho cuốn phim xuất sắc nhất của Đại Hội Điện Ảnh Venise, nước Ý, hôm 9 tháng Chín 1995, với cuốn phim "Xích Lô."

Phim "Xích Lô" do Trần Anh Hùng đạo diễn, và do người Pháp đầu tư thực hiện. Cách đây hai năm phim "Mùi Đu Đủ Xanh," tác phẩm đầu tay của Trần Anh Hùng đã được trao tặng giải "Máy Quay Phim Vàng" dành cho các đạo diễn trẻ tuổi tại Đại hội Điện ảnh Cannes, Pháp quốc, và năm 1994 là một trong các cuốn phim ngoại quốc xuất sắc được đề nghị dự tranh giải Oscar của điện ảnh Hoa Kỳ.

Phim "Xích Lô" được quay ở Việt Nam từ tháng Mười Một 1994, đã hoàn tất vào tháng Hai năm nay. Hầu hết diễn viên là người Việt Nam, trong đó có Lê Văn Lộc (Việt Nam) và Trần Nữ Yên Khê (Việt kiều tại Pháp, vai chánh phim "Mùi Đu Đủ Xanh") thủ vai chánh cùng với Lương Triều Vỹ, diễn viên Hồng Kông. Nội dung phim nói về một thanh niên bị lôi cuốn vào các hành động tội ác và bạo động tại thành phố Sài Gòn hiện nay.

Tin từ Đại Hội Điện Ảnh Venise 95 cho hay cuốn phim "Xích Lô" tranh giải Sư Tử Vàng cùng với 17 cuốn phim từ các nước trên thế giới được chọn vào chung kết. Vòng sau cùng còn

một phim của Bồ Đào Nha, ba phim của Ý và "Xích Lô" đã đoạt giải. Đạo diễn Trần Anh Hùng, các diễn viên Trần Nữ Yên Khê, Lê Văn Lộc (từ Việt Nam sang) và Lương Triều Vỹ, đều đã có mặt tại Venise để nhận giải thưởng cao quý này.

Nhà xuất bản An Tiêm (Paris) kỷ niệm 30 năm

An Tiêm là một trong những nhà xuất bản lớn của Việt Nam hoạt động từ năm 1965. Trong vòng 10 năm (1965-1975), An Tiêm đã tạo một chỗ đứng tốt đẹp trong sinh hoạt văn hóa của toàn miền Nam.

Sau năm 1975, như tất cả cơ sở văn hóa khác của miền Nam, nhà xuất bản An Tiêm phải đóng cửa. Mãi nhiều năm sau, ông Thanh Tuệ, giám đốc của An Tiêm, mới ra được nước ngoài. Tại Paris, mặc dù cuộc sống xa lạ và khó khăn, ông vẫn ôm ấp giấc mơ chữ nghĩa, sách vở, và rồi An Tiêm lại hoạt động, đem đến cho mọi người những cuốn sách giá trị, in ấn kỹ lưỡng, mỹ thuật.

Đặc biệt năm nay, 1995, kỷ niệm 30 năm thành lập, nhà xuất bản An Tiêm đã tung ra một loạt tác phẩm mới như *Đoạn Văn Xa Nước* của Vũ Khắc Khoan, *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh* của Nguyễn Du do Hoàng Xuân Hãn chú thích và hiệu đính, *Truyện Quán Âm Thị Kính* do Thiều Chửu chú giải, *Lối Xưa Xe Ngựa* của Nguyễn Thị Chân Quỳnh, *Tố Như Thi*, thơ chữ Hán của Nguyễn Du do Quách Tấn dịch, *Em Ơi Biết Đâu Tìm*, truyện của Kiệt Tấn... Loạt xuất bản ồ ạt này cho thấy An Tiêm đang rất sung sức ở tuổi ba mươi.

BẮC CALI

Đoàn cải lương "Tiếng Vọng Quê Hương" tổ chức lễ giỗ tổ

Đoàn cải lương "Tiếng Vọng Quê Hương" do giáo sư Ngọc Dung và một số nghệ sĩ cổ nhạc lão thành định cư tại Hoa Kỳ thành lập từ năm 1987, đã tổ chức lễ Giỗ Tổ của ngành cổ nhạc rất trong thể tại San Jose ngày 10 tháng Chín vừa qua.

Khoảng 300 văn nghệ sĩ và thân hữu đã đến tham dự, trong đó có những tên tuổi quen thuộc trong giới cổ nhạc như Ngọc Dung, Kim Nguyên, Tám Tuồng, Năm Sang, Sáu Kiệt, Minh Tài, Bùi Hữu Nghĩa, Ngọc Linh...

Trước bàn thờ Tổ, ba nghệ sĩ Ngọc Dung, Ngọc Linh và Kim Nguyên với đàn tranh, violon và ghi-ta đã trình tấu một bản cổ nhạc rất điêu luyện, khiến mọi người xúc động. Sau đó đoàn "Tiếng Vọng Quê Hương" đã trình diễn vở "Máu Nhuộm Sân Chùa."

Qui tụ trên 50 nghệ sĩ cổ nhạc ở hải ngoại là một việc làm rất khó. Điều này chứng tỏ tấm lòng yêu mến nền nghệ thuật nước nhà của những nghệ sĩ Việt Nam lưu vong.

HOA THỊNH ĐỐN

"Nghìn Trùng Xa Cách": mỹ thuật đương đại Việt Nam

Triển lãm "Nghìn Trùng Xa Cách" (tiếng Anh: "An Ocean Apart") là một cuộc triển lãm có tầm vóc quan trọng đầu tiên về mỹ thuật hiện đại Việt Nam, với 80 tác phẩm của 41 họa sĩ Việt Nam (ở Việt Nam và ở Hoa Kỳ), do cơ quan Smithsonian Institution Traveling Service (SITES) bảo trợ. Chương trình bắt đầu từ ngày 5 tháng Chín tại phòng triển lãm Ellipse Arts Center ở Arlington, và sẽ kéo dài tới ngày 28 tháng Mười 1995. Sau đó cuộc triển lãm tiếp tục di chuyển đi nhiều nơi trong nước Mỹ cho đến mùa xuân 1998.

Triển lãm "Nghìn Trùng Xa Cách" gồm những tác phẩm dùng chất liệu thuần túy Việt Nam như sơn mài, vỏ trứng, đất thó; mộc bản và tranh lụa, cũng như các hình thức mỹ thuật gốc Tây phương như sơn dầu, điêu khắc gỗ và thép, ghép ảnh, cùng dàn dựng bằng chất liệu hỗn hợp. Do đó trong lần trưng bày này đã có sự tao ngộ giữa phương pháp cổ truyền với cách diễn đạt tân tiến, cùng sự dung hòa giữa mỹ thuật truyền thống và các thử nghiệm.

Họa sĩ có tác phẩm trưng bày trải từ các bậc tiền bối trong các khóa đầu của trường mỹ thuật Đông Dương ở Hà Nội hơn nửa thế kỷ trước đây, những người đi tiên phong trong nền tân họa Việt Nam như Bùi Xuân Phái, Trần Văn Cẩn,



Đoàn cải lương Tiếng Vọng Quê Hương chuẩn bị trình diễn

Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Tư Nghiêm cho đến họa sĩ thuộc các lớp sau như Ngô Bảo, Đinh Cường, Hồ Thành Đức, Nguyên Khai, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Việt, Phấn Nguyễn Barker, Đặng Xuân Hòa, Bùi Văn Hoàng... Một phần ba trong số tranh được trưng bày là của các họa sĩ Việt Nam đang sống tại Mỹ.

QUỐC TẾ

Salman Rushdie "tái xuất giang hồ"

Sau bảy năm sống "chui" vì bản án tử hình của những người Hồi Giáo Iran treo trên đầu ông, Salman Rushdie vừa xuất hiện trở lại với thế giới... người phàm. Ông đã cho in và bắt đầu phát hành cuốn tiểu thuyết mới nhất, nhan đề *The Moor's Last Sigh* (Tiếng Thở Dài Cuối Cùng Của Moor).

Cuốn sách được đón nhận nồng nhiệt, một phần do chính bản án tử hình lủng lẳng trên đầu khiến ông được cả thế giới biết đến và theo dõi nhất cử nhất động. Nhưng phần khác, theo nhận định của báo Pháp *Le Monde*, ông kể chuyện hấp dẫn. Tưởng cũng cần nhắc lại, lý do ông bị người Hồi Giáo Iran kết án là vì ông đã xuất bản cuốn *Satanic Verses* (Quỷ Thi) mà người Hồi giáo cho rằng xúc phạm đến tôn giáo của họ. Các nhà phê bình văn học cho rằng giá trị văn chương của *Satanic Verses* không đáng chú ý.

Đến lượt Tây Ban Nha la hoảng về "Spanglish"

Nước Pháp đã nhiều lần báo động về hiện tượng tiếng Pháp bị Anh hóa — tiếng Anh được dùng lẫn trong tiếng Pháp, hoặc được ghép đầu, ghép đuôi, để trở thành những tiếng mới, gọi là "franglais."

Nay đến lượt Tây Ban Nha, với những từ tân tạo có tên "Spanglish" (*Spanish* ghép với *English*). Đại học Mỹ Austin ở Texas đã làm được một bản kê khoảng 300 từ "Spanglish," phần lớn trong ngành điện toán, và được phổ biến qua Internet — chẳng hạn "emailear" (gửi... *e-mail*), "deletear" (xóa)...

Người Việt chúng ta không ai la hoảng trước hiện tượng tiếng Việt bị Mỹ hóa. Có lẽ do bản chất hai ngôn ngữ khó trộn lẫn (như các thứ tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha có một, trong số nhiều gốc, chung là tiếng La Tinh). Cũng có người than phiền việc các nhà văn nhà thơ Việt Nam (cả ở trong nước nữa đấy nhé) dạo này hay... chêm tiếng Anh, tiếng Pháp vào thơ, văn của mình. Không sao đâu! Cái gì hay thì còn, cái gì dở sẽ bị thời gian đào thải.

Văn Bút Ba Lan mời bà Đoàn Viết Hoạt

Bà Đoàn Viết Hoạt, nhũ danh Trần Thị Thức, hiện ngụ tại tiểu bang Minnesota, vừa được Văn Bút Ba Lan (Polski PEN Club) mời sang thăm và nói chuyện về vấn đề nhân quyền Việt Nam. Chuyến đi kéo dài hai tuần, bắt đầu từ 18 tháng Chín, sẽ gồm có các cuộc hội kiến với hai vị Phó Chủ tịch Thượng và Hạ Viện Quốc Hội, Trường Mùa Hè về Nhân Quyền, và báo chí Ba Lan. Trong các cuộc tiếp xúc và hội họp, bà Hoạt sẽ trình bày về tình hình nhân quyền nói chung ở Việt Nam và hoàn cảnh cá nhân ông Đoàn Viết Hoạt, người hiện đang bị nhà cầm quyền Cộng sản giam giữ vì ông kêu gọi dân chủ hóa đất nước. Trong một thư gửi cho TK 21, thông báo về chuyến đi, bà Hoạt viết: "Ngày mai lên đường, tinh thần hơi xao động, vì khả năng mình hạn hẹp, nhưng nhớ lời dặn dò của anh Hoạt là phải luôn luôn kiên trì, đành gắng sức vậy."

VIỆT NAM

Phương Oanh hát ở Việt Nam

Nữ nhạc sĩ đàn tranh và ca sĩ dân ca Phương Oanh, nguyên giáo sư trường Quốc Gia Âm Nhạc Saigon, định cư ở Pháp từ năm 1975, đã thành lập nhóm "Phượng Ca Dân Ca Quốc Nhạc" đào tạo được hàng trăm người chơi đàn tranh ở nhiều nơi trên thế giới. Cô còn đưa được



(Từ trái qua) Các nhạc sĩ Thúy Hoan, Bà Hùng Lân, Phương Oanh và Nguyễn Văn Đời

môn đàn tranh vào các nhạc viện Âu châu — hiện cô là giáo sư môn đàn tranh tại nhạc viện thành phố Sevran, Pháp quốc.

Trong chuyến về thăm gia đình và bằng hữu giữa tháng Tám vừa qua, Phương Oanh tham gia nhiều buổi sinh hoạt văn nghệ tại Saigon, và có dịp hát và đàn chung trở lại với rất nhiều ca nhạc sĩ bạn cũ của cô như Thúy Hoan, Hồng Vân, Nguyễn Ngọc Thạch, v.v...

Ngoài đàn tranh và dân ca, gần đây Phương Oanh còn tham gia sinh hoạt kịch. Cô cùng các bạn yêu kịch ở Paris thành lập nhóm kịch *Grain d'Or* (Hạt giống vàng).■

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYỄN NAM ANH
PHẠM XUÂN ĐÀI

Nguyên Sa thơ tập ba, do Đời xuất bản, bìa của Nguyên Khai, phụ bản Ngọc Dũng, Cao Tuân, Nguyên Khai, minh họa Nguyễn Trọng Khôi. Sách dày 140 trang, giá $10.00. Liên lạc: Nhà xuất bản Đời, P.O. Box 4658, Irvine, CA 92716. Tel: (714) 552-7728; fax: (714) 552-1791.

Cũng như hai tập thơ trước, **Nguyên Sa thơ tập ba** ra đời mang theo nó một biến cố văn học, một Nguyên Sa mới mẻ, một Nguyên Sa không bao giờ chịu lập lại chính mình. Trong tập này người ta thấy ông đặc biệt tập trung vào hai thể loại lục bát và tự do, được sáng tác trong khoảng thời gian từ tháng Tám 1988 (là thời gian tác giả bị giải phẫu ung thư cổ) cho tới tháng Sáu 1995.

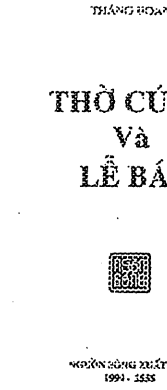


Chọn hai thể loại *lục bát và tự do* cho tập thơ thứ ba này, Nguyên Sa đã đặt ra một thử thách cho chính ông. Bởi vì người làm thơ đều biết đó là hai thể loại "gay go hiểm trở" nhất cho một thi sĩ. Thế nhưng với **Nguyên Sa thơ tập ba**, tác giả đã bước qua cánh cửa gay go hiểm trở một cách nhẹ nhàng. Lục bát và tự do của ông không những *mới* đối với lục bát và tự do của những nhà thơ cùng thời, mà còn *mới* với lục bát và tự do của chính ông nữa.

Qua tác phẩm mới này, Nguyên Sa đã đẩy trí tưởng tượng trong chữ nghĩa và hình ảnh đến tận cùng. Sự phong phú trong tưởng tượng của ông làm người đọc kinh ngạc. Thơ Nguyên Sa mở ra cho người thưởng thức những bầu trời tưởng chừng quen thuộc nhưng thật ra hoàn toàn mới mẻ. (NNA)

Thờ Cúng Và Lễ Bái, biên khảo của **Thắng Hoan**, Nguồn Sống xuất bản, 120 trang, giá 7 mỹ kim. Liên lạc: Nguồn Sống, P.O. Box 730084, San Jose, CA 95173, USA. Tel: (508) 295-2436.

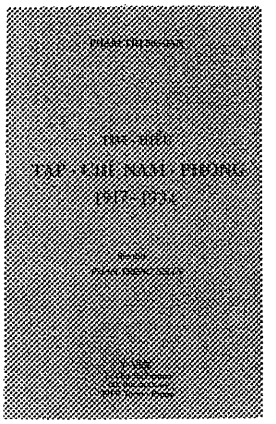
Việc thờ cúng và lễ bái là một tập tục lâu đời của dân tộc Việt Nam thể hiện tín ngưỡng của mình. Khi giao tiếp với nền văn minh Tây phương, tập tục ấy vẫn tồn tại, tuy nhiên ý nghĩa đích thực của việc thờ cúng lễ bái cùng các nghi thức ngày càng không còn mấy ai hiểu biết một cách cặn kẽ nữa. Cuốn **Thờ Cúng Và Lễ Bái** của **Hòa Thượng Thích Thắng Hoan** giúp người đọc hiểu rõ ý nghĩa và giá trị của tập tục này qua lăng kính Phật Giáo.



Tác giả đã nghiên cứu khá tường tận ý nghĩa nguồn cội của việc thờ cúng lễ bái cùng tác dụng của nó lên tâm linh con người, cho thấy đó không phải là một hành động làm mất phẩm cách như nhiều người lầm tưởng, trái lại nó đóng vai trò củng cố đạo lý cho thế hệ hiện tại và vai trò giáo dục đối với thế hệ tương lai.

Một cuốn sách cần đọc để hiểu được cái tinh túy của một nét tín ngưỡng trong văn hóa của người Việt Nam.(PXĐ)

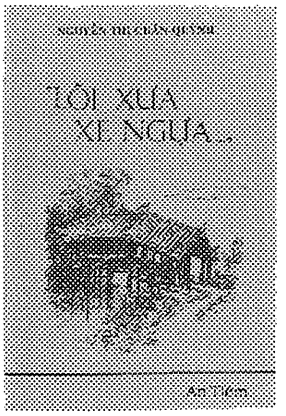
Tìm Hiểu Tạp Chí Nam Phong, biên khảo (bằng tiếng Pháp: Introduction au Nam Phong) của **Phạm Thị Ngoạn**, bản dịch của Phạm Trọng Nhân, Ý Việt xuất bản. Sách dày 460 trang, giá bán 17 mỹ kim tại Hoa Kỳ, 18 mỹ kim ngoài Hoa Kỳ. Liên lạc: Ý Việt, 153 Rue de Concy, 91330 Yerres, France.



Đây là một cuốn sách tìm hiểu về tạp chí Nam Phong đầy đủ nhất từ trước tới nay, mà tác giả lại là con gái nhà văn Phạm Quỳnh, người đứng đầu tạp chí Nam Phong (1917-1934) trong gần 18 năm. Sau phần thứ nhất giới thiệu tổng quát sự ra đời và tiến triển của tờ Nam Phong cùng thành phần ban biên tập, những phần sau là khảo cứu thâu tóm các vấn đề được rút ra và đúc kết từ nội dung của tờ báo trong suốt 18 năm hoạt động của nó: *Nam Phong với quốc ngữ và quốc học, Những trào lưu văn chương trong Nam Phong, Khoa học và nghệ thuật trong Nam Phong, Những trào lưu xã hội và*

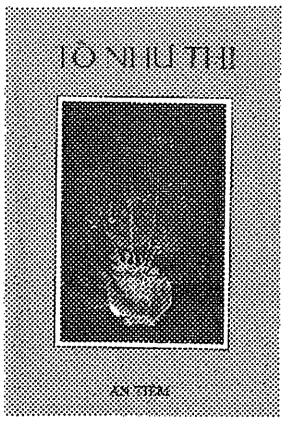
chính trị qua tạp chí Nam Phong. Mỗi vấn đề được trình bày trong nhiều chương, tài liệu phong phú, lối trình bày sinh động, lôi cuốn người đọc.

Sự quan trọng của cuốn *Tìm Hiểu Tạp Chí Nam Phong* là định lại vai trò và giá trị của Nam Phong trong buổi đầu sử dụng chữ quốc ngữ, bằng các khảo sát toàn diện. Đó là *một thiên khảo luận tổng hợp, có tính cách lịch sử và nghiên cứu văn minh*, đúng như lời của tác giả ở đầu sách.(PXĐ)



Tố Như Thi, thơ chữ Hán của **Nguyễn Du, Quách Tấn** dịch, An Tiêm xuất bản, tranh bìa của họa sĩ Vĩnh Ấn, dày 257 trang, giá bán tại Hoa Kỳ 12 mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ 13 MK. Liên lạc tại Pháp: An Tiêm, 34 Rue Alphonse Melun, 94230, Cachan, France. Tại Hoa Kỳ: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Phone: (714) 527-5761.

Ngoài những tác phẩm bằng quốc âm như Đoạn Trường Tân Thanh, Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, Nguyễn Du còn để lại ba tập thơ chữ Hán: Thanh Hiên Tiền Hậu Tập, Nam Trung Tạp Ngâm và Bắc Hành Tạp Lục. Thi sĩ Quách Tấn, trong thập niên 60 đã có được 245 bài thuộc ba tập trên, và ông đã để công chọn những bài tiêu biểu để dịch. **Tố Như Thi** chính là tập thơ dịch ấy, gồm 72 bài.



Mỗi bài được sắp xếp thành bốn phần: nguyên văn chữ Hán, phiên âm, dịch nghĩa đen và phần dịch thơ. Hiểu thơ chữ Hán của Nguyễn Du người ta mới biết được một cách sâu sắc cảnh ngộ và tâm sự của tác giả. *"Mỗi bài thơ là một mảnh lòng. Ngay những bài tức cảnh, tức sự, vịnh sử, vịnh vật..., không bài nào là thơ ngâm vịnh thuần túy, mà tất cả đều có ký thác tâm sự hoặc phát biểu ý chí tánh tình"* (Quách Tấn, trong *Lời Thưa*).(PXĐ)

Lối Xưa Xe Ngựa, biên khảo của **Nguyễn Thị Chân Quỳnh**, An Tiêm xuất bản, dày 297 trang, giá 14 mỹ kim tại Hoa Kỳ, 15 mỹ kim ngoài Hoa Kỳ. Liên lạc tại Pháp và tại Mỹ: như cuốn Tố Như Thi ở trên.

Đọc tựa đề của cuốn sách và nhìn tranh bìa (một cái cầu có mái che lợp ngói), người ta biết đây là cuốn sách nói chuyện xưa. Chuyện gì và xưa đến mức nào? Chuyện thi cử là chính, đây là xương sống của cuốn sách. Tác giả đã đánh giá lại chuyện thi cử trong lịch sử nước ta xem nó có công hay có tội trong việc phát triển và gìn giữ đất nước. Bà cũng khảo sát kỹ các phép tắc thi cử trong đời nhà Nguyễn, từ điều kiện dự thi đến khảo quan, từ cách thức tổ chức trường thi đến việc chấm bài... có kèm cả sơ đồ, hình ảnh. Rồi đến chuyện thi cử của Tú Xương, của Nguyễn Đình Chiểu, chuyện vị nữ trạng nguyên độc nhất của ta...

Ngoài chuyện thi cử còn có chuyện công chúa đời Trần, một nét khá tích cực trong sinh hoạt cung đình với những loạn luân, những mỹ nhân kế, việc tập luyện võ nghệ; chuyện các hoạn quan trong cung cấm vua chúa nước ta ngày trước...

Vấn đề nào Nguyễn Thị Chân Quỳnh cũng khảo cứu rất kỹ lưỡng và trình bày sống động, lại có nhiều hình ảnh minh họa. Đây là một cuốn sách chứa đựng nhiều tài liệu rất quý và có thể đọc một cách vui thích. (PXĐ)

Khởi Đi Từ Ngây Thơ Để Đến Gần Sự Thật, tùy bút của **Lê Thị Huệ**, Lũy Tre Xanh xuất bản, 127 trang, giá $10.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Lê Thị Huệ sinh năm 1953, qua Mỹ năm 1975, hiện là giáo sư hướng dẫn tại đại học cộng đồng Evergreen Valley College, San Jose, California. Bà đã sinh hoạt với văn học hải ngoại từ năm 1979. Đây là cuốn sách mới nhất của bà, sau ba tác phẩm đã xuất bản trong vòng mười năm qua.



Gọi **"Khởi Đi Từ Ngây Thơ..."** là một tập tiểu luận có lẽ đúng hơn là tùy bút, vì về nội dung nó nặng tính tư duy hơn là phát biểu tình cảm, và về hình thức, đây là văn triết học hơn là văn học. Tác giả có một nhu cầu là giải thích mọi chuyện tận ngọn nguồn bằng suy tư triết học, ví dụ về chuyện mình sinh con, chuyện mình từ chối cái khả năng "nữ tính" trời cho để chọn con đường phát triển trí tuệ, chuyện thưởng thức ca dao tục ngữ... Trong sự tra vấn thường trực ấy, bà đã "ngộ" được một điều, ấy là vẻ đẹp văn hóa Việt Nam, là đặc tính đàn bà Việt Nam đầy ắp nơi bà, kẻ đã đến đất Mỹ ở tuổi hai mươi và đã tiếp thu trọn vẹn nền giáo dục đại học và nếp sống Mỹ.

Những khám phá trong tư duy đôi khi không

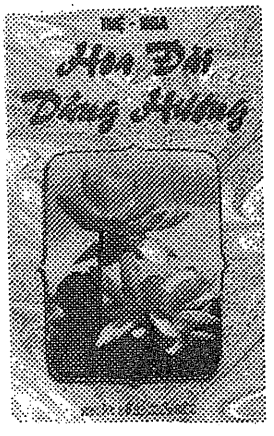
thật sự mới mẻ vì có thể có người đã nghĩ ra trước rồi, nhưng sáng tạo đó là điều trọng đại vì là kinh nghiệm duy nhất qua sự sống thật của một người. Người đọc Lê Thị Huệ sẽ được thưởng thức rất nhiều các khám phá bằng kinh nghiệm riêng của tác giả, rất trí tuệ và rất thật. Vì thế cuốn sách tuy không dày mà trọng lượng thì lại không nhỏ chút nào.(PXĐ)



158 Chuyện Ngụ Ngôn Aesop do **Phan Như Huyên** tuyển dịch và xuất bản. Các tranh vẽ trong sách do Teresa T.A.Phan và Frances B.Phan. Sách dày 185 trang, giá $6.00 (kể cả cước phí). Liên lạc: Phan Như Huyên, P.O. Box 1319, Garden Grove, CA 92642-1319.

Đây là một tập hợp các câu chuyện ngụ ngôn ngắn của Aesop, những chuyện vừa vui vừa bổ ích, hợp với tuổi trẻ. Aesop tương truyền là một tác giả người Hy Lạp, và những chuyện ngụ ngôn được truyền tụng dưới tên Aesop đã bắt đầu từ thế kỷ thứ sáu trước tây lịch. Ngày nay các chuyện ấy đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, làm say mê cả trẻ con lẫn người lớn. Công trình sáng tạo của Aesop sống mãi qua mọi thời đại và là bài học quý giá cho mọi lớp người.

Bản dịch của Phan Như Huyên giản dị dễ hiểu, in chữ lớn, rất thích hợp cho các em thiếu nhi Việt Nam vừa tập đọc tiếng Việt, vừa học được những ngụ ngôn thú vị rất có ích cho việc sửa đổi tính tình nơi các em.(PXĐ)



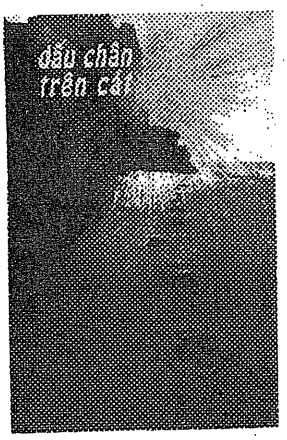
Hoa Đài Dâng Hương thơ của **Tuệ Nga**, Nguồn Sống xuất bản, phụ bản là các thi họa của Vũ Hối. Sách dày 160 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Pháp Duyên Tịnh Xá, 766 S. 2nd Street, San Jose, CA 95122. Tel: (408) 295-2436.

Tuệ Nga tên thật Trần Thị Nga, sinh năm 1936 tại Bắc Ninh, làm thơ từ năm 17 tuổi, hội viên thi đàn Quỳnh Dao, Sài Gòn. Bà đã đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật trong nước năm 1974 với tác phẩm *Suối*. Ra nước ngoài bà tiếp tục sáng tác và có nhiều tác phẩm thơ đã ra đời trong hơn mười năm qua.

Hoa Đài Dâng Hương là một tập thơ đạo. Tất cả gần một trăm bài thơ đều có cảm hứng từ sự nhiệm mầu của đạo Phật. Đó là thế giới riêng của tác giả, tâm hồn của tác giả là một tâm hồn thấm đẫm đạo vị, khiến bất cứ rung động nào của hồn thơ cũng đều có ánh sáng của đạo rọi vào. Vì vậy những bài thơ ở đây ít tính chất trần thế mà hầu như lúc nào cũng lãng đãng khói hương trầm và những mơ tưởng thanh khiết của sự giải thoát...(PXĐ)

Dấu Chân Trên Cát, thơ của **Trần Phong Vũ**, tác giả tự xuất bản, dày 111 trang, không ghi giá bán, không ghi địa chỉ liên lạc.

Trong bài tựa của *Dấu Chân Trên Cát*, Nguyễn Tầm Thường đặt câu hỏi: "Ông muốn đem tâm tình tôn giáo viết nên thơ, hay muốn lấy thơ viết thành lời cho tâm tình tôn giáo?" Đó là một câu hỏi rất hay, tuy ở thể nghi vấn nhưng khẳng định tính chất của tập thơ này: tình yêu Thiên Chúa ở trong từng bài thơ, từng lời thơ. Tất cả cảm hứng của tác giả đều bắt nguồn từ một tâm hồn đầy tín ngưỡng, nên ở đây thơ và tâm tình tôn giáo chỉ là một.



Có thể nói đây chính là những vần thơ diễn tả sự *sống đạo*, hoặc chính sự sống đạo được diễn ca.(PXĐ)

Đường Vào Tình Sử, tập nhạc của **Nguyễn Đức An**, Sông Hồng xuất bản 1995, tranh bìa Hiếu Đệ, phụ bản của Hiếu Đệ và Vũ Công Minh, dày 50 trang, giá bán $12.00. Liên lạc: Sông Hồng, P.O. Box 1219 Newberry, Florida 32669 USA. Tel: (904) 472-2275.

Đường Vào Tình Sử chính là tên một bài thơ của Đinh Hùng, được Nguyễn Đức An phổ nhạc, cùng chín bài nhạc nữa làm nên tập nhạc này. Những bài còn lại phổ thơ Vũ Hoàng Chương, TTKh, Viên Linh, Nguyễn Thanh Giản, Mùi Quí Bồng và Nguyễn Đức An.

Trong lời tựa của tập nhạc Đường Vào Tình Sử của người nhạc sĩ thầy thuốc này, nhạc sĩ Phạm Duy đã viết: *Lối bố cục khéo léo của những bản nhạc cho ta thấy y sĩ đã thuộc lòng cơ thể con người nhưng cũng biết rõ đường đi nẻo về của tâm hồn.* Trong khi đó, cũng trong những lời đầu sách, Từ Công Phụng cho rằng: *Nguyễn Đức An, với nét nhạc riêng của mình, và bằng những vần thơ của nhều thi sĩ nổi danh thời đại, đang làm công việc bắc lại nhịp cầu dài suốt một đại dương đưa chúng ta trở lại cội nguồn, trở lại nơi chốn mang nhiều kỷ niệm khó quên trong suốt một dời người.* (PXĐ)■

BÀNG NHO ĐI SỨ NƯỚC TẦN

TÁM BOLSA

Ngài họ Bàng, tên Nho, vâng lệnh vua nước Việt sang sứ nước Tần. Vua Linh Tôn nước Tần vốn đã toan thôn tính lục quốc, mở miệng ra có giọng đe dọa, hỏi Nho: "Nhà ngươi thấy binh lực của nước ta hùng mạnh chăng?"

Nho tâu: "Quân nước Tần đông dẹp Iraq, Tây trấn Bosnia, đi đến đâu vứt lon Coca Cola đầy đường, nghiến răng một cái kẹo cao su thiên hạ teo hết, ai không biết là mạnh?"

"Như thế thì nước Việt biết thần phục ta chưa?"

Bàng Nho sắc mặt không hề sợ hãi, ngẩng mặt tâu: "Nước Việt tôi, tây có Trường Sơn, đông có Đông Hải, bốn nghìn năm vẫn xưng văn hiến, kẻ sĩ chỉ biết sợ Nghĩa chứ không sợ chết!"

Thời đó nước Tần chưa thấm nhuần văn hiến trung nguyên. Linh tôn nghe xong, biến sắc hỏi lại: "Cái gì gọi là Nghĩa mà dân nước ngươi phải sợ còn hơn cả sợ chết?"

Bàng Nho thừa dịp tâu lên: " Nghĩa tức là Tư tưởng Xã Hội Chủ Nghĩa vậy!"

Vua Tần vẫn lắc đầu chưa hiểu, Nho thong thả nói tiếp: "Kẻ sĩ nước tôi ngày học chủ nghĩa xã hội, đêm uống bia ôm, nội một đêm hơi bia lên át cả sao Ngưu sao Đẩu. Heineken, Budweiser thứ nào cũng có, nên không còn biết sợ chết là gì. Trẻ con nước tôi mới tập nói là đã học biết chủ nghĩa xã hội vô cùng vĩ đại, trong nhà không sợ cha mẹ, đến trường không sợ thầy, mà ra đường vẫn biết kính trọng công an. Công an chính là chủ nghĩa xã hội vậy. Nước tôi trong trường học bán thuốc lá gây quỹ phúc lợi, học trò tiểu học đã dám hút, chuyện căng xe căng xiếc bỏ ngoài tai. Như thế gọi là dân biết sợ Nghĩa mà không sợ chết."

Vua Tần lại hỏi: "Thế học trò hút thuốc mà có hít khói không?"

Bàng Nho biết vua Linh Tôn đã hút cần sa mà không dám hít khói, dõng dạc tâu: "Hít chứ sợ gì?"

Vua Tần từ đó kính trọng sứ giả nước Việt. Bèn sai tiếp đãi tử tế. Sau lại mở bang giao.

Một hôm sứ giả nước Việt thăm phong cảnh nước Tần, đến bờ nước thấy sò lổm ngổm dưới cát. Nhìn trước nhìn sau không có ai bèn thò tay mò lên, bỏ đầy một túi, tính mang về uống với bia ngoại.

Không ngờ phong tục nước Tần còn mọi rợ, thờ sò như thờ mẹ nó ở nhà, mò sò nơi thị tứ bị coi là công xúc tu sỉ, tịnh không ai dám làm giữa nơi công cộng như thế.

Công an lục túi sứ giả nước Việt thấy sò bèn bắt giữ. Bàng Nho nghĩ ra mẹo giả bộ là du khách không biết tiếng bản xứ, ú ớ chỉ chỏ, có ý lốp bi tên công an để tránh chuyện cò bóp, cho khỏi mất thể diện quốc gia. Móc túi ra bỏ năm đồng vào hộ chiếu như người ta làm thủ tục đầu tiên ở phi cảng Tân Sơn Nhứt. Không ngờ công an nước Tần chưa học tập xã hội chủ nghĩa, nhất định biên phạt. Bàng Nho đành phải thú thật mình là sứ giả nước Việt, nhờ thế được tha.

Từ đó dân nước Tần càng tôn kính, đặt danh hiệu là Đại Sứ Mò Sò. Sau đặt vào Văn miếu



của Đạo Mò Sò thờ cùng với 72 bậc tiên hiền mò sò công khai khác. Sự cố nguyên ủy kể từ ngày đó.

Lại một bữa Bàng Nho đến dự dạ yến ở Bolsa, thuộc xứ Cali, phía tây nước Tần, do các doanh nhân khoản đãi bàn chuyện đầu tư.

Trong đám thực khách có người hỏi: "Nước

ông có tiếng là nước văn hiến, vậy có nhiều xe hơi như nước Cali không?"

Nho đáp: "Thiếu gì! Chạy đầy đường!"

Lại hỏi: "Nền kinh tế có đủ hạ tầng cơ sở không?"

"Thiếu gì! Chạy đầy đường! Cái thứ đó người ăn không hết nhiều khi phải cho chó ăn hay đổ thùng rác."

Thực khách ồ lên kinh ngạc. Nho rất lấy làm đắc ý.

Có người lại hỏi: "Nước ông muốn quy chế tối huệ quốc, nhưng nước tôi chỉ áp dụng quy chế đó cho nước nào tôn trọng nhân quyền. Vậy dân chúng nước ông có nhân quyền không?"

Nho hãnh diện trả lời: "Cũng thiếu gì! Chạy đầy đường!"

"Thế có dân chủ hay chưa?"

"Thiếu gì! Chạy đầy đường! Hỏi những câu lẩm cẩm như vậy chỉ làm kẻ thức giả mất công đi rửa cái lỗ tai!"

Một khách dự tiệc biết sứ giả nước Việt không nói cùng ngôn ngữ với dân xứ Bolsa, bèn cầm một trái lê đưa ra hỏi:

"Trái này gọi là trái gì?"

Nho nói ngay không cần suy nghĩ: "Đó là quả nho, ở nước tôi con nít còn bú sữa cũng biết, tại sao phải hỏi?"

"Nhưng trái này là trái lê!"

Thực khách cầm một trái nho lên nói "Đây mới là trái nho, nó nhỏ hơn nhiều!"

Bàng Nho thở dài lắc đầu: "Kẻ sĩ đất Bolsa thật là kiến thức nông cạn. Quả nho nước Cali thì nhỏ, trồng sang nước Việt thì to bằng quả lê. Vì thế khi ông đưa quả lê ra tôi mới thoạt nhìn tưởng là quả nho nước tôi. Chẳng qua là phong thổ khác nhau thì hình dạng to nhỏ khác nhau vậy. Than ôi dân Bolsa ăn quả nho bé tí teo không bõ dính răng mà không biết nhục lại còn đi bắt bẻ người ta! Thương thay! Thương thay!"

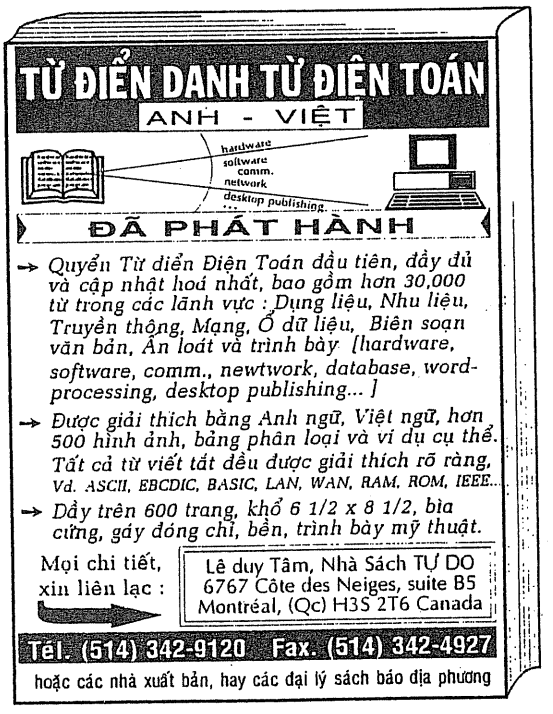
Nói xong bưng mặt khóc hu hu, ai nấy thấy đều xúc động.

Quan chức Cali biết Nho là tay biện bác giỏi, vô cùng kính trọng. Lại hỏi: "Đầu tư vào nước ông thì có lợi gì?"

Nho chùi nước mắt rồi ung dung đáp: "Một vốn bốn chục lời. Hãy hỏi mấy chú tư bản Hồng Kông và Singapore đã sang nước tôi thì rõ. Dân tôi là dân hiếu khách, đảng tôi đối với tư bản ngoại quốc còn kính trọng hơn cả đối với con dân trong nhà. Cứ xem quả nho nước ông đem trồng vào xứ tôi đã lớn lên bằng quả lê thì thấy đầu tư lợi biết chừng nào."

Tư bản nước Cali nghe Nho nói rất lấy làm mừng rỡ. Nhân thấy trái nho nước Việt to bằng quả lê, từ đó gọi Đại Sứ Mò Sò bằng tên mới, là Bàng Lê. Nhiều học giả đời sau không biết điều đó, theo lối Mỹ chép rằng ngài họ Lê, nay xin phủ chính.

(Trích BOLSA LIỆT TRUYỆN, tập thượng)



THƯ BOLSANET

Củ chi?

K/g Anh Tám Bolsa

Anh Tám thân mến,

Em là gái Hàlội chính hiệu bà lang trọc. Tuy xấu mà ham, thấy anh Tám lên lưới, em cũng vén yếm nhảy lên, gọi là góp mặt với đời nhân ngày đại hội phụ nữ toàn cầu vừa khai mạc sáng nầy. Em xin trân trọng thảo luận hai vấn đề trong câu "gái Củ-chi chỉ cu hỏi củ chi" của anh.

1- Thưa anh Tám, câu trên không phải (như anh nói) là một câu ĐỐI mà là một câu ĐỐ. Chuyện đối là chuyện của những nhà thâm nho (thâm... đen xì) xứ Bắc. Dân Nam kỳ dốt nho không biết câu đối mà chỉ có câu đố. Vì vậy không có câu đối lại mà chỉ có câu trả lời

2- Em xin trả lời câu đố trên. Dễ ợt, bởi vì trước khi chính phủ và nhân dân ta bang giao với Mỹ, gái Hà Nội chúng em đã được học tập thực tiễn về các loại củ của mọi giống dân hợp lại tạo thành Hợp chúng quốc Hoa kỳ. Đố: *Gái Củ-chi chỉ cu hỏi củ chi???* Đáp: *Củ của nẩu nâu nâu gọi củ nâu.*(*)

(*) Củ nâu là loại củ khi sống thì cứng, khi chín thì mềm. Nhưng để nguội thì nó lại cứng trở lại. Trái với những loại củ khác, củ nâu non thì lại cứng hơn củ nâu già.

Thân ái cùng anh Tám,

Tư Saint Laurent

Central Valley Medical Clinic

7225-7227 Reseda Blvd., Reseda, California 91335

(818) 708-7227

Bác sĩ NGUYỄN VĂN HƯNG, M.D.

CHUYÊN TRỊ

NỘI THƯƠNG - NGOẠI THƯƠNG

PHỤ NỮ - THAI SẢN

TRẺ EM - NGOÀI DA

QUANG TUYẾN - SIÊU ÂM

NHẬN

MEDI-CAL - MEDICARE
&BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 7PM
Thứ Bảy: 9AM - 3PM
Chủ Nhật: Đóng cửa



SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM

1995

- khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.
- bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình cho trẻ khuyết tật chi và môi.
- bảo trợ học bổng cho giáo sinh Sư phạm.
- bảo trợ một số lớp tình thương và phổ cập.
- trợ cấp cho một số trẻ mồ côi, khuyết tật.
- tổ chức ủy lạo nạn nhân bão lụt (khi cần thiết).

Kinh phí trợ giúp dự trù: 30.000 - 50.000 USD

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

TOGETHER
WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

Muốn nhận bản tin GREEN CROSS hoặc đóng góp, xin quí vị vui lòng liên lạc:

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, Ca 92643
Phone (714) 537-4877 Fax (714) 379-1216
California Non-profit Corp. #1838385 Federal Tax Exemption #952344006

Phở Cali

* Ngon mà lại rẻ
* Không bột ngọt
* Ngò gai rau quế bốn mùa

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

Viễn đông RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
191,1 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

TAX CALI

HÀ DƯƠNG DỰC
Master of Business Administration

HÀ DƯƠNG NGA
Enrolled Agent

- INCOME TAX
- BOOKKEEPING
- BUSINESS CONSULTANT

2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149

ARC

KC TRAVEL & TOURS

(KIM CONTINENTAL TRAVEL)

CHUYÊN

- *Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại*
- *Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)*
- *Lo các thủ tục xuất nhập cảnh*

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103

640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

Thuh

BEAUTY INSTITUTE

8181 Bolsa Ave., Midway City CA 92655
Tel & Fax (714) 894-9904
BẠCH THU HÀ,
RN, BSN . Cosmetician. Esthetician

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

Bánh Mì Cali

$ 1.35/ 1 ổ
MUA 2 TẶNG 1

- Bánh mì thịt nguội
- Bánh mì bì
- Bánh mì chả lụa
- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì nem chua
- Bánh mì xíu mại
- Bánh mì gà rô-ti
- Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

LISE DIEU TRANG VO
Agent

New York Life Insurance Company

NEW YORK LIFE
The Company You Keep

2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: 1 (800) 918-1172

(714) 531-0341

Lê's Florist Boutique

Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions

14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**



Tài liệu Nha Khoa do Bác Sĩ Phương Lan biên soạn mến tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:
- Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:
- Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:
- Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER
và các khu lân cận
(714) 893-6768
14044 Magnolia St., # 125
Westminster, CA 92683
(Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY
(310) 491-5529
906 E. Anaheim St.,
Long Beach, CA 90813
(Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

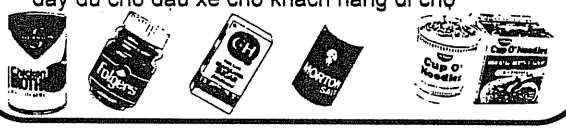
100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
永西真堤市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quý khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ



CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

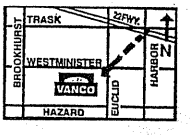
NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY



ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999
MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

CÔNG TY THỰC PHẨM TÂY HỒ

Được Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ cho sản xuất từ năm 1986 các loại Giò lụa, Giò bì, Chả chiên đúng hương vị Việt Nam, và Bò viên cho các hiệu phở danh tiếng từ Hawaii đến New York. Ngoài ra còn sản xuất Paté, Jambon, Giò thủ, Thịt dồi heo, Dồi giò heo cho hơn 100 Chợ, Nhà hàng và Food To Go, Dồi sả chiên cho các hiệu thịt quay khắp Hoa Kỳ.

Điện thoại liên lạc: **714-750-3331 * 714-839-1389**
Fax: **714-971-9420**





CÔNG TY BÁNH CUỐN TÂY HỒ RESTAURANT

Sản xuất các loại Bánh cuốn nhân thịt, Thanh Trì Tôm chấy, Bánh cuốn thịt nướng, Bánh cống, Bánh tôm Cổ Ngư, Bánh bèo, Bánh xèo, Bánh canh tôm cua. Ngoài ra còn có Bún ốc, Bún riêu, Bún tôm thịt nướng, Nem nướng, Bún Chả giò và các loại Cơm Tấm hấp dẫn.

BÁNH CUỐN TÂY HỒ 2
9242 Bolsa #F
(bên hong Phước Lộc Thọ)
Điện thoại: **714-895-4796**

BÁNH CUỐN TÂY HỒ 4
15566 Brookhurst St.
(Ngã tư MC Fadden Ave.)
Điện thoại: **714-839-1389**



